Tác Giả và Tác Phẩm

Thế Uyên (I)

Tiểu sử
Tên thật: Nguyễn Kim Dũng.

Tác phẩm
Nỗi chết không rời, Tiền đồn, Đoạn đường chiến binh
.

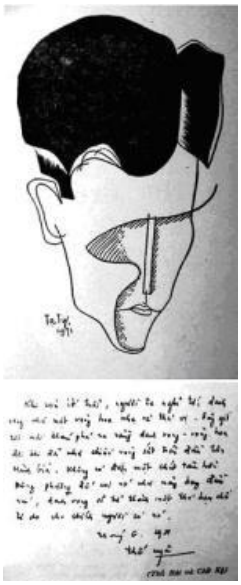

Thế Uyên và thủ bút
(tranh Ta, Tỵ)

Mục Lục

Đoạn đường cát lở - 2
Tiền đồn, Đoạn đường chiến binh – 4
Thế Uyên và ý thức cách mạng trong văn chương – Tạ Tỵ - 6
Xoá bỏ Thái Độ - 25
Tôi viết tự kiểm như thế nào – 28
Phỏng vấn Thế Uyên - Đạm Thùy - 29
Tại trường sư phạm…- 37
Mưa trong sương - 41

Phụ đính I :

Chống gậy lên mạng - Hồi ký memoir - Văn chương mầu gì?
Sống và viết trên đất Mỹ - Ở nhà già - Đường về nhà già
Cuối năm 1986 - Trung tâm Tạm trú…- Ông thầy tội nghiệp…-
Những tháng ngày qua…- Người đứng lại

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Đoạn đường cát lở

Trong khi phải chờ đợi ngày phải giầy cỏ gươm cùn ra đi lần nữa, tôi lôi chiếc rương sắt mà không một kẻ đi lính đã hơn một lần thuyên chuyển đi xa nào lại không có, lục tìm lại các quân trang còn giữ từ lần đi lính trước. Những bộ quân phục bạc mầu còn nguyên nếp là cứng lẫn với mùa ẩm mốc của một mùa mưa mới qua, những bộ quần áo ngày giải ngũ tôi nhất định không cho ai, từ những người lính trong đơn vị cho đến những người bạn còn nằm vùng cát trắng ngủ cồn rêu xanh. Giữ chúng không phải vì lưu luyến những giọt mồ hôi, những dấu tích của một thời kỳ đã qua – tôi không đa cảm tới mức như thế. Giữ lại đây bởi vì tôi rất ghét phải mặc những bộ đồ quân nhu cấp phát rộng thùng thình, mặc vào có cảm tưởng như mình là một anh chàng pạc-ti-dăng, hình ảnh tủi nhục của một thời kỳ tủi nhục. Giữ lại vì tôi tin rằng quân đội không thể cho tôi giã từ vũ khí dễ dàng: qua kinh nghiệm của Duy Lam và của những người bạn bây giờ thường đeo ít ra một hoa mai trắng, tôi biết rằng ở phần đất này, kẻ nào đã lỡ khoác lên một lần quân phục, thì có quyền hy vọng "chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về". Hơn nữa, đọc lịch sử, nghiên cứu đôi chút về địa lý chính trị và địa lý chiến lược của Việt Nam, tôi được biết rằng cái thường được gọi là "dân tộc Việt Nam hiếu hoà" ấy chỉ là một huyền thoại lớn. Từ khi lập quốc đến giờ, có thời kỳ nào dân tộc này được ngừng cuộc chiến đấu để sinh tồn đâu – và mỗi khi có ngừng, mỗi lần từ vua cho tới sĩ phu trọng văn khinh võ, là y như nạn mất nước đã gần kề. Dân tộc Việt quả thực chưa bao giờ hiếu hoà: thời kỳ nào không có ngoại xâm từ phương Bắc tới, thì chúng ta tây tiến nam tiến, không tây tiến nam tiến thì quay ra đánh lẫn nhau. Bởi thế, tôi quả có lý khi giải ngũ lần trước, đã cố giữ lại những bộ quần áo trận cũ nhưng đã được sửa cho đúng với thân hình.

Chiếc hoa mai vàng duy nhất cũ rỉ còn lại tháo từ nắp túi đeo lưng mốc meo ra đã được gắn lên một ngực áo để trên cùng ngăn quần áo trong tủ, bông mai biểu tượng cho một cấp bậc chỉ huy tuy nhỏ bé nhưng ghi lại một đôi phút tự hào của một kẻ lên lon trong rừng. Mọi chuẩn bị cho một đường cung kiếm điêu linh mới đến đây là xong, tôi trở lại cùng bạn bè cắm cúi lựa bài, sửa bản vẽ cho đặc san thứ ba, nỗ lực duy nhất còn được phép làm. Những buổi sáng cùng vài người bạn bàn về tương lai tờ tạp chí nhỏ bé ấy sau khi tôi ra đi một đường lính tráng, đã qua đi rất mau trong những phút vui khá mỏng manh – bởi vì tôi đã lờ mờ ý thức rằng chế độ chẳng còn cho phép những người cầm bút như tôi lên tiếng nhiều hơn nữa. Và vào một buổi sáng đẹp trời, đặc san đã lên khuôn quá nửa, một văn thư từ bộ thẩm quyền gửi tới cho biết phải đình bản ngay, một văn thư dưới có ghi chú gửi phó bản cho cơ quan an ninh để "tường". Trong khi chuyển văn thư ấy cho ban biên tập, cũng để "tường" và để "tri hành", tôi lẳng lặng gọi thêm cho mỗi người một ly cà phê rồi đứng dậy ra cửa quán mua thêm một bao thuốc lá.

Gọi thêm một ly cà phê, mua thêm một bao thuốc lá để ngó nhau, ngó cái xã hội đang chìm dần trong thối nát, trong chờ đợi tháng ngày qua… Một buổi sáng, tôi nhận được thư của một đồng đội cũ, xưa anh làm đại đội trưởng thì tôi phụ tá, cho biết đã lên ba hoa mai và coi đại đội thám kích của sư đoàn cũ. Đọc những hàng chữ ngoằn ngoèo quen biết, những hình ảnh của rừng của cây của đồng hoang xuất hiện trở lại. Đằng nào cũng đi lính, tại sao lại không trở lại đơn vị cũ với vùng chiến trường quen thuộc và ưa thích – tôi rất ghét lội sình, không thích nghe muỗi thổi sáo và đỉa lội như bánh canh nên dù đã mài khá nhiều gót giầy ở bảy đơn vị khác nhau, chưa bao giờ tôi để cho thượng cấp cho nam tiến quá Sài Gòn. Đằng nào cũng chiến đấu, cũng có thể đi ngủ với giun dế, thì sao không đổ mồ hôi trên đồi cỏ cao nguyên, trên bãi cát khô cháy núi cằn, để rồi nếu có phải gục xuống, thì biết đâu mắt chẳng ghi được cành phong lan hay một mỏm núi nào như hình ảnh chót.

Ít nhất còn có thể chọn cho mình một đơn vị và một thứ chiến trường… Một buổi sáng nữa

tôi dậy sớm, nhét đầy giấy tờ quân vụ vào một túi, túi kia để giành chỗ cho bao thuốc lá đen, tôi rời đô thành đi tìm đơn vị cũ trình diện. Tới bến xe tỉnh lỵ, vừa bước xuống xe lô, một chiếc Honda đã ghé sát và chủ nhân mời tôi muốn đi đâu thì đi. Thoạt tiên tôi khước từ vì quá quen với hình ảnh những người chở mướn cho các quân nhân nước bạn đồng minh vĩ đại: Lính tráng đi tái ngũ đây, sức mấy mà nhờ xe anh! Chủ xe, còn rất trẻ vẻ mặt sáng sủa, cười trả lời: Em là học sinh mà, nhà cháy tiêu nên đi chở đỡ. Anh cứ lên đi, thông cảm mà… Tôi bèn thông cảm. Một học sinh nạn nhân chiến cuộc Mậu Thân và một lính cựu già, làm sao thiếu được tình thông cảm! Con đường đưa tới đơn vị xưa hai bên là đồng hoang cỏ bụi, bây giờ đã thay đổi hẳn làm tôi ngỡ ngàng. Không phải là thay đổi kiểu *sông kia rầy đã nên đồng, chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai* đã làm buồn một nhà thơ họ Trần. Con đường đã mở rộng gấp đôi và nát bấy, bụi cát bay phủ đỏ hai bên nhà cửa san sát, nhưng không phải nhà để ở mà là nhà thiên hạ nay thường gọi là "biểu tượng của văn minh Hoa Kỳ": các snack-bar. Hết quán này đến quán khác chạy dài cho tới khu gia binh sát kẽm gai doanh trại, làm tôi có lúc tự hỏi có phải đương đi nhầm đường tới một đơn vị Hoa Kỳ hay không.

Xe phải đỗ ngoài xa, tôi đi bộ vào doanh trại trên đường cát lở ngập quá nửa giầy. Trình giấy tại điếm canh xong, tôi quanh quẩn quanh mấy người lính gác, hút thuốc chờ đợi lệnh cho vào. Không biết làm gì dưới làn nắng buổi trưa chói chang trên cát bụi bám đầy tất cả, cho đến tận đỉnh mũ sắt của người lính gác, tôi lắng nghe họ nói để rồi vào một lúc nào đó biết rằng trong những ngày chiến cuộc cam go vừa qua, có một đơn vị đóng bên này sông Đồng Nai đã chiến đấu với bụng đói dài để rồi cố vấn vĩ đại phải động lòng từ bi xin thượng cấp, dĩ nhiên của cố vấn, ít thực phẩm. Nhưng đói vẫn cứ đói bởi vì đường từ thủ đô miền Nam sang đây quá khó nên đã có lúc xe thực phẩm đi lạc lộ trình để rồi trút hàng xuống một địa điểm không hề được chấm toạ độ trong bất cứ một phóng đồ hành quân nào. Một câu chuyện như thế là thường quá, chẳng còn làm ai ngạc nhiên. Có ngạc nhiên chăng là nỗi ngạc nhiên đáng thương của mấy người lính kia mà thôi.

Con đường từ cổng trại vào vẫn còn nhiều bóng cây râm mát, dãy nhà dài xưa có lần được mang quân về nghỉ, tôi đã treo võng giữa hai cột, nằm uống chai bia mà cảm thấy thế là hạnh phúc và bình an dưới thế gian, vẫn còn nguyên vẹn nhưng mỗi góc cạnh đều cũ đi một chút, tường loang lở thêm dưới lớp vôi mới quét lại vàng hoe. Viên đại uý tổng quản trị tiếp tôi theo "nghi lễ" dành cho chiến hữu trở về, nghĩa là giản dị, vui vẻ và ngay thẳng – nói một cách khác là không hề phát ngôn như một dân chiến tranh chính trị. Ông cho tôi biết người bạn cũ của tôi đã đi tiểu đoàn phó xa. Như vậy, tôi chỉ còn có vùng rừng cao su và đồng hoang ngoài kia là quen cũ ở xứ này. Nhưng đã đặt ngập chân vào con đường cát lở, tôi chẳng muốn trở về suông nên hỏi có thể phục vụ tại bộ tư lệnh sư đoàn không. Viên đại uý đưa một lý do nào đó để trả lời không rồi mỉm cười. Dù làm lính mới có bốn năm quân vụ ít ỏi, tôi cũng đã hiểu được quân ta thường xuyên chuyển và bổ nhậm căn cứ trên những tiêu chuẩn gì. Sau cùng tôi ngỏ ý xin được về trung đoàn cũ, tiểu đoàn cũ để nhận một đại đội, dù ý thức rằng đơn vị cũ kể như mới bởi vì ai chưa chết thì cũng không còn ở đó. Làm sao tôi còn bạn cũ ở một đơn vị đã rời xa quá lâu, một đơn vị đã bị bôi tên trên một lần trong đó có một lần ở đồn điền M… Lời xin đặc ân này đương nhiên được thoả mãn trăm phần trăm, nhưng tôi đột nhiên chán ngán, không biết vì chợt nhìn thấy bụi bám đầy giầy hay vì cái nóng buổi trưa từ trên mái tôn xuống, nên xin hoãn làm thủ tục tái ngũ tới tuần sau, hạn chót. Viên đại uý cười dặn: Anh nhớ 18 giờ một phút ngày này tuần sau tôi hết thẩm quyền nhận. Sau đó anh phải trình diện ở quân trấn, phiền phức lắm. Tôi mỉm cười đáp lễ và hứa 18 giờ kém một phút ngày này tuần sau sẽ có mặt bởi vì vốn có huyết hải thâm cừu với lũ rệp ở trại nhập ngũ số 3.

Tôi ra về, đi qua con đường khá mát của doanh trại, qua đám lính canh đã từng băn khoăn về lũ thực phẩm đi lạc lộ trình, qua con đường cát lở lún sâu dưới giầy, mắt nhíu lại dưới

nắng và bụi cuồn cuộn từ một chiếc xe vừa tung lên cao làm mờ nhạt một thời gian ánh nắng. Một thiếu phụ mặc áo dài chắc sáng nay ra đi là trắng, còn bây giờ là hồng loang lổ bụi phủ, chặn tôi lại để hỏi thăm về một đơn vị. Người con gái quá trẻ, như một nữ sinh mới quẳng cặp sách vào ngăn tủ chưa lâu để làm chinh phụ tập sự. Tôi trả lời những gì tôi biết, nghĩa là gần như chẳng biết gì rồi quay người nhìn theo hình dáng tà áo bay lập lờ sau lớp bụi vừa dầy đặc thêm sau một đoàn GMC. Chắc mấy năm trước đây, Thi cũng đã đi tìm tôi như thế, vất vả và lạc lõng.

Buổi tối ở Sài Gòn, tôi kể lại Thi nghe mọi việc trong ngày giữa một ngụm cà phê và một làn khói thuốc cùng một vài đoạn nhạc từ máy phát thanh dưới chân. Nhạc bỗng ngừng và một thông cáo được đọc lên cho biết tất cả giáo chức cựu quân nhân như tôi phải về trình diện gấp Bộ Giáo dục để phụ trách huấn luyện quân sự học đường. Tôi nghe biết mà không buồn không vui: không vui vì biết kiếp lính thành phố sẽ là như thế nào và hiện chẳng còn công việc gì đòi hỏi tôi phải ở lại thành phố này, cái thành phố nổi danh vì điếm và rác rưởi đủ loại. Nhưng cũng không buồn bởi vì khi cúi nhìn đôi giầy còn đầy bụi mang từ con đường cát lở về, tôi âm thầm tự kiếm trong mình một lý do để bộ quân phục bạc trắng kia có được một ý nghĩ, chứa đựng được một lý tưởng để cho những giọt mồ hôi sẽ đổ ra sau này thấm được vào trong một niềm an ủi.

1 tháng 3 năm 1968

“Tố khổ Văn chương” ở Sài Gòn:
Tiền đồn, Đoạn đường chiến binh

Tiền đồn *là tên một truyện dài của nhà văn Thế Uyên, bắt đầu viết giữa năm 1966, hoàn tất đầu năm 1967, vào thời kỳ quân lực Hoa Kỳ đã tham chiến ở Việt Nam và gửi các cố vấn đến cấp tiểu đoàn các đơn vị chính qui miền Nam Việt Nam. Gọi là truyện dài tất nhiên là có hư cấu nhưng cũng rất thật, nhiều đoạn phần thật lấn lướt cả hư cấu. Chiến tranh ở đây là có thực, là như thế, không giống như các phim võ hiệp kỳ tình do Hollywood sản xuất, như* Apocalypse Now *hay* Casuaties of War *nhằm mục đích bôi bác cả quân lực Mỹ lẫn quân lực miền Nam Việt Nam.* Tiền đồn *là như thế nên từ khi xuất bản lần đầu đến hiện nay bị đánh đập bầm giập, như tác giả nó, bởi nhiều phe khác nhau. Và tới đây chưa phải là hết, nghỉ giải lao cũng không nữa, dù chiến tranh đã chấm dứt trên chiến trường Việt Nam hơn ba mươi năm, nhưng chưa chấm dứt trong trong lòng nhiều tầng lớp già Việt Nam và cựu phản chiến Mỹ.*

Một trong những truyện nổi tiếng về chiến tranh là *Mặt trận miền tây vẫn yên tĩnh* của nhà văn Đức Eric Maria Remarque, nhân vật chính là một thanh niên quân dịch trong Đệ I Thế chiến. Khi trải qua những thử lửa đầu tiên không chết, chàng được đi phép về thăm nhà lần đầu tiên. Lang thang trong thành phố cũ, ngồi ở bàn học cũ, chàng thấy có một cái gì chia cắt, làm biến đổi mọi sự... Chàng cởi đồ lính cất đi cho đến ngày hết phép, mặc dù ông bố hãnh diện có con mặc quân phục. Chàng không hiểu tại sao lại làm thế. Nhưng độc giả theo dõi những ngày chiến trận của chàng tuổi trẻ thì biết: chàng đã bị chấn thương tinh thần, đã bị hội chứng chiến tranh rồi.

Khi rời mặt trận của sư đoàn 5, trở về Sài Gòn, tôi cũng rơi vào thứ hụt hẫng, lơ lửng như vậy. Thân xác còn giữ khá nguyên vẹn các phản xạ, thí dụ vào quán, vẫn loay hoay tìm chỗ ngồi nào dựa lưng vào tường, khỏi lo ai bắn tới từ phía sau, ban đêm ngủ với vợ hơi có tiếng động là thức giấc. Kiểu ngủ có một mắt ngoài mặt trận này còn tồn tại hơi lâu sau đó. Tôi bắt

đầu thấy khó chịu vì tình trạng này, quyết định ra thoát nó, rũ bỏ nỏ, như thay một bộ quần áo bị ướt vì một cơn mưa. Là nhà văn, tôi tự động nghĩ tới phương cách thay đổi bằng cách viết, viết hết nhưng chiến trận còn ám ảnh mình. Tin chắc là mình sẽ thấy dễ thở hơn, sau đó.

Hoàn cảnh làm việc của tôi lúc đó khá dễ dàng cho chuyện viết và đọc. Ban giám đốc của cái nha tân lập đặt trực thuộc Bộ Quốc phòng, Nha Thượng vụ, thường sử dụng tôi vào những công tác đặc biệt đến nỗi có thời tôi chạy lung tung tới các thư viện tra cứu sách báo cổ Việt Pháp (khi mặt trận FULRO kiện Việt Nam lên tận Liên Hiệp Quốc về tội đã xâm chiến và tiêu diệt "vương quốc Kanbuja" huyền thoại của họ). Tôi quen thuộc với các phi cơ phi vụ quái chiêu của Air America, nên những lúc được ngồi tại bàn làm việc tại Sài Gòn, tôi viết lách gì mặc kệ, nên tôi tà tà nhẩn nha viết truyện dài *Tiền đồn*, xen kẽ với những khi phải soạn thảo điều lệ cho một hội ái hữu Kinh Thượng cùng những văn kiện đại loại như vậy. Tôi đưa bản thảo cho Lê Ngộ Châu, tạp chí *Bách Khoa*, đăng từng kỳ, và khi lại tòa soạn lãnh nhuận bút kỳ chót (trả thấp nhất trong các tạp chí thời đó), nhà văn Võ Phiến bảo tôi: "Để tôi xuất bản cho (ông đã in hai cuốn trước đó của tôi). Cuốn này sẽ có giá trị lâu dài."

Tôi vui vẻ nhận lời vì trong khi còn đăng từng kỳ *Bách Khoa*, tôi đã nghe nhiều tin đồn, gièm pha này nọ, e *Tiền đồn* khó qua khỏi ban kiểm duyệt Bộ Thông tin, nhờ Võ Phiến là tốt nhất vì ông đang là một nhân viên quen biết nhiều của Bộ này. Quả thực đúng như thế, Võ Phiến không biết dùng võ Tây hay võ Tầu hay Vovinam, lấy được giấy phép xuất bản nguyên vẹn tác phẩm, trước sự ngạc nhiên của cả Lê Ngộ Châu và tôi, với điều kiện đổi cách xưng hô đối với các nhân vật Việt cộng: Phải gọi họ là "thằng huyện ủy", "con giao liên"… chứ không được dùng cùng kiểu với "phe ta". Tôi đang lo sách sẽ bị cấm hay bỏ nhiều đoạn, nay chỉ bị có thế, mừng rỡ nói với Võ Phiến: Anh sửa giùm luôn…

Tiền đồn ra đời với mẫu bìa chung của nhà Thời Mới, bìa chữ đỏ trên nền trắng, trang nghiêm như sách nhà thờ. Trái với dự đoán là sẽ bị phe chống cộng bảo thủ, cực đoan đả kích, nhưng phe này giữ im lặng, *Tiền đồn* chỉ bị phe tả trong thành phố đả kích, thí dụ như Nguyễn Trọng Văn, Lữ Phương… kết án là "dâm thư", là "văn chương cái giường". Tôi không "ke" cho lắm đến những chê trách kiểu này. Gặp Lữ Phương tại *Bách Khoa*, sau khi biện luận, tôi đã "nổ" như thế này: "Anh cần phải đọc thêm nhiều sách bàn về sex trong đời sống con người…" Lữ Phương không cãi và sau đó "ra khu" luôn. Sau 30 tháng 4 năm 75 mới trở về với tư cách Thứ trưởng Văn hóa Thông tin, nhưng vẫn duy trì một thứ tình bằng hữu sóng gió với tôi, ngay cả sau này khi đã mất chức vì những bài văn chủ trương xét lại...

Một thời gian sau mới bán hết ấn bản đầu tiên 3000 cuốn, tốc độ tiêu thụ không nhanh không chậm, mặc dù có lúc bị chê là "dâm thư" nhưng sự kiện này không làm cho sách bán chạy. Ông Khai Trí đề nghị để nhà sách của ông tái bản, cũng in 3000 thôi. Với bìa của Nguyễn Hữu Nhật.

Ông Khai Trí, theo thông lệ làng văn mang tên tiệm sách/nhà xuất bản của mình - cũng như các ông Nam Cường, Sống Mới, Trí Đăng - là một người gốc Mỹ Tho mê sách, lập ra một cơ sở liên hoàn tiệm sách- nhà in–phát hành quan trọng bậc nhất nhì Việt Nam. Vì lớn quá nên sau 30 tháng 4 năm 75, quân miền Bắc chiếu cố ngay: hiệu sách Khai Trí và các cơ sở khác bi tịch thu, ông Khai Trí bị tống giam, nhiều năm sau mới được tha về tay trắng. Ông xin tái định cư với gia đình ở Cali, hi vọng xây dựng lại cơ đồ nơi này, nhưng ông thất vọng vì bao nhiêu sách Khai Trí loại bán chạy, đều được in lại và tất nhiên tác quyền bị chôm chỉa hết. Sau này chính quyền trong nước dụ ông trở về Việt Nam, hứa sẽ cứu xét trả lại tiệm sách và vân vân. Ông nghe lời, trả passport Mỹ, xin hồi hương lập nghiệp. Lần chót gặp ông trong một tiệc cưới, hỏi thăm việc đòi hiệu sách tiến hành ra sao, ông cười nhẹ buồn bã: "Họ hứa

tới hứa lui, đâu có trả...” Ông mất tại Sài Gòn gần đây trong âm thầm. Như những “kẻ trao thân lầm tướng cướp” khác...

Ấn bản này cùng ấn bản đầu tiên đều bị tuyệt bản do lệnh “đốt sách nhốt nhà văn” do Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành năm 1975. Ở hải ngoại, còn có thể kiếm ấn bản in lần thứ ba của nhà Xuân Thu và ấn bản điện tử trên talawas.

Thế Uyên và ý thức cách mạng trong văn chương

Tạ Tỵ

“Xã hội tác động vào con người làm con người có phản ứng là suy nghĩ. Suy nghĩ đưa đến kết quả là sự lựa chọn một thái độ. Thái độ này như thế nào tùy thuộc tâm hồn từng người: thái độ lớn, rõ rệt, sâu đậm là thái độ của các tư tưởng gia, các vĩ nhân tạo thời thế. Thái độ nhỏ, mơ hồ, mờ nhạt là thái độ của con người thông thường…”

(Thế Uyên)

Thế Uyên, nhà văn trẻ đã vào đời bằng một thái độ. Thái độ đó được hình thành và xuyên qua văn chương để chấp nhận hay phản đối những gì mà nhà văn cảm thấy, nghĩ tới, do đời sống đưa lại với từng dữ kiện hiển nhiên, xác thực.

Trên nguyên lý, văn chương là một-cái-gì phù phiếm, nhằm mục đích đánh lừa thực tại, để ru người đọc vào một khung cảnh, một thế giới nào đó, do óc tưởng tượng của nhà văn thích như vậy, muốn như thế. Nhưng ngoài nguyên lý trên, đích thực, văn chương còn có khả năng và nhiệm vụ: chuyên chở, phổ biến từng sự việc hay những sự việc, từ một tâm hồn đến muôn vạn tâm hồn để tỏ bày thái độ. Thái độ của cá nhân, có thể đúng, có thể sai đối với đa số, nhưng thái độ là một cần thiết cho mỗi con người làm văn học nghệ thuật để chứng minh giá trị qua cá tính độc đáo và sung mãn ở mỗi cương vị người cầm bút. Sự thực, ở đời con người cứ sống mà không cần thái độ, cũng như không phải nhờ xã hội tác động mới biết suy nghĩ, hoặc có thể cứ suy nghĩ mà chẳng cần bày tỏ hay chọn lựa gì cả theo định nghĩa của Pascal: con người là một động vật siêu hình (l’homme est un animal métaphysique).

Những người làm văn học nghệ thuật hôm nay, họ đã can đảm nhìn vào sự thực, tức là cái nhìn vào bản chất đích danh của đời sống cũng như con người trực diện, để nhận xét và phán đoán, đôi khi quá nghiêm khắc ngay cả với mình.

Thế Uyên bước vào văn học với thái độ cứng rắn của lứa tuổi trên 20. Cái nhìn, cái biết và cái hiểu của Thế Uyên đối với cuộc sống đều đi qua chiến tranh, bất công của mỗi số phận, trong guồng máy sinh hoạt thường nhật do xã hội hình thành và chi phối. Bởi đó, mỗi xúc động, mỗi suy nghĩ của Thế Uyên đều chứa chấp trọn vẹn sự hờn giận, phẫn nộ pha thêm đớn đau, chua xót! Khởi hành từ trạng thái trên, Thế Uyên đã bày tỏ từng ý nghĩ bỏng cháy của mình qua rất nhiều khía cạnh, ở đấy, mọi sự kiện được trình bày đều nhuốm màu bi thương, phẫn uất, ngay cả vấn đề tình yêu.

Thế Uyên bước vào nghề văn không do tình cờ hay được hỗ trợ bởi hoàn cảnh, mà hiển nhiên là sự dấn thân, một tình nguyện. Khi cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, cả dân tộc Việt Nam hò reo ăn mừng độc lập, Thế Uyên mới được 10 tuổi, còn ấu thơ, chưa qua khỏi ngưỡng cửa Tiểu học. Rồi chiến tranh toàn quốc chống Pháp bùng nổ hơn một năm sau, Thế Uyên cũng vẫn còn nguyên là đứa bé lẽo đẽo theo gia đình tản cư chạy loạn. Nói về ý thức lúc ấy, quả thực Thế Uyên chưa có một chút ý thức nào

về cuộc sống, về chiến tranh cũng như hoàn cảnh chính trị với Nhất Linh, Hoàng Đạo và nhóm Tự Lực Văn Đoàn là những phần tử đối nghịch với Cách mạng dạo đó. Nếu có biết một phần rất nhỏ nào về "huyền thoại hoạt động" của các chú, các bác cũng đều do sự "nghe lỏm" giữa những câu chuyện mà người lớn trao đổi với nhau, hoặc do bố mẹ nói lại khi đã trưởng thành.

Nhưng có điều chắc chắn, không phải vì những hào quang chiếu tỏa từ Nhất Linh, Hoàng Đạo hay Thạch Lam mà Thế Uyên mơ ước đến sự nghiệp văn học sau này, mà đích thực cuộc sống với những mâu thuẫn cùng thân phận con người trong cuộc chiến, đã thấm dần vào cơ thể cũng như tâm tư của Thế Uyên những giọt cường toan, làm chết dần hồn nhiên và phóng khoáng thay vì phải có, ở trong tâm hồn đang tuổi thanh niên. Bởi vậy, những dòng đầu tiên của người trai trẻ, ngoài hai mươi, trút xuống mặt giấy đã mang nặng nỗi bỏng cháy, giãy giụa của thân phận làm người trước những sự kiện tưởng như không có phương thế sửa chữa, dù phương pháp hành văn của Thế Uyên lúc đầu, một phần chịu ảnh hưởng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Sự chịu ảnh hưởng ở đây, những bước đầu khai phá, Thế Uyên không thể tránh được, muốn tránh cũng chưa đủ sức vì tài năng còn bị bủa vây trong không khí Đoạn tuyệt, Hai buổi chiều vàng, Bướm trắng của Nhất Linh hay Sợi tóc của Thạch Lam, v.v. Thế Uyên chắc cũng đoán biết điều đó, nên tự mình gỡ khỏi những ám ảnh. Chỉ trong thời gian ngắn, nhà văn đã tự tạo một bút pháp, một chỗ đứng trong nền văn nghệ Việt Nam. Nhưng Thế Uyên không chỉ mong có thế, muốn dùng văn chương để trình bày suông những gì nghĩ về thế hệ mình, về xã hội, mà đích thực, để xác định một vị trí và chiều hướng sáng tạo được ấn định rõ ràng trong tâm thức, dù tình yêu hay căm thù. Thế Uyên cũng bị cuốn vào cơn bão thác loạn của vấn đề dục tình, tuy chẳng mới mẻ gì, nhưng cũng làm choáng váng tâm trí, kèm theo là thực trạng của một xã hội xấu xa và tội lỗi.

Sự có mặt của nhà văn, có phải để gánh chịu buồn rầu, thê thảm và sầu não trước những vật vã khóc than của bao nghịch cảnh? Việc nhận thức đời sống, có được phán xét bằng sự sáng suốt, vô tư trước những đối tượng nhiều lúc ghê tởm, bỉ ổi? Lòng thương xót của nghệ sĩ phải chăng là một bổn phận đối với tha nhân? Tất cả, như những mắt lưới quây chặt lấy ưu tư – dù thầm kín – ở nội tâm của mỗi người làm văn nghệ.

Trong nghệ thuật, Thế Uyên muốn tự mình bay bổng lên cao và có đầy đủ quyền hành trong công việc sáng tác, vì nghệ thuật không thể dối trá hay ngụy trang, nó phải chân thành và tự do tuyệt đối, trong mọi vấn đề liên quan giữa suy nghĩ, con người và cuộc sống. Bởi vậy, mỗi lời nói, mỗi chữ viết không nhằm vào một trường hợp riêng rẽ, nó được điều hợp từng sự việc đi vào môi trường chung của nghệ thuật để tạo xúc động, tức là đóng góp vào công cuộc khai phóng đời sống với tìm tòi, khám phá bằng ý thức tiến bộ. Một số người cho rằng, văn Thế Uyên kém đạo đức, dâm đãng trong ngôn từ khi đề cập tới một vài trường hợp tình yêu và tuổi trẻ, vì chịu ảnh hưởng và vay mượn những ý nghĩ của Tây phương buông thả sau Đệ nhị thế chiến, hoặc bị mặc cảm dồn nén nên mới thác sinh ra những ngôn ngữ sượng sần làm đỏ mặt các nhà mô phạm.

Thế Uyên, một nhà văn trẻ, lớn lên trong chiến tranh và chấp nhận cuộc chiến này là có thực, cũng như sự có mặt của đời sống là hiển nhiên với mỗi thân phận, dù trai hay gái. Khi đề cập tới tình yêu trong những truyện đầu tay, lẽ dĩ nhiên (đây là mảnh đất thánh cho những cây viết trẻ) khuôn thức tình ái lứa đôi với những đòi hỏi cháy rừng rực ở trong lòng người con trai trên 20 tuổi phải là một ám ảnh, một thôi thúc cần phải tỏ bày và tỏ bày chẳng những với mình, còn với người.

Người đọc có thể nhận định về Thế Uyên qua Những hạt cát, tập truyện, do Thời Mới xuất bản (1964) với những đoạn văn:

… Quay lại, Duy thấy Hằng đã đương đứng trên cùng một cành, một tay nắm cành, một tay khoái chí đưa trái sung vào miệng. Nàng cố men ra phía Duy ngồi.

“Hằng ngồi xuống kia. Đi thế ngã đừng có trách”.

Thiếu nữ lắc đầu cười, nhét nốt nửa trái ăn dở vào miệng: “Hằng biết bơi mà, có ngã cũng không sao…”

Nàng giơ tay ném vài quả về phía Duy. Tay vung lên quá mạnh, Hằng mất đà loạng choạng. Duy chưa kịp cử động, thiếu nữ đã ngã xuống ao. Nước tóe lên trắng xóa. Duy hoảng hốt, tay run lên, cành lá giao động. Nhưng Hằng đã ngoi lên tóc rũ bết xuống trán. Nàng vừa cười vừa ho sặc sụa leo lên bờ:

“Lâu lắm mới được tắm ao nhà…” Quần áo đẫm nước, lụa mỏng bám sát vào da thịt. Thiếu nữ cúi xuống, đột nhiên im bặt. Người Duy nóng lên như hồi nhỏ những hôm trời nóng, nấp trong chăn chơi đi trốn. Một cảm giác buồn buồn như có một con vật gì bò dọc theo sống lưng, mắt chàng không thể rời thân thể ướt nước trước mặt. Thiếu nữ rùng mình kêu lên: “Anh!… Quay đi anh…”

(Những hạt cát, trang 9)

… Có một lần Hằng đứng ngoài cổng, giơ tay với một cành hoa ti-gôn. Nàng rướn mình, ngực hiện rõ dưới làn áo mỏng. Duy muốn đặt tay lên, nhưng vội vã xua đuổi ngay ý tưởng ấy. Chàng vẫn chủ trương tình yêu tinh thần và tình yêu xác thịt phải cách biệt… Nhưng sau đó, Hằng đã nhiều lần bắt gặp thấy chàng đang nhìn ngực hay nhìn đùi mình một cách chăm chú. Duy cố gắng xua đuổi, kềm hãm lòng thèm muốn sôi nổi trong người.

Nhưng càng tìm cách kềm hãm, Duy càng thấy thèm muốn mãnh liệt. Chàng mê say thân thể mềm ấm đầy mùi hương quyến rũ, tìm đủ cơ hội để có thể ôm được trong tay. Thiếu nữ ngoan ngoãn và tin cậy, nhưng mỗi lần tay người đàn ông chạm vào ngực, nàng thường rùng mình và đẩy ra…

(Những hạt cát, trang 120)

Hai đoạn văn trên đã phản ánh trung thực cái dục tính phát sinh ở trong lòng người con trai mới lớn và sự xâm chiếm thể xác lúc này mới chỉ là một dự định, trong đó còn ẩn nấp e dè, ngượng ngập, hơn nữa, về phía người con gái, vẫn là gìn giữ, là một “kinh dị” ở trên đời, cần phải né tránh. Ngôn từ và ý tưởng của truyện rất gần không khí Bướm trắng:

… Trong lúc Thu ăn bánh, Trương ngồi nhìn chăm chú vào đôi môi Thu, Thu ăn dở một chiếc vừa đặt xuống, Trương cầm ngay chiếc bánh dở ăn nốt:

“Cả đời anh chưa bao giờ ăn chiếc bánh nào ngon hơn”.

Thu thẹn nóng bừng cả mặt. Nàng hơi lo sợ, bất giác đưa khăn tay lên lau miệng. Trương hiểu ý:

“Em không sợ, anh không dám xúc phạm đến em, anh chỉ xin em cho phép anh cầm lấy bàn tay em trong một lúc, một lúc thôi”.

(Bướm trắng, trang 121)

Nhất Linh đã viết về tình yêu như thế cách đây ba, bốn chục năm, khi nền luân lý cổ truyền phương Đông còn đè nặng trong tâm trí của mỗi con người Việt Nam thuộc mọi thành phần xã hội. Hầu hết những cuộc tình được đề cập tới trong tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn đều mang mẫu số chung, nghĩa là nó thuộc vào thứ tình yêu cao thượng, lý tưởng, tuy rằng các nhà văn, nhà thơ thuộc nhóm này đều theo Tây học, có tinh thần tiến bộ, muốn cải tạo xã hội Việt Nam lúc ấy bằng văn chương, trong khi sách của Flaubert với Madame Bovary, D.H. Lawrence với L'amant de Lady Chatterley cùng Phân tâm học của S. Freud đã xâm nhập vào thị trường văn hóa Việt Nam từ lâu. Nhưng hoàn cảnh và vị trí của các nhà văn, chẳng những thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn, mà hầu hết các người làm văn nghệ thuở ấy (1930-45) đều không thể và không dám vượt qua bức tường luân lý quá chắc và quá cao được trấn giữ bởi các ông thầy Khổng – Mạnh.

Nhưng hôm nay là chuyện khác. Các nhà văn trẻ, tương đối đã được hoàn cảnh hỗ trợ và xã hội mặc nhiên thừa nhận giá trị suy tưởng tùy theo quan niệm và nhãn giới của mỗi thành phần nằm trong tập thể. Những ý nghĩ của nhà văn, đôi khi quá táo bạo, quá lộ liễu, quá trần truồng được phô bày dưới mắt người đọc ở cả hai khía cạnh: chiến tranh và tình yêu. Chiến tranh từ lâu đã trở thành một ám ảnh, một dằn vặt đè nặng trong tâm trí những người trai trẻ còn đang ngồi ghế nhà trường, do đó, một khi có hoàn cảnh, được dịp tỏ bày là họ không ngần ngại nói thẳng những gì cần phải nói trước công luận.

Tập Những hạt cát gồm 6 truyện ngắn, cả 6 truyện đều mang nội dung tựa tựa nhau, nghĩa là dùng những sự kiện hiển nhiên để chuyên chở từng ý tưởng u uẩn được ngụy trang qua câu chuyện tầm thường, coi như không có gì mà đích thực, nó gói trọn một thái độ, một cưỡng chống với một trật tự, một cương tỏa nào đó:

… Tôi thiếp đi trong mệt mỏi, mơ thấy Nương lơ lửng trên trời xanh, lượn như một con bướm mới hong khô cánh. Tôi vẫy gọi, tôi gào thét. Nương cười, môi đẫm máu rồi đột nhiên rơi xuống, thân thể trần truồng giãy giụa trên hàng rào kẽm gai bao quanh đồn. Tôi bừng tỉnh giấc, mồ hôi thấm ướt lưng áo. Tôi lắng nghe. Đêm im lặng khác thường. Một vài tiếng ho khan ngoài sân buồn bã. Chắc địch sắp đánh đồn. Như thế cũng hay.

(Những hạt cát, Người lính lê dương, trang 48)

… Vô lý và vô ích. Tất cả triết thuyết bập bềnh lướt qua chàng, một đám học trò, lại thêm đám bèo trôi nhanh ngoài sông. Không giải quyết được gì cả và cũng không mang lại một lợi ích, một sức mạnh nào. Trí óc chàng bất lực ngất ngư trong những luận lý: "Je pense donc je suis" hay "je pense donc je ne suis plus"…? "To be or not to be"…?

(Những hạt cát, Qua sông, trang 82)

Tất cả những đam mê, hờn giận, do chiến tranh, tình yêu và cuộc sống đã xô Thế Uyên vào vùng trời u buồn, chán nản đến nghi hoặc ngay cả ý nghĩ của mình. Một cái sống, một cái chết, một nụ cười, một môi hôn, một vòng tay, tất cả như bủa vây nhà văn vào cơn mê, trong đó giãy giụa từng hình ảnh bùng nhùng vừa đáng yêu, vừa đáng ghét, vừa đáng kính, vừa đáng khinh.

Tập truyện Những hạt cát toát ra không khí u uất, trong một bối cảnh thê lương, ảm đạm với sự xâu xé ở nội tâm nhân vật. Đi từ cái nhìn rất thẳng thắn và trong sạch của Hằng qua cái cảm nghĩ hung hãn của Vinh khi muốn đẩy Thục xuống thung lũng, nếu có can đảm, vì biết mình là kẻ đến muộn trong tình yêu.

Thế Uyên hẳn nhiên khi xây dựng nhân vật trong sáng tác, đã ít nhiều cũng đặt tuổi trẻ của mình vào hoàn cảnh đó, dùng nó để biểu dương những suy nghĩ riêng tư nằm sau dòng chữ. Nhưng, tại sao với cái tuổi trên 20 ấy, cái tuổi đáng quý nhất của một đời người, với bao nhiêu hy vọng mà Thế Uyên đã sớm tiếp thu vào hồn mình những ung độc, để rồi bắt đầu từ giọt đắng thứ nhất, Thế Uyên vùng vằng lao mình vào thung lũng đau thương, hờn giận đến phẫn nộ cho tới bây giờ?

Cái hoàn cảnh khốn khó mà dân tộc Việt Nam phải trải qua 80 năm nô lệ với 25 năm chinh chiến và còn nữa, đâu có phải chỉ dành riêng cho Thế Uyên và thế hệ những người cùng tuổi? Sự vinh quang hay nỗi nhọc nhằn nào đó do một chế độ, hay xã hội tạo nên, đã tác động thật sâu đậm vào tâm thức nhà văn để từ đấy bắt nguồn cho thỏa hiệp hay chống đối. Sự chống đối nào cũng vậy, đều mang trong bản chất nó sự chủ quan tuyệt đối, nên bao giờ, lúc nào, nó cũng được phân tích và nhận xét với những ý kiến phần nào thiên lệch.

Hoàn cảnh miền Nam nước Việt trong năm 1963, vô cùng sôi động với các cuộc đấu tranh, biểu tình chống chính quyền đàn áp Phật giáo. Toàn thể miền Nam lúc ấy như miếng giẻ rách bị nhúng nước. Sau bao nhiêu ngày nghẹt thở, tiếng súng 1.11.1963 đã phá vỡ một chế độ, để tạo dựng sự hỗn độn liên tục sau một thời gian ngắn vui mừng. Thế Uyên đã sắp hàng với Phật giáo quyết tâm đạp đổ những chướng ngại do chính quyền hay xã hội làm cản trở bước tiến hóa của Dân Tộc đang cần tự do, dân chủ hơn chống Cộng. Nhưng ở tuổi thanh niên, với số vốn kiến thức nhà trường, đã hành nghề thầy giáo, nhất là quay nhìn vào quá trình Cách mạng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn thuộc bên ngoại, Thế Uyên cảm thấy và hình như thấp thoáng đâu đây sự bủa vây của một thế lực khác, trong đó, chưa chắc gì giá trị của suy tưởng và đời sống đã tốt đẹp hơn. Sự kiện này, người đọc nhận thấy ở truyện ngắn Những kẻ thuộc bài trong tập Ngoài đêm (1965). Nội dung truyện ngắn nói trên ẩn nấp một không khí vừa căm thù vừa sợ hãi trộn lẫn đam mê và chán chường. Sự dấn thân vào sự chống đối nào đó ở lớp tuổi Thế Uyên nó không nằm trong một khuôn thức thuần túy Cách mạng mà tỏa ra, làm cho mục tiêu chính bị nhạt nhòa theo những chi tiết phụ. Phương pháp hành văn của Thế Uyên theo lối mới, được ưa chuộng tại Âu châu mấy năm trước. Một số nhà văn trẻ ở phương Tây, họ quan niệm văn chương không phải dùng để nói một sự việc, mà đề cập tới nhiều sự việc trong một khung cảnh đã chứa đựng sự hỗn loạn như thế, do cuộc sống hình thành. Nhưng những người trẻ tuổi làm Cách mạng để chứng tỏ sự có mặt của mình trong một khoảnh khắc nào đó thôi, bởi thế, họ cũng dễ buông tay, khi không còn hứng thú:

… Du đứng dậy giải tán buổi họp. Thất vọng lần này để lại một hương vị ung thối, bất hợp lý, gây gấy của một cơn sốt rét rừng sắp bắt đầu. Mọi người ra về, từng kẻ một rón rén trên cầu thang thiếu bực, tối đen. Dù sao, khi ra trường, họ đã học được hơn chàng một định lý: “Những kẻ thuộc bài sẽ bị đọa đày”. Họ đã học hơn chàng một hệ luận: “Quên bài, quên lời giáo huấn là yên thân”. Không còn gì phải chứng minh cả, không còn gì phải chứng minh nữa. Nhưng chàng vì chua xót ung thối, uất ức, ngăn cản không cho phép chàng học thêm như họ… Suốt đời, suốt đời chàng… Tương lai đen tối mơ hồ hiện ra sau mỗi bước chân nhỏ dần của người cuối cùng ra về…

(Những kẻ thuộc bài, trang 41)

Câu chuyện “hoạt động” coi như đã xong một giai đoạn, chả biết làm gì hơn, những người trai trẻ lại quay về bản ngã đích danh của họ.

… Ba gã thanh niên ngơ ngẩn nhìn nhau. Định đề nghị:

“Đi chơi! Mai mày viết tiếp cũng được”.

Dư gật đầu, xếp tập giấy lên bàn:

“Tao đề nghị đến một quán có cả gái. Truy hoan đôi khi khá cần thiết”.

Hùng lắc đầu:

“Tao chỉ đến nhậu thôi. Hôm nay không hứng”.

Định cười:

“Mày chỉ giả vờ!”

Hùng cười theo thú nhận:

“Chính thực ra mai Thu đến. Đi chơi gái về, hôm sau ôm người yêu, tao thấy nhơ bẩn thế nào ấy…” Dư im lặng xuống trước. Khói thuốc bốc vào mắt cay sè.

(Những kẻ thuộc bài, trang 43)

Ý thức về cuộc đời xuyên qua ngôn ngữ nhân vật trong sáng tác của Thế Uyên đã phản ánh phần nào tâm trạng một tầng lớp thanh niên trí thức đã ngồi ghế Đại học. Đứng trước ngã ba, họ chưa định hướng được, đâu là con lộ chính họ cần theo đuổi, cần ném cả sức lực thanh niên vào đó, dù Cách mạng hay đam mê. Họ chạy xông xáo, dớn dác chỗ nào cũng thấy mặt, kỳ thực họ chẳng ở đâu hết. Dù đi đâu, đến đâu và hoạt động có vẻ như sống chết với lý tưởng, nhưng rốt cuộc họ lại quay về đứng ở chỗ cũ, ở ngã ba cuộc sống để nguyền rủa lỗi lầm và đớn hèn của kẻ khác!

Nhận xét nêu trên, hiện diện ở hầu hết lớp tuổi trên dưới 20, khi cuộc đời chưa tiếp thu họ vì họ còn quá trẻ, trái lại họ cũng không thừa nhận cuộc đời vì cuộc đời quá già, quá xấu đối với ước mơ của họ.

Giọng văn của Thế Uyên thật chua chát khi đề cập tới thân phận của lứa tuổi thế hệ mình. Thế Uyên viết ra, như ghi nhận những chứng tích, ở đó, từng khắc khoải và giày vò được thể hiện như một hình phạt. Ngay cả trong khuôn viên đại học, nơi Thế Uyên đã biết, đã từng sống và sinh hoạt với nhiệt thành của tuổi trẻ, đã hoài vọng rất nhiều về tương lai nhưng khi đề cập tới, Thế Uyên cũng nhìn nó với cái nhìn thật soi mói, không phải ở khía cạnh học vấn mà ở khía cạnh tâm tư với những ý nghĩ vô cùng táo bạo. Người nữ sinh viên tên Phượng, được Thế Uyên nói đến, sự thực chỉ là mẫu người, một hình múa rối, để nhà văn dễ dàng bày tỏ ý kiến về vấn đề tình dục, cũng như sa đọa ở một khung cảnh, đã được ấn định rõ trong tâm cảm.

… Tôi vòng tay ra sau, đặt lên gáy Hãn. Thân thể đàn ông cứng và nóng khác lạ. Mức thân mật giữa hai đứa lên tới độ cao nhất. Chẳng còn gì hơn – trừ việc làm ái tình và việc này, khi tôi nép sát vào âm thanh, một bản nhạc Slow ưa thích, Hãn đã hỏi và lúc đó tôi đã từ chối. Từ chối vì thấy chưa muốn, chưa cần thiết…

… Chiếc xe đỗ lại, nép vào gốc thông. Tôi ngả người tì gáy lên ghế, mở miệng sẵn sàng tiếp đón những chiếc hôn và tất cả những gì tiếp theo. Tôi không bối rối nhiều dù còn là một trinh nữ – sách vở đã cho tôi biết quá rõ những gì phải tới cùng hậu quả. Bàn tay người đàn ông nóng và rát trên da lưng, những ngón tay chuyển động thành thạo, tạo những động tác cởi mở. Tôi khó chịu đột nhiên ngồi thẳng dậy, kéo tay ra. Sự thành thạo của Hãn với quần áo lót đàn bà làm tôi liên tưởng và vì thế hơi kinh tởm. Tôi nói:

“Thôi anh! Đưa em về!…”

Đoạn văn trên trích trong Khoảng trống, truyện thứ hai trong 6 truyện ngắn của tập Ngoài đêm.

Cái khoảng trống của tâm hồn, nhất là tâm hồn tuổi trẻ, nó hiện diện như nỗi thê thiết, để vì nó, nhân danh nó, tuổi trẻ có thể làm được những gì mình muốn khỏi cần hối tiếc. Từng đêm dạ vũ trong hoan ca với khăng khít của vòng tay và những đôi chân dìu nhau đi vào thế giới cuồng mê qua âm thanh đẩy đưa dục vọng. Nhưng sau đó, còn lại cái gì? Còn lại sự rã rời của thân xác, cái chán nản đến cùng cực của ý nghĩ qua không gian và thời gian. Mệt mỏi làm băng hoại nguồn sống hoa niên.

Tập truyện Ngoài đêm trình bày 6 hoạt cảnh, đôi khi sôi nổi, nhưng cũng vô cùng buồn bã, vô cùng khắc khoải.

Khởi đi từ một cảm nghĩ bé nhỏ của đời sống riêng tư, Thế Uyên dần dần tiến vào môi trường rộng lớn hơn, ở đấy, mỗi số phận không còn tùy thuộc nhiều vào mình nữa mà do kẻ khác định đoạt. Nhưng dù ở đâu, hoàn cảnh nào, nhà văn cũng tỏ ra không dễ dàng chấp nhận, ngay cả sự thực mà mình đã gánh chịu qua bộ quân phục do trường Bộ binh Thủ Đức khoác vào người. Thế Uyên tạo nên vấn đề để tra vấn ý thức, ngay cả tình yêu cũng không mang ý nghĩa thiêng liêng, nó trở thành một cái mốc cho nhà văn ném vào đấy từng vốc bùn! Nói vậy, không có nghĩa Thế Uyên vào đời toàn bằng hằn học, bất mãn cả đâu. Đôi khi, dù rất hiếm, nhà văn cũng biết gìn giữ cho mình chút hạnh phúc nhỏ nhoi để hy vọng ít nhiều giữa cuộc chiến này:

… Đi vòng qua mũi xe, leo lên, cái cánh gà. Chàng tì tay lên tay lái. Thi đây, trong vòng tay, trong ánh đèn hắt từ bên ngoài trên cao. Di muốn vòng tay ôm, muốn hôn. Thi ơi Thi, ngưng nhìn anh một chút để anh có thể ôm em. Thân thể run lên, Di nghiêng người cúi sát mặt Thi:

“Thi! Anh đã tưởng không bao giờ còn gặp nhau”. Bàn tay nâng cằm Thi rung nhè nhẹ, đôi mắt mở to của Thi, đôi môi ướt nước mưa lạnh. Di hé miệng ngậm thật chặt. Đột nhiên chàng muốn làm nàng đau đớn, thật đau đớn…

(Ngoài đêm, trang 129)

Rồi hạnh phúc được che chở bằng chiếc poncho trong một góc đồn canh!… Rồi luân lý và đạo đức cũng như danh dự được phủ lấp bằng môi hôn, bằng giãy giụa của thân xác với đam mê rực lửa trong khi mơ nhỏ từng giọt bên ngoài!…

Hình ảnh cuộc chiến và cái giá mỗi thân phận người Việt Nam phải trả, bắt đầu từ truyện Ngoài đêm đã chiếm hết những suy nghĩ của Thế Uyên. Từ đồn canh tới trại binh, từ phiên trực tới cuộc hành quân, từ tình yêu nhục thể tới bâng khuâng và niềm cô đơn của con người trước chiến tranh, trong vũ trụ!

Tình dục đối với Thế Uyên lúc nào cũng là một ám ảnh, vấn đề chính cho mỗi câu chuyện, dù nó thuộc cái trục nào của suy tưởng cũng vậy. Nói đến tính dục không phải nói đến cái xấu xa, ghê tởm, phi đạo đức, phi luân lý, nhưng đích thực, để tỏ bày thái độ với cuộc sống, để chấp nhận giá trị của thực tại, trong đó con người chẳng phải thiên thần cũng chẳng phải là súc vật.

Có điều chắc chắn, Thế Uyên viết không nhằm mục đích khích lệ ai theo gương mình, hoặc dùng văn chương để truyền bá dâm đãng. Thực ra, nhà văn viết cho mình, vì mình. Có nhiều sự thực đang dồn nén, giãy giụa trong nội tâm, tình dục chỉ là lớp sơn mỏng phủ ngoài để đánh lừa “loại gỗ”. Đối với Thế Uyên “loại gỗ” đó mới cần, mới là

căn bản của vấn đề, mới là con lộ chính mà người viết nhằm vào để dấn thân, đó là Ý thức cách mạng trong văn chương.

Cái tuổi trẻ của mỗi con người thường được nhìn qua tấm lăng kính kẻ khác. Từng nỗi băn khoăn, rạo rực mà con người có thể so sánh, đều nằm trong kích thước ngoại vật.

Thế Uyên nhìn chòng chọc vào đời sống với từng nỗi buồn vui có đấy, với thân phận một chiến sĩ tiền đồn ở vùng cao nguyên heo hút, quanh năm nắng cháy với mưa lũ và những gian khổ của chiến trường làm héo mòn suy nghĩ. Do đó, những ngày phép của người lính bao giờ cũng là niềm hân hoan và thiêng liêng nữa. Họ sử dụng giờ khắc quý báu đó vào những công việc cần thiết nhất, đáng giá nhất, trong đó có việc ngồi quán để nhìn đàn bà, con gái qua lại với những chiếc quần corsaire bó chẽn làm nổi bật những đường cong kín đáo. Họ nhìn như thế để làm gì, nếu không phải là để thèm muốn và cảm thấy hằn học với chính mình?

Thế Uyên đã qua những giờ phút đó và ghi nhận vào tác phẩm Mười ngày phép của một người lính những chua xót, ê chề với phẫn nộ về sự tương phản giữa hai nếp sống dưới một chế độ. Một bên cứ chịu hy sinh gian khổ kể cả máu xương, một bên cứ hưởng lạc:

… Tôi cho tay vào túi lấy bật lửa, một sợi dây đính chìa khóa với tấm lắc có ghi tên họ, số quân, loại máu. Ánh nắng chiều làm kim khí thoáng lóe sáng. Tôi nhớ, trong một khoảnh khắc và với một chút buồn, rằng tôi không phải là người ở đây, rằng tôi chỉ còn có chín ngày phép. Và từ đó, thật ngẫu nhiên, một cắt nghĩa, không đúng, một giải thích cho vấn đề đương thắc mắc, xuất hiện: chúng ta những người con gái với quần corsaire và tôi, người lính về phép, là người Việt Nam.

… Tôi đứng dậy ra về sau khi nghĩ rằng tất cả chỉ vì người Việt Nam ba mươi năm nay chưa bao giờ được phép làm người, rằng người đàn ông Việt Nam là những quân tốt đen, tốt sang hà, tốt thí cho những chủ nghĩa, những thế lực quốc tế, những tranh giành Nga, Mỹ, Pháp, Tàu, rằng đàn ông Việt Nam là dụng cụ, tất nhiên đàn bà Việt Nam phải mặc quần corsaire…

(Mười ngày phép của một người lính, trang 12-13)

Người đọc cảm thấy Thế Uyên đã trút tất cả giận hờn phẫn uất vào những dòng chữ và ý thức tranh đấu đã nhen nhúm qua ngôn ngữ. Cái giai đoạn vô cùng chênh vênh, vô cùng nguy hiểm của nước Việt Nam sau ngày Cách mạng 1.11.1963, đã tạo cho những người trai trẻ yêu nước mối lo sợ và tức giận. Thế Uyên nằm trong thành phần nói trên, nhất là lại đương cầm súng đi chiến đấu chống Cộng bảo vệ miền Nam tự do, cũng chính vì hai chữ Tự Do, bao nhiêu con người khốn đốn từ mấy đến chục năm qua và còn nữa!…

Nói chung, tập Mười ngày phép của một người lính chỉ là những ý nghĩ, dù tốt đẹp hay xấu xa, được trình bày dưới hình thức này hay hình thức khác, cũng chỉ để minh định một thái độ trước cuộc sống thật náo động, nó đương quay với tốc độ phi thường để nghiền nát những gì chạy ngược chiều với nó.

Đi từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác, ở mỗi ý nghĩ, nhà văn như nghiến răng, trợn mắt, sau cùng phỉ nhổ vào cuộc sống có đó, còn đó với những ngôn ngữ chát chúa làm ngỡ ngàng người đọc. Nhưng sự tức giận nào, hễ nói ra được tức là đã nguôi ngoai, lắng dịu phần nào giông tố trong lòng. Thế Uyên, nhà văn rất thành thực và thành khẩn, nên không ngại ngần khi giãi bày lập trường, cương vị của mình.

… Trước hết tôi là nhà văn chân thành, chân thành với đời sống, chân thành với mình. Nhưng thái độ khi nhập thế của chúng tôi là thái độ lãng mạn với cuộc đời. Bất cứ ai không cứ nhà văn, đều phải chọn vài thái độ với cuộc đời trước mặt và tùy theo thái độ đã lựa chọn, đời sống sẽ dị biệt với nhau. Cuộc đời đang ở trước mặt kia, nó là như thế, trọn vẹn như thế, còn nó là bi thảm, là sắc sắc không không, là tươi vui, v.v. tùy thái độ, cái nhìn của từng người…

… Tôi sẽ còn là người (hiểu theo định nghĩa ni ange ni bête, ni yoga ni commissaire politique) như thế nào khi nhìn một thiếu nữ 16 xinh tươi mà chỉ thấy thèm cái cơ thể mơn mởn, khi ôm người yêu trong tay chỉ cảm thấy khoái lạc nhục thể. Tôi sẽ là người ra sao nếu không tìm thấy nét anh hùng tuyệt vọng của những người đã và đang chiến đấu trong chiến cuộc hai mươi năm. Đôi khi tôi còn nghĩ rằng những cái gì gọi là đẹp của loài người, anh hùng, khí tiết, bác ái từ bi, công bằng, tự do, v.v. còn duy trì được có lẽ là do những kẻ lãng mạn với cuộc đời này. Và ngày nào không còn thế nữa, tôi sẽ không cần soi gương nhìn tóc bạc da nhăn, tôi cũng hiểu được tâm hồn tôi đã tàn úa, và không xa lắm, cái chết đương chờ đợi.

(Mười ngày phép của một người lính, Lãng mạn và cuộc đời, trang 47)

Những ý nghĩ tuy vụn vặt trong tập Mười ngày phép của một người lính nhưng ở trong mỗi trang, mỗi dòng, mỗi chữ đều mang nặng giá trị của suy tư để tiếp nối vào những ý tưởng khác trong tập Những ý nghĩ của bọt biển.

Ý nghĩ của Thế Uyên hay là thái độ cần có của một nhà văn đã ý thức được vai trò, vừa kiêu hãnh vừa khiêm nhường của mình, trong vận nước nổi trôi đã có tới bốn ngàn năm lịch sử phía sau! Bốn Ngàn Năm Lịch Sử là dĩ vãng quá dài đối với thế hệ hôm nay. Thế Uyên mang niềm băn khoăn đi tìm truyền thống dân tộc qua sách vở, qua ngoại giới, chỉ được gặp các thầy Khổng, Mạnh và những suy nghĩ không thuộc về tinh thần Việt Nam. Truy tầm không được, Thế Uyên phải tra tấn ý thức và chợt nhận ra, mình là người Việt Nam do tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi với những câu ca dao cổ kính, bằng mắt nhìn thấy ruộng lúa xanh tươi và tiếng sáo diều văng vẳng trong không gian buổi chiều, lúc còn thơ ấu. Thêm vào đấy là phong tục, tập quán với các ngày lễ Tết, hội hè, v.v.

Cái tinh thần Việt Nam mà nhà văn tìm kiếm, sự thực, nó hiện diện trong mỗi con người yêu nước, dù cầm súng hay không, miễn rằng nó phải hành xử với nhau bằng tinh thần Việt Nam trong đời sống và ngôn ngữ.

Mỗi ý nghĩ, Thế Uyên đều nêu lên một câu hỏi, một giận dỗi, đôi khi chính nhà văn không giải quyết mà dành phần cho độc giả. Từ “Lời giảng chót gửi học trò cũ” tới “Hai thái độ” là ý nghĩ cuối của tập sách gồm 12 ý nghĩ, mỗi cái đều hàm chứa những ẩn dụ nằm sau hàng chữ. Người đọc không nên tìm hiểu câu chuyện, chỉ cần đọc kỹ vài đoạn văn chính, ở đó, Thế Uyên đã nói thật, nói hết những gì mình suy nghĩ về con người và cuộc sống có mặt. Nhà văn hình như giãi bày tâm sự qua những ý nghĩ và dùng kỹ thuật ngắn gọn để chuyên chở ý muốn riêng tư tới người đọc. Nói một cách khác, Thế Uyên đã quan niệm văn chương như một vũ khí đấu tranh tư tưởng trong giai đoạn hiện tại, nên cố gắng làm sao với phương tiện tối thiểu đạt được kết quả tối đa. Do đó, Thế Uyên luôn luôn tìm kiếm phương thức hoạt động hợp tình, hợp lý ngay cả trong văn chương để đạt được mục đích. Sự kiện này hiện rõ trong các đoản văn của 4 tập: Mười ngày phép của một người lính, Những ý nghĩ của bọt biển, Những người đã qua và Căn nhà của mẹ cùng 3 tập tiểu luận: Nghĩ trong một xã hội tan rã, Chiến tranh cách mạng và Tiểu luận 3, do chính tác giả ấn hành năm nay (1971).

Thái độ của Thế Uyên rất minh bạch, xuất phát từ một điểm khiêm nhượng để tiến dần lên cao điểm mà không do sức hỗ trợ từ phía ngoài, tuy rằng nhà văn đã gặp rất nhiều trở ngại cả bạn lẫn thù. Nhưng nhà văn chắc chắn không sợ kẻ thù, dù cho kẻ thù là Cộng sản hay Tư bản mà đích thực, Thế Uyên sợ bạn. Sợ vì không lường được trước sự phản bội sẽ đến vào lúc nào, dịp nào? Điều này làm khổ nhà văn rất nhiều mỗi khi đề cập tới, nó thấp thoáng ẩn hiện trong mỗi câu chuyện nói về lòng tin nhau giữa những người cùng đứng chung chiến tuyến. Thế Uyên lúc nào cũng bị quây chặt bởi những vấn đề, những băn khoăn do đời sống đẩy tới, do nội tâm phát hiện. Người đọc có cảm tưởng nếu không viết được, nói được ra, nhà văn có thể vì nó mà chết, nên luôn luôn người đọc bắt gặp những thoáng run rẩy trong mỗi ý, tuy đã được ngụy trang bằng sự trầm tĩnh của phương pháp diễn tả qua một số ngôn từ mệt mỏi!…

Nhà văn cũng đã biết gian khổ của đời quân ngũ, đã nằm đồn và hành quân trong những điều kiện khốn khó, nhục nhằn, sầu tủi của mỗi số phận khi đụng chạm với sống, chết mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút. Và còn biết bao nhiêu số phận kẻ khác liên đới, liên lụy vì chiến tranh! Tất cả những sự kiện đó trở thành ám ảnh, hình phạt trong mỗi suy nghĩ dai dẳng.

Viết văn đã trên dưới 10 năm, Thế Uyên mới chỉ có một tác phẩm dài 234 trang. Truyện Tiền đồn, trước khi in thành sách đã được đăng từng kỳ trong tạp chí Bách khoa.

Nội dung tập truyện dài đầu tay đã nói lên một phần tình trạng đất nước và cuộc chiến với những oan khổ do định mệnh, do thế cuộc tạo nên, đẩy mỗi thân phận xa lạ nối kết vào nhau trong những mắt lưới hoàn cảnh. Cái tấm “phông” chiến tranh được dựng lên giữa vùng trời ảm đạm, ở đấy, máu lửa, căm thù và dục vọng thay phiên nhau hành hạ mỗi số phận, để rồi mất đi, vĩnh viễn mất đi như mớ bào ảnh trôi bập bềnh tản mác trong không khí cuộc đời.

Nói về cốt truyện,Tiền đồn không có cốt truyện, tức là không có cái “trục” thông thường, để người đọc có thể nắm vào đấy mà theo dõi, cũng như tóm lược sự biến chuyển tâm lý nhân vật chính và phụ, xoay quanh vấn đề nào đó. Người đọc sẽ vô cùng bỡ ngỡ, đôi khi bị lạc hướng nữa, khi đọc Tiền đồn. Cung cách viết và cấu tạo tác phẩm này, Thế Uyên không đi theo con đường cổ điển, người viết làm nó tan loãng, lẫn lộn, bắt người đọc phải tự đảm trách một phần vào công việc tìm hiểu, để nối những tan tác với nhau, tạo thành toàn thể vì văn chương hôm nay không nhằm cổ động hay phát động tư tưởng nào, nhưng một khi nó đã “sống”, đã linh động, nó tự tạo lấy sự tình và biến cố. Nếu vạn nhất, những sự tình và biến cố đó, có nói lên một-cái-gì, cũng chỉ do tình cờ chứ không phải nhà văn muốn như vậy. Phương pháp cấu tạo này, sự thực, đã được các nhà văn nghệ đợt sống mới thế giới sử dụng từ nhiều năm qua.

Thế Uyên quan niệm, văn chương không phải công việc giải thích, dù giải thích một cách thông minh đi nữa, mà sứ mệnh của văn chương là trình bày như thế (tel quel) để tùy người đọc nhận định và đánh giá kết quả.

Hình ảnh Vũ, Định và bao nhiêu người đã và đang ngụp lặn trong cuộc chiến này đều do số mệnh đẩy đưa họ gặp nhau, cùng đứng chung chiến tuyến, rất có thể cùng chết với nhau trong một bất ngờ nào! Tâm trạng của họ, tâm trạng chung của giới thanh niên bị động viên vào lớp tuổi trên dưới 20. Họ chiến đấu rất hăng say, rất nhiệt tình nhưng đôi lúc, họ dừng lại tự hỏi, họ chiến đấu vì cái gì, cho ai?

… Tôi hay tự hỏi, một điều như thế này:

“Tại sao chúng ta có chính nghĩa nhưng chính nghĩa ấy lại không giúp gì hết trong việc chiến đấu. Anh, tôi, Vượng, Yên… tất cả những tên có mặt trong Tiểu đoàn này cũng như các đơn vị khác đều đồng ý là phải chống Cộng. Nhưng mọi sự đã chẳng ra làm sao hết. Tôi đã từng khai thác tù binh, tụi chúng tin tưởng ở chính nghĩa của chúng nó đến độ phát tởm lên được”.

Chàng để súng nằm thăng bằng trên đùi, móc túi lấy bật lửa châm thuốc, nói:

“Tụi chúng ngu!”

Vũ quay lại hạ giọng thấp:

“Vì thế tụi chúng sung sướng hơn bọn mình!”

(Tiền đồn, trang 101)

Niềm băn khoăn của tuổi trẻ tham dự vào cuộc chiến đã phản ánh một phần nào, trong lời đối thoại. Họ chiến đấu, đồng ý, nhưng không phải chiến đấu để chiến đấu. Họ đòi hỏi lý tưởng, đòi hỏi sự minh bạch của chế độ. Họ muốn đừng bao giờ họ trở thành một tượng đá, một con vật hay một con người mất tri giác:

… Chàng cười, bỏ mẩu thuốc xuống đất, lấy mũi giày dí nát, Vũ tiếp tục nói:

“Hậu quả kỳ cục và đôi khi bực mình vì bị méo mó nghề nghiệp. Bây giờ nhìn cảnh vật, tôi không thấy đẹp hay xấu. Óc tự dưng chỉ thu nhận những chi tiết địa thế cần thiết cho việc tiến quân hay đóng quân mà thôi. Một hàng dừa chỉ có nghĩa là chỗ đó có nước, một bờ tre là nơi phục kích tốt cho địch, con đường quang đãng có nghĩa là dám bị bắn sẻ, trăng chỉ là một yếu tố để tính xem toán kích đêm nên cho đi lúc mấy giờ và về lúc mấy giờ…”

(Tiền đồn, trang 100)

Những câu nói, chắc chắn không phải để nói suông, trong đó hàm chứa sự mỉa mai nào đấy ở ngoài khả năng chống đối của cá nhân. Để khỏa lấp những thắc mắc và suy luận, những người sĩ quan trẻ tuổi đều mang trong lòng một vài vóc dáng đàn bà với đam mê nhục dục.

Vóc dáng của Linh, Bích và các cô gái bán vui đều hiện rõ trong mỗi suy nghĩ, ở trong lòng những người trẻ tuổi đang cầm súng bảo vệ miền Nam tự do:

… Vũ cố gắng vui thích. Mai đi phép: bốn ngày xa đơn vị, xa vùng chiến trận, bốn ngày thỏa mãn sinh lý. Nhưng chàng dù cười, dù nói nhiều, nỗi vui sướng vẫn như bồng bềnh bên ngoài chàng. Trở về nhà qua ngõ hẹp có cây trứng cá lớn, đứa con chạy ra, bữa cơm trưa ồn ào và sau đó chiếc màn kéo ngăn đôi căn buồng, Bích và chiếc háng của nàng và con vật háu ăn hùng hổ để rồi sau đó mồ hôi toát ra đầy người ngủ thiếp đi trong làn hơi nóng từ mái tôn tỏa xuống…

(Tiền đồn, trang 88)

Sự thôi thúc về tình dục không phải chỉ ở phía người sĩ quan trẻ tuổi cùng nỗi nhớ nhung thành phố qua lỗ châu mai của vọng gác tiền đồn. Nó còn đau đớn hơn, thê thảm hơn với số phận của vợ chồng anh Ba, người đàn ông quê mùa chỉ biết làm ruộng, ăn nằm với vợ và hồi hộp mỗi đêm phải đi đắp mô để ban ngày chính mình phá nó, cũng như cam chịu khi biết lơ mơ vợ mình đã ngủ với trai, phẫn chí, uống rượu cho khuây khỏa, lúc say khướt trở về, lại làm tình với vợ, mặc súng bắn, kệ chuyện đắp mô! …

Chị Ba, người đàn bà nhà quê không may cũng biết đam mê tình dục chẳng những với chồng mà còn với những đàn ông khác mê mình từ hồi con gái, như Tía, Uông, Hải, và tên Trưởng đồn Dân vệ. Nhưng ngoài tình yêu chính đáng với anh Ba, những cuộc ân ái vụng trộm khác đều do hoàn cảnh cấu tạo, chị Ba chỉ là con vật hy sinh, dù hy sinh một cách khoái lạc, dưới ngòi bút Thế Uyên:

… Chị đưa tay quàng lấy đầu chồng, kéo lên. Đầu gối người đàn ông lọt vào giữa hai đùi ấm áp, làm chị tự dưng muốn khép hai chân lại…

"… Thôi mình! Mấy ông hành quân lớn, đạn bắn tùm lum bây giờ. Tôi hổng chịu xách quần tụt vô hầm như bữa trước đâu".

"Thì ôm quần tụt vô đã sao, như bữa trước đã sao?"

Chị thẹn nóng bừng má. Bữa đó, súng nổ tứ tung, ngồi sát vách đất hầm tay ôm mớ quần áo, tay bồng đứa nhỏ mà ảnh còn tiếp tục…

Cái hoạt cảnh đó, không hoàn toàn do trí tưởng tượng hoặc do óc sáng tạo của nhà văn, mà nó nói lên phần nào sự thực. Nếu ai đã có mặt trong vùng chiến trận dằng dai, phải thừa nhận các sự kiện nhà văn viết ra, nó chứng minh sự chai sạn ở tâm hồn những người dân quê nằm giữa hai lằn súng đạn! Sợ, họ vẫn sợ, nhưng không phải vì sợ mà ngưng tất cả sinh thú ở đời. Trái lại, vì chịu đựng quá lâu, nên họ quên đi và chấp nhận hoàn cảnh để bình-thường-hóa nó bằng hành động.

Thế Uyên trình bày chiến tranh dưới nhiều khía cạnh. Ở mỗi khía cạnh, nhà văn hé mở cho ta nhìn rõ từng nỗi bi thương không thể cưỡng chống trong một bối cảnh ngột ngạt của căm thù, chết chóc và thân phận con người. Từ người lính với nỗi đau vợ đi lấy ngoại nhân, đến sự ê chề của cấp chỉ huy khi đã mất thế lực, không còn chỗ tựa, bị người dưới nói hỗn, phải cắn răng nhẫn nhục, vì tuy là cấp dưới nhưng uy thế mạnh hơn, có bà con làm lớn! Cái đau, cái hận của từng người đều đi qua cái nhìn rất tinh tế của nhà văn.

Người viết, đôi khi lạnh lùng trong bút pháp và không ngần ngại nói lên ý nghĩ của mình về vóc dáng người bạn Mỹ ở bên cạnh cuộc chiến. Từng việc lần lượt được giãi bày như những mắt xích. Ở khoảng trống của mỗi mắt xích, nhà văn phác họa một khung cảnh, để người đọc nhìn qua đấy, có thể nhận định từng phần riêng rẽ, rất riêng rẽ, để rồi với chất xi-măng kỹ thuật, người viết cho gắn bó dần dần, tạo nên phối cảnh toàn diện của vấn đề. Đôi khi người đọc bắt gặp một vài đoạn, Thế Uyên đã nhìn và ghi nhận như Lawrence trong cuốn Người tình của Chatterley phu nhân, ở đấy, tình dục đã làm mờ hết trí năng, làm băng hoại luân lý và đạo đức trở thành lạc lõng! Những động tác ái tình dù ở trường hợp của Vũ với Bích, của Định với Linh hay của chị Ba với Tía, với Uông, với Hải và cả anh Ba nữa cũng chỉ là sự nhắc lại, hay khêu gợi sự việc với nhiều trường hợp trong nhiều hoàn cảnh, làm cho không khí Tiền đồn trở thành một sượng sần, vướng mắc. Ngay đến cái chết của Vũ, cái chết kiêu hùng giữa mặt trận với mùi cỏ thơm ân tình quá khứ và hình ảnh người đàn bà mang tên Bích với bức màn kéo ngăn đôi căn phòng!… Cũng như cái chết thê thảm của anh Ba lúc đang đắp mô, chị Ba chết trần truồng cạnh tên Hải – tên cán bộ Cộng sản – đã say mê chị khi trước. Nói đến cái chết tức nói đến sự bình đẳng của mỗi số phận, nhưng cái chết của chị Ba và tên Hải là cái chết đặc biệt trước sự hiện diện của Tía – người yêu chị từ lúc trẻ không có tiền để cưới hỏi làm vợ đành mang nỗi buồn suốt đời, nhưng cũng đã được chị cho chung vui nhục thể!…

Tên Hải và chị Ba chết mà không biết mình chết vì một trái trọng pháo giữa lúc đang cuồng mê khoái lạc:

… Chị đã co chân lên cản, nhưng khi Hải cầm đầu gối ấn sang một bên, chị lỏng lẻo buông thả. Còn giữ chi, thôi cho nó lần nữa cho xong đi. Chị nghiêng đầu sang một bên cố nhìn mặt trăng qua lỗ quang lá trên cao, chờ đợi và chịu đựng. Chị toan nói mau lên cho tui còn vô với đứa nhỏ, nhưng lời nói không thốt ra vì một khoái cảm mới mẻ đã dâng lên. Chị hốt hoảng vì chính mình, sao lại thế, sao lại thấy… Chị cố nhìn cho được đủ vòng tròn của mặt trăng qua lỗ quang lá quá nhỏ, khi một tiếng súng một tiếng nổ bùng vang dội. Chị toan vùng lên nhưng Hải dùng sức mạnh ngăn cản.

“Buông tui ra! Vô hầm không chết…”

“Xa mà… coi còn xa mà… Im rồi đó thấy không. Tôi còn ở đây làm sao đánh lớn…”

(Tiền đồn, trang 205)

Chị Ba đi vào cái chết nửa vui, nửa sợ, cả tên Hải cũng vậy. Hai cái xác trần truồng đó đã khép lại một khoảng đời, một chút không gian rồi tan vào cát bụi!…

Tác phẩm Tiền đồn đã khích động người đọc chẳng những bằng ngôn từ, bằng hình ảnh mà còn làm cho tự đáy tâm tư bùng lên mối xót thương vô độ ở mỗi trạng huống hiện diện trong cuốn sách.

Thế Uyên, mang nhiều khát vọng, chẳng phải do ý hướng nổi tiếng, mà đích thực, muốn dùng nó để đạt được mục tiêu Cách mạng, dù Cách mạng trong tư tưởng. Do đấy, trong 10 năm văn nghiệp, nhà văn hầu như dành hết thời giờ cho suy nghĩ về những vấn đề xã hội, chính trị qua các tập tiểu luận. Ngay cả tác phẩm văn chương thuần túy, nhà văn cũng tìm mọi cách lồng vào bên trong cái ý hướng đó. Vấn đề tình dục mà Thế Uyên luôn luôn nhắc nhở, tỏ bày dưới hình thức nào đó đều hàm chứa dụng ý, che khuất đi một phần sự thực mà tác giả muốn viết, muốn đề cập tới một cách gián tiếp qua văn chương.

Thế Uyên, vốn dĩ trung thực nên anh chẳng nề hà gì khi nói về đất nước Việt Nam, một đất nước đã quá bi thảm vì hai chế độ: Quốc gia, Cộng sản. Mỗi viên đạn được bắn đi, dù bên này hay bên kia đều là của viện trợ. Cả hai bên đều lệ thuộc vào hai chủ nghĩa: Tư bản và Cộng sản.

… Nhưng chúng tôi, những người còn ở trong Quân lực, vì sinh kế hay vì võ nghiệp, những người đã, đang và sẽ nhập ngũ vì thi hành quân dịch hay vì quan niệm phục vụ tổ quốc qua binh nghiệp, đã an tâm chống Cộng trong những năm đầu của cuộc nội chiến và tin rằng mình chiến đấu để bảo vệ một chế độ trong đó con người được chọn lối sống mình muốn, thờ phụng Thượng Đế mình tin và lấy người mình yêu.

Những 1959, 60, 61 kế tiếp qua để rồi tới 63, 64, 65, 66 giữa tiếng súng nổ vang ngoài mặt trận và khói lựu đạn cay mù mịt, kẽm gai giăng mắc ở hậu phương, chúng tôi bắt đầu không hiểu nổi mỗi viên đạn bắn ra, mỗi kẻ nội thù chết đi, chúng ta tiến gần tới đâu. Rồi đến một ngày nào đó ở một tiền đồn, rừng rậm, ruộng lầy hay ở một góc hè phố đô thị, chúng tôi nhận ra rằng trong khi chống Cộng, chúng tôi đã vô tình bảo vệ, duy trì một xã hội thối nát, bất công, áp bức, một xã hội trong đó chỉ những người vô luân và có tiền bạc mới có chỗ đứng dưới ánh mặt trời…

(Nghĩ trong một xã hội tan rã, Sự thành hình của một thái độ, trang 11-12)

Tuy khẳng định thái độ đối với cuộc đời như trên, nhưng Thế Uyên không quá chủ quan nên đã nghi ngờ ngay cả suy nghĩ, kiến thức và kinh nghiệm của chính mình. Nhà văn làm ba cuộc hành trình thăm hỏi các vị đã có quá trình đấu tranh Cách mạng, có căn bản tri thức cao qua bằng cấp và các bậc tu sĩ khả kính, nhằm mục đích noi gương.

Cả ba cuộc hành trình đó đều cho Thế Uyên những thất vọng. Hành trình thứ nhất, với thành tích Cách mạng chống Pháp nay đã già nua an hưởng dư âm một thời và đặt lên vai con cháu cuộc chiến khốn khổ còn đấy. Hành trình thứ hai, chỉ gặp những tủ sách, bằng cấp và máy lạnh. Các tư tưởng Tây phương chẳng giúp ích gì cho quốc gia nhỏ bé này cả. Hành trình thứ ba chỉ để lại trong trí nhớ những thửa ruộng đất, những cơ sở kinh tài, những bạo động vi phạm lời răn dạy căn bản của đấng chí tôn trong một trai phòng, những lời giảng dạy về tình thương và tự nguyện vừa cất lên chưa được bao lâu đã đắm chìm vào tiếng reo hò xuống đường tranh đấu cho mục tiêu giai đoạn:

… Bởi thế, bước khởi đầu của chúng tôi không gì hơn là cùng nhau nhóm lên một ngọn lửa nhỏ để nhận diện nhau cho rõ, gạt bỏ mọi huyền thoại cũ, tìm hiểu cho thấy thực trạng để rồi cùng dưới đốm lửa lu mờ mà nhiều trận cuồng phong đang đe dọa dập tắt ấy, chúng tôi cùng nhìn về một hướng để nỗ lực tìm xem bây giờ cần phải học hỏi những gì và học ai, phải làm gì và làm ra sao, phải đến đâu và đi bằng đường nào.

Nhưng đêm tối đen thê thảm của dân tộc mỗi lúc thêm dày đặc, các cuồng phong mỗi ngày thêm ác liệt, đã có lúc đưa chúng tôi vào nỗi cô đơn và tuyệt vọng…

(Nghĩ về một xã hội tan rã, Những cuộc hành trình, trang 19)

Nội dung tập: Nghĩ trong một xã hội tan rã, Thế Uyên đã đặt rất nhiều vấn đề, những vấn đề không còn nằm trong văn chương nữa, nó thuộc về chính trị và tranh đấu. Do vậy, tập sách mang chiều hướng khác, mục tiêu khác, ở đó, cái uy quyền của văn chương không còn nguyên giá trị, nó phụ thuộc vào cái "thế đứng" của nhà văn trước xã hội hôm nay.

Nói về Thế Uyên là nói đến sự đa dạng của một con người đã trưởng thành trong "vận nước nổi trôi", đã gánh chịu nhiều gian khổ trên bước đường văn nghiệp. Thế Uyên bay lượn chập chờn từ đỉnh cao này sang đỉnh cao khác, ở mỗi nơi, nhà văn đều để lại những hạt giống và chờ ngày trổ mầm vươn lên ánh sáng màu lá mới. Vì muốn dùng văn chương vào mục đích nên ít nhiều gì, người đọc cũng cảm thấy như bị huyễn hoặc bởi ý muốn nào đó lẩn khuất trong mọi tác phẩm. Nhưng có lẽ, nhà văn cho đấy là vinh hạnh lớn lao đối với một người cầm bút trên 30 tuổi đời, 10 năm văn nghiệp, đã tự tạo cho mình một khung trời riêng biệt.

Thế Uyên, nhà văn phản kháng, luôn luôn chống đối thối nát và bất công xã hội. Những sự kiện được trình bày xuyên qua ngôn ngữ, thật bộc trực và nguyên vẹn. Từng vấn đề được đặt ra, đều nằm ngay trước mặt mỗi người, tại sao ta lại im tiếng? Lời than van hay nỗi oán trách chứa đựng ở nội tâm lâu ngày tích lũy thành ung độc làm bải hoải suy nghĩ, mỏi mòn ý chí phấn đấu. Sứ mệnh của văn chương hôm nay, chắc hẳn không còn phù phiếm, hiển nhiên là chân xác của đời sống phản ánh qua suy luận. Cuộc sống xô đẩy mỗi số phận vào từng cơn thảng thốt, con người nhiều lúc muốn buông xuôi hết cả để mặc cho số mệnh quyết định. Nhưng, ở cương vị nhà văn, có sự gì huyền bí thúc đẩy một cách khẩn cấp, làm rối loạn tâm thần nếu không nói hoặc viết ra được. Sự nói hay viết ra, chắc chắn cũng chẳng mang lại đổi thay, hoặc có ảnh hưởng sâu đậm trong ý thức chung về đời sống, nhưng ít nhất, nó có mặt để ghi nhận những chứng tích u uẩn hay cuồng nộ của thời đại. Thế là đủ.

Thế Uyên cũng là linh hồn của nhóm Thái Độ. Nhóm này tập trung được một số nhà văn, nhà thơ trẻ tiến bộ. Tất cả những sáng tác cũng như dịch thuật của các văn hữu trong nhóm đều được xuất bản dưới nhãn hiệu Thái Độ. Nhà xuất bản Thái Độ hoạt động rất đặc biệt, khi sáng khi tối, khi đen khi trắng. Có những ấn phẩm in đẹp phổ biến rộng rãi, có tập in ronéo phổ biến hạn chế. Thế Uyên là một trong số đông đảo người làm văn học nghệ thuật chống đối kịch liệt chế độ kiểm duyệt vì quan niệm rằng, người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước công luận những gì do mình sáng tạo, đồng thời cũng ý thức được tầm quan trọng của Quốc gia, nên kiểm duyệt là điều vô lý, không dân chủ. Nhưng đòi hỏi là quyền nhà văn, còn có thể thỏa mãn được hay không, cũng tùy thuộc và nhiều yếu tố, trong đó có chiến tranh.

Thế Uyên còn trẻ lắm, sức sáng tạo còn dồi dào. Ngày mai với nhiều bất ngờ đang chờ ở phía trước.

Trích văn Thế Uyên

… Vũ quỳ lên cố gắng quan sát. Các đốm lửa không còn lóe sáng bên kia lộ. Khẩu trung liên bên cạnh tiếp tục tạo những vệt đỏ dài lao vào một mái nhà. Chàng đưa chân đạp mạnh vào mông xạ thủ: “Ngóc cái đầu lên nào! Định bắn chim đấy hả?”. Người lính chồm lên: “Bắn sát mặt lộ cho tôi một băng nữa”. Có một bàn tay đập đập vào chân, chàng quay lại:

“Cái gì?”

“Tư tưởng Đống đa hỏi có cần yểm trợ 81 không?”

Chàng cầm ống liên hợp, cố giữ cho hơi thở điều hòa:

“Thẩm quyền Vĩnh ba tôi nghe… Thôi, không cần…Tụi chúng rút rồi… Vĩnh! Vĩnh! Đây Vĩnh ba nghe không trả lời… Thôi bắn 60, thôi bắn 60!”

Đưa ống liên hợp lại cho hiệu thính viên, chàng quỳ thẳng dậy, không gian im lặng. Chàng gần như chỉ còn nghe thấy tiếng thở mạnh và tiếng ho khan rải rác. Chung quanh, những vệt thẫm nhạt bất động. Chàng quay đầu nhìn tứ phía, không còn dấu vết hoạt động nào của địch. Chàng cất tiếng hỏi:

“Ra, tiểu đội 1 có ai bị không? Tiểu đội 2?”

Các giọng nói quen thuộc từ bóng tối, trong lùm cây, bờ đất lao xao:

“Vô sự, vô sự chuẩn úy…”

Hiệu thính viên kéo máy lom khom lại gần, đưa ống liên hợp:

“Cả Tư tưởng Đống đa lẫn Đống đa cho lệnh báo cáo”.

Chàng tiếp tục nhìn vào khoảng đen thẫm nhạt bên kia quốc lộ, nói thấp giọng vào máy:

“Vĩnh ba báo cáo vô sự. Địch hướng về hướng sông, phỏng đoán là thám báo địch. Sẽ sang lục soát chiến trường trong năm phút nữa. Chấm hết”.

Chàng cài vội ống liên hợp vào máy, không muốn nghe thêm các âm điện tử lẫn với những tiếng nói xôn xao đòi hỏi. Trăng chưa lên khỏi rặng cây chân trời nhưng một thứ ánh sáng nhàn nhạt, buồn tẻ, bất định đã làm các sự vật bắt đầu có đường nét rõ, gãy gọn hơn. Chàng cất tiếng, giữ cho vừa đủ nghe:

“Tất cả nạp một kẹp đạn mới! Tiểu đội 1 theo tôi”.

Chàng đứng dậy, đầu và nửa thân phía trên chợt mát lạnh trong gió. Ngọn cây phía sau xào xạc, không gian chưa trở lại bình thường trong thứ ánh trăng còn non và nhạt nhẽo. Chàng giơ cao tay hạ xuống ra lệnh, những bóng đen vụt băng qua lộ. Chiếc cầu trắng phía xa, các căn nhà bên kia có những hàng cột đen phía trước chờ đợi. Dưới các mũ sắt, các đôi mắt không là gì hơn một khoảng đen thẫm hơn nhưng chàng biết chúng có đó và đang hướng về chàng chờ đợi. Chờ đợi gì? Một tiếng nổ làm chàng gục xuống hay một cái chết đột nhiên cho họ. Tứ bề vẫn mờ nhạt trong thứ ánh sáng không dứt khoát và khó chịu, chàng nói:

“Chắc chắn tụi nó chuồn hết rồi. Anh ra chia làm hai toán đi lục soát dãy nhà và nghĩa địa. Tôi đợi đây”.

Chàng đặt khẩu súng xuống mặt nhựa, bỏ mũ xuống cố gắng bật lửa châm thuốc. Luồng gió đều đều làm tạt ngọn lửa nóng bỏng trên tay. Chiếc bật lửa rơi xuống tạo một tiếng va ngắn trên mặt đường. Tiếng nói cất lên từ phía sau:

“Chuẩn úy đứng thế, trông rõ lắm”.

Không hiểu vì lý do gì, chàng đột nhiên có cảm tình với giọng nói đó, giọng nói vô danh, gần như không thuộc về một người nào đằng sau, có vẻ như phát sinh từ cái không gian lờ mờ hỗn độn đang bao quanh. Chàng ngồi xuống, kẹp chiếc mũ giữa hai đầu gối, gắng bật một lần nữa, đầu như lọt vào trong mũ khi vùng lửa đỏ bùng lên. Khói thuốc êm ả, mơn trớn làm chàng chợt nhận ra lưng, ngực ướt đẫm mồ hôi, những giọt buồn buồn chạy dài, dừng lại một khoảnh khắc ở thắt lưng rồi biến đi. Các nhà bên kia có tiếng lao xao, chàng lắng nghe, tiếng động vụt im. Tiếng Ra trầm khẽ từ một khoảng trũng bên vệ đường:

“Tụi chúng chắc bị hai tên. Có hai vũng máu sau bếp cái nhà kia”.

Chàng tì một tay ngả người thấp xuống, cố định rõ hướng theo cánh tay Ra. Không gian ánh sáng rõ hẳn lên, mặt trăng tròn đã lên khỏi rặng cây, chàng nhận thấy tấm kim khí trên cổ tay người phụ tá lắc lư theo một nhịp điệu. Hai binh sĩ xuất hiện, hối hả lại gần:

“Tụi chó đẻ, chuẩn úy! Tụi chúng ban nãy đã nấp sau chuồng bò. Chính thằng Vịnh trông rõ ba đốm lửa hướng đó, quật vô một băng trung liên… Làm một con bò chết ngắc, một con ngắc ngư… Chuẩn úy cho gọi chủ bò dậy mổ lấy bán thịt?”

Chàng cúi xuống hút một hơi điếu thuốc để trong lòng mũ, trả lời không suy nghĩ.

“Cũng được. Anh Ra cho trung đội bố trí quanh khu này rồi hãy cho dân ra khỏi nhà”.

Hai bóng đen khuất đi, chìm lẫn vào bóng tối của hàng cây. Tiếng đập cửa vang lên trong vùng yên tĩnh: “Cô bác mở cửa đi! Tụi tôi Cộng Hòa đây!”. Chàng cúi xuống hút một hơi thuốc trong mũ, tiếng gọi và đập cửa lúc rõ lúc mờ theo sức mạnh yếu của gió. “Cô bác mở cửa… Cộng Hòa đây!”. Chàng ngửa cổ cho gió lùa xuống ngực, các giọt mồ hôi se dần trên da. Các tiếng nói lẫn lộn, trao đổi, một vùng ánh đèn xuất hiện làm các bóng người hiện ra thành từng vệt dài trải về phía lộ. Vùng ánh sáng di chuyển về phía chuồng bò, những tiếng động khó xác định xuất xứ bắt đầu nhiều hơn. Chàng như muốn ngái ngủ, ánh đèn di chuyển qua các bóng xuất hiện trên tường làm đứa trẻ là chàng hơi sợ hãi kéo chăn lên trùm kín mít, giấc ngủ đến êm đềm và buổi sáng đến trong tiếng gà mẹ gọi con ngoài sân, những khung vàng nhạt trên vách của ánh nắng mặt trời qua khe hở trên khung cửa căn nhà tại quê cũ. Hơi nóng đầu thuốc bắt đầu tỏa

vào ngón tay, chàng cúi xuống cố hút một hơi chót, buông mẩu thuốc xuống, bốc đất phủ lên từ từ. Chàng đứng dậy.

Vùng ánh sáng rực rỡ hẳn lên khi chàng bước vào sân nhà. Một đứa bé ngái ngủ ngồi thần người trước ngọn đèn nhỏ đặt trên đất, chàng dừng lại một khoảng thời gian, nhận ra đó là một đứa gái tóc rối rủ trên vai áo rách lộ một khoảng da trắng nhạt. Một nỗi xúc động xuất hiện, chàng tự nhủ: Nào có gì đâu, một cô bé gái ngồi ngái ngủ cạnh ngọn đèn dầu, chỉ có vậy. Nhưng nỗi xúc động vẫn còn đó, ray rứt và bí ẩn. Chàng băng qua sân, tới tì tay vào một then ngang nhìn vào chuồng bò: một con vật nằm dài mất một bên đùi, một người đàn ông cởi trần ngồi quay lưng lại lúi húi xẻ thịt, thỉnh thoảng bê một khối bầy nhầy vứt vào chiếc thúng. Nỗi xúc động tan biến đi khi chàng nhìn rõ người đàn bà ngồi cạnh thúng, hai tay tì trên đầu gối, bàn tay buông thõng xuống gần chạm đất. Tuyệt vọng và khốn khổ có đó rồi, điều chàng âm thầm lo sợ nó hiện ra đầy đủ như thế với hai vệt nước mắt trên da mặt đã bắt đầu nhăn của người đàn bà. Người đàn ông cởi trần mệt mỏi đứng dậy vặn người, hai bàn tay mở nguyên giang cách xa thân hình, các vệt máu bết dày đen thẫm óng lên giữa các kẽ ngón. “Giúp tui một chút chứ! Ngồi đó mà khóc ích chi!”. Con bò thứ hai đứng sát vách chuồng đối diện bắt đầu run rẩy dữ dội, hai chân trước lẩy bẩy, các vết đạn thủng lỗ chỗ trên lớp lông vàng bết máu. Một bóng đen lại gần ngay cạnh làm chàng quay nghiêng đầu, nhận ra khuôn mặt binh sĩ xạ thủ trung liên đã chúi đầu bắn cả một băng đạn lên mái nhà. Nửa người trung đội phó đột hiện rõ trong vùng ánh đèn, đôi mắt nhỏ long lanh phản chiếu ánh sáng lộ vẻ điềm đạm, chàng thèm muốn có được thái độ ấy vì nỗi xúc động còn đang tiềm tàng, ray rứt. Có gì mà phải… đã có những dân nào bị chết… Chàng đứng thẳng người dậy, lấy thuốc châm hút. Phải rồi, có lẽ thế, chàng đã dửng dưng nhìn nhiều xác chết nhưng nhìn rõ chúng trong tư thế cứng ngắc, thực chết. Còn buổi tối, khối vô định dưới tấm bạt chiếc giày thòi khỏi sàn xe lắc lư trong vùng ửng đỏ và bây giờ nỗi thống khổ hiện ra kia, con bò run rẩy hấp hối và người đàn bà ngồi khóc. Ra nói với người đàn ông: “Bác mổ con kia đi. Nó sắp chết rồi”. Người đàn ông làu nhàu một câu không rõ, lại gần vách cầm khúc gỗ lớn nhưng một người đã vụt bước vào đánh ngược báng súng vào đầu con bò. Con vật loạng choạng gục xuống, tứ chi tiếp tục run khẽ. Chàng nhận ra người đánh báng súng là xạ thủ trung liên. Bây giờ đầu hắn cúi xuống, vài đợt tóc dính bết mồ hôi trên trán. Ra nói: “Bán thịt cả hai con được chừng bao, bác?”. Người đàn bà im lặng giơ tay quệt ngang mặt, chàng gọi nhỏ: “Ra, Cát, rút đi thôi…”. Chàng hướng ra phía lộ và khi đi qua đứa bé ngồi trước ngọn đèn, chàng chợt nhớ ra đêm khuya ở quê ngoại, mẹ chàng đặt chàng ngồi cạnh ngọn đèn để giúp người bà săn sóc mấy con heo, bệnh bất ngờ. Mặt quốc lộ như không còn một vết bụi, loang loáng ánh trăng chạy dài về phía cây cầu đúc, chàng vẫy tay cho quân vượt qua khu đất trống, bóng tối của rặng cây cao úp phủ lên làm chàng bắt đầu nghe thấy tiếng dế kêu trong cỏ.

*

Chị nghiêng đầu lắng nghe, không gian đã trở lại bình thường, có tiếng lao xao trong khu vườn bên kia nhà: “Yên rồi… Lên đi”. Đốm lửa đỏ đầu thuốc lóe lên soi rõ chiếc mũi bóng loáng mồ hôi của Ba, mùi khói ấm tỏa ra nồng nặc: “Lên thôi, anh! Hết súng rồi”. Chị giơ đứa con vào hai cánh tay chồng lờ mờ trong miệng hầm, đứa bé mê ngủ quẫy mạnh.

“Nhà có bị sao không mình?”

Tiếng Ba từ một góc tối vẳng lại:

“Không có sao hết”.

“Sao tối nay mấy ổng đánh nhau sớm như vậy há? Trăng mới lên mà”.

Ba không trả lời, có tiếng ly va chạm vào nhau và tiếng nước chảy ở bàn, trăng đã bắt đầu làm rõ các cây cối ngoài vườn. Chị khẽ đẩy đứa bé vào phía trong, ngồi dựa vách nhìn ra ngoài khe cửa. Có tiếng heo ủn ỉn lại gần, chị ghé sát khe nhìn ra, gọi khẽ:

“Hai con heo hổng chịu vô chuồng ngủ!”

“Biết sao. Ra bây giờ dám đụng mấy ổng bất tử…”

Một bàn tay cứng ngắc lẫn mùi thuốc quàng quanh người, kéo chị ngả xuống ván, rồi một sức nặng nóng cứng thoảng hơi rượu phà vào mặt. Chị hoàn toàn buông thả, hài lòng nhưng vẫn thì thào:

“Thôi đi. Đợi chút đi, giờ này dám mấy ảnh tới gõ cửa bắt đi đắp mô”.

“Mô nè!”

Bàn tay Ba làm một bên ngực chị đau tê dại:

“Nhẹ chứ, thằng nhỏ dậy bây giờ!”

…Tiếng Ba còn thở mạnh, chị ngồi dậy khua tay tìm quần. Ba co chân đặt lên chặn lại. Chị cười khẽ:

“Nhậu say, ham dữ hôn!”

Cánh tay lại vòng quanh lưng kéo xuống, chị ngả người theo chiều kéo, mở rộng thân thể chiều đón. Đột nhiên chị nghiêng người, hay tai vít vai Ba bất động, lắng nghe tiếng loa văng vẳng qua vách.

“Thôi xuống đi mình. Mấy ảnh về rồi đó, để sức mà đi đắp mô”.

Ba úp chụp xuống giữ nguyên chị ở vị trí cũ:

“Mấy ảnh về cứ về. Tui cứ lo việc của tui!”

“Dữ hôn. Một lần rồi chứ nào phải… Nhậu lắm vô rồi lộn xộn hoài với tui!”

Ba thở mạnh nín thinh, nhưng chị không còn hứng thú. Tiếng loa đã nghe rõ hơn giữa tiếng chó sủa, chắc mấy ảnh đã về đến nhà bà Sáu. Chị rướn người chiều ý chồng, tiếng loa cắt đứt từng tiếng lọt qua vách làm thân thể trơ cứng, và khi Ba run rẩy hối hả rồi ngả người lăn sang bên cạnh, chị vội vã ngồi dậy nhìn qua khe. Ba bóng đen băng qua vườn, tiến vào sân. Chị quờ tay lay chồng:

“Mấy ảnh tới kia!”

Ba ngồi dậy, bước xuống đất lom khom mặc quần. Tiếng gõ cửa nhẹ, một giọng nói như cố làm ra vui vẻ và thân mật:

“Mở cửa cô bác! Chưa chín giờ đã đi ngủ dữ đa…”

Tiếng then cửa va lạch cạch, ánh trăng vụt hiện một khung vuông trên nền nhà. Chị nhìn qua vai chồng, cố nhận diện ba hình đen thẫm đứng xoay lưng lại ánh trăng, một tiếng ho nhẹ gần như quen thuộc. Giọng nói cũ tiếp tục:

“Phiền anh chị ra mần mấy cái mô… Cho tụi tay sai đế quốc Mỹ ngắc ngư chơi”.

Một tiếng cười nhỏ chấm dứt câu nói, trơ trọi lạc lõng. Ba nín thinh đứng im, chị nín thinh nghĩ tới nỗi mệt mỏi từng nhát cuốc bổ xuống đất cứng tê dại cánh tay trong bóng đêm, mồ hôi chảy ra ướt đẫm vai lẫn sương đêm và sáng hôm sau từng toán quân vào xã thu thẻ kiểm tra với một câu nói nửa mời mọc nữa đe dọa: “Phiền cô bác ra phá giùm mấy cái mả Hồ Chí Minh cho xe đò lưu thông, đồng bào buôn bán làm ăn chút chứ… Tụi tôi đợi trả thẻ cô bác ở lộ”. Cứ như thế bao lần rồi, chị mỏi mệt nhắm mắt lại, người như muốn rã rời. Tiếng chân Ba bước nhanh lại góc nhà, ánh trăng mất vật cản ùa vào mặt và vẫn một tiếng ho quen thuộc ấy làm chị mở bừng mắt cố nhận rõ mặt người đàn ông từ lúc đầu vẫn đứng dưới bực thềm, bất động. Ba lại gần cửa, tiếng thuổng va vào cột vang động như một nỗi bực tức không dám thổ lộ. Chị nói:

“Thôi mấy anh cho tui ở nhà bữa nay. Tui đang đau, cả đứa nhỏ nữa”.

“Thôi mà. Anh chị ráng chút chút, đóng góp cho giải phóng nhân dân… Đừng có lo! Tụi chúng không dám bắn vô đầu đồng bào đâu. Mấy bữa trước tụi chúng bị đồng bào kéo lên kiện trên quận vì bắn vô xã đó, còn ớn mà”.

Tiếng nói từ bóng đêm đứng ngoài thềm cất lên, thật quen thuộc làm chị sững sờ:

“Thôi, để chị ở nhà bữa nay. Đứa nhỏ đau mà”.

Xúc động đột ngột dâng lên làm chị nghẹn ngào, bàng hoàng. Đúng Hải, đúng Hải rồi, Hải chưa chết và đêm nay trở về đứng ngoài thềm trong ánh trăng với những tiếng ho dè dặt. Chị hơi rướn người về phía trước như để nhìn rõ hơn khuôn mặt chìm trong bóng tối, tiếng loa gọi theo chiều gió lan tới, những người đàn ông im lìm khoảnh khắc như ngủ thiếp. Không ai nói gì thêm và chị đứng đó cứng người ra, thân thể Ba bên cạnh chỉ còn như một cái cột một vách tường, những bóng đen ngoài hiên như cây cỏ trong vườn. Ba thở dài thật khẽ bước qua bực cửa, lẫn vào trong những bóng đen, lưỡi thuổng loang loáng hắt ánh trăng. Chị mơ hồ thấy đất lạnh thấm vào gót chân, cơ thể thôi rướn căng về trước, Hải đã trở thành bóng đen mờ mịt tan lẫn vào khu vườn khoảng hiên trắng dưới ánh trăng yên tĩnh. Chị bước ra ngoài ngồi xuống bậc thềm, hơi đất thấm vào mông vào đùi, ánh sáng trăng tứ bề, trên tóc, trên bàn tay, trên nỗi xao xuyến mong ước và tuyệt vọng. Hải đó, chưa chết và trở về như một bóng đen trên thềm đất, như một lôi cuốn tàn bạo làm người chị rũ rượi như khi tiếng súng uy quyền bắt chị lết xuống căn hầm nồng mùi đất ẩm mùi thuốc lá của chồng. Hải đã trở lại, Hải của buổi trưa ven sông lao vào Tía chửi rủa đấm đá túi bụi và chị đứng sững sợ hãi, muốn can hai kẻ, muốn chạy, muốn kêu. Hải của đồn bốc cháy ngùn ngụt, Hải chạy băng qua ruộng mía, sờ soạng vội vã và lục lạo, co quắp sức mạnh trên thân thể chị trên lớp lá cây xào xạc trong bóng đêm. Tiếng loa, tiếng ồn ào rầm rì từ phía trụ sở hội đồng xã vẳng lại, chị ngồi im trên thềm, ánh trăng rải đầy trên sân trên lá cây, lắng nghe tim đập khắc khoải. Chị ngồi im trên thềm, chờ đợi. Chờ đợi Hải sẽ trở lại, chị biết thế, hắn sẽ phải trở lại để sờ soạng, co quắp sức mạnh trên thân thể chịu đựng chiều đón. Không thể tuyệt vọng hơn được, mọi sự sẽ phải đến như thế. Tiếng loa, tiếng ồn ào rầm rì, tiếng chân người lan dần về quốc lộ. Da thịt khe khẽ ướt át nhờn trơn, mông bắt đầu ê ẩm, chị muốn đứng dậy ra vại nước tắm, chị muốn đổi thế ngồi, ánh trăng làm lo âu tăng cao dần, chị muốn lùi vào nhà, ẩn dưới hiên, trong bóng đêm. Nhưng cơ thể vẫn bất động, ánh trăng trên đất trên lá cây, tràn đầy trên tóc trên tay, trên nỗi chờ đợi đến tuyệt vọng một bóng đen sẽ từ bụi rậm, bờ cây xuất hiện như một sức mạnh co quắp phải đón nhận trên thân thể đang tê dại, rũ rượi, nhờn trơn…

(Trích Tiền đồn, từ trang 133 đến 144)
Nguồn: Tạ Tỵ. Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay. Lá Bối ấn hành lần thứ nhất. Bìa của Đinh Cường. In xong tại Việt Hương ấn quán, 34 đại lộ Lê Lợi, Sài Gòn ngày 29-1-1972. Giấy phép SPNHT số 4452 BTT/PNHT, ngày 20-9-1971. Ngoài những bản thường có in thêm 50 bản trên giấy quý dành riêng cho nhà xuất bản và bạn văn của tác giả. Nhà xuất bản Lá Bối. Lô 0, số 121, Chung cư Minh Mạng, Sài Gòn 10. Giám đốc sáng lập: Nhất Hạnh. Thư từ xin đề ông Võ Thắng Tiết. Giá: 800đ. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Xoá bỏ Thái Độ

Một hôm đẹp trời (xấu trời cho tôi) ở Sài Gòn, vào một năm đầu thập niên 70, tôi nhận được tin hai sĩ quan trẻ của Thái Độ bị một cơ quan an ninh của Việt Nam đệ II Cộng Hoà xét hỏi, tạm giữ. Tôi ngạc nhiên vì vẫn tin rằng chính sách "mở cửa" của Thái Độ, lập trường dứt khoát ở phía quốc gia, không chơi với ông VC, thì có gì đâu mà xét với hỏi. Còn việc tin chắc chính sách chống Cộng của chính quyền công giáo miền Nam đang phá sản, đang đưa miền Nam đến chỗ lọt vào quyền lực đảng Cộng Sản , là việc bất đồng chính kiên trong phe quốc gia vói nhau. Nhưng lần này vụ gọi lên "làm việc" là do Trung ương Tình báo thực hiện. và không gọi "chưởng môn" Thế Uyên như mọi lần. Linh tính báo cho biết lần này to chuyện rồi.
Tôi như thường lệ loan báo nội vụ cho Chu Việt, cố vấn riêng của tôi. Chu Việt quen biết nhiều các cơ quan nha sở Sài gòn, tương tự như Duy Lam biết nhiều ỏ vùng I. Tôi nhờ Chu Việt hỏi nguyên nhân và nội vụ để tôi biết đường mà gỡ rối, giải thích mọi ngộ nhận. Sau mấy năm hoạt động báo chí, tôi có một uy tín nào đó trong giới cầm quyền và giới có thể sắp cầm quyền ở miền Nam. Ngay những vị cầm quyền phù du cuối Việt Nam Cộng Hoà như Vũ văn Mẫu, Lý Quí Chung cũng là chỗ quen biết dù không thân. Chu Việt hỏi thì có kết quả ngay, vì người đứng đầu cơ quan này là bạn cùng khoá với Chu Việt. Ông bạn này nói ngay là vì phía Mỹ (CIA hay CIB không rõ) đã yêu cầu phía Việt Nam phải xoá bỏ, hay dẹp tan nhóm Thái Độ, *asap* (as soon as possible)... Dĩ nhiên phía Việt Nam không đồng ý cho lắm, nhưng không thi hành thì không xong, nên làm nhẹ nhàng để báo hiệu cho tôi biết mà lo liệu.
Tôi điện thoại cho Duy Lam nhờ anh gặp ông lãnh sự Mỹ ở Đà Nẵng. Ông này dáng người nho nhã thư sinh, tôi quen sơ sơ. Một lần theo ông anh đến chơi, thấy ông Mỹ này đang ngồi đọc *Chiến tranh cách mạng* của Mao Trạch Đông, dĩ nhiên bản Anh ngữ, tôi đã nửa châm biếm nửa chế nhạo: "Bây giờ ông lãnh sự mới đọc cái thứ này thì trễ rồi..." Giờ đây, tôi phải nhờ chức sắc này chuyển hộ về Toà Đại sứ lời yêu cầu xin gặp của tôi, không phải gặp ông Đại sứ Bunker mà dân Việt tếu hay gọi là ông "tủ lạnh" hay ông "bê tông cốt sắt", mà là gặp ông số 2 hay số 3, biết tiếng Pháp. Địa điểm gặp gỡ là nhà của ông lãnh sự ở Đà Nẵng, ngày và giờ gặp tuỳ bên đó. Lần này thì Mỹ trả lòi nhanh thần tốc là OK đề nghị của tôi. Tôi chỉ việc nhờ Chu Việt lấy vé của Phủ Thủ tướng để có thể đi sớm một hai ngày – những buổi họp gay go, tôi thich đến sớm để chuẩn bị tinh thần. Ít nhất đủ để hút một điếu thuốc và nhìn mây nếu có, trên bầu trời. Đến Đà Nẵng, buổi tối, hai anh em ra ngồi bao lơn quán ven sông nhìn dòng nước tiếp tục chảy từ muôn đời, nhìn đêm đen, uống bia, nói chuyện. Duy Lam cũng bi quan như tôi nhưng không tuyệt vọng, anh tin ở anh cũng như tôi tin ớ tôi. Hai anh em này tự tin dễ sợ, mỗi người một kiểu, trong cuộc nội chiến dữ tợn diễn ra ngoài thành phố. Tôi hỏi: "Sáng mai anh đưa tôi ra xạ trường được không, cho tôi tập bắn M.16...", đề phòng trường hợp tệ nhất xẩy ra, như tôi bị trả về quân đội, tới những tiền đồn heo hút như

Ban Het, đồn trên đỉnh Mang Yang... (khi vượt đèo lên cao nguyên, tôi thường nhìn thấy một bảng mũi tên ghi "đồn Mang Yang 7 km", tự hỏi ở đó có "trên cao gió lộng" không...) Hồi tôi còn ở Sư đoàn 5, lính còn trang bị Garant M.1 thời đệ nhị thế chiến, nặng 7kg2, chỉ cố vấn Mỹ mới có AR.15, tiền thân của M.16 nhẹ hều như đồ chơi sau này. Tại xạ trường nhỏ của Biệt kích sáng hôm sau, anh tôi bắn colt, vẫn thường đeo bên mình những vỏ lon bia và bắn giỏi, bắn lon nào, bắn trúng lon đó, trong khi tôi chỉ bắn theo linh tính. Tôi kẹp M.16 vào sườn, bắn liền ba băng rồi than: "Sức xuyên phá yếu quá, không bằng AK của bên kia, bắn vào rừng như vô nghiệm." Dĩ nhiên tôi bắn dở ẹc, còn anh tôi bắn giỏi, bắn đâu trúng đó vì anh chỉ có một mắt rưỡi, bắn súng coi như đã nheo một mắt sẵn... Hồi còn con nít anh chơi bắn nhau trong một ngôi chùa cổ nơi bà chúng tôi ở, anh bị anh V. con cả của Nhất Linh bắn cho một mũi tên trúng mắt thành sẹo. Hậu quả cũng "tái ông thất mã" lắm, khi bị động viên, vì mắt yếu như thế, anh bị/được vào Truyền Tin.

Anh bảo tôi cầm lon bia giơ lên cách 3 thước, anh nổ trúng tung lên cho mà coi... Tôi tin anh có thể làm được, nhưng kinh nghiệm hồi nhỏ hai anh em chơi cung tên làm tôi lắc đầu từ chối. Lần đó anh để tôi đứng sát tường, đầu đội một vỏ bưởi to. Anh giả làm Guillaune Tell, giơ cung lên hỏi: "Bắn trúng vỏ bưởi nghe?" Tôi ngố ngệt trả lời: "Ừ..." Anh lập tức buông giây và mũi tên làm bằng giây thắng xe đạp, bay ghim vào cổ tôi, dính lủng lẳng ở đó. Tôi vừa mếu vừa kêu mẹ ầm ĩ. Mẹ tôi gỡ ra cho tôi, vừa bôi thuốc đỏ, vừa cằn nhằn, dặn dò: "Khi nào có ai giơ bất cứ cái gì lên doạ bắn, con phải chạy đã, hậu xét mọi sự nghe!" Những gì sẽ xẩy ra tối hôm nay ở toà lãnh sự Mỹ ở Đà Nẵng một phần có lẽ tôi áp dụng lời mẹ dặn năm xưa, sửa đổi cho hợp thời mà thôi.

Đặc phái viên của Đại sứ tóc đã bạc nhiều, cao như ông Đại sứ, đang ngồi nhâm nhi ly cognac với Lãnh sự, đặt ly xuống bàn, đứng lên chào đón hai anh em tôi. Một màn bắt tay và giới thiệu diễn ra tự nhiên và khá nhanh. Chủ nhân lấy thêm hai ly tròn to bự, rót rượu vào một chừng một đốt, giơ tay mời một vòng. Chúng tôi cụng ly nhau, uống dăm ba ngụm rồi ngưng, không chúc sức khoẻ ai cả. Lãnh sự cầm ly rượu ra hiệu cho anh tôi, hai người cùng cầm rượu sang một bàn ở cuối phòng, ra cái điều không muốn biết, không muốn dính tới những gì trao đổi giữa tôi và ông già đại diện cho Đại sứ. Tôi cầm ly tròn lên uống thêm một ngụm, rượu của lãnh sự khá đậm đà, rồi mở đầu trước, dĩ nhiên bằng tiếng Pháp accent nhiệt đới của tôi: "Hai chúng ta chỉ có một người là dân ngoại giao chuyên nghiệp, là ông, còn tôi thì không. Vậy chúng ta thảo luận thẳng thắn, không hoa mỹ rào trước đón sau, OK?" Ông già đồng ý, tôi hỏi thẳng: "Tại sao Toà Đại sứ lại yêu cầu chính quyền Việt Nam dẹp bỏ nhóm Thái Độ?" Câu trả lời ngay lập tức của ông làm tôi ngạc nhiên: "Tại nhóm Thái Độ làm hại công cuộc chống Cộng của quân đội Mỹ tại Việt Nam."

Cái gì mà ghê vậy? Tôi viết văn tiếng Việt, ra báo tiếng Việt, mắc mớ gì tới mấy ông lính Mỹ? Nhưng thôi, lúc này không phải lúc tranh luận với CIA mà là thuyết phục họ rút lại yêu cầu chính quyền Việt Nam dẹp bỏ Thái Độ (và nhà văn là tôi)... Cãi lộn về chủ quyền nơi đất nước nhiều khói và lửa này sẽ làm bên phía Mỹ chối biến là đã can thiệp,... và tôi cứ việc xách súng lên đồn trên đỉnh Mang Yang mà viết văn "đâm sau lưng chiến sĩ... Mỹ"! Tôi hỏi thẳng thắn: "Để các ông rút lại yêu cầu Việt Nam dẹp bỏ chúng tôi, tôi phải làm gì?" Ông già cũng ngay thẳng trả lời: "Giải tán nhóm Thái Độ, và Thế Uyên nghỉ viết 10 năm!"

Cái gì mà ghê vậy? Tôi không giữ được một nụ cười châm biếm, hỏi ông già: "Ông có thực tin rằng quân Mỹ còn ở Việt Nam tới mười năm nữa không, mà yêu cầu vậy?" Ông già cũng nhếch mép một nửa nụ cười, và chắc là Mỹ gốc Scotland hay Do-thái, nên mặc cả: "Năm năm thôi cũng được... Có phải khi cầm quyền các anh sẽ tuyên bố trung lập?" Câu hỏi bất ngờ làm tôi hơi khựng lại vì không nghĩ tới vấn đề đó. Tham vọng của Thái Độ cao hơn chuyện trung lập thân Pháp hay thân gì gì đó. Nhưng ông già hỏi bất ngờ làm tôi trả lời ngắn gọn: "Trung lập, vậy thì sao thưa ông?" Ông già chậm rãi kết luận:

“Trong trường hợp đó, người Mỹ không còn chân đứng tại phần đất này nữa...” Thế này là cùng một từ “trung lập” mà hai bên lại hiểu khác nhau rồi! Tôi nồng nhiệt trình bày: “Tất cả nhóm chúng tôi đều được đào tạo trong văn hoá Tây phương. Người Mỹ nên ủng hộ bọn tôi. Chính bọn tôi mới giữ cho người Mỹ chân đứng ở miền đất này trong tương lai, không phải những người bên kia đâu! Nếu có tuyên bố trung lập, thì đó sẽ là một thứ trung lập thân Tây phương, và có thể có thêm toà đại sứ Liên Xô, Trung Quốc không xa toà Đại sứ Mỹ. Thế thôi.” Ông già im lặng có vẻ không tin. Tôi nói giọng tiên tri: “Tôi nói điều này xin các ông bảo lưu, không những tại toà Đại sứ Mỹ ở Sài Sòn mà còn chuyển về bộ Ngoại Giao: Người Mỹ đã lầm khi không ủng hộ giải pháp chúng tôi, vậy thì quân đội Mỹ sẽ phải rút khỏi Việt Nam trong tương lai, không còn một chân đứng nào. Và ít nhất là hai mươi năm sau, sau rất nhiều điều đình rắc rối, tốn kém người Mỹ mới đặt nổi một chân đứng nơi phần đất này...” Ông già trịnh trọng nói: “Sẽ chuyển và bảo lưu ý kiến anh như anh mong muốn...”

Tôi thuộc một dòng văn học hơi lâu đời một chút nhưng đôi khi cũng biết mặc cả cho văn nghiệp: “Sẽ giải tán nhóm Thái Độ và tôi ngưng viết ba năm thôi.” Ông già đồng ý. Tôi im lặng một chút, đưa ly rượu lên uống – đôi khi rượu cũng có ích, như lúc này đây. Tôi cầm cái ly to bự tròn vo đến bàn Duy Lam và Lãnh sự, đưa tay bắt tay Lãnh sự và nói lời cám ơn khách sáo về tất cả mọi thứ tối nay. Tôi không sao nhớ nổi có bắt tay từ giã ông già đại diện Đại sứ, hay là không...

Hai anh em lên jeep ra về, không ai nói một lời nào cho đến khi an vị chỗ thường lệ ngoài bao lơn quán ven sông Hàn, với một chai bia lạnh trong tay. Anh im lặng, tôi lên tiếng, ngắn gọn: “Tôi phải giải tán nhóm Thái Độ và nghỉ viết ba năm...” Anh vốn không ưa không thích gì nhóm này và tham vọng của tôi. Còn phải nghỉ viết ba năm thì không nhằm nhò gì. Từ khi làm chánh văn phòng cho tư lệnh quân đoàn, anh thôi viết văn, chỉ diễn thuyết và dành hết thời giờ cho Việt Quốc – một đảng, theo tôi, chỉ còn hình bóng của năm xưa, đảng viên bất động, không thể lo việc lớn nổi. Hai anh em tôi thật tức cười, thân nhau thì hiếm anh em nào bằng, nhưng kể từ khi lớn lên, không làm chung được điều gì.

Sáng hôm sau tôi trở về Sài Gòn, và trong buổi họp vào thứ Sáu gần nhất, sau khi bá cáo những gì đã xẩy ra, tôi tuyên bố giải tán nhóm Thái Độ, và riêng tôi phải nghỉ viết ba năm. Khi mọi người gần như im lặng ra về, phụ tá chính của tôi là Nguyễn Tường Giang bắt tay tôi và nói: “Ông có lẽ là người lãng mạn sau cùng của Việt Nam!” Tôi nói thêm: “Cả nhóm chúng ta đều vậy!” Phụ tá thứ hai của tôi là Nguyễn Đông Ngạc vui vẻ tuyên bố: “Như vậy tôi sẽ lập một nhà xuất bản riêng cho tôi, về tình yêu là chính.” Anh làm thật, cuốn đầu, *Love Story* của Eric Segal, bản dịch của Phan Lệ Thanh, một nữ sinh viên xinh đẹp mới tốt nghiệp ở Úc về, bán chạy ào ào. Cuốn sách dịch thứ hai cũng do dịch giả này là *Women in Love* của D.H. Lawrence. Cuốn thứ ba là tuyển tập *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta,* khá công phu, vì có tiểu sử, hình do Trần Cao Lĩnh chụp, và thủ bút của mỗi tác giả. Trần Cao Lĩnh để tôi đứng trước tượng kẻ sĩ nổi danh của miền Nam là Võ Trường Toản, do Nguyễn Thanh Thu tưởng tượng tạc thành. Hình chụp từ dưới lên, làm tôi trông như sinh viên năm đầu Đại học.

Nghỉ Thái Độ, ai cũng có việc làm hào hứng. Còn tôi, tôi làm cái gì đây, ngoài truyện dạy học đủ 18 giờ/tuần? Đối với người thường, làm giáo sư như thế cũng đủ cho cuộc đời, nhưng tôi quen làm việc với tốc độ cao, những việc khác thường, bây giờ hẫng một cái... rỗng không. Giả thử tôi phải trở lại đơn vị tác chiến thì việc quân, mạng sống phải lo thường ngày, trong nội chiến, đủ lấp đầy tâm trí... Nhưng như đã thoả thuận với ông già đại diện, tôi chỉ phải ngưng viết, còn đang ở Sài Gòn thì cứ ở Sài Gòn đều đều, dài dài mà “đêm nghe tiếng đại bác, ngắm hoả châu sáng góc trời”. Đã thế, còn vấn đề tài chính, vì lạm phát tăng nhanh, lương giáo sư không đủ nuôi vợ con. Tiền nhuận bút, thí dụ của *Chính Luận*, không thôi đã bù đắp nhiều cho ngân sách hàng tháng, tuy rằng đã có nhóm viên trước đây châm biếm: “Tiền nhuận bút không đủ cho ông chủ biên may

váy cho vợ...” Đủ chứ sao không đủ, mốt thời đó là váy ngắn xủn, ít tốn vải nhưng phải tốn phụ trội mua quần lót đẹp.. Nhưng bây giờ không còn nhuận bút của nhật báo, cũng không tác quyền sách mới...
Đúng lúc đó tay trống Sơn Râu, em trai duy nhất của tôi, ở Đà Lạt về, góp hai ý kiến để tôi chọn: “Một là anh giỏi Pháp văn như thế sao không dịch truyện *xì-trum* của báo nhi đồng và lão ngoan đồng “Spirou”, bảo đảm bán chạy dư sống? Hai là anh dạy Việt văn lâu năm, cứ phải dùng sách cũ ơi là cũ, chán ơi là chán, sao anh không soạn một bộ mới? Sơn tin rằng cũng bán chạy như dịch “xì-trum” sang tiếng Việt.”
Tôi chọn giải pháp soạn sách giáo khoa Việt văn. Nên kể thêm ngay về giải pháp một, kẻo không có dịp trở lại nữa: Người dịch *xì-trum* là một người Nam kỳ Lục tỉnh, đã khéo léo cho dân xì-trum nói kiểu nhi đồng miền đồng bằng Cửu Long, khi hát là hát lý con sáo, lý ngựa ô. Dĩ nhiên tạp chí xì-trum bán chạy vô địch miền Nam lúc đó, vì những người lớn như tôi cũng là độc giả trung thành. Đó là ấn loát phẩm mấy bố con đọc chung, thích thú. Mức độ phổ biến rộng, đến nỗi sau 30 tháng 4/75, nhà văn nằm vùng Vũ Hạnh phải viết một bài kết tội. Làm báo nhi đồng mà tội gì? Tội dạy cho nhi đồng Việt Nam lẫn lộn chính nghĩa với phản động: “Cái gì cũng xì-trum một cái là xong hết...”
Mở đầu cho việc soạn sách giáo khoa là mở cuốn chương trình mới nhất của Bộ Giáo Dục ra đọc. Tôi ngạc nhiên thấy qui định về Việt văn tiến bộ, hơn cả Pháp, còn có bằng Mỹ chăng tôi không biết vì không đủ Anh văn để đọc. Về phần văn trích dẫn, những người soạn chương trình ghi rõ “lấy trong sách báo đương thời”. Hiện tượng các sách giáo khoa Việt văn đầy những bài văn tiền chiến là tại các soạn giả lười hiện đại hoá. Tôi thì không: dàn hàng ngang trích đủ các tác giả đương thời, cả nam lẫn nữ, đủ cả Công giáo, Phật giáo: Tuý Hồng, Nguyễn thị Thuỵ Vũ, Trùng Dương... Ngô Thế Vinh, Cao Văn Luận, Đức Nghiệp, Phan Nghị, Nhất Hạnh, Thảo Trường, Y Uyên..., dĩ nhiên không thiếu hai anh em Duy Lam, Thế Uyên, và các nhà văn Tự lực Văn đoàn. Ban kiểm duyệt Bộ Thông Tin thấy cuốn giáo khoa không chịu giống ai, bèn gửi bản thảo sang Bộ Giáo Dục hỏi, và câu trả lời tất nhiên là soạn giả đã theo đúng chương trình qui định.
Cứ như thế mỗi năm tôi soạn cho một cấp lớp, 6, 7, rồi 8, 9, quên phăng đã quá hạn kỳ ba năm từ lúc nào. Tôi đang đà say mê soạn giáo khoa, quên phăng việc viết văn, nhất là khi bộ giáo khoa bán chạy, các nhà giáo trẻ thường chọn cho học sinh mua dùng. Tác quyền khá vì tôi làm từ A đến Z. Vì phát hành lấy, mỗi sáng tôi lúi húi gói sách, thuê xe ba bánh chở vào các chành ở Chợ Lớn. Tôi đèo Thi theo, để khi đến nơi, tôi mệt mỏi ngồi nghỉ trên xe gắn máy, có người giao thiệp với chành. Tiền bán sách bỏ vào một bịch mang đến ngân hàng gửi, các cô ngân hàng đếm mệt nghỉ, hỏi Thi: “Anh chị có cây xăng hay sao?” Năm 1975, tôi soạn xong cuốn *Việt văn lớp 12*, đang cho in... thì mấy ông bạn nón cối dép râu tiến vào Sài Gòn, chiếm tất cả nhà in, giấy và sách đã in. Còn tiền để ngân hàng, mấy ông cối lý luận kiểu Lương Sơn Bạc, là chỉ có những kẻ bóc lột nhân dân mới có tiền gửi ngân hàng, vậy tịch thu hết. Xong.
Vậy mà chưa đủ, mấy ông miệng nói cách mạng, thực chất Lương Sơn Bạc, còn lấy luôn thân thể lẫn đầu óc tôi mang lên rừng “cải tạo” ba năm, thực chất là tẩy não, khi tha về, cấp cho một “giấy ra trại’ đề rõ tội trạng: “trung uý tay sai đế quốc Mỹ”. Có lẽ vì thế chính quyền Mỹ nhận cho tôi mang theo vợ con đến Mỹ sau này chăng...

Tôi viết tự kiểm như thế nào

Nếu tôi cứ ngoan ngoãn thuộc bài và trả bài như thời kỳ còn ở các trại trên rừng núi, thì bài tự kiểm viết xong ngay. Nhưng vì nhiều lý do, trong đó chán nói dối là chính, tôi viết sự thực như đã được biết. Làm gì có những chuyện như Đảng tuyên truyền ở miền Bắc, như: Quân

Mỹ đổ bộ chiếm miền Nam ngay sau khi quân Pháp rút, cai trị hà khắc bóc lột đến nỗi dân chết đói nằm đầy các vỉa hè, tất cả phụ nữ trẻ của Sài Gòn phải đi làm điếm cho Mỹ hết (theo Đảng thống kê, Sài Gòn không thôi đã có 70 vạn gái điếm trên 4 triệu dân)... Bởi thế Đảng phải mang quân vào "giải phóng" miền Nam khỏi cảnh khốn cùng như thế...

Tôi gạt bỏ hết những tuyên truyền dối trá và bịa đặt ấy, cứ lịch sử diễn ra sao trước mắt, viết như thế. Tôi kể rõ từ năm 1954 đến 1960, miền Nam được sống trong hòa bình và no đủ (miền Nam vẫn sản xuất đủ lương thực cho cả nước, nay còn thêm viện trợ Mỹ), quân đội miền Nam vẫn có đó, ít ỏi vì không có địch để đánh nhau. Mãi đến tháng 12.1960, Đảng Cộng sản mới quyết tâm đánh chiếm miền Nam bằng bạo lực võ trang, chính quyền miền Nam mới đáp lễ bằng lệnh tổng động viên để tự vệ. Cuộc nội chiến Nam Bắc chỉ bắt đầu từ đó, còn quân Mỹ vẫn cứ ở bên Mỹ, chỉ biệt phái cho quân đội miền Nam vài trăm cố vấn.

Tôi bị động viên đang khi dạy học năm 1962 và sau khi tốt nghiệp Võ bị Thủ Đức, tôi phục vụ ở các đơn vị bộ binh phòng vệ cũng như tác chiến trong hai năm đầu. Địch của tôi là người Việt và vài tù binh bị bắt cũng thế. Dĩ nhiên những quân sĩ tử trận của cả hai bên đều là người Việt. Vậy không gọi chiến tranh đó chính danh là nội chiến, thì gọi là gì? Quân đội miền Nam kém huấn luyện, tinh thần chiến đấu thấp, dần dần thua và đến 1965 người Mỹ thấy không đổ quân vào đánh giúp, chắc quốc gia Việt Nam Cộng hoà bị xóa tên đến nơi.

Mỹ đổ tới ½ triệu quân, Mỹ hóa chiến tranh, ném bom xuống miền Bắc, cũng không làm cho Đảng Cộng sản chịu rút quân ra khỏi miền Nam. Lãnh đạo Mỹ gặp phong trào phản chiến quá mạnh ở nội địa Mỹ, chán nản rút quân về. Kể từ 1972, chỉ còn quân đội miền Nam chiến đấu một mình như thời 1961 với quân viện Mỹ mỗi năm một bị cắt giảm, chiến tranh Việt Nam lại trở thành nội chiến thuần túy, người Việt đánh người Việt bằng vũ khí Nga, Tầu và Mỹ. Đến năm 1975, quốc hội Mỹ ngưng hết viện trợ cho miền Nam, quân đội miền này cạn kiệt mọi khả năng, mất hết ý chí chiến đấu, phải bỏ chạy rồi đầu hàng quân đội miền Bắc.

Trong ba tháng liền tôi cứ tà tà viết kiểu như thế. Khi xong, tôi đưa cho một người bạn thân và am hiểu chế độ đọc và cho ý kiến. Vị này la tôi: "Ông viết sử chứ đâu phải viết tự kiểm... Coi chừng ông bị hốt đi cải tạo lần nữa vì chưa thuộc bàn bổn của Đảng..." Tôi, may thay lại biết nghe lời khuyên phải, không chịu nộp bản tự kiểm, mặc dù nhiều áp lực khác nhau. Có lần Đảng gửi cả tổng thư ký Hội Trí thức Yêu nước đến nhà, ngỏ ý muốn coi tại chỗ một chút... tôi cũng để cơn gàn bướng nổi lên, lắc đầu từ chối. Bởi thế tôi bị đích danh cấm viết văn trở lại và theo thông lệ chế độ cộng sản, những ai từ chối làm bản tự kiểm, sẽ bị cấm viết văn suốt cuộc đời còn lại. Nếu sau này có nhà biên khảo nào sao lục tài liệu văn học thời kỳ này, sẽ chỉ họa chăng tìm thấy bản tự kiểm của Huỳnh Phan Anh mà thôi.

Seattle tháng 2. 2008

Phỏng vấn Thế Uyên
Đạm Thùy

Đạm Thuỷ là một nữ trí thức Công giáo.
Bà hay viết nghị luận, hiện đang chủ biên website Thời Nay.

Đạm Thủy: Trong một bài viết về Thạch Lam, tác giả Vương Trí Nhàn, Hà nội, mường tượng một Thạch Lam qua những câu sau đây:
"Trong chừng mực nào đó, hình ảnh con người Thạch Lam hiện lên qua tác phẩm có những nét tương đồng với con người Tchékhov: Ý nhị nhưng buồn rầu, tốt bụng nhưng

lạnh lùng, vị kỷ nhưng nhậy cảm với các nỗi khổ đau của con người, Tchékhov cống hiến đời mình cho văn học và y học, làm say mê lòng người nhưng lòng mình lại buồn chán".
Qua nhiều lần được tiếp xúc với Thế-Uyên, chúng tôi đã bắt gặp nhiều hình ảnh như phản chiếu cốt cách nói trên từ nhà văn Thạch Lam. Anh có cảm thấy nhận xét này thiếu sót đối với anh, hay đối với nhà văn Thạch Lam, thân phụ của chính anh?
Thế-Uyên: Trước hết cảm ơn chị đã thấy , qua sự miêu tả Tchékhov và Thạch Lam, vài phác thảo về con người nhà văn của tôi. Nhưng cái vế sau cùng "lòng mình lai buồn chán" e chỉ đúng với các truyện tôi đã viết trước 75 ở nội địa. Sau 12 năm te tua bầm giập dưới chế độ xhcn thời kỳ đỏ nhất, bây giờ kêu cho hoa mỹ là thời bao cấp, tôi đã thật sung sướng cùng vợ con lên máy bay lìa bỏ Việt nam. Bởi thế sau khi định cư ở vùng tây bắc nước Mỹ, viết văn trở lại, tôi thường có những kết luận vui vui, lạc quan, hay để ngỏ cho tương lai (còn ở trước mặt).
Có một chi tiết cần thưa lại với chị: Tôi chỉ là cháu của Thạch Lam, mẹ tôi là chị của nhà văn này. Thạch Lam chết sớm vì bệnh lao, để lại ba con. Người con đầu là gái tên Dung sau lấy trung tướng Ngô Quang Trưởng, người con trai thứ nhất là Nguyễn Tường Đằng học Luật sau trở thành chuyên viên hành chánh tài chánh, người em trai út là nhà thơ bác sĩ Nguyễn Tường Giang (cả hai anh em đã gia nhập nhóm văn hoá Thái Độ do Thế Uyên chủ biên ở Sài gòn cuối thập niên 60). Tất cả các chi con của Thạch Lam qui tụ bầu đoàn thê tử dâu rể khá đông ở tiểu bang Virginia, Hoa kỳ.

Đạm Thủy: Mới đây chúng tôi có đọc quyển "Cánh đồng bất tận" của Nguyễn Ngọc Tư, một nhà văn rất trẻ ở quốc nội, và là cây viết đang lên, anh có đọc không và nghĩ sao? Với tư cách nhà văn, và hơn thế nữa, một nhà giáo, anh quan niệm giá trị văn học nằm ở những khía cạnh nào của một tác phẩm văn chương?
Thế Uyên: Tôi có đọc tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư và thấy cô đó có tài văn chương đúng như nhận xét của chị. Đáng tiếc chưa kịp phát huy tài năng nhiều hơn, cô đã bị chính quyền và Đảng Uỷ địa phương (tỉnh Cà mau) vùi dập vì cô có lòng thương yêu các nông dân nghèo đói khổ sở và sự ngay thẳng của nhà văn thấy sao tả vậy. Để tỏ chút lòng liên kết giữa nhà văn với nhau, và cũng để góp phần bênh vực cô, tôi có viết một bài đăng nơi tạp chí Thế kỷ 21 ở Cali và website Tiền V ệ (trong nước nhiều người đọc được). Tiện đây nói thêm ông chủ biên của Tiền Vệ (ở Uc) là nhà phê bình có tiếng Nguyễn Hưng Quốc đang bị Bộ Công an Cộng sản cấm cửa không cho về nước, không nêu lý do.

Còn về giá trị văn học, phức tạp lắm thưa chị. Cách đây chưa lâu nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, vẫn cái ông Quốc đó, có viết một biên khảo khá đầy đủ cho biết hiện nay có tới 13 trường phái phê bình khác nhau. Tôi hiểu một cách đơn sơ chất phác là như vậy có 13 giá trị văn học khác nhau cho một tác phẩm…tuỳ theo người đọc theo trường phái nào, trường phái xã hội chủ nghĩa, phân tâm học hay hậu hiện đại. Chưa kể tới vấn đề tôn giáo. Thí dụ cùng tin theo Khổng giáo, thì các hủ nho phán xét khác : "Đàn bà chớ kể Thuý Vân Thuý Kiều" (ca dao), kẻ sĩ phóng khoáng như Thánh Thán phán xét khác. Chị là người Công giáo phải không, chị cho phép tôi đoán là chị mong muốn tác phẩm sẽ chuyên chở (văn tải đạo) ít nhiều giá trị luân lý Thiên chúa giáo. Tôi trên lý thuyết là một Phật tử, nhưng một Phật tử lạc quan : kiếp này được làm người hãy sống vui cho hết kiếp người, kiếp sau là con muỗi thì cũng chẳng sao, hãy vui với kiếp muỗi, bởi ai dám khẳng định là muỗi không vui…, những phán xét của tôi do đó không giống một Phật tử thuần thành mặt mũi buồn so (đời là bể khổ mà)…

Đạm Thủy: Trước năm 1975, người ta được biết Thế Uyên là một nhà văn tên tuổi. Xin anh cho biết tác phẩm nào đưa anh lên trước nhất? Xin cho biết một chút giai thoại về

tác phẩm đó?
Thế Uyên: Khó biết rõ, thưa chị. Có lẽ một người ngoại cuộc, nghĩa là không phải tác giả, và am hiểu văn học miền Nam như các vị Võ Phiến, Uyên Thao, Viên Linh, Trần văn Nam, Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Vy Khanh…trả lời chắc tương đối khách quan hơn. Còn theo chủ quan là tôi, thấy là vài ba cuốn được, chứ không không phải một và còn phải tuỳ theo thành phần độc giả. Giới cổ điển và giới trẻ lãng mạn thích tập truyện đầu tay "Những hạt cát", thành phần quân nhân trẻ, thường là sĩ quan, thích cuốn "Mười ngày phép của một người lính", "Tiền đồn" và kế tiếp, giới sĩ quan thâm niên thích "Chiến tranh cách mạng", thành phần Phật tử-không thuần thành hoặc liberal thích "Khu vườn mùa mưa"…
Những cuốn vừa kể trên, cuốn nào cũng có giai thoại đáng kể lại. Xin kể về một vài cuốn:
Những Hạt Cát: Tôi nhìn thấy lần đầu tiên cuốn sách đầu tay của mình do nhà Thời Mới bày trên giá một tiệm sách con đường chính thị xã Qui nhơn, khi lang thang ăn cơm chiều với vợ mới từ Sài gòn ra thăm. Tôi cố tự chủ không mua vì mới nhận được thư Võ Phiến cho biết đã gửi 20 cuốn sách tặng cùng tác quyền. Khi gói sách tới, tôi mở tung ra, trải rộng trên sàn xi măng căn phòng nhỏ (bọn tôi ngủ trên một nệm mỏng trải trên đất), nhìn cho đã mắt. Sau đó tôi hứng chí, mới xả trại ra và trời nóng làm vợ tôi đỏ hồng đến tận "các ngón bàn chân" (Đinh Hùng), tôi để nàng nằm dài trên sách, chúng tôi hôn nhau và…

Mười ngày phép của một người lính : Thời kỳ đó tôi còn ghi danh học tiếp ban Cử nhân Triết Đại học Văn khoa Sài gòn, và đến kỳ thi cuối niên khoá Quân đội cho tôi nghỉ phép 10 ngày để về dự thi. Cầm giấy phép tôi đến văn phòng trường trình diện đàng hoàng, nhưng tôi sau đó không vào phòng thi vi hai lý do. Thứ nhất : không thể đến dự một giờ giảng nào, tôi lấy đâu ra kiến thức làm bài luận triết dài bốn tiếng. Thứ hai: đời lính chưa dài nhưng tạm đủ để cho tôi thấy các triết thuyết thật ra chẳng là gì cả ngoài mớ từ lắp ghép kỳ khu khó hiểu, các triết gia này nọ là mấy ông già vô duyên và vô nghĩa thấy bà (cả bà nội lẫn bà ngoại)…Từ đó tôi quay lưng đi tuốt luốt vào cuộc nội chiến đang bắt đầu dữ dội. Trước tôi có vị đặt một vấn nạn thế này: Làm thế nào triết lý, lý luận với một cái búa…Riêng tôi biết là không thể lý luận với một viên đạn bắn về phía mình. Đạn tránh người chứ người không tránh được đạn.

Tiền đồn : Một truyện dài xây dựng trên những kinh nghiệm chiến trường của tôi thời kỳ làm trung đội rồi đại đội phó đại đội trưởng một đơn vị bộ binh, ngày đêm kể cả ngày lễ chìm ngập trong máu và lửa của nội chiến. Khi viết xong, viết ở một đơn vị Sài gòn tất nhiên vì không thể viết trong khi chiến đấu 24/24, bẩy trên bẩy được, dù khoảng trống thời gian không thiếu, tôi đưa tạp chí Bách Khoa đăng từng kỳ. Nhà văn Võ Phiến phê bình là truyện có giá trị lâu dài, nhận đứng ra xuất bản. Đây là một cuốn sách làm cho tôi gặp đủ loại khó khăn trong cả ba chế độ Cộng hoà miền Nam, chế độ xhch và chế độ Liên bang Mỹ…Nói cho chính xác hơn với cộng đồng Việt ở Mỹ, vì chính ông bạn cố tri Võ Phiến khi về già tẩn mẩn ngồi đếm những cuộc làm tình hay nhắc tới làm tình trong "Tiền Đồn", tổng kết các con số rồi tri hô cho bà con biết là nhiều, nhiều quá, hỏng hỏng bét …trong bộ Văn học Miền Nam 54-1975.
Vụ này làm tôi từ đó về sau, khi viết văn đến đoạn có làm tình, cứ như văng vẳng nghe tiếng ông bạn già nhỏ nhẹ đếm khe khẽ từ miền Cali Hạ: bẩy rồi đó, tám nữa rồi….ngòi bút tôi cũng khớp lắm !

Khu vườn mùa mưa: Đây là một truyện tình giữa hai bố con cùng thương yêu một cô gái, đặt trong khung cảnh những năm cuối Đệ nhất Cộng hoà . Để khuyến khích mình viết cho nhanh cho xong, tôi đưa nhật báo Chính Luận đăng hàng ngày. Chưa hết 100

trang bản thảo, đã có lệnh từ Phủ Tổng thống (Nguyễn văn Thiệu) cho Chính luận là ngưng đăng. Tôi hỏi tai sao thì được biết nếu đổi thời đại, thì cho đăng tiếp. Dễ gì mà đổi thời đại , truyện đành ngưng ngang. Theo tôi đoán có lẽ tại truyện đã cho rằng vị tổng thống trước bị giết, nguyên do đích thật tại tinh thần, thái độ không tôn trọng, không bao dung các tôn giáo khác của Phái bộ Truyền giáo Pháp Hải ngoại và thành phần tăng lữ giáo dân bảo thủ cực đoan của Giáo hội Công giáo VN thời kỳ đó. Chứ không phải tại Mỹ hay tướng này tướng nọ.

Truyện bỏ dở cho đến cuối thập niên 80, sau khi định cư ở tiểu bang WA, nhân dịp có một học trò cũ Võ Trường Toản đang tới lui Thư viện Quốc hội Mỹ nhận sao giùm những gì đã đăng ở Chính Luận, tôi mới có hứng viết tiếp cho xong. Do đó "Khu vườn mùa mưa" là truyện tôi viết lâu nhất, gần hai chục năm mới xong. Ngoài thời gian, truyện còn có một giai thoại nhỏ : khi đưa xuất bản, tôi đã viết một lời đề tặng như thế này: Tặng người nữ mà tôi đã mượn đường nét và cá tính để tạo ra nhân vật nữ chính trong truyện. Người nữ mà tôi đề tặng chính là vợ tôi thời kỳ mới quen nhau và lấy nhau, sau khi đã thêm thắt biến đổi cho phù hợp với truyện. Vậy mà nàng không nhận ra chính mình, vì vài năm sau, một hôm nàng than thở : Anh đề tặng mơ hồ lung tung làm bạn bè anh cứ hỏi Bích Uyên là cô bồ nào của anh vậy…Sau khi tôi khẳng định là chính nàng đó , nàng vẫn không tin. Làm hai cuốn sau tôi đề tặng thật rõ : Tặng vợ tôi, Thuý Sơn rõ ràng để đền bù vụ có "cô bồ hấp dẫn " như vậy mà dám dấu vợ…

Đạm Thủy: Trong những tác phẩm xuất bản trước năm 1975, có nhiều quyển giáo khoa như "Quốc văn " lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9 đã xuất bản. Xin anh cho biết các quyển đó đã có lúc được sử dụng ở các trường học chưa, và lúc nào? Ngày nay những quyển này có còn tồn tại, ít nhất là trong các nhà sách, quốc nội hay quốc ngoại?
Thế Uyên: Bộ giáo khoa Quốc văn 4 cuốn đã được sử dụng nhiều trong các trường trung học từ Quảng trị tới Cà mau, trong thời gian 69 –75. Tôi soạn, tôi in, tôi tiếp thị bằng cách gửi tặng các giáo sư lớp trẻ…nên sách bán khá chạy. Nhưng không độc quyền chút nào vì đầu mỗi niên học giáo sư có quyền chọn sách giáo khoa cho học sinh, không như chế độ hiện nay ở Việt nam Bộ Giáo dục và Đào tạo ở Hà nội in một cuốn thôi dùng chung cả nước. Tình trạng giáo khoa như thế cũng là một nguyên nhân làm chậm tiến cả nước.
Khi đã định cư ở Mỹ, tôi có ý tìm lại một bộ Quốc văn này, nhưng chỉ tìm ra có hai cuốn lớp 6 và 7. Nếu tái bản được, cũng hay vì trong đó phần văn trích có đủ mặt nhà văn từ tiền chiến đến hiện nay. Có đủ mặt từ Doãn Quốc Sĩ, Duy Lam , Cao văn Luận, Nhất Hạnh…đến Tuý Hồng, Y Uyên…Như một tuyển tập các tinh hoa của Việt nam hiện đại.

Chị ngạc nhiên là một nhà văn như tôi vừa sáng tác vừa dịch thuật, biên khảo kể cả binh thư binh thuyết, tại sao lại ngưng viết, nhẩy vào một đia hạt chuyên môn là giáo khoa, phải không? Tại Mỹ đấy. Tôi không nói đùa đâu. Một ngày đẹp trời mấy ông trong Tòa Đại sứ ấy họp bàn, cho rằng sự hiện diện của tên Thế Uyên và nhóm văn hoá Thái Độ "làm phương hại cho nỗ lực chiến tranh của người Mỹ" (nguyên văn lời kết án thời đó). To truyện chưa. Vậy phải yêu cầu (hay chỉ thị) các cơ quan an ninh tình báo Việt nam ra tay dẹp bỏ. Phe VN ta bênh nhau, đòn đầu tiên chỉ có tính cách cảnh cáo, nhưng sau đó trái plastic ném vào sân nhà tôi đêm khuya nổ cũng to lắm, và những phát súng trái nổ hạ sát Từ Chung, Chu Tử, Nguyễn Văn Bông…không phải là đùa chơi.

Tôi bèn gập thẳng một đại diện của đại sứ để biện luận nhưng không tới đâu, sau cùng phải chấp nhận điều kiện của họ là nghỉ viết in sách xuất bản sách và mọi hoạt động văn hoá khác, ít nhất 2 năm. Chắc chị ngạc nhiên tại sao sứ quán Mỹ lại can thiệp kỹ vào nội bộ VN như vậy, miệng đâu không cãi ? Cãi rồi chứ, nhưng không ăn thua vì họ bảo lính

Mỹ đang đổ máu ngoài chiến trường cạnh lính VN, vậy họ có quyền… Vốn ngay thẳng, tôi ú ớ không biết nói sao, chỉ tự nguyện sau này trở thành cấp lãnh đạo miền Nam, đã thua cho thua luôn không cầu cứu ai hết. Nợ tiền bạc còn có lúc trả, còn nợ máu…. Phiền lắm.
Chính vì kẹt cái deal đầy tính cách người lớn bắt nạt trẻ con trên, tôi ngồi viết giáo khoa vậy. Quốc văn lớp 6 bán khá chạy, mang lại cho gia đình một lợi tức khá nên tôi ngồi viết tiếp mỗi năm một cuốn, cho tới 1975 mọi sự thành tro bụi, bột giấy hết. Tôi trở thành một trí thức vô sản nhưng không Cộng sản.

Đạm Thủy: Ở bìa sau cuốn "Khu vườn mùa mưa" (nhà sách Xuân Thu), anh đã có khoảng 30 tác phẩm gồm nhiều thể loại đã xuất bản từ trước đến nay (đoản văn, giáo khoa, truyện ngắn, truyện dài, biên khảo, tiểu thuyết dịch). Anh thích nhất là viết về loại nào, và tại sao?
Thế Uyên: Chịu, không trả lời dứt khoát được vì thể loại văn chương nào cũng chỉ đáp ứng được một khía cạnh, một ước muốn, một nhu cầu nào của tâm hồn, con người nói chung của tôi lúc đó. Đôi khi chẳng thể văn hiện có nào đáp ứng được nhu cầu biểu lộ, diễn tả, tôi sẵn sàng bịa ra, sáng tác…một lối mới, thể văn mới. Thí dụ như thời làm lính trấn thủ lưu đồn, tôi thấy thể tuỳ bút được đấy nhưng gò bó trong tình cảm, tôi phá lệ luôn, viết như tuỳ bút nhưng pha trộn cả lý luận, nhận định chính trị đôi khi triết lý nữa, như "Mười ngày phép của một người lính", "Đoạn dường chiến binh". Không biết đặt tên thể văn mới là gì, tôi gọi tạm là "đoản văn", không ngờ đó là thể văn thích hợp với thời hiện đại. Bên Trung quốc đã có nhà văn nổi tiếng bằng thể loại này và gần đây nhất ở hải ngoại có Song Thao thành công với những tập đặt tên là "Phiếm".
Một thí dụ khác, là phê bình. Gần đây nhà văn Nguyễn Hưng Quốc liệt kê tới 13 trường phái phê binh khác nhau, tôi chỉ đọc qua cho biết, rồi vẫn viết theo lối riêng, gọi tên đùa là chủ-quan-tôi, vì dựa trên cá nhân, resume người viết là chính: cảm thấy sao, hay chỗ nào…cứ thế viết ra thôi. Đại khái như Lệnh Hồ Xung sử dụng độc cô cửu kiếm vậy. Chị có thể thấy thí dụ lối viết này qua bài tôi viết về Nguyễn Ngọc Tư, Phùng Khánh Minh…gần đây.

Đạm Thủy: Xin anh cho biết khi anh chọn một đề tài, câu hỏi nào dến với anh trước nhất: Viết cái gì, hay là viết cho ai?
Thế Uyên: Hai câu hỏi của chị chỉ đến với tôi có một thôi, vì tôi có điều muốn nói, có truyện muốn kể, mới ngồi vào bàn viết. Không có mục các nhà văn tiền chiến hay kể lại, là không biết viết gì. Còn "viết cho ai" có lẽ chỉ thích hợp cho những nhà văn nội địa trong đó có cả tôi trước kia. Còn khi đã rời quê hương cũ tới làm lại cuộc đời nơi vùng đất mới, mọi sự trở thành hỗn độn, mờ mịt, không sao dịnh hình được mình viết cho ai, vì ai…Lý do : cộng đồng Việt quá phức tạp. Đã thế khi tôi đến nơi đã có sẵn hơi nhiều định đề tiền chế, nhiều giấc mơ lớn nhỏ cứ bắt người đến sau phải chấp nhận như là có thật, thí dụ như giấc mơ phục quốc, hay nhiều thứ chống Cộng hoang tưởng hay giả vờ chống Cộng khác.

Bởi thế sau cùng tôi chọn giải pháp viết cho mình trước đã, sau đó mới nghĩ đến độc giả. Nếu người đọc thấy đường được, vui vui là tác giả thấy OK vì một trong những mục đích của văn chương là giải trí "mua vui cũng được một vài trống canh' (Nguyễn Du). Ngoài ra tôi còn có một nhược điểm là tính chân thật nên đôi khi viết một số bài có tính cách giải huyền thoại, có thể làm phiền lòng các tín đồ cuồng tín các đạo, chọc giận những vị hay buôn bán mộng mơ cho bà con cô bác hải ngoại, nên cũng bị một số người không ưa, không ưa đến độ có vị mất công bay về tận Hà nội mua sỉ và lẻ nón cối, chụp cho đôi khi…

Đạm Thủy: Nối tiếp câu hỏi bên trên, khi viết một đoản văn, một tập truyện ngắn hay dài, một bài dịch, anh nghĩ đến nói chuyện với chính mình, hay đối tượng trong đề tài, hoặc giả có bao giờ tưởng tượng đến độc giả đang đứng trước mặt hay không? và số độc giả đó là những người nào?
Thế Uyên: Tôi rất tiếc là phải trả lời không, không liên tiếp cho chuỗi câu hỏi trên của chị. Vả lại một bài văn đã viết và in ra rồi, làm sao biết được những ai sẽ đọc nó đây? Chỉ biết tương đối chắc một điều: người đó hẳn biết đọc, viết chữ Việt thông thạo và có một trình độ văn hoá nào đó. Văn tôi viết không phải ai đọc cũng thích.

Đạm Thủy: Giữa một bài viết kích dâm viết thành công, và một bức tranh lõa thể bán giá cao nhất, cái nào có giá trị nghệ thuật hơn? Có phải " nghệ thuật" là mức đo giá trị của một tác phẩm văn nghệ hay còn một yếu tố nào tiềm ẩn nhưng quan trọng hơn?
Thế Uyên: Về câu hỏi thứ nhất, tôi chịu không biết trả lời sao. Chỉ biết nếu có cả hai thứ đó trong phòng, tôi sẽ xem tranh trước, đọc bài văn sau (xem tranh thì nhanh, đọc văn chậm hơn). Về câu hỏi sau, ngoài nghệ thuật còn có thể có những yếu tố khác, thí dụ như tác giả tiềm ẩn trong tác phẩm một thông điệp nào đó, hay tác phẩm đã chuyên chở một đạo lý nào đó (văn tải đạo) hợp ý với người đọc .

Đạm Thủy: Văn phong có thể ảnh hưởng từ các bài đọc. Nhà văn Thế Uyên thích đọc loại văn nào? Xin anh cho biết vài tác phẩm mà anh thích đọc nhất.
Thế Uyên: Tôi tuổi Hợi, cầm tinh con heo rừng ăn tạp, bởi thế về đọc sách, cũng đọc tạp, nghĩa là thích đọc đủ loại, tùy theo từng thời kỳ. Về tiểu thuyết cũng vậy, nhưng tôi có thể kể vài ba cuốn tôi đã từng thích, đọc đi đọc lại nhiều lần: Gone With The Wind, Jane Eyres, hay Of Human Bondage của Somerset Maugham…đại loại như thế, không có gì đáng chú ý. Gần đây tôi hay đọc các nhà văn trẻ, nhất là phía nữ.

Đạm Thủy: Trong bài "Lời động viên của E.A. Poe" (Tia sáng , Hà nội, số Xuân năm 2002), Ngô Tự Lập cho rằng sự kém cỏi của văn chương VN "chủ yếu xuất phát từ những sai lầm cho rằng văn chương là tiếng nói tình cảm, rằng viết văn chính là cách giải toả bức xúc".
Nhà văn Thế Uyên có những nhận xét gì về câu nói trên.
Thế Uyên: Tôi không biết ông Ngô Tự Lập là ai nhưng câu "cho rằng sự kém cỏi…", đọc qua đã thấy có "khẩu khí một đảng viên CS trung kiên". Tôi tự cho phép mình bất đồng ý với ông Lập và cho rằng chính Đảng CS từ lúc thành lập đã không cho văn chương là, làm tiếng nói của tình cảm (cá nhân), là cách giải toả bức xúc (của nhà văn và nhiều người khác), nên Đảng đã sản xuất ra một nền văn học xhcn tồi tệ, một nền văn học thuần tuý tuyên truyền phục vụ cho những mục tiêu giai đoạn, trừ một thời kỳ ngắn có Nhân văn Giai phẩm. Chính thơ văn của hai tạp chí vừa kể đã gỡ được một trái danh dự cho "sĩ phu Bắc Hà", và văn học Đàng Ngoài 1950-1986. Phải đợi tới giữa thập niên 80, có chính sách "Đổi Mới" với những khoảng khắc cởi trói, mới thấy lại xuất hiện những tác phẩm khá, đọc được.

Đạm Thủy: Trong bài viết "Trao đổi văn chương" của Nguyễn văn Thọ cũng trong số Xuân Tia Sáng đã dẫn trên, tác giả đề cập đến câu nói của nhà phê bình văn học Đặng Tiến khi trích những câu thơ hay của Nguyễn Bính và Bùi Giáng nhưng bảo rằng chưa tuyệt phẩm vì có những người khác cũng viết hay như thế. Ông nói thêm "thiên tài (nghệ thuật) không phải là không bắt chước ai mà là không ai bắt chước được". Chúng tôi lại nghe người Trung hoa có câu nói: "Văn không có hạng nhất, võ không có hạng nhì", anh nghị luận thế nào về các tư tưởng này?
Thế Uyên: Câu hỏi này phức tạp và vì tôi không hiểu rõ chủ đề, chủ ý người hỏi, nên

không dám trả lời trực tiếp, nghị luận lại càng không nữa vì e bị mắng… Chỉ xin góp vài ý riêng, loại quanh quẩn, nhàn đàm. Về Nguyễn Bính, thời ít tuổi tôi có đọc và thich thơ ông vì nhịp điệu lục bát êm đềm, chữ dùng giản dị như ca dao. Khi đã lớn, tâm hồn phức tạp hơn, tôi không còn thích nữa. Còn Bùi Giáng, một người đồng thời với tôi, sống ở Sài gòn, nhưng không vì thế mà tôi biết rõ. Lý do: tôi không thích gần những người tâm trí không bình thường, dù là nhà văn như Nguyễn Ngu Í hay nhà thơ như Bùi Giáng. Tôi vẫn đọc những điều họ viết, nhưng chơi thì không.
Đọc thơ Bùi Giáng thường vất vả như lựa đậu phọng khỏi một bó rơm rạ: nhiều cặp lục bát tuyệt diệu, kéo người đọc vào cõi siêu hình hay chiều thời gian, lẫn vào những câu thơ thường, đôi khi lẩm cẩm. Tôi cũng xin nói rõ khi thi sĩ này dở thói "đười ươi" ra, như ước ao được thấm nước tiểu của các nữ nhân nhan sắc hay được thấy các vị đó đó tuôn ra giòng golden stream, tôi không thấy khó chịu. Coi như truyện đời thường thôi, như một tục ngữ Pháp đã nhận xét : Tous les gouts sont dans la nature. Đọc báo nội địa tường thuật ngày chôn nhà thơ không giống ai này, có cả tài tử Kim Cương đứng bên huyệt mộ, tôi không thể không nghĩ cô tài tử này cũng là người Bùi Giáng mong sẽ, mong bằng lời thơ hẳn hoi, vén quần "đái lên mồ tại hạ"…

Đạm Thủy: Nếu năm 1975 không có biến cố chính trị, nhà văn Thế Uyên có thể đang viết những đề tài nào. Nói cách khác, biến cố 1975 có ảnh hưởng đến tư duy (nếu có, ở mức độ nào) của anh trong các sáng tác?
Thế Uyên: Biến cố 1975 không chỉ là "biến cố chính trị" như chị gọi, mà là một cái gì to lớn và toàn diện hơn nhiều. Dân miền Nam bị bộ đội và Công an miền Bắc cưỡng bách làm một bước nhẩy vọt lui về quá khứ đến ít nhất là 50 năm, bị nắm cổ áo bắt phải đi vào thứ văn hoá văn minh đỏ. Và quan trọng hơn là, miền Nam vốn là miền sản xuất thặng dư lúa gạo để xuất cảng, nay phải ăn độn khoai sắn, thức ăn của gia súc như bo bo…để chóng tiến mau tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội , nơi mà ai cũng "được" ăn đói ăn thiếu như ai. Ngay ở Hà nội, trong thời bao cấp, các cán bộ Trung Ương Đảng được cấp tem phiếu đặc biệt, cũng chỉ ăn cơm với cơm, không phải bữa nào cũng có thịt có cá, còn đường sữa dù được nhiều hơn nhân dân, nhưng cũng chỉ đủ dùng cho gia đình…Các cán bộ Đảng vào Nam hay dùng từ "đổi đời", là hoàn toàn đúng. Cái gì cũng thay đổi hết, không phải chỉ ông hoá ra thằng, thằng hoá ra ông mà thôi đâu. Tất cả nhằm mục đích làm sao cho dân cái gì cũng lệ thuộc vào Đảng, sợ Đảng như sợ ma quỉ, suốt ngày đêm chỉ lo nhắc đi nhắc lại những điều Đảng muốn…Tóm tắt, đúng như trong cuốn sách cổ điển "1984" của George Orwell (không hiểu sao một tác phẩm quan trọng của văn chương hiện đại như vậy, chưa ai dịch ra Việt ngữ, chỉ thích cuốn "Trại súc vật" cũng của tác giả này).
Trở lại câu hỏi của chị, một "đổi đời" lớn và toàn diện như thế sao không ảnh hưởng đến tâm hồn thể xác, quan niệm sáng tác…của tôi cho được, nhất là tôi phải sống ba năm trên trại cải tạo và 9 năm thời kỳ bao cấp, nghĩa là "đỏ" nhất của chế độ xhcn VN. Kể ra hết những đổi thay ấy, chắc phải viết thêm một cuốn sách nữa. Chỉ xin kể một vài thay đổi nơi cả hai vợ chồng tôi sau khi ra thoát cái chế độ kỳ cục và bệnh hoạn nhất loài người có thể nghĩ ra được: Xưa, bọn tôi cảm tình với mọi cuộc cách mạng, nay thì cùng dị ứng với cách mạng, coi phim nào có xuất hiện khăn quàng đỏ, là tắt phụt. Xưa, cảm tình với mọi cảnh nghèo khổ, nay thích cảnh giàu sang phú quí người người khoẻ mạnh đẹp trai đẹp gái, dĩ nhiên trong phim ảnh…Và phần riêng tôi, khi đọc báo biết cách mạng, nhất là cách mạng đỏ, thành công ở xứ nào Phi châu, Nam Mỹ, tôi không khỏi ngậm ngùi thương cảm cho dân tộc đó vì họ sắp đói khổ hơn xưa. Trước, chỉ đói khổ một, bây giờ sẽ đói khổ mười lần nhiều hơn. Chỉ có dư một thứ không ăn được, là khẩu hiệu…
Sau khi bản thân đã sống nhiều năm trong xã hội đỏ, tôi hết tin tưởng vào mọi thứ cách mạng bạo lực, đổ máu, kể cả những thứ cách mạng phục quốc, quang phục quê hương.

Chỉ còn cảm tình với cách mạng cung đình, cách mạng nhung, cách mạng tiệm tiến, diễn tiến hoà bình.
Bây giờ về bút pháp tôi trở lại cổ điển, thích kể truyện khề khà như Somerset Maugham. Nhường việc thí nghiệm những cách viết mới cho lớp trẻ, như Thấm Vân, Đình Đình…Lớp sóng sau đè lớp sóng trước, tre già măng mọc, là tốt (chứ không phải "hơi tốt" hay "cũng tốt thôi"). Xin nói thêm sau những năm xhcn, tôi dễ tính dễ sống hơn và cũng học hỏi được ít điều tích cực…Thí dụ như chúng ta ăn nhiều quá, chân thật và nhân đạo quá, so với những người Cộng sản.

Đạm Thủy: Trong những truyện dài, người văn sĩ thành thạo thường có một lộ đồ trước khi khởi hành, hay phải để cho cốt truyện dẫn đường đi cho tác giả? Theo anh, người viết "thành thạo" có nhất thiết là người viết "thành công"
Thế Uyên: Cả hai thứ thưa chị. Vậy mà kinh nghiệm riêng cho biết nhiều khi tôi kết luận khác với những dự trù ban đầu. Còn thành công hay không, không "nhất thiết" được. Còn tuỳ nhiều yếu tố khác nữa.

Đạm Thủy: Đọc một trích đoạn rất lý thú sau đây, chúng tôi liên tưởng đến những đoạn tả tình "cụp lạc" trong các tác phẩm của nhà văn Thế Uyên. Xin anh cho biết phản ứng của anh về quan niệm hôn nhân được đề cập trong ấy (một trong những bức thư của cố Tổng thống Reagan, viết thư an ủi và khuyên nhủ người bạn cùng quê Florence Yerly về cuộc sống, tình yêu, chuyện chăn gối và số phận).
"…Một ông già rất tốt bụng đã chỉ cho tôi con đường đúng bằng cách dẫn ra tập quán, hay đúng hơn là các chuẩn mức đạo đức của những thổ dân chưa từng tiếp xúc với nền văn minh của chúng ta –chẳng hạn người (quần) đảo Polynesia. Những người này thực sự là những đứa con của Thiên nhiên, và vì vậy cũng là con của Chúa., họ chấp nhận ham muốn thể xác là một một lạc thú tự nhiên, bình thường, cần được thoả mãn không có gì phải sợ sệt, không có màu sắc tội lỗi bao quanh hay những tiếng thì thầm lén lút trong bóng tối…
Điều tôi muốn nói là tôi phản đối những giáo điều của một số tổ chức tôn giáo coi hôn nhân là một quan hệ tội lỗi "được tha thứ" nhằm cho mục đích sinh con, và tin rằng tất cả trẻ em đều được sinh ra trong tội lỗi. Cá nhân tôi tin Chúa không tạo ra cái xấu, bởi vậy những ham muốn Người reo vào lòng chúng ta đều tốt lành và quan hệ thân xác với một đàn bà là hình thức cao nhất của tình tri kỷ …"
Thế Uyên: Dĩ nhiên là tôi đồng ý với Reagan trên nguyên tắc ngay từ căn bản, vì tôi là người không-công giáo, chịu ảnh hưởng hơi nhiều của đạo Khổng. Các cụ Việt nam xưa đã từng minh định : "Có âm dương có vợ chồng, Dẫu trong thiên địa cũng vòng phu thê" (Nguyễn Gia Thiều). Sex không là xấu hay tốt chi cả, không nên đặt vấn đề đạo lý ở đây, mà chỉ nên đặt vấn đề thực tiễn là điều hoà sex như thế nào tốt nhất cho con người và xã hội hắn đang sống. Và luôn luôn ghi nhớ rằng những qui tắc điều hoà đó phải thay đổi theo không gian và thời gian, nhất là sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Đừng cứng ngắc, bất biến vì như thế biến thành giáo lý thần thánh cho một tôn giáo nào đó.

Đạm Thủy: Với sự phát triển và thông dụng của ngành điện tử ngày nay, kiến thức của mỗi người có thể được tràn ngập nhiều hay ít tùy theo ý muốn và khả năng thu thập của mình từ các mạng thông tin . Anh có thấy điều gì phiền toái (về tác quyền chẳng hạn) đối với sự phát triển này không?
Thế Uyên: Các website Anh Mỹ Pháp …chắc có mục tác quyền cho những người cộng tác, nhất là các website có tính cách quảng cáo thương mại. Đối với các website tiếng Việt ngoài nước kiểu như Tiền Vệ, Da màu, Talawas…tôi chưa được nghe ai nói tới tác quyền. Chắc các người hợp tác đều theo tinh thần "trước vui thích sau làm việc nghĩa". Còn các website về sex, như Tình đơn phuong, Cõi thiên thai, Con heo, Cô gái Việt…

có tôn trọng và trả tác quyền không, tôi chưa được biết, và nếu vẫn là không xin phép không trả thì không có gì ngạc nhiên: cái nạn piracy hiện nay là quốc tế rồi.

Đạm Thủy: Anh còn vấn đề văn học nào làm anh trăn trở trong thời gian còn lại của một nhà văn già?
Thế Uyên: Đã là một nhà văn đã già, tôi ít có vấn đề phải "bức xúc trăn trở" về văn học. Ai muốn viết sao cũng được cả, miễn là hay, đọc không chán là được rồi. Dĩ nhiên tôi vẫn để ý tới văn học trong nước và ngoài nước, 'nghề của chàng" mà, nhưng "trăn trở" thì không. Vẫn giành nhiều thì giờ đọc và viết về những nhà văn, nhất là nữ, như Thấm Vân, Dương Như Nguyện, Lynh Bacardi, Nguyễn Ngọc Tư…

Gần đây, mưa gió đầy trời, không gian là vàng tơi tả, làm chợt nhớ tới những bạn văn đồng thời, bèn kiếm e.mail hỏi thăm một lượt. Nhật Tiến, Lê Tất Điều , Nguyễn Mộng Giác …đều OK. Võ Đình vừa giải phẫu mắt đang phục hồi, trả lời bằng cỡ chữ 18 và yêu cầu tôi lần sau viết to hơn, mặc dù tôi từ lâu đã viết bằng size 14. Khánh Trường mới email tôi bằng cỡ chữ không thua kém Võ Đình , cho biết chỉ còn sử dụng được một ngón tay phải (tôi may hơn, còn tới những năm ngón bàn tay trái)…Toàn những "cát bụi mệt nhoài" (Trịnh Công Sơn), "used car" đã chạy trên 300,000 miles cả rồi…Không có gì để buồn nhiều, Phật có nói một câu ở đâu đó, làm người đâu ra khỏi vòng "sinh tử lão bịnh"…Bởi vậy tôi rất chịu câu chót trong email của Khánh Trường: còn viết văn được là hạnh phúc.

Bothell tháng 11, 06

Tại trường sư phạm bồi dưỡng

"Bồi dưỡng" nghĩa thông thường là ăn thêm một cái gì ngoài khẩu phần thường lệ, sư phạm bồi dưỡng là cho các nhà giáo học thêm, bổ túc. Các khóa bồi dưỡng về quốc văn và lịch sử, gọi là Văn Sử, được tổ chức tại trường Colette, nhất là nhà chơi có mái của trường này vì khóa sinh đông quá, tới 600 người một khóa. Mục đích là huấn luyện cho nhà giáo Sài Gòn biết từ nay phải giảng dạy hai môn Văn và Sử cấp trung học như thế nào. Kéo dài trong 6 tháng, sáng học chiều thảo luận. So với các cán bộ đủ loại gặp thường ngày, thành phần giảng dạy có học hơn và do đó bớt "đỏ" hơn.

Chính nhờ thành phần này, tôi được biết rõ chính sách mới của Đảng Cộng sản đối với Công giáo, không còn coi là "thuốc phiện của quần chúng", cần phải triệt tiêu như đã làm tại miền Bắc trước đây nữa. Theo lời giảng mới: Nước còn nghèo nên nhân dân còn thiếu thốn nhiều, do đó họ còn hướng về tôn giáo. Đảng chấp nhận như vậy trong khi chờ đợi ngày tiến lên chủ nghĩa xã hội "của cải tuôn trào như nước, vàng chỉ dùng làm vòi nước trong buồng tắm" (Lenin). Do các nhà thờ được tôn trọng, các buổi lễ thuần túy tông giáo vẫn do các linh mục cử hành như thường lệ, cho đến khi những dòng chữ này được viết ra, chỉ tỉa bớt của cải quá lớn thu nhập trong nhiều thế kỷ và xía vô việc đào tạo và bổ nhiệm tăng lữ. Theo thỏa hiệp sống chung hòa bình (không văn bản) giữa Tòa Thánh Vatican và các Đảng Cộng sản, chấm dứt sự đối đầu tiêu diệt nhau như thời Giáo hoàng Piô XII và chiến tranh lạnh. Dĩ nhiên thỏa hiệp này làm mất quyền lợi ít hay nhiều của một số Công giáo "diều hâu" trước đây, biểu lộ trên một số báo chợ hải ngoại. Còn xét về đường dài, từ 2000 năm nay, Giáo hội Công giáo La Mã và không-La Mã thường tìm cách thỏa hiệp với giới cầm quyền để cùng cai trị dân và hưởng lợi từ dân, dù là vua chúa hay Đảng Cộng sản, theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.

Vợ tôi xin được làm công nhân cho một công ty mỹ thuật đang biến Dinh Gia Long thành một nơi trưng bầy mọi thánh tích và thành tích của "cách mạng", lương tạm đủ nuôi chồng con rau dưa qua ngày trong khi đợi một ngày mai tươi sáng hơn. Mỗi ngày vào giờ nghỉ trưa, vợ tôi đạp xe từ Dinh Gia Long sang trường, mang theo một lon gô cơm. Hai đứa ngồi đầu bậc thềm dẫn vào lớp, mở lon cơm, cứ chồng một muỗng vợ một muỗng, đồ uống đã có thùng trà miễn phí do nhà trường cung cấp. Hai đứa cùng vui vì lại có nhau sau năm tháng xa cách, mặc dù tôi mơ hồ cảm thấy đang sống trên một núi lửa sắp phun.

Tôi được biết theo một vài nguồn tin khác nhau, cấp lãnh đạo thành phần hardliner, đa số gốc "quê Bác", cho rằng những bản án vài ba năm cải tạo tập trung cho những nhà văn miền Nam đi theo diện quân đội, là quá nhẹ. Thí dụ như tôi đi theo cấp bậc trung úy chỉ quanh quẩn ở những trại dễ (những "tầng đầu dịa ngục"), trong khi đáng lẽ là nhà văn phải ở những trại khó ngoài Trung ngoài Bắc... Vậy phải cho "chúng nó" đi cải tạo bổ túc dăm bẩy năm nữa mới là "đạt chỉ tiêu", bởi thế nhiều nhà văn được về sớm vì cấp bậc nhỏ như tôi, phải đi cải tạo lần thứ hai với các lý do bá vơ, viển vông.

Phần tôi dĩ nhiên không đồng ý với quí vị lãnh đạo Đảng, nhưng làm sao tránh được ông "thiên lôi đỏ" bây giờ? Theo lời bàn (với nhau) của các cán bộ là phải có ô dù mới khá được, và chẳng may cán gẫy dù long, đời sẽ không khá nổi. Nhưng phiền một nỗi bố tôi là con độc đinh của một dòng họ Cát nào đó ở tít Vân Đình, Hà Đông, không có anh em chú bác cô dì nào đi theo Đảng cả, tôi lấy đâu ra ô dù mà tránh thiên lôi đỏ rất khó tính, hơi một chút là búa liền, theo nguyên tắc búa dư còn hơn bỏ sót. Thí dụ như lãnh gói thuốc nhỏ tương trợ, cứu đói thì đúng hơn của Văn bút Hải ngoại, là bị bắt lần thứ hai liền, vì tội lãnh nhuận bút của CIA để viết bài gửi ra hải ngoại "chống phá cách mạng". Sau chuyến bị bắt lần hai, đa số đủ sức khỏe để trở về, nhưng cũng có người không, như các nhà văn Dương Hùng Cường, Nguyễn Hoạt...

Ta không có ô dù thì tìm cách tạo ra ô dù vậy, bằng cách sử dụng uy tín nhà văn trước đây vậy. Ai muốn chê bai nói nọ kia kệ họ, đi cải tạo tập trung một lần cho biết mùi vị cái đói trên cõi rừng xanh núi xám thì cũng OK, đi hai lần thì hơi nhiều cho một cuộc đời... Tôi lại tòa sạn *Tin Sáng* của Ngô Công Đức, Hồ Ngọc Nhuận, Lý Quý Chung... và gặp Cung Tích Biền ở đó, được đưa lên gặp dân biểu đỏ nằm vùng Hồ Ngọc Nhuận. Vị này trao tôi mục "Điểm sách", hai tuần hay một tháng một lần không nhớ rõ, tôi thản nhiên nhận lời vì đã biết cách phê bình xã hội chủ nghĩa từ hồi đi cải tạo – tôi ham đọc sách, sách xanh bị cấm thì đọc sách đỏ, ít nhất cũng để biết địch đã làm như thế nào để thắng ta ngon lành. Điều hơi phiền là tôi không được dùng bút hiệu Thế Uyên nữa, cũng chẳng sao, tôi dùng tên thực cũng được – tôi vẫn là thằng tôi có sao đâu... Tiền nhuận bút mỗi kỳ tương đương với hai tô phở và dĩ nhiên lãnh nhuận bút lần đầu, tôi mời bà vợ đi ăn phở Tàu Bay, ngon như và hơn cũ, thỉnh thoảng tôi lại thò đũa sang tô của vợ chĩa một miếng thịt nhiều mỡ, ăn chay hơi lâu rồi mà. Cứ thế hai đứa "*đói no có thiếp có chàng...*" (ca dao) cà rịch cà tang đi vào chủ nghĩa xã hội.

Còn tờ báo thứ hai của chế độ cũ còn được Đảng cho phép tồn tại tạm thời là nguyệt san *Đứng Dậy*, chiếc gạch nối giữa Công giáo hòa giải các dân tộc và Đảng Cộng sản, của linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan với nhà thơ Nguyễn Quốc Thái tổng thư ký – ghi cho rõ vì vị này sẽ xuất hiện nhiều sau này trong đời tôi. Cả ba đều là bạn cũ nên việc tôi muốn viết lại mặc dù có lệnh cấm hẳn hoi, không là vấn đề Nguyễn Ngọc Lan cười nói: "Ông cứ viết đi, tôi cứ đăng, bao giờ có lệnh cấm mới, chúng ta tính sau." Vụ này làm tôi ý thức rõ có sự chia cắt giữa những người của Măt trận Nguyễn Hữu Thọ và dân Bắc kỳ 75 đã và đang ùn ùn theo chân bộ đội vào Nam, một sự chia cắt, dị biệt có thể nói là may mắn cho dân tộc Việt vì những đảng viên cựu thành viên Mặt trận là những người đề xướng ra chính sách Đổi mới

mười năm sau, một chính sách làm thay đổi diện mạo Việt Nam.

Cần nói thêm là viết cho *Đứng Dậy,* tiền nhuận bút cao gấp rưỡi *Tia Sáng*: mỗi bài viết được ba tô phở. Thực tế không ai được ăn phở nữa vì tiền đó bị bà vợ tôi "kiểm kê", sung vào quĩ mua gạo ăn cho cả gia đình - chế độ mẫu hệ chuyên chính bắt đầu ngay từ đó...

Cái cảnh nàng mang đồ ăn trưa đến trường ăn với chàng, như trong phim *Love Story* mới được vài tuần thì cơn bão đỏ xẩy ra bất ngờ. Buổi sáng tôi đến lớp học như thường lệ, hiệu phó đến tận chỗ ngồi, nói nhỏ: "Hết hai tiết đầu, anh lên phòng giáo sư nhé." Tuân theo lời dặn, tôi tới phòng giáo sư, phỏng đoán chắc là vì vụ tôi "trốn phỏng vấn" của nhật báo *Sài Gòn Giải phóng* vừa qua. Cũng hiệu phó báo tin và giờ hẹn nhưng đến giờ, tôi linh lỉnh chuồn ra cổng đi uống cà phê gần trường. Tôi ớn phỏng vấn vì báo chí cộng sản có lệ chỉ cần một tấm hình để đăng lên báo, còn bài phỏng vấn đã được viết sẵn theo "bài bổn" đã định, thí dụ như nếu du khách là cựu chiến binh Mỹ thì bao giờ cũng có màn "chàng Mỹ" khóc sướt mướt ôm lấy anh bộ đội, tạ lỗi là lỡ bắn con nít, lỡ hiếp phụ nữ Việt Nam trước đây. Anh bộ đội bây giờ là ông cha giải tội, nhân danh Bác, Đảng và nhân dân Việt Nam tha lỗi cho anh cựu chiến binh Mỹ, rồi hai người ôm nhau thắm thiết. Xong! Hồi mới được tha về tôi có được *Tin Sáng* mời đến dự một buổi họp mặt người cầm bút "các tỉnh phía Bắc" và "phía Nam" (chữ "ngụy" được tạm cất đi, vì nếu dùng, phe miền Nam sẽ không tới), tôi có được mời phát biểu và ăn trưa một bữa lẩu mắm khá ngon. Nhưng hôm sau đọc báo thấy tức anh ách vì tôi có tuyên bố như vậy đâu. Thắc mắc mà tôi nêu lên: "Sao cán bộ Đảng không ai biết cười..." và câu trả lời của một cán bộ có mặt: "Những người biết cười dễ tham nhũng…" đều bị bỏ hết. Phải ráng chịu thôi vì báo của Đảng "bao giờ cũng đúng", có bao giờ đính chính đâu...

Tôi mải ra cuối sân trường đi tiểu - kinh nghiệm cho thấy như vậy là khôn ngoan nhất. Ai biết buổi họp chấm dứt lúc nào – nên vào phòng giáo sư sau cùng, chủ và khách đã an vị đầy đủ chung quanh chiếc bàn bầu dục lớn. Đương nhiên tôi ngồi vào ghế trống còn lại, chỉ kịp nhận ra một người quen bên tay mặt là nhà giáo, nhà văn Nguyễn Nhật Duật, và một vài nhà văn nữa, trong đó có Huỳnh Phan Anh thì phải. Tôi nhớ lơ mơ vậy vì chưa chi đã bị phe "quan tòa" của buổi tạm gọi là "tố khổ văn chương" "nổ" cho tối tăm mặt mũi. Một cán bộ Bắc kỳ (dĩ nhiên) đứng dậy khai hỏa, tay cầm cuốn *Tiền đồn*, tự giới thiệu là Phan Đắc Lập (chức vị tôi không nhớ), dằn giọng hỏi: "Riêng một cuốn *Tiền đồn* này thôi, hỏi anh Thế Uyên có bao nhiêu cái đầu để đủ tạ tội với cách mạng?"… Tôi im lặng chưa kịp trả lời, một cán bộ thứ hai đã đứng dậy, tự giới thiệu là Chương hay Phương thuộc trường Sư phạm, cầm cuốn *Đoạn đường chiến binh* (mới in lại trên báo điện tử talawas) ném ra mặt bàn, đàn hặc tôi: "Ở ngoài đó chúng tôi nghe 'đài' (đài phát thanh) kêu gọi Thế Uyên trở về với nhân dân, không phải nhiều lần mà hai mươi lần, chúng tôi nghĩ tay này hẳn viết văn hay lắm. Bây giờ mới được đọc, anh lấy tay xoay cuốn sách một vòng trên bàn, thấy anh thật có tài, viết hay thật, nhưng toàn thể 12 bài không bài nào không phản động..."

Cái vụ kêu gọi trên đài phát thanh của Hà Nội và Mặt trận Nguyễn Hữu Thọ tôi có nghe biết nhưng không khi nào đón nghe, vì chán ngán những lời tuyên truyền một chiều, ngoan cố và sắt máu. Những chương trình nổi tiếng của đài Sài Gòn như "Tao đàn", chỉ có ông bố tôi tôi ưa thích, chương trình "Dạ lan" nhằm đối tượng người lính, tôi nghe ké của lính tiền đồn vài đoạn, cũng không "vô". Tôi chỉ chăm chú nghe đài Sài Gòn khi nào có binh biến, đảo chính...

Ông bạn cán bộ đang "tố khổ" tôi chắc là cường điệu, phóng đại. Làm gì mà kêu gọi tới 20 lần, và giả sử con số đó là có thật, thì chắc đa số dùng để sỉ vả, chứ không để kêu gọi ai hết. Bằng chứng là khi vào được Sài Gòn, đáng lẽ tìm tôi bắt tay thân hữu một cái, thì họ lừa hốt tôi vào trại cải tạo cùng các sĩ quan khác (bà vợ tôi thường bảo thế là may, chứ họ kiếm tôi

mời hợp tác thì tôi trở thành tối đa là Lý Chánh Trung, Phan Lạc Tuyên, Nguyễn Trọng Văn..., những mẫu người không hợp với tôi). Trong các trại cải tạo, tôi đã từng bị sỉ nhục từ nặng tới... nặng hơn, và giờ đây trong phòng giáo sư do người Pháp xây dựng, họ đang đòi lấy đầu tôi, không phải một mà nhiều lần.

Theo phản ứng cố cựu có tính bướng và liều, tôi ngồi lì tại chỗ trả lời, vì các quan văn nghệ đỏ đã đứng lên mà kết án, xỉa xói thì đúng hơn, thì bị cáo tôi ngồi mà trả lời, cho nó khác... Tôi trả lời đại khái: "Tôi chỉ có một cái đầu mang đi cải tạo tập trung và đã 'lao động tốt, học tập tốt' nên được cách mạng tha cho về, mang đầu ngồi đây. Nay lại hỏi tôi có mấy đầu, tôi không biết trả lời sao..." Nguyễn Nhật Duật ngồi cạnh tôi nói nhỏ: "Họ đâu có quyền nói ông như vậy..." Với câu trả lời lơ mơ và chọc quê của tôi, không khí có vẻ khét lên (tôi đoán vậy), hai vị (sau này ở lâu với Đảng Cộng sản, tôi mới biết hai vị đó là, hay đóng vai trò, "chó ngao văn nghệ" cho chế độ) chưa kịp đàn hặc tiếp, một vị "Nam kỳ Khởi nghĩa" tóc bạc ngồi phía ban lãnh đạo trường đã đứng lên tự giới thiệu là Hai Khuynh, Phó ban Tuyên huấn Thành uỷ, hướng về tôi nói những lời hòa dịu, rằng buổi họp hôm nay chỉ có mục đích giúp những nhà văn, nhà giáo những "tỉnh phía Nam" tiến bộ hơn nữa bằng cách kiểm điểm những gì đã làm. Ngay chúng tôi lâu lâu cũng phải kiểm điểm như thế..." Và để không ai có thể nói thêm, ông đọc một bản phân công, nhà văn nào hướng dẫn làm bản kiểm điểm bởi ai... Riêng tôi thì chính Phó ban Tuyên huấn Thành phố Hồ Chí Minh Hai Khuynh đảm trách. Sau khi giải tán phiên họp, ông già này lại gần tôi nói: "Phần cậu là phê phán kiểm điểm cuốn *Tiền đồn* thôi." Tôi gật đầu vâng ạ, vì biết nói gì hơn. Về sau khi cơn sóng gió đã qua, tôi vẫn giữ cảm tình với ông già miền Nam này. Nếu không có ông, hẳn hôm đó tôi đã bị hai chó ngao văn nghệ sủa, cắn cho một trận tơi tả và sau cùng dám bị đề nghị đuổi khỏi thành phố (chính quyền địa phương luôn luôn nhắc nhở chỗ ở mới của tôi là vùng kinh tế mới Tân Biên, Rạch Giá, nơi địa có mật độ cao miền Hậu Giang).

Chế độ cộng sản thường bắt nhà văn chế độ khác phải kiểm điểm công khai và viết bản kiểm điểm, nói cho đúng hơn là bản nhận tội và phủ nhận, kết án tất cả các tác phẩm đã viết trước, sau cùng là xin Bác và Đảng khoan hồng tha thứ cho người viết (còn tác phẩm phải bị đốt, xay thành bột giấy). Sau đó có thể viết cái mới xã hội chủ nghĩa, hoặc sống tiếp ăn đói đi cày với vợ con, sống như cỏ mọn hoa hèn, con sâu cái kiến. Tôi đã được đọc bản kiểm điểm của nhà thơ / văn Thế Lữ trong cuốn sách khá dầy của Nghiêm Kế Tổ xuất bản trước 1954, hình như tên là *Việt Nam máu lửa* thì phải. Bản kiểm điểm khá thảm. Dù vậy, nhà văn / thơ này vẫn chỉ được tham gia một đoàn kịch lưu động và ngồi dịch một số kịch cổ điển của Anh. Thế thôi. Sau 1975, xin vào Sài Gòn ở, lãnh một huy chương văn hóa hạng 4 và chết tại đây, trong một câm nín.

Đúng ngày giờ hẹn, tôi đến biệt thự to khỏe của Hai Khuynh để bắt đầu làm kiểm điểm. Tưởng làm theo khuôn mẫu Thế Lữ, Xuân Diệu hay như trong các trại cải tạo tập trung trước đây, thì dễ thôi, tôi làm quen rồi. Cứ lựa tội nào "dễ thương" một chút nhận bừa đi dễ có thể "qua cầu đắng cay". Đằng nào toàn bộ tác phẩm của tôi cũng đã bị đốt lâu rồi. Viết cho xong đi, để thời giờ rảnh còn đi uống cà phê bít tất bắp rang với bạn bè hay vợ, bàn chuyện tào lao như tại sao "trăng Liên Xô lại tròn hơn trăng Trung Quốc, đồng hồ Trung Quốc lại tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ". Sau một chầu trà nước, nói chuyện cũ mới, Hai Khuynh ra đề cho tôi một cách giản dị như không: *Anh hãy cắt nghĩa tại sao lại viết* Tiền đồn *như một cuộc nội chiến?* Ra đề xong, ông già này chuyển sang một chuyện khác liền, hỏi về các hoạt động của Mai Thảo trước đây. Tôi hỏi ngược lại: Mai Thảo đã vượt biên sang Mỹ, cho kẹo cũng không dám trở về Việt Nam, anh còn hỏi làm chi chuyện cũ. Ông già nói: "Vẫn cần biết chứ, để 'nắm'... Tại sao Mai Thảo lại bỏ không làm tiếp tờ *Sáng Tạo*, quay sang viết toàn truyện tình đăng báo hàng ngày? Lệnh của CIA hả?"

Trong những năm đầu sau 1975, các cán bộ đảng viên vả dân miền Bắc nói chung tin rằng quân lực Mỹ đổ bộ chiếm đóng miền Nam ngay sau khi quân đội Pháp rút đi và CIA trực tiếp cai trị về phương diện dân sự. Do đó nền văn hóa văn nghệ miền Nam là do Mỹ tạo dựng bằng người và tiền của cơ quan tình báo này để truyền bá tư tưởng nô lệ Mỹ, và với sự tiếp tay của ngụy quyền, reo rắc nếp sống đồi trụy. Do đó "cách mạng" vào, là phải tịch thu tất cả sách vở đem đốt và xay thành bột giấy, một số người xin giữ lại các từ điển cũng không nổi vì gọi cơ quan sinh dục nam nữ là lồn, buồi... là "đồi trụy", phải gọi là dương vật, âm hộ (đa số nhà văn miền Bắc vẫn còn tuân theo lệ này). Bởi có những chuyện như thế nên Hai Khuynh mởi hỏi rắc rối về Mai Thảo. Tôi trả lời: "Làm gì có việc CIA xía vô văn hóa văn nghệ Việt Nam hay bất cứ nước nào. Đó là công việc của tùy viên văn hóa tòa đại sứ, và vị này, ngoài thông tin, giáo dục, thư viện..., còn có thể cấp ra những ngân khoản nhất định gọi là *grant* cho những cá nhân chọn lựa để dịch sách hay xuất bản tập san, thí dụ như tờ *Sáng Tạo. S*au một thời gian, tờ này đình bản, một phần vì bài vở cao quá cho đại chúng, một phần vì nhóm chủ trương đa số "văn hóa Pháp", tòa đại sứ Mỹ cắt trợ cấp nhóm này, dự tính chuyển sang những nhà văn nhiều tình tự dân tộc hơn, như hai anh em Duy Lam - Thế Uyên. Nhưng hai vị này tinh thần tự lực cao, đã từ chối. Mai Thảo vốn là nhà văn chuyên nghiệp (hiểu theo nghĩa sống bằng ngòi bút), nay không còn trợ cấp của tòa đại sứ hoặc chính quyền, phải quay sang viết feuilleton cho các báo hàng ngày để kiếm sống và độc giả trang trong các nhật báo thường ưa truyện tình cảm ướt át, hay truyện nhiều sex một chút. Sự thực "cái khó nó bó cái khôn", vậy thôi. Không do lệnh của CIA, CIB nào cả... mà Mai Thảo đổi hướng viết."

Mưa trong sương

Nhà văn Thế Uyên (trái) và Phạm Phú Minh
tại Little Saigon California, khoảng thời gian 1998, 99

Nhà văn Thế Uyên mất ngày 11 tháng 6 năm 2013. Để kỷ niệm ngày giỗ đầu của ông, xin đăng lại truyện Mưa Trong Sương là truyện ngắn đầu tay của ông đăng trên nguyệt san Tân Phong năm 1959. Truyện Mưa Trong Sương đăng sau đây được đánh máy lại đúng theo bản trích từ cuốn 'Tuyển Tập Truyện Ngắn của Thế Uyên' do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành lần thứ nhất tại hải ngoại, tháng 12, 1992. – Phạm Phú Minh

***

Đỗ ngả người vào sâu trong ghế, lơ đãng ngắm Lý. Nàng không đẹp, có thể gọi là xấu. Mắt nhỏ không mấy khi nhìn thẳng, môi hơi dầy để lộ một phần hàm răng trên, ngực nở chắc và căng trong chiếc áo len mỏng màu xám. Nàng thuộc loại đàn bà làm đàn ông nghĩ đến

chuyện xác thịt từ buổi gặp ban đầu. Lý quay lại nói, cố giữ cho răng khỏi lộ ra quá.
–Cường đi uống cà phê, chắc sắp về...
Đỗ im lặng, khẽ co chân lại để đầu giầy khỏi chạm chân Lý. Nhiều khi chàng kinh sợ tiếp xúc với da thịt người khác, dù chỉ rất nhẹ. Lý đưa tay vuốt tóc ra phía sau, tiếp tục nói: –Cường có nói anh sẽ lên nghỉ trên này ít lâu... Tôi đã sửa soạn buồng cho anh trên gác. Anh có cần lên ngay...
Nàng đứng dậy dẫn đường. Đỗ nâng va li đặt lên và theo sau, thân thể mỏi mệt rã rời. Bây giờ chàng chỉ muốn nằm dài trên giường, đắp chăn kín, ngắm ngọn thông ngoài của sổ cho đến khi ngủ thiếp đi. Lý mở cửa một căn phòng nhỏ có cửa sổ trông xuống phía sau nhà. Dẫy áo dài nhiều màu treo phía sau cánh cửa, một chiếc tủ con kê cạnh giường ngủ nhỏ và thấp.
–Chắc phòng này của cô?
–Vâng. Cường ngủ chung với anh Bình phòng bên cạnh. Bên kia hành lang là phòng mẹ tôi... Mời anh ngồi cho đỡ mỏi.
Lý vơ vội mấy đồ lót trong vắt đầu giường cho vào ngăn tủ. Ngoài cửa sổ trời xám đầy mưa rơi lất phất như sương mù. Hai người cùng im lặng, một thứ im lặng của những kẻ đã ý thức sẽ cùng nhau làm một việc gì khó khăn và không đẹp. Đỗ đứng dậy mở va li lấy quần áo: –Tôi lên thế này thực phiền cô.
Lý quay lại vội vã trả lời. Đỗ thấy ngực nàng lên xuống rất mau.
–Không... Không có gì phiền cả. Cường đã nói từ lâu về việc anh lên nghỉ trên này. Tôi sẽ ngủ dưới nhà.
Nàng lại gần tủ, quỳ xuống mở ngăn kéo. Hai đùi thon và dài hằn rõ dưới quần lụa mỏng.
–Tuy phòng này của tôi nhưng tôi cũng ít khi ngủ ở đây. Tôi thường nằm với vú già để nói chuyện. Ở trên này lắm khi chẳng biết nói chuyện với ai... Các bạn tôi sợ anh Bình không dám tới.
Lý đứng dậy ra cửa phòng: –Anh có mệt cứ ngủ. Cơm chiều bẩy giờ mới ăn.
Đỗ vội vã gọi: –Cô Lý! Có có quyển truyện nào cho mượn. Trưa nay ở Di Linh tôi uống nhiều cà phê quá, chắc không ngủ được.
–Sách truyện của tôi trẻ con lắm, chắc anh không thích. Anh có thế mượn sách của anh Bình bên này.
Đỗ theo nàng ra hành lang. Phòng Bình cửa sổ đóng kín, căng màn đen. Một chiếc giường lớn thấp gần sát đất chiếm gần nửa diện tích căn phòng. Màn vắt dồn một góc, chăn gối sách vở bừa bãi. Lý mở cửa sổ: –Anh Bình nói biết anh từ dưới Sài Gòn.
–Vâng. Gặp một lần. Kể ra cũng gọi là quen được.
Đỗ lại gần chiếc bàn nhỏ kê sát tường. Một dẫy chai bia để chen lẫn giữa những chồng sách. Trên tường đầy những hình vẽ bằng phấn màu, nét vẽ rất vững. Hầu hết những hình diễn tả dáng điệu con mèo có bộ mặt như người. Con cười, con khóc, nhưng con mèo nào cũng được vẽ với bụng to như sắp đẻ. Đỗ ngước mắt nhìn lên. Trên trần, ngay chỗ giường, có hình một thiếu nữ đương tắm ngoài mưa vẽ bằng phấn trắng. Một tay thiếu nữ giơ lên che mặt, một tay che phía dưới. Lý tò mò nhìn theo. Nàng đỏ mặt, cúi xuống: –Anh Bình không bao giờ cho dọn phòng cả. Có lần người nhà lên quét, anh hét ầm cả nhà lên, dọa nếu còn quét dọn nữa, anh sẽ đi chỗ khác ở. Vì thế mới bẩn thế này... Đừng! Anh đừng đụng tới những chai bia ấy. Để tôi lấy ở dưới nhà. Anh Bình không thích ai chạm tới bất cứ đồ vật gì của anh trong phòng.
Đỗ hỏi để khỏi phải im lặng: –Anh Bình chắc thích uống bia không bọt. Nhiều chai mở sẵn.
Lý cúi mặt, chân di mẩu thuốc lá, môi hơi mím lại. Nàng im lặng một chút rồi trả lời với giọng khó chịu và kim tỏm: –Những chai mở nút là đựng nước tiểu... Anh Bình lười, không mấy khi chịu xuống dưới nhà. Anh uống suốt ngày rồi... cho ngay vào đấy. Anh ấy bảo cứ để thế trên bàn, chắc sẽ có kẻ uống lầm...
Lý đưa Đỗ ra khỏi phòng: –Anh cứ ngủ cho đỡ mệt, tới giờ cơm tôi sẽ đánh thức. Nước trà nóng ở phòng khách dưới nhà. Anh có cần gì cứ tự nhiên.

Nàng ngập ngừng: xin đừng nói với anh Bình là tôi đã vào phòng anh ấy. Đỗ vào phòng, thay quần áo, nằm dài trên giường kéo chăn tận cằm. Cảm thấy bực dọc, khó chịu, chàng loay hoay tìm nguyên do. Có lẽ tại lối nói cố gắng che hàng răng của Lý. Chàng mơ màng, thiếp ngủ, thấy mình đương nằm trong chiếc giường thấp buồng bên. Bình đang nắm tóc Lý dìm xuống, bắt uống một chai bia đang mở nút sẵn trên bàn. Mấy con mèo bụng chửa to tướng xúm xít nhe răng giơ móng vuốt cắn xé từng mảng quần áo Lý. Một con nhe răng cười cười tiến lại gần giường. Chàng đưa tay cố ấn con vật ra nhưng không được. Chàng sợ hãi la hét ầm ĩ.
Chàng bừng tỉnh. Nhức đầu như có ai ấn mạnh vào hai thái dương, chàng vùng dậy mở mạnh hai cánh cửa sổ. Gió lạnh lùa vào mang theo những hạt mưa lạnh buốt. Chàng thấy dễ chịu hơn. Sau nhà một vườn mía vỏ tím thẫm trồng trên mảnh đất đẫm nước mưa. Sương mù từ thung lũng nhỏ trồng rau bốc lên che dần những thửa đất ảm đạm đỏ quạnh.
*
Bình nằm trên giường, một tay tựa lên gối đầy vết tàn thuốc lá, một tay cầm ly bia, đưa lên uống từng ngụm nhỏ. Bình đã bắt đầu uống tới chai bia thứ ba của buổi trưa và hứng nói của chàng bắt đầu lên tới cao độ. Những lúc ngà ngà say, không chuyện bần tiện, ghê tởm nào Bình không nói tới một cách duyên dáng, nhất là khi có người chú ý nghe.
Bình quay lại phía Cường đương loay hoay bóc bao thuốc lá.
–... Thế là nó cự tuyệt mày, không cho hôn hả. Mày ngu chết đi. Con gái đứa nào chẳng muốn hôn. Mày không biết cách *à l'abordage* thì bị nó đẩy bắn tung ra là phải!
Cường đỏ mặt, đưa tay vuốt tóc, có vẻ khó chịu không muốn Bình nhắc tới tình yêu giữa mình và Phương một cách trắng trợn như vậy. Cường làm Đỗ nhớ tới lối yêu "trong tâm hồn trong lý tưởng" của chàng trong những năm mới lớn. Bất giác chàng mỉm cười khi hồi tưởng dáng điệu vụng về của mình khi ôm hôn người con gái đầu tiên trên đời.
Bình ngồi dậy, lôi một hộp rỗng cao bằng chai bia lại gần, nhổ vào một cách tự nhiên. Ngửng đầu lên thấy Đỗ nhìn, Bình cười: –Chỗ đựng tạp vật của tao đấy... Tất cả mọi thứ đều có thể nhét vào, như tam giác đàn bà. Tao lục mãi mới tìm được cái hộp to thế này ở dưới nhà. Thế cũng tiện, khỏi phải đi đổ nhiều!
Bình lại gần bàn, lấy dưới gầm ra một cái lọ sứ nhỏ đựng đường đặt lẫn lộn giữa những chai bia đầy chất lỏng không nút. Bình nhặt một chiếc thìa nhôm rỉ xám, quệt vài cái vào quần rồi xúc một thìa đường nhai lạo xạo. Bình thường chỉ nhắm bia với đường. Đỗ hỏi Cường: –Phương cũng xinh đấy chứ, mười bẩy tuổi phải không?
Bình nói chen vào: –Con bé mới lớn mà có cái co núi của quá. Tao khoái nhất cái lúc nó giơ tay lên cao... Người cứ dướn lên, dướn lên, tuyệt! Tao không nể mày thì tao tán rồi. Nhưng mà Cường này, mày không tấn công mau thì thằng khác nó nẫng nhẹ mất bây giờ.
Cường nhăn nhó khó chịu: –Phương còn ngây thơ, đã biết gì. Anh làm như con gái họ dễ dãi lắm đấy. Tôi mất mấy tháng rồi mà cũng chưa đi đến đâu.
Bình cười, giọng khàn khàn: –Có mày ngây thơ thì có. Con gái dậy thì thì đứa nào không dâm. Chỉ có điều chúng có cái ngượng trời cho và sợ đau nên mới có hy vọng còn nguyên vẹn mà về nhà chồng. Muốn con nào, chỉ cần kiên nhẫn và biết cách là được...
Bình dốc ngược chai bia vào ly, cầm chai không tiến lại góc phòng, quay lưng lại: –Xin lỗi quý vị khán giả nhé...
Trông Bình, Đỗ không còn thấy khó chịu như hồi mới tới ở – chàng đã bắt đầu quen những hành động quái gở tương tự. Bình giơ chai lên gần ánh đèn, cười, thân hình gầy nhom rung lên làm Đỗ nhớ tới bức hình chụp những người bị đầy trong trại tập trung.

–Các cụ xem, nước vào nước ra trong như nhau. Chẳng kém gì nước suối Vichy. Bình trịnh trọng đặt chai lên bàn, tiến lại gần Cường: –Hôm qua mày làm ăn ra sao mà đến nỗi nó không cho hôn?
Cường đỏ mặt, đưa tay lên mân mê cổ áo không trả lời.
–Thôi, mày không nói tao cũng biết. Tao còn lạ gì mày. Chắc mày đã vùng ôm đại lấy nó chứ

gì?
Cường gật đầu, đưa thuốc lá lên miệng hút một hơi dài. Làn khói xanh bay lên gần sát trần, tan dần dưới hình thiếu nữ tắm mưa.
–Cây ngây thơ có khác! Thất bại là đáng lắm. Không bị ăn tát là còn may... Mày phải từ từ chứ. Trước hết phải rủ nó đi chơi hồ Than Thở hay thác Cam Ly đã. Ở nhà, đông người khó làm ăn.
Bình đứng thẳng người dậy xốc lại quần áo: –Mày phải làm như tao dậy đây này...
Bình cúi nhặt vỏ bao thuốc, vò nhầu lại, tiến gần: –Trước hết phải ngắt hoa đưa tặng. Con gái đứa nào được tặng hoa cũng cảm động, không ít thì nhiều. Có tí xúc động mới dễ dãi... Mày đưa hoa ra, khi nó đỡ lấy, mày cầm luôn lấy tay. Chắc chắn là được... Sau đó mày đưa tay nó lên miệng hôn.
Bình nắm lấy tay Cường đưa lên miệng hôn mạnh. Âm thanh phát ra ngộ nghĩnh làm Đỗ và Cường cùng phì cười. Bình, mặt vẫn thản nhiên, đưa vỏ bao thuốc đến gần thái dương Cường: –Bây giờ là phút gay cấn! Mày phải cài hoa lên đầu nó rồi khẽ vuốt tóc...
Trông Bình làm những cử chỉ gợi tình, Đỗ khó chịu. Chàng nhớ lại nhiều lần đã làm những cử chỉ tương tự với nhiều người con gái. Đứng dậy không một lời, mở cửa buồng bước ra, chàng sửng sốt thoáng thấy bóng Lý vội vã khép của buồng bên. Trong khoảng khắc ngắn ngủi, hình ảnh bộ ngực căng nhọn trong chiếc áo len mỏng hiện rõ dưới ánh điện tạo trong thân thể chàng một thèm muốn rõ rệt và dữ dội. Chàng rút thuốc châm hút, chiếc vòng tạo bằng những khoen đồng nhỏ Vân cầm tay chàng đặt lên vai, trịnh trọng đeo vào cổ tay và nghiêm trang nói: “Vân quý chiếc vòng này lắm. Ngày nào còn yêu Vân, anh đừng để mất nhá. Vòng có mười ba khoen... để Vân hôn mười ba cái vào đó. Lúc nào đi xa, nhớ Vân, anh lấy hôn ra...”
Không hiểu sao, chàng đã cho chiếc vòng trẻ con này một giá trị đặc biệt, để yên trên cổ tay và tự hứa riêng đối với người con gái này, chàng sẽ không chiếm đoạt thân thể, ngoại trừ khi...
Chàng tiến đến cuối phòng, mở tung hai cánh của sổ, những hạt mưa và gió lạnh tràn vào. Chàng lên giường tựa lưng vào tường, kéo chăn lên tận cằm, hút thuốc lá và lơ đễnh nhìn ra khung cửa tối đen. Giữ không chiếm đoạt thân xác Vân, chàng giữ được, nhưng không thể từ bỏ những cuộc làm tình rải rác. Con vật nhỏ của thèm khát ẩn dấu trong người luôn luôn kêu gào, đòi hỏi phần nó. Tự dưng, chàng bắt gặp mình đã ngừng tự bao giờ trên chiếc áo lót mặc trong của Lý vắt trong tủ – bộ ngực cao, đôi chân dài của người con gái liên tiếp đổ sô tới, ào ạt tràn ngập. Chàng bực tức, vụt tháo chiếc vòng khỏi tay, quẳng vào va li, châm một điếu thuốc lá mới, bực dọc thở mạnh khói ra phía trước... Cửa phòng mở ra không tiếng động, Cường bước vào: –Chưa buồn ngủ à?
Đỗ lùi sát vào vách tường, nhường chỗ cho bạn. Hai người im lặng hút thuốc, các làn khói bay lên cao, bị hút vèo về phía cửa sổ, lẫn vào mưa đang rơi đều đều trên mái hiên bếp sau vườn.
–Anh Bình uống rượu nhiều từ bao giờ?
–Cũng mới thôi, độ hai năm nay. Bao nhiêu tiền dậy học khi trước, ông ấy chi cho bia hết. Cứ mỗi ngày tám chai... Đỗ định hỏi xem Bình ăn vào lúc nào, nhưng lại thôi. Chàng nhớ lại đêm qua, xuống nhà đi tiểu, gặp Bình lúi húi nhóm lò. Thấy chàng, Bình thản nhiên đặt một cái chảo lên lò, mở chạn bưng ra một mâm nhỏ đựng đầy đồ ăn, lần lượt đổ tất cả các món vào chảo. Miến, cơm, thịt bò tái, rau, mắm tôm chanh... lẫn lộn lõng bõng. Đỗ nhớ chàng đã ngạc nhiên hỏi: “Anh làm hẩu lốn thế ăn sao nổi?”. Bình lấy đôi đũa để cạnh lò, quẹt vào quần mấy cái, cho vào chảo ngoáy tứ tung: –Mày dậy học nhiều quá hóa ngu! Đồ ăn tới dạ dầy phải trộn lẫn với nhau. Tao cho lẫn trước, vì đằng nào chẳng thế. Tơ lơ mơ lại dễ tiêu không biết chừng.
Cường cất tiếng, giọng ngập ngừng:
–Đỗ này! Mai đi với tôi đến nhà Phương được không? Chàng đưa mắt lại, dò hỏi. Cường mân mê cổ áo, nhìn sang phía khác: –Tôi sợ không dám tới... Tôi không biết Phương nghĩ

sao về tôi sau chuyện đó. Có anh chắc dễ dàng hơn.
Thấy Cường có vẻ tuyệt vọng, Đỗ đành phải gật đầu. Im lặng trở lại căn phòng, tiếng mưa bên ngoài như to hẳn lên. Đỗ hỏi để có chuyện mà nói: –Anh Bình chắc có lẽ chẳng yêu ai bao giờ. Đàn bà anh còn ghét như vậy...
Chợt nhớ tới những chuyện dâm loạn Bình thường kể, Đỗ vội thêm: –... Dĩ nhiên tôi không nói tới bọn đĩ, tôi muốn nói các cô con nhà. Chắc anh ấy chẳng để ý tới ai bao giờ.
–Anh Bình có yêu một lần chứ, yêu chị Dung. Chị ấy đi lấy chồng lâu rồi... Thế cũng phải! Ai mà yêu nổi ông ấy, trừ khi khùng thì không tính.
–Chắc cô Dung có cái "co" gay cấn và rùng rợn?
–Không. Thế mới lạ chứ! Người chị Dung thon nhỏ, tuy cũng có trước có sau, nhưng đại khái thôi. Nhưng mắt và tóc thì tuyệt, nhất là mái tóc đen dài rủ trên vai.
Cường ngừng nói, châm thuốc hút: –Mới đầu tôi cũng tưởng anh Bình chỉ yêu vớ vẩn thôi, nhưng sự thực khác hẳn. Anh ấy dấu tài lắm, không để ai đoán biết được. Nhưng mỗi lần gặp chị Dung, anh Bình rất đứng đắn, không bao giờ có giọng đùa bỡn như đối với cô khác, do đó tôi ngờ anh yêu rất nhiều. Nhưng chỉ nghi ngờ vậy thôi. Mãi sau này, một tối anh rủ đâu một cô vũ nữ về, tôi mới tin chắc rằng nhận xét của tôi là đúng. Lúc ấy tôi cũng có mặt ở nhà. Vừa mới hôn lên cổ con bé, tự dưng anh vùng đẩy nó ngã lăn ra giường rồi mở cửa phòng đi luôn, mấy hôm sau mới về. Mãi về sau tôi mới biết vì con bé để kiểu tóc y hệt như chị Dung. Mà kể đúng thế thật. Cũng làn tóc dài đen uốn cụp vào vai...
Cường ngừng nói dụi điếu thuốc vào thành giường. Đỗ thấy cửa phòng lay động khe khẽ như có người đứng dựa vào.
–... Sau đêm cưới chị Dung, anh Bình mất tích luôn gần một năm. Ai cũng tưởng anh ấy chết. Rút cuộc vẫn sống như thường nhưng rượu lu bù... Cứ cái điệu này, chắc cũng không sống lâu. Hôm nọ bác sĩ Văn bạn mẹ tôi đến khám cho cả nhà, có khuyên anh Bình bỏ rượu, bỏ chơi bời, chứ không chỉ một cơn động kinh nữa tái phát là đi đời. Tim anh Bình vẫn yếu sẵn.
Căn phòng đột nhiên mở. Lý bước vào, mặt hơi đỏ: –Tôi vào lấy chút bông.
Thiếu nữ lại cuối giường, ngồi xuống mở tủ. Thoáng trong một thời gian ngắn, các đường cong thân hình hiện rõ dưới lần vải mỏng. Thấy Lý lục mãi ngăn tủ, Cường cau mày: –Chị làm gì mà lâu thế?
Lý trả lời, cố giữ cho dịu giọng: –Cường làm gì mà giục? Cường ngủ bên kia với anh Bình cơ mà...
Nàng đứng dậy vươn vai, hai tay đưa hẳn về phía sau. Đỗ nhận thấy Lý không mặc thêm gì cả trong bộ áo ngủ. Nhìn Đỗ, thiếu nữ nói: –Anh ngủ đừng cái cửa nhé. Đêm tôi hay bị ho, có thể cần lấy thuốc.
Cường lộ hẳn vẻ khó chịu, gắt gỏng: –Sao chị không lấy ngay bây giờ có phải hơn không? Khỏi phải lên lần nữa.
Lý không trả lời, cầm gói bông ra khỏi phòng. Hai người đàn ông ngồi im nhìn khói thuốc bay. Một yên tĩnh bức bối lan tràn trong không gian. Đỗ đề nghị: –Bọn mình đi ngủ chứ? À này Cường, chị Dung lấy chồng được bao lâu rồi?
Cường giơ tay lên che miệng ngáp: –Lâu rồi.... Từ ngày tôi còn học lớp Đệ nhất. Cũng tới hơn hai năm.
*
Hai người đi trên con đường dẫn tới khu Hoa Hường. Không khí buổi chiều lành lạnh buông rủ từ những ngọn thông xuống không làm tiêu tan lòng thèm muốn thú vui nhục thể đương như một con vật quái gở ẩn nấp trong người Đỗ. Hình ảnh Lý với những đường cong khiêu gợi ám ảnh tâm hồn chàng từ mấy hôm nay. Giá đừng biết ý định của thiếu nữ, có lẽ chàng còn kiềm chế được, nhưng nhiều lần bằng những câu nói xa xôi, những cử chỉ quá thân mật, Lý đã tỏ rõ nàng không coi chàng như một bạn trai thường. Ý tưởng lợi dụng tình cảm sẵn có để chiếm đoạt thân thể Lý đã tới nhiều lần làm chàng khó chịu. Trong Đỗ, hình như có một con người nham hiểm đang suy tính, dùng chính khả năng suy luận của chàng để lôi

kéo đến một chỗ nhất định. Xét cho cùng, Đỗ thấy chàng không có gì đáng trách vì Lý đã trưởng thành và dù sao chính người con gái cũng phải muốn người đàn ông mới có thể đi đến cùng được.
Đỗ thấy thèm hút thuốc, đưa tay lên túi tìm nhưng bao thuốc rỗng không.
–Anh còn thuốc không?
Cường dừng lại, cho tay vào túi quần lục lọi, lôi ra một điếu thuốc quăn queo, nát nhầu. Cường có một lối lấy thuốc lá rất đặc biệt, không bao giờ lấy cả bao ra, thường chỉ cho tay vào túi, cố túm lấy đầu một điếu lôi ra. Những lúc ấy, mặt chàng thường lộ một vẻ chú ý hơi ngớ ngẩn, mắt ngước nhìn lên, miệng hé để lộ mấy chiếc răng cửa vàng khói thuốc. Đỗ nhiều lần tự hỏi không biết các cô bạn gái của Cường có thương được dáng điệu ấy không. Chàng tò mò muốn gặp ngay Phương xem "người trong mộng" của bạn ra sao.
Cường dừng lại, bối rối nhìn vào một biệt thự bên kia đường. Một thiếu nữ nước da hồng mặc quần chẽn để lộ đôi chân xinh xắn trong chiếc dép Nhật ngồi vắt vẻo trên một trụ đá trong vườn. Đỗ nói nhỏ: –Phương đấy phải không? Đẹp đấy! Không ngờ anh quen được một người như vậy.
Cường cười ngượng ngịu, đưa tay lên vuốt tóc, lí nhí giới thiệu. Phương có một lối cười rất hồn nhiên, để lộ hàm răng trắng có một chiếc hơi đưa ra ngoài. Nhớ tới lời phê bình của Bình về thiếu nữ, Đỗ kín đáo quan sát và thán phục thân hình rắn chắc và đều đặn chuyển động trước mặt. Biết Đỗ học sư phạm, Phương hỏi han luôn miệng về học hành thi cử, thỉnh thoảng lại cười phá lên, hất mái tóc về phía sau một cách duyên dáng. Cường nói rất ít – ngay lúc ngồi trong phòng khách cũng vậy, và khi nói thường đưa tay trước miệng, giọng nói thành khó nghe. Như đã định trước ở nhà, Đỗ lảng xa mượn cớ ngắm hoa để Cường có thể tự do "thu xếp việc xẩy ra". Chàng tựa mình vào thành cửa sổ nhìn ra ngoài trời, thương hại bạn. Một thiếu nữ xinh đẹp và vui tính như Phương chắc khó yêu một người lầm lì và vụng về như Cường.
Tiếng hai người nói chuyện từ phía sau văng vẳng. Giọng Cường nhỏ, ngập ngừng, Đỗ chỉ nghe rõ những câu trả lời của người con gái.
–Anh đừng lo. Phương không giận anh đâu... A! Lúc đó Phương có cáu chứ. Anh làm thế ai chẳng tức... Đỗ quay lại ngắm hai người. Cường dáng điệu khổ sở, tay mân mê cổ áo, mắt bối rối nhìn xuống chân. Thiếu nữ cười thản nhiên, dễ dàng, không một cử chỉ ngượng nghịu. Nàng có vẻ coi Cường như một người bạn có cũng được, không có cũng được. Đột nhiên thiếu nữ co chân lên ghế, hai tay ôm lấy thành ghế, cười gọi Đỗ: –Anh Đỗ này! Lại mà xem. Anh Cường bảo tôi yêu anh ấy vì tuần trước tôi đã đem tặng anh ấy một bông hồng ngắt ở ngoài vườn kia. Thế có giầu tưởng tượng không!
Cường luống cuống, mặt đỏ bừng, hai bàn tay xiết chặt lấy nhau. Đỗ thương hại, đỡ lời: –Tại cô không để ý... Tặng hoa hồng cho nhau một bông thôi thường được coi như một cách tỏ tình... Cũng như hoa Mimosa là tượng trưng cho tình yêu tinh thần.
Phương ngừng cười, nét mặt trở lại nghiêm trang, tò mò ngắm Cường như quan sát một vật kỳ lạ nhưng không hề quan hệ gì đến nàng. Nàng đứng dậy đặt tay lên vai Cường, cúi xuống nói giản dị một câu ngắn. Nhìn đôi môi mấp máy, Đỗ đoán chắc nàng nói: Xin lỗi anh nhé...
Phương đứng thẳng dậy, quay lại nhìn Đỗ cười: –Anh Đỗ ra xem vườn hoa của tôi không? Nhân thể cắt nghĩa thêm cho tôi ý nghĩa các loại hoa, không lại có phen gây...
Nàng lại cười. Cường nhếch mép gượng gạo cười theo.
Trên đường về, Cường hút thuốc không ngừng, hết điếu này đến điếu khác, dáng điệu băn khoăn khổ sở, thỉnh thoảng lại liếc nhìn Đỗ như dò hỏi. Đỗ giữ im lặng vì biết bạn đang định đặt ra câu gì – và chính vì thế, chàng lại thêm ngần ngại...
Đến cổng nhà, Cường đứng lai tháo kính lau vào khăn tay, môi hơi mím lại. Lý đứng trên cửa sổ trên lầu, gọi xuống: –Các anh vào ăn cơm thì vừa. Hôm nay me khỏi ốm xuống ăn cùng.
Cường cau có: –Cô cứ để mặc bọn tôi. Đã đến giờ đâu. Nếu đói thì ăn trước đi.
Thành cửa sổ cao hơn mực thường, ngực Lý tì mạnh trên gạch đầy quyến rũ khiêu khích.

Mắt nàng và mắt Đỗ thoáng gặp nhau. Đỗ vội quay đi khó chịu – lối nhìn của thiếu nữ làm chàng nhớ tới mắt của một cô bạn gái có chồng làm việc xa khi mời chàng tới chơi...
Cường ho nhẹ mấy cái, bắt đầu nói: –Anh xem... Anh liệu Phương có yêu tôi một chút nào không? Tôi chả biết nghĩ ra sao cả.
Cường cúi mặt xuống, chờ đợi. Đỗ ngần ngừ: –Tôi nói thật anh đừng buồn. Phương chưa yêu anh đâu. Nhìn lối nàng tiếp chuyện anh tôi biết...
Đỗ vội vàng thêm: –Nhưng chắc Phương có cảm tình nhiều với anh, nếu không tại sao nàng lại xưng tên... Anh cố gắng tấn công thêm ít lâu nữa, chắc được.
Cường im lặng quay lưng, cắm cúi đi ngược lên đồi. Đỗ gọi với: –Anh không ăn cơm à?
Cường đưa tay áo chùi ngang mặt, không trả lời. Nhìn bạn khuất dần sau hàng thông, Đỗ thở dài, bước vào nhà. Căn phòng không người, trên bàn chưa có gì chứng tỏ sắp đến bữa ăn. Đỗ ngồi xuống ghế bành, tháo dầy, co hai chân lên ghế, nhìn làn khói thuốc lá xanh xám bay lơ lửng. Tiếng xoong chảo va chạm từ nhà bếp lên lẫn với mùi tỏi sực nức. Đỗ đứng dậy khép cửa lại. Chàng thoáng thấy một bóng trắng thấp thoáng ẩn hiện qua khe cửa trên phòng nhỏ chứa đồ thường khi vẫn đóng kín. Đỗ tò mò lại gần ghé mắt nhìn vào. Bình đang quỳ trên một chiếc ghế kê sát tường, cúi sát một khe hở ở vách nhìn sang phòng tắm. Tiếng nước dội ào ào xen lẫn với những khoảng im lặng. Đỗ khép cửa buồng lại, rón rén ra ghế ngồi, phỏng đoán Bình ngắm cô hàng xóm bạn Lý, vì cống bị tắc, mấy hôm nay sang tắm giặt nhờ. Nhớ lại dáng điệu quỳ gối lom khom của Bình, Đỗ phì cười nhưng ngưng ngay. Chàng hơi ngạc nhiên vì thấy đáng lẽ phải khó chịu, chàng đã cười – không phải cười khinh bỉ mà là cười dáng điệu của Bình. Đỗ suy nghĩ. Như thế có phải chàng đã trở thành một người như Vân đã có lần nói: “Anh thì chẳng thấy có cái gì xấu trên đời...” Đỗ ngả người trên thành ghế. Có lẽ Vân nói đúng. Nhưng không thấy có gì xấu có phải là xấu không? Đỗ nhớ một đêm, sau khi xem chiếu bóng, Đỗ rủ Vân về nhà chàng. Nàng ngẫm nghĩ rồi ngoan ngoãn gật đầu. Trời mưa trên đường vắng. Đỗ ngừng xe scooter, lấy áo mưa. Lúc nâng cằm người yêu lên buộc dải mũ, Đỗ ngạc nhiên khi thấy ánh mắt nàng thản nhiên không một chút lo ngại. Chàng hỏi: “Em về nhà anh lúc đêm khuya, em không sợ à?” Thiếu nữ đưa tay lên tóc chàng, vuốt những giọt nước mưa bắt đầu rơi lả tả xuống má: “Không. Em tin ở anh. Em biết đi thế này là không phải, nhưng em yêu anh biết bao...”. Sau câu trả lời, Đỗ thấy thèm muốn xác thịt tiêu tan. Vân ngồi phía sau, vòng tay ôm ngang người, đầu gục lên lưng chàng tránh làn mưa nặng hạt. Tuy không nói gì, nhưng qua bàn tay nhỏ bé đặt lên người, Đỗ cảm thấy thiếu nữ đã ngạc nhiên khi thấy chàng đưa nàng về nhà. Trước khi từ biệt, Vân đã vùng ôm chặt rất lâu dưới mái hiên, không nói gì cả.
Đỗ châm thuốc lá hút, thổi mạnh cho khói tan ngay vào không gian. Chàng tự hỏi có phải vì yêu thực sự nên đã không làm Vân thành đàn bà đêm đó không. Chỉ có cách cắt nghĩa như thế vì trong nhiều trường hợp tương tự đã xảy ra, chưa bao giờ chàng ngần ngại.
Bình lại gần, đầu còn dính một chút mạng nhện nhưng nét mặt hoàn toàn thản nhiên: –Thế nào? Mày ở trên này nửa tháng mà chưa thấy lòng trai nổi sóng hả? Nếu muốn giải quyết, tối tao đưa đi... Đừng lo kiểm tục, tao phải lo giữ hơn mày chứ. Tao mà bị hốt về tội chơi gái thì mất việc ngay. Cứ yên trí, an ninh bảo đảm. –... –Thôi, chắc ông nội lại bầy cái trò trung thành với nàng chứ gì. Cũ quá... Chắc mày và nàng Vân đã trai trên gái dưới kỹ rồi chứ? Nên mày còn đừ với sự đời như thế?
–Không. Tại chưa hứng. Thế thôi. Nàng của tôi vẫn còn nguyên.
–Thế là mày khôn. Đi quá giới hạn, nó có bầu thì kẹt cứng. Không lấy không xong mà lấy cũng không xong nốt.
Bình đứng dậy đi vào bếp. Tiếng bà Đặng đang the thé mắng vú già: –Có cái bô trên gác, vú chẳng chịu đổ gì cả. Ai lại để cậu Bình mang xuống bao giờ. Cậu ấy là đàn ông, ai lại để cậu ấy làm thế... Cái bà này già rồi mà vô ý tứ!
Tiếng vú già cãi: –Con đã bảo cậu ấy con đi chợ về con sẽ đổ. Cậu ấy cứ làm đấy chứ!
Giọng Bình ngọt hẳn đi như những khi định châm chọc hay nói xấu người nào: –Con có bảo con Lý, nó không chịu làm chê bẩn, thành thử con phải làm. Mẹ đau chứ có phải ai đâu.

Bà Đặng lầm bầm đi ra phòng ăn: –Nó không làm, sao không mắng vào mặt nó... Con gái lớn chẳng chịu làm gì cả. Chỉ ăn báo cô!
Bình theo ra, thở dài: –Con đâu dám mắng nó. Cô ấy bây giờ ai mà mắng được. Cho tới giờ, Đỗ vẫn không hiểu nguyên nhân tại sao Bình ghét em gái như vậy. Những chuyện xúc xiểm như vừa rồi luôn luôn xảy ra vì những cớ rất nhỏ. Thường thường Bình thắng thế vì chàng nịnh mẹ rất khéo, hơn nữa hàng tháng còn đưa tiền về. Bà Đặng tuy thương con gái ế ẩm nhưng chỉ thoáng qua từng lúc. Lý có lẽ hiểu rõ điều đó nên thường tránh tranh cãi, chỉ nhìn anh với con mắt căm tức rồi lên lầu vào phòng riêng đóng cửa lại. Nhưng Bình hình nhhư thích làm khổ em. Không có cớ để gây thì chàng cố ý tạo ra như vụ vừa qua, hay giả vờ say rượu, nói lảm nhảm: “Lý lo lấy chồng đi chứ! Đẹp như thế thiếu gì người muốn lấy”. Thường thường Lý im lặng nghe, tránh ra chỗ khác. Nhưng đã có lần chàng chứng kiến nàng tức giận nói lớn: “Anh làm khổ tôi vừa vừa chứ! Rồi sẽ có ngày anh biết!”
–Cậu Đỗ lại ăn cơm kẻo nguội...
Giọng the thé của bà Đặng bao giờ cũng làm Đỗ nhớ tới bà già cho vay nặng lãi gần nhà, cũng cái giọng đanh thép và tầm thường ấy. Đỗ lại ngồi đầu bàn nhưng không thấy đói, cầm đũa gắp đại khái, lơ đãng quan sát mọi người. Lần đầu tiên chàng nhận thấy sự khác biệt giữa Bình và hai em. Lý và Cường đều có cái cằm vuông, nước da hơi xạm và những nét cứng cỏi. Bình như lạc lõng từ đâu vào cái gia đình này. Mặt trái xoan, lông mày rậm và dài trên đôi mắt lúc nào cũng như đang chế nhạo ai. Mọi người ăn trong im lặng, tránh không nhìn thẳng vào nhau. Thỉnh thoảng Đỗ gợi chuyện nhưng ngoài bà Đặng, chiều nay không có người nào hứng nói. Bình và lua nốt bát cơm, kéo ghế đứng dậy trước tiên mở tủ lạnh lấy chai bia. Bà Đặng nhìn theo: –Con uống ít chứ. Uống thế còn bụng nào ăn cơm nữa. Người đã xác ra rồi đấy.
Bình lầm lì rót, uống một ly đầy. Đỗ khẽ kéo ghế đứng dậy ra vườn. Trời đã bắt đầu tối. Cường vẫn chưa về. Đỗ thở dài. Chắc giờ này Cường đương ngồi trên một ngọn đồi nào đó ngắm sương mù từ dưới các thung lũng đưa lên.
*
Từ sáng sớm, trời mưa hoài không ngừng. Về chiều, mưa thêm nặng hạt nhưng Đỗ nhất định đi uống cà phê. Bưc thư Vân gửi tới lúc trưa đã mang một nỗi buồn nản vô cớ chưa bao giờ thấy. Ngồi trong quán, úp tay lên nắp phin cà phê sưởi, Bình có vẻ bình thản, nhìn làn khói thuốc bay tan dần.
–Đỗ đọc xong thư Vân chưa?
–Rồi, nhưng để tôi đọc lại lần nữa đã.
Từ ngày còn ở trung học, Đỗ vẫn để cho Cường đọc những thư của bạn gái gửi cho chàng, sau đó hai người cùng phân tích từng điểm đặc biệt trong thư. Đỗ rút tập giấy trắng ra khỏi phong bì. Vân vẫn thích màu trắng, sách vở đều bọc cùng màu ấy. Những chữ thanh nhỏ và mềm mại phủ kín tám trang giấy:
Sàigòn ngày... Anh Đỗ, Em suy nghĩ mấy hôm nay mới dám viết cho anh bức thư này. Em sợ anh đọc rồi sẽ khinh em, không yêu em nữa. Nhưng nếu có như thế em cũng đành chịu chứ không thể để trong lòng mãi những điều em cảm thấy từ ngày xa anh. Em viết rào trước đón sau chắc anh ghét lắm. Anh vẫn thường chê em viết “cổ điển” quá, nhưng em biết làm sao được. Giá bây giờ anh có ngồi trước mặt em, chắc em sẽ gục đầu vào lòng anh mà kể những chuyện đau buồn như lần nào. Nhưng anh đã ở xa rồi, những hàng chữ, những tờ giấy em viết như đang muốn chế nhạo chê cười em. Không, anh đừng lo, không có điều gì quan trọng xẩy ra đâu. Nhung em sợ. Thật khó nói ngay cho anh hiểu em sợ cái gì, em sẽ kể dần cho anh nghe. Cách đây ba hôm, em có lại chơi chị Mai, chị Mai là chị họ em. Đã có lần đến thăm cùng em, khi về anh bảo chị ấy có cái nhan sắc khả dĩ làm nhiều lòng trai nổi sóng. Chị Mai đính hôn với anh Linh học y khoa, hình như anh có quen. Trưa hôm ấy, em gọi cửa mãi mới thấy chị Mai ra. Chị ấy xin lỗi vì đọc quyển sách khảo cứu của Linh vừa đem tặng nên không nghe thấy tiếng gọi cửa. Em tò mò cầm sách lên coi. Chị Mai giật lại nhưng thấy em có vẻ giận, chị ấy đưa cho em và nói: “Vân cũng nhớn rồi, nên xem cho biết”. Chị mở sách,

tìm một trang có hình vẽ rồi dịch lời chú thích sang tiếng Việt. Mới thoạt nhìn thấy hình em đã ngượng muốn chết. Sau đó em phải kêu lên chị Mai mới ngừng giảng, chế em: "Việc vợ chồng như thế nào, con gái sắp lấy chồng phải biết. Mới có thế cô đã sợ kêu ầm ỹ, ít nữa lấy anh Đỗ thì sao?" Em vẫn biết từ lâu là sau này, khi đã là vợ chồng, sẽ phải làm nhiều chuyện kỳ lạ nhưng không mấy khi em tìm hiểu rõ vì mới thoạt nghĩ tới em đã thấy ngượng chín người lên rồi. Mà nghĩ như thế xấu lắm phải không anh? Tưởng tượng sau này anh sẽ làm với em những điều trong sách nói, em sợ chết khiếp ngay từ bây giờ. Từ ngày yêu em, em thấy tình yêu đẹp. Nhớ anh, gặp anh, hôn anh em vẫn cho là phải vì ai yêu cũng làm như thế phải không anh? Nhưng bây giờ em biết người ta còn phải yêu khác hơn. Em thấy tình yêu mà phải như thế không đẹp, làm sao ấy. Mỗi lần nhớ lại sẽ có ngày... em lại sợ muốn khóc. Tối qua em khóc nhiều quá óc rối bung lên, chẳng biết nghĩ ra sao cả. Me em hỏi em kể hết. Me nghe xong lấy thuốc cho uống rồi bắt em đi ngủ. Me có hỏi bao giờ anh ra trường, rồi me nói để hè này, anh thi ra sẽ cho anh cưới. Tưởng tượng cưới xong, em sẽ được ở gần anh suốt ngày, săn sóc cho anh, em thấy thú vị, nhưng nghĩ lại những điều ấy, em lại sợ. Có phải em hư lắm rồi phải không? Em sợ hư lắm. Thôi không viết về chuyện đó nữa, em lại khóc rồi đây này...

Trang thư nhòa nước, nhiều chữ không đọc được, thiếu nữ đã lấy bút chì tô lại nhiều hàng. Phần thư sau viết bằng bút chì, chắc Vân viết giở, cất đi, mấy hôm sau mới đem ra xem lại và viết tiếp:

Ông bác em ở Đà Lạt về nói ở trại Hầm có hoa mai nở sớm mùa. Em thích hoa mai lắm. Màu trắng thật đẹp. Anh chịu khó đến lấy ép về cho em vài bông...

Bức thư tiếp tục trên mấy trang nữa về những nỗi vui buồn nho nhỏ của đời sống hàng ngày. Tuyệt nhiên không thấy Vân nhắc tới nỗi băn khoăn lo sợ đã làm nàng khó nhiều. Đỗ lẳng lặng đưa tập giấy cho Cường. Ngoài trời mưa đã ngớt nhưng không nắng nhiều.

Cường cho bao thư vào phong bì, trả lại Đỗ: –Bao giờ hai người lấy nhau?

Đỗ ngạc nhiên: –Lấy ai? Vân ấy à? Thời buổi này ai lại đi cưới một cô gái mười bẩy về làm vợ bao giờ. Vả lại chưa chắc tôi đã lấy...

–Đỗ yêu Vân?

–Dĩ nhiên! Nhưng cứ yêu là phải lấy à? Nếu thế thì tôi lấy vợ từ lâu rồi Hai năm nữa nếu còn yêu nhau, điều này khắc khó có, có lẽ tôi sẽ lấy vậy.

–Còn Vân... Nhỡ anh đi quá đà.

–Tôi đã giữ được nửa năm, không lý gì lại không giữ thêm được. Và có đi quá đà đã sao. Chẳng khi nào các cô tự tử về chuyện ấy mà lo!

–Anh ác lắm!

Giọng Cường đổi khác nhưng Đỗ không để ý.

–Thôi xin anh. Giá anh tán được Phương chắc anh cũng chẳng tha.

–Không bao giờ! Tôi không bao giờ nghĩ đến những chuyện ấy với Phương. Mỗi lần nhìn tới thân hình Phương, tôi đã gạt đi rồi... Tình yêu đâu cần...

Càng nói Cường càng nâng cao giọng, mọi người trong quán bắt đầu nhìn về phía hai người. Đột nhiên Đỗ muốn trêu cho bạn cáu: –Anh đã phải gạt mắt anh đi mỗi khi nó hạ cố xuống thân thể nàng. Như thế là anh đã muốn nhìn chứ gì? Và tại sao anh lại chỉ muốn tâm hồn Phương không thôi là làm sao...

Cường tức tối đứng dậy lẳng lặng ra khỏi quán. Qua làn mưa bụi, Đỗ thấy bạn đưa tay lên vuốt tóc liên tiếp tuy mưa chưa đọng ướt đầu.

Lúc chàng ra khỏi quán, trời đã tối hẳn, mưa vẫn tiếp tục. Chàng toan rẽ vào một hàng mì ăn thay cơm tối, chợt thấy bóng Lý bên kia đường, chàng vội vã gọi: –Cô Lý!

Lý lắc đầu nhè nhẹ, mắt đỏ, long lanh. Đỗ không biết vì nước mưa vào hay vì khóc.

–Tôi bực mình với anh Bình. Anh ấy chướng chết người, cứ đòi tôi phải xé ảnh chị Dung trong quyển ảnh riêng của tôi. Tôi không chịu, anh ấy làm ầm nhà lên. Bà cụ chẳng hiểu chuyện gì cũng cứ bênh anh ấy. Cụ nói tôi chẳng ra gì.

Lý đưa bàn tay lên vuốt mặt, nói nhỏ: –Ai chẳng biết tôi xấu, không ai thèm để ý. Cụ không

giúp đỡ tôi đỡ khổ lại còn nói mãi...
Đỗ thương hại nắm lấy bàn tay đẫm nước của thiếu nữ: –Lý tưởng tượng nhiều quá. Lý đâu có xấu. Tại Lý sống ở nơi này không quen nhiều...
Lý yên lặng đi cạnh người đàn ông, bàn tay nóng dần. Lần đầu tiên được một người đàn ông săn sóc, để ý tới, nàng cảm động muốn khóc. Để trấn tĩnh, Lý nói lung tung: –Anh thấy căn nhà kia không? Căn nhà cửa đóng kín mít tối om có cây thông già cỗi. Tháng trước cô bạn thân nhất của em lên chơi ở đó. Bây giờ vẫn còn đồ đạc... Chủ nhà cho thuê cả bàn ghế. Mỗi lần buồn em thường leo cửa sổ đằng sau vào nằm khóc... Mùa mưa Đà Lạt kéo dài lắm...
Đỗ nắm tay thiếu nữ đưa vào sân. Nàng không cưỡng lại, vẫn tiếp tục nói: –Có lần em soi gương ở đây, thấy xấu quá chỉ muốn đập gương đi...
Lý vẫn nói, hết chuyện này sang chuyện khác cho tới khi Đỗ đỡ nàng leo qua cửa sổ sau vào nhà. Nàng đứng im nhìn nét mặt người đàn ông lờ mờ dước ánh đèn từ nhà bên kia hắt sang rồi tự dưng nước mắt trào ra giàn giụa ướt má. Đỗ hôn rất nhẹ. Hơi ấm từ miệng chàng lan dần khắp thân thể. Lý mơ hồ cảm thấy đôi môi của Đỗ từ từ bao phủ người nàng như một làn khói nóng...
... Đỗ ngồi dậy, với chiếc áo ngoài đắp lên thiếu nữ, ánh đèn hắt vào vai tròn, lấp lánh những hạt mồ hôi lấm tấm. Đỗ châm thuốc lá, khói bay ra ngoài cửa sổ xuyên qua những hạt mưa rơi lả tả từ mái hiên xuống, nhưng Lý vẫn nằm im. Tiếng mưa rơi đều đặn và buồn bã. Đỗ buột miệng nói: –Tôi... anh xin lỗi.
Lý cười rất khẽ rồi to dần, chiếc áo đắp trên người nàng rơi xuống bên. Đỗ ngạc nhiên, im lặng.
–Anh không có lỗi gì cả. Chính em muốn... em đã cố ý lôi cuốn anh. Đáng lẽ em phải xin lỗi anh mới đúng. Vì em, anh đã không trung thành với Vân...
Đỗ vứt điếu thuốc cháy gần hết ra ngoài, châm điếu khác. Qua ánh lửa lập loè của que diêm, mắt Lý sáng rực.
–Vân đẹp và ngây thơ quá anh nhỉ. Mỗi lần vào buồng, em lại ngắm ảnh Vân anh để trên bàn. Những lúc ấy em khổ sở chỉ muốn chết. Anh không yêu em một chút nào phải không?
Đỗ im lặng cầm tay Lý, những rung động khe khẽ của ngón tay chứng tỏ nàng hiểu câu trả lời tuy Đỗ không nói ra.
–Em biết thế nhưng em vẫn... Em xấu, chẳng có gì đáng chú ý, trừ thân hình em. Em thật đốn mạt... Không, anh đừng cải chính, anh định nói anh không khinh em chứ gì? Điều đó em biết rồi, có thế em mới dám... Em chỉ đốn mạt với những người khác như mẹ em, bạn bè em thôi. Hiến thân cho trai, thật chẳng đẹp chỗ nào được – Lý dịu dàng đưa tay vuốt tóc người đàn ông – Em biết anh sẽ không khinh em. Em biết chắc như thế vì em hiểu anh từ lâu. Những bức thư anh viết cho anh Cường, em thường đợi những lúc vắng lấy ra đọc. Từ ngày anh lên, em đọc trộm cả những thư Vân gửi. Em lấy dao cạo cắt một cạnh phong bì, lấy thư ra, xong lại lấy cồn dán lại mép đợi anh về đưa lại... Anh không giận em chứ? Em còn lén đọc cả những thư anh trả lời Vân nữa mỗi khi anh viết dở dang hay chưa kịp gửi. Em hiểu anh rất nhiều, và vì thế em yêu anh – Lý cười chua chát – Yêu anh thì chẳng có gì lạ, nhưng em lại thấy yêu cả Vân nữa. Vân dễ thương quá... Lần đầu tiên thấy thích Vân, em cũng ngạc nhiên, rồi sau em hiểu. Vân thuộc loại người sinh ra để được sung sướng, để được yêu. Một con quạ như em không thể nghĩ đến ghen được. Thế giới của Vân khác xa thế giới của em...
Đỗ cúi xuống hôn lên môi Lý: –Lý tự hạ mình quá. Lý không đẹp nhưng không phải là không có những điểm đáng chú ý.
–Em có thân thể đẹp và em thông minh, đọc nhiều biết nhiều chứ gì. Anh biết không, em sẵn lòng đổi tất cả thông minh của em lấy một nửa sắc đẹp của Vân thôi. Anh là đàn ông, anh không hiểu nổi nỗi đau khổ của người con gái xấu. Lần đầu tiên trong đời biết em xấu, em sợ không dám soi gương đến một tháng. Khoảng thời gian ấy, em có cảm tưởng y hệt như lúc sắp chết đuối ngã xuống ao hồi nhỏ. Từ khi biết thế, em ghét gương và ghét luôn những

người nào chê em xấu. Cũng may mọi người cũng biết điều, ít ai nói gì... Trừ anh Bình! Những năm gần đây, anh Bình lại càng ác hơn nữa. Anh ấy cho rằng em phải chịu trách nhiệm về cuộc tình duyên thất vọng giữa anh và chị Dung. Thật vô lý! Vẫn biết vì em mà anh Bình biết chị Dung, nhưng nếu chị ấy không yêu lại, đâu phải lỗi tại em... Bây giờ em ghét anh Bình hết sức, nếu anh ấy chết lăn ra ngay đây em cũng không thèm khóc lấy một tiếng!
–Anh Bình có vẻ không giống ai trong gia đình.
Lý ngạc nhiên: –Anh không biết à? Anh Bình là con riêng của me em. Câu chuyện rắc rối lắm. Lúc ông bà cụ lấy nhau, anh Bình đã được hai năm. Dĩ nhiên ông cụ nhận anh Bình làm con. Những điều này giữ bí mật, mãi sau khi ba em chết rồi em lục giấy má cũ mới biết.
Lý ngồi dậy: –Thôi về nhà đi, không thì anh Bình sẽ đoán ra. Anh đưa em cái áo lót, ở ghế kia kìa... Em không muốn anh Bình biết những chuyện xảy ra giữa hai chúng ta cho tới khi nào anh về Sài Gòn. Ai đoán được cái tâm địa tàn ác của anh ấy sẽ làm gì cho em đau khổ nếu biết được...
Lý hạ giọng xuống như nói một mình: –Anh Bình lần này còn lôi thôi, sẽ cho lôi thôi cả một thể.
*
Đỗ nằm dài ra giường đọc lại bức thư viết giở cho Vân. Chàng ngạc nhiên khi thấy đã thành thực hoàn toàn:
... Vân sợ sẽ là một nhà ga và anh là con tàu trên đường thiên lý. Nếu Vân sợ thế, anh cũng chẳng biết làm sao được. Anh nghĩ rằng dù tàu chạy tốc hành chăng nữa, cũng phải có lúc ngừng, ngừng ở ga cuối cùng. Nhưng nếu Vân hỏi bao giờ tàu đỗ hẳn, anh chưa biết trả lời sao. Anh hiện chỉ biết yêu Vân, còn tương lai ra sao anh chưa biết được. Chúng ta hãy còn trẻ, hãy để thời gian qua thêm, hãy đặt tay Vân vào tay anh và đợi thời gian qua thêm nữa..."
Đỗ với bút, ký vào cuối thư, quẳng xấp giấy sang phía Cường: –Anh viết xong chưa, trao đổi văn kiện chứ?
Cường ngồi dưới sàn, kê sách lên giường viết, các mẩu thuốc vứt la liệt bên cạnh, khói thuốc khét lẹt.
–Tôi chưa xong. Tôi vừa phải viết lại. Vừa rồi tôi đề nghị với Phương là nếu nàng yêu tôi thì đến thăm tôi bất cứ ngày nào trong tuần này. Tôi đã xé đi viết lại vì sợ chưa yêu, Phương không đến, tôi biết làm sao... Bây giờ viết lại, tôi đề nghị nếu Phương thấy có thể yêu tôi được thì đến chơi... Như thế còn hy vọng.
Lý mở cửa phòng bước vào, mặc chiếc áo len màu xám, chiếc áo có lần Đỗ khen đẹp.
–Các anh có bận gì không, lại nhà bác Hoàng với tôi.
Cường không quay đầu lại, làu nhàu: –Chị đi một mình không được à? Tụi tôi đang bận.
Thiếu nữ cười thú vị, lai mở tủ lấy chiếc áo len: –Cường muốn ngồi viết thư cho nàng thì cứ việc. Anh Đỗ đưa tôi đến cũng được, nhân thể cho anh Đỗ biết mặt chị Dung.
Cường đứng ngay dậy, chiếc bút lăn mấy vòng trên sàn: –Chị Dung lên à? Anh Bình biết chưa?
–Không biết… Chị ấy lên với chồng. Gái một con có khác trông đẹp hẳn lên.
Cường vội vã mặc luôn quần dài ra ngoài quần mặc nhà: –Mới có sáu giờ, lại mau chắc nhà bác chưa ăn cơm. Tôi bảo chị Dung tránh đừng để anh Bình gặp mới được.
Thấy Đỗ đưa mắt dò hỏi, Cường giải thích: –Bác sĩ bảo anh Bình chỉ cần bị xúc động, lên cơn động kinh một lần nữa là đi đứt. Tim anh ấy yếu lắm rồi…
Trong khi Cường nói, Đỗ thấy mắt Lý sáng rực hẳn lên, môi mím lại hơi mỉm cười. Chàng mơ hồ cảm thấy nàng đang mưu tính một chuyện gì. Lúc ba người bước vào phòng khách nhà bà Hoàng, Bình đã có mặt, ngồi giữa Dung và Phú, chồng Dung, một ly bia sủi bọt trong tay, hăng hái nói. Thái độ bình tĩnh và vui vẻ của Bình làm Đỗ ngạc nhiên. Chàng tìm một chỗ khuất, ngồi quan sát mọi người. Bình càng nói càng vui, chưa bao giờ Bình khôi hài giỏi và duyên dáng như vậy. Đỗ có cảm tưởng Bình đang cố sức đóng một vai trò cho tận mỹ. Lý cúi xuống thì thào: –Anh Bình đóng kịch giỏi tuyệt…
Đỗ im lặng gật đầu. Bỗng Lý đặt tay lên vai Đỗ: –Anh trông anh Bình kìa!

Bình đứng cạnh bàn, đang rót thêm rượu vào ly, tuy mặt hơi cúi nhưng Đỗ nhận thấy Bình đang chăm chú nhìn Dung với một ánh mắt kỳ dị. Lý nói nhỏ: –Chốc nữa em phải dặn chị Dung tránh đừng bao giờ gặp anh Bình một mình mới được.
Đỗ không trả lời, lặng lẽ nhìn ánh lửa đỏ chập chờn trong lò sưởi. Đột nhiên chàng nhớ giọng nói êm dịu, đôi mắt sáng và ấm của Vân. Đỗ tự hỏi không biết bây giờ nếu Vân đi lấy chồng, chàng có thể đau khổ như Bình không. Tưởng tượng Vân mặc áo trắng đi bên cạnh một người đàn ông xa lạ trong nhà thờ, tim Đỗ hơi thắt lại và thoáng sợ hãi nhưng đồng thời thấy khoan khoái dễ chịu vì biết đã yêu nhiều hơn chàng vẫn tưởng. Khi bắt tay cáo từ ra về, Bình giữ bàn tay Dung hơi lâu hơn lệ thường và hỏi: –Dung sung sướng chứ?
Thiếu phụ liếc nhìn rất nhanh bàn tay đương bị Bình giữ lại, khẽ cười: –Sung sướng cũng nhiều nhưng buồn nhiều cũng có. Còn anh, anh vẫn như cũ?
Bình hơi nhíu lông mày, tránh không nhìn mắt người đối diện: –Tôi vẫn như cũ. Chẳng biết bao giờ mới thay đổi.
Thiếu phụ khẽ rút tay ra, má hơi hồng lên: –Anh chẳng nên thế. Có thay đổi vẫn hơn…
Trên đường về Bình lầm lũi đi trước, đầu hơi cúi. Lý đi giữa Đỗ và Cường, nâng cao giọng nói một mình: –Đã lâu lắm mới thấy anh Bình cư xử lễ độ nơi đông người. Mọi khi chỉ ngồi độ năm phút là anh đã giở cái tài đóng kịch ra để xỏ xiên trêu ghẹo mọi người…
Cường ngắt lời: –Chị đã bảo chị Dung tránh xa anh Bình chưa?
–Rồi. Chị ấy cười chẳng nói gì cả.
Về đến nhà, Bình nhờ Cường và Đỗ khênh hộ két bia vẫn để dưới bếp lên buồng riêng: –Hai đứa chúng mày hôm nay đừng ăn cơm, lên gác nhậu với tao. Đồ nhắm tao đã nhờ vú già đi mua.
Bình cười ngạo nghễ, giọng khán khàn vướng víu trong cổ: –Hôm nay tao phải uống cho say lăn đùng ra. Gặp người cũ mà, mối thương lòng lại mở toác ra… Phải uống say mới hợp nhân tình thế thái.
Bình lúi húi xếp hai cái gối lên nhau, trước mặt để một đĩa lòng lợn tẩm đường trắng, dựa người vào gối, đưa chai bia lên miệng tu một hơi dài.
–Chúng bay thấy không? Dung một con có khác, trông phây phây ra. Chẳng bù với dạo trước gầy trơ xương, tao sợ hai đứa mà ôm nhau thì xương đụng kêu lắc cắc… Bây giờ thì tuyệt mỹ… Đỗ mở hộ tao chai nữa. Cái thằng này ngu, mày mở thế đâu có được… Thôi đưa tao. Chúng mày ăn uống đi, tao phải hút đã…
Bình rút trong bao thuốc ba điếu đưa cả lên miệng ngậm, châm hút cả ba, một dòng nước bọt lẫn bia chẩy xuống một bên mép.
–Thế nào Cường? Mày tán con Phương đến đâu rồi? Chưa ăn thua gì à? Thôi, chịu khó kiên nhẫn. Nó cự tuyệt mày chưa? Chưa à? Thế còn tốt lắm. Và có cho là nó cự tuyệt đi nữa cũng chẳng sao, cái đó tự nhiên lắm, hợp đạo trời lắm! Chúng mày xem hai con chó tán nhau thì biết. Con cái bằng lòng đứt đuôi đi rồi thế mà thỉnh thoảng còn ngúng nguẩy, quay lại đớp con đực một miếng…
Mặt đỏ bừng, Cường bỗng nổi giận đặt mạnh ly bia xuống giường: –Anh đừng có nói đến tôi, đến Phương! Anh để cho bọn tôi yên! Anh tưởng ai cũng yêu cái lối như anh ấy à… Bình chồm dậy nhìn thẳng vào mặt em, mùi rượu bay sặc sụa, phá lên cười: –Mày tưởng mày trong sạch lắm đấy à? Chưa đến lúc đó thôi. Thôi được, kệ chúng mày. Tao thấy yêu nhau trước hay sau cũng đến đ.. là hết. Mày tưởng con gái chúng nó không thích đ.. hay sao? Sao mày ngây thơ thế! Mày xem Dung lấy chồng nở nang phây phây ra thì đủ biết… Đẹp tới đẹp lui chỉ vì đ.. Đẹp phây phây ra.
Bình đập tay lên gối, hát lè nhè một điệu quái gở: –Đẹp phây phây… phầy phấy phây…
Tay vung quá mạnh, ly bia để cạnh giường bị hất tung lênh láng ra nệm. Bình thôi không hát nữa, hai tay ôm lấy gối nói chuyện thì thào. Đỗ thấy hai giọt nước mắt từ từ lăn trên má Bình, rơi xuống gối. Chàng đứng dậy im lặng ra khỏi phòng. Không khí lạnh trong ngoài hành lang làm chàng dễ chịu. Đêm nay không có sương mù, ánh đèn xe hơi tận phía chân đồi bên kia thung lũng thấp thoáng ẩn hiện.

*

Ánh nắng chiếu vào tận giường. Đỗ thấy chói mắt nhưng không muốn đứng dậy đóng cửa, người chàng mỏi mệt không muốn đứng dậy đóng cửa, người chàng mỏi mệt đến rã rời, miệng khô đắng. Chàng quay mặt vào trong, lơ đãng nhìn mấy vết nứt trên tường. Những đêm liên tiếp làm tình với Lý để lại trên thể xác và cả trong tâm hồn chàng mệt mỏi chán chường. Một ý nghĩ xuất hiện làm chàng mỉm cười: lên Đà Lạt để dưỡng sức, chàng lại tiêu pha nhiều hơn. Cũng có lúc chàng quyết định chấm dứt giao hoan với Lý, nhưng mỗi đêm xuống, không khí lạnh buốt của gian phòng lại làm tăng sức quyến rũ của thân thể nàng. Nhiều khi chàng có cảm tưởng phải phí nhiệt tình của Lý như lửa địa ngục, tuy chẳng biết thứ lửa đó ra làm sao. Mỗi lần nghĩ vậy, chàng thấy đam mê đắm đuối của mình dễ tha thứ hơn.

Cũng có khi chàng thắc mắc nhất là Lý càng ngày càng chú ý, săn sóc đến Vân. Mỗi lần đọc thư Vân, bây giờ chàng để nàng tự do xem, thấy Vân muốn, thích cái gì, nàng thường cố gắng chiều ý chàng. Đã có lần nàng bỏ cả một buổi sáng đóng một chiếc hộp gỗ đựng mấy cành phong lan, trân trọng mang ra bến xe, nhờ người quen mang về cho Vân, thái độ như của một người chị cả với cô em út cưng chiều trong gia đình.

Đỗ tung chăn,ngồi dậy, vội vã thay quần áo. Chàng vừa nhớ ra sáng nay có hẹn mấy người bạn ở một quán cà phê. Lý tự nhiên mở cửa bước vào: –Anh dậy rồi hả? Em cũng vừa định đánh thức. Cường dặn anh chín giờ có mặt ở Tùng. Hắn ra trước cùng các bạn.

–Anh Bình khỏi chưa?

–Ông ấy thì ốm đau gì! Tối hôm kia uống rượu lắm vào thì thế…

Khi Đỗ bước ra khỏi phòng, Lý nói nhỏ: –Tối nay ăn xong anh ra… đấy nhé. Như mọi khi… Đỗ toan từ chối nhưng rồi lại gật đầu. Chàng có cảm tưởng đang tụt dần trong một giếng sâu thẳm, chỉ cần giơ hai chân tựa lưng vào thành giếng là lên được nhưng chàng vẫn chưa đủ sức ra lệnh cho bắp thịt làm việc.

Lúc Đỗ và Cường từ giã các bạn ra khỏi quán, đã tới giờ tan sở. Trong một khoảng thời gian ngắn, con đường ven hồ đông hẳn lên, học sinh mặc áo len nhiều màu đi học về trên các ngả đường. Cường cắm cúi đi, nét mặt buồn bã: –Chắc Phương ghét tôi sau khi đọc thư. Đến hôm nay thứ bẩy rồi mà chưa thấy đến.

–Anh mới đưa thư hôm chị Dung lên. Có thể sáng nay Phương mới có thì giờ.

Gần tới nhà, mặt Cường bỗng đỏ bừng, mắt sáng long lanh sau kính, giọng run run như muốn reo lên: –Phương đến, Phương đến rồi. Trông hoa kìa!

Trên thành cổng có gài mấy hoa cúc dại vàng tươi. Đến chơi nhà ai, trước khi vào, Phương thường để ngoài cổng bó hoa nàng la cà hái dọc đường. Chàng cầm vội mấy bông hoa cho vào túi, hấp tấp toan vào nhà nhưng bỗng đứng sựng lại ngạc nhiên. Phương đang ngồi dưới gốc cây mận cổ thụ bắt đầu ra hoa, nước mắt chan hòa rơi trên tà áo mầu hồng thẫm. Lý đang ngồi cạnh, cầm tay Phương đang nói rất nhiều nhưng vội im bặt khi thấy hai người đàn ông tới gần. Cường ấp úng: –Sao Phương khóc, có chuyện gì vậy…?

Phương cúi đầu không trả lời. đôi vai xinh xắn rung nhè nhẹ dưới nắng. Cường băn khoăn không biết phải làm gì, rón rén ngồi xuống cỏ dưới chân nàng. Mắt Lý sáng rực, nàng nói, giọng lạnh lùng giễu cợt: –Cường muốn biết tại sao Phương khóc thì có khó gì đâu. Cứ hỏi ông Bình thì biết. Vừa rồi biết ông ấy ốm, Phương lên thăm. Chẳng hiểu bệnh phát làm sao mà thấy Phương kêu ầm lên…

Mặt tái nhợt, Cường vùng chạy vào nhà, nhẩy hai ba bậc lên cầu thang, tiếng giầy vang ầm ầm trên gỗ. Đỗ vội vã theo lên. Cường nắm áo anh lôi ra khỏi chăn. Bình vẫn điềm tĩnh: –Mày làm gì mà ghê thế? Chưa có gì đáng tiếc đâu mà ồn vậy. Tao mới đùa lành mạnh một tí mà con bé đã kêu toáng lên…

Cường đẩy mạnh làm Cường ngã chúi xuống giường. Bình ngồi dậy, thản nhiên cười: –Mày có muốn đánh tao thì cứ việc…

Giọng Bình tự nhiên trầm hẳn xuống, đượm một vẻ thành thực đến ghê rợn: –Mà đánh chết được thì càng hay, tao cũng muốn chết quách cho có thay đổi…

Cường lưỡng lự khoảnh khắc rồi đột nhiên nắm tay Đỗ kéo ra khỏi phòng, xuống cầu thang. Ngoài vườn, Phương vẫn ngồi khóc, mắt đã bắt đầu đỏ. Lý đứng cạnh, vin một cành mận lấm tấm nụ trắng xuống ngang mặt, lơ đãng ngắm. Cường đến gần, khổ sở: –Phương đừng khóc nữa… Tôi xin lỗi, tôi không dám tin là Phương đến thăm tôi sáng nay… Thật không thể ngờ anh Bình lại… đốn mạt đến điên rồ đến thế.
Phương đưa khăn tay lên lau nước mắt, không trả lời. Cường lo lắng, tay hết cho vào túi lại lôi ra: –Phương nín đi… Tôi xin Phương đừng khóc nữa. Phương muốn bảo gì tôi cũng nghe. Phương nói đi.
Thiếu nữ vẫn im lặng. Cường băn khoăn đưa mắt nhìn Đỗ cầu cứu. Đỗ quay mặt đi chỗ khác. Cường lúng túng đưa cả hai tay vào túi, lôi ra mấy bông cúc, ngơ ngác ngắm, không biết làm gì cả, lại cho hoa vào túi, cười gượng gạo. Phương mỉm cười theo, ngượng ngùng quay đi chỗ khác. Một lúc sau, khi Cường nắm tay đưa về, Phương không cười nhưng cũng không rút tay ra từ chối. Nhìn hai người đi xa dần, Đỗ thấy một niềm vui nhỏ nhẹ lan dần, lẫn khuất trong không gian. Chàng quay phía Lý, hỏi: –Tháng này mà mận đã ra hoa rồi sao, Lý?

*

Sau bữa cơm tối, mọi người ngồi im lặng trên ghế trong phòng khách nghe thông reo lẫn tiếng mưa rơi lác đác trên các vũng nước sau nhà. Bình lầm lì uống rượu với đường. Cường hút thuốc lá liên miên, thỉnh thoảng rút ảnh Phương ra ngắm, cười một mình, mắt long lanh sung sướng. Đỗ rót thêm nước sôi vào tách cà phê, khẽ liếc nhìn Bình. Chàng rất ngại thái độ im lặng vì theo như đã nhận xét trong khoảng thời gian hơn một tháng sống chung, chính sau những phút trầm tĩnh như thế là Bình bắt đầu thi hành những mưu kế cay độc, trêu tức, làm khổ người khác.
Lý ngồi co hai chân, đầu tựa vào thành ghế, hết nhìn cây mận ngoài hiên, lại liếc nhìn Đỗ như giục dã. Đỗ biết nàng muốn gì nhưng giả vờ không hiểu. Mệt mỏi và trời mưa nặng hạt làm chàng ngần ngại không muốn ra khỏi nhà. Sức quyến rũ của thân thể Lý không đủ để làm chàng đi ra ngoài mưa lạnh. Đêm nay, chàng chỉ muốn nằm dài ra giường đắp chăn, hút thuốc lá đọc truyện, và nếu có thể, nghĩ đến Vân ở miền đồng bằng nhiều nắng và bụi. Lý cất tiếng hỏi: –Tối nay anh Đỗ không đi uống cà phê sao?
Nàng thường dùng câu đó để ngầm báo nàng sẽ ra khỏi nhà trước. Đỗ đưa tay lên che miệng ngáp chưa kịp trả lời Bình đã bắt đầu nói với giọng cố ý làm cho ngạt: –Đỗ! Mày điệu mãi. Có muốn thì đi đi, đừng để em tao sốt ruột.
Cường sửng sốt ngồi thẳng dậy, đưa mắt nhìn quanh. Lý hơi đỏ mặt nhưng vẫn bình tĩnh mỉm cười, nàng có vẻ chờ đợi câu đó đã lâu: –Không phải việc của anh… Anh kệ chúng tôi thu xếp với nhau!
Bình cười: –"Thu xếp", thu với chẳng xếp… Cô tưởng cô sẽ thu xếp được mãi à? Khi thằng Đỗ vù về Sài Gòn với bồ của nó thì cô tính sao? Cô quen cái trò đó rồi, mang ra quyến rũ bạn tôi thì mang tiếng cho tôi…
Lý ngắt lời, nói như reo lên: –Anh mà có bạn? Thực không ngờ đấy! Mà anh lại sợ vì tôi mang tiếng! Anh bắt đầu đạo đức hồi nào mà tôi không hay …
Nàng nghiêng người về phía trước, nhìn thẳng vào mặt anh: –Anh đạo đức kể từ ngày chị Dung lên đây phải không?
Bình vẫn cười nhưng bắt đầu lộ vẻ tức giận: –Cô tưởng tôi nghe lời Dung phải không? Thế thì cô nhầm! Cô nhầm cũng chẳng có gì lạ, con người ham ngủ với đàn ông như cô, nhầm là thường…
Lý đỏ bừng mặt nhưng vẫn cố giữ không to tiếng: –Thế à! Nếu vậy thì chị Dung đã nhầm khi thương hại anh.
–Tôi cấm cô không được nhắc tới Dung!
–Anh lấy quyền gì mà cấm tôi? Anh tức làm gì, anh cứ để tôi nói hết đã. Anh chê tôi là hư hỏng phải không? Tôi nói cho anh biết, tôi không chối điều đó. Hiến thân cho người đàn ông tôi yêu, tôi thấy không có gì phải chối hết!

Cười độc ác, mắt sáng quắc, Lý dằn từng chữ: –Anh tưởng *Dung-yêu-quý, Dung-trong-trắng*của anh không làm điều ấy sao! Dễ thường khi lấy chồng, Dung chì bằng lòng với lối *yêu-trong-linh-hồn-trong-lý-tưởng…*
Bình ngồi nhỏm dậy, cộc cằn: –Tôi nhắc cô một lần nữa là cô đừng mang chuyện Dung ra đây! Nếu không thì đừng có trách!
–Vì cớ gì tôi phải nghe lời anh nhỉ? Anh tưởng chỉ mình anh độc quyền làm khổ người khác thôi à? Tôi nói cho anh biết, Dung là đàn bà như tôi, cũng đã làm và làm nhiều là đằng khác những điều tôi đã làm với anh Đỗ…
Bình chồm lên tát nhưng Lý tránh được, đứng dậy chạy ra nấp sau ghế. Nàng nói chậm từng tiếng một: –Chính thế! Dung cũng như tôi, không hơn gì…
–Im ngay cái mồm!
–Không!
Bình nhẩy xô tới đưa tay túm lấy áo Lý nhưng nàng vùng ra thoát, chiếc áo tuột tung cúc. Lý đứng lại đưa tay che trước ngực trần nhưng rồi lại bỏ xuống tiến lại gần Bình: –Anh đừng tưởng tình yêu anh đẹp lắm đấy! Nhìn đây… bây giờ anh gặp chị Dung trong rừng vắng thế này, anh tưởng là anh có thể bầy chị ấy lên cao mà thờ chắc…
Lý đột nhiên ngừng bặt. Mặt tái nhợt, Bình lảo đảo vịn vào thành ghế, tay ôm ngực. Mắt dại đi, miệng hé mở, Bình từ từ quỵ xuống đất, đầu gục xuống lòng ghế. Nét mặt trở nên bình thản, một vẻ bình thản mà ngay khi Bình ngủ say nhất cũng không bao giờ có. Đỗ ngồi yên, giơ tay vẫy vú già thập thò ở cửa phòng bếp: –Vú sang ngay bác sĩ Văn mời bà về. Nói là cậu Bình ốm nặng nhé. Vú nhớ nói là mời bác sĩ sang luôn.
Trong khi nói, Đỗ thoáng thấy Lý rùng mình. Nàng tiến lại gần Bình, quỳ xuống một bên chăm chú ngắm nhưng không nói gì.

*

Viên bác sĩ già đứng dậy, tháo ông nghe khỏi tai, quay về phía bà Đặng, giọng chậm rãi: –Tôi rất tiếc… Tim cậu ấy vẫn đau sẵn… Bác đừng nên quá buồn. Trước sau cũng…
Tiếng khóc của bà Đặng cất lên lạc lõng trong căn phòng im lìm. Lý ngồi trên ghế, hai tay ép giữa đùi, người run lên rất nhẹ, mắt ráo hoảnh. Đỗ lại gần, lấy áo len khoác lên vai.
Bác sĩ ngồi ở bàn, tiếng bút cọ giấy khe khẽ. Ông quay lại hỏi Cường: –Cậu Bình sinh ngày nào và ở đâu nhỉ… Cậu cũng không nhớ à? Thế chịu khó tìm hộ tôi tờ khai sanh cũng được.
Đỗ ra ngoài hiên, đứng gác một chân lên thân cây mận vỏ sần sùi đen thẫm. Tiếng mưa rơi trên mái ngói đều đều, những giọt nước lấp lánh lướt qua mặt Đỗ xuống vũng nước phía dưới mang lại những âm thanh buồn bã tẻ nhạt. Bà Đặng đã thôi khóc, tiếng sụt sịt lẫn vào tiếng mưa. Đỗ giơ tay vịn một cành mận có vài bông đã nở. Màu trắng đượm nước làm nổi vẻ êm dịu của màu vàng nhị hoa. Chàng nghĩ: mai dậy sớm về Sài Gòn, phải nhớ mang theo một cành mận về cho Vân… Hoa mận nhỏ hơn hoa mai nhưng cũng màu trắng tươi mát điểm nhị vàng ấy. Chắc Vân sẽ thích reo lên.

* Bốn tháng sau, một buổi chiều đi học về, Đỗ nhận được thư Cường:
Đà Lạt ngày… Đỗ Báo cáo anh một tin mừng là Phương đã đính hôn với bác sĩ Dương vào dịp Noel vừa qua. Đến Tết sẽ cưới. Tôi sẽ chuyển thiếp nàng mời anh, nhưng chắc anh chẳng lên dược vì nghe nói nàng Vân về Nha Trang nghỉ vào dịp Tết, chắc anh sẽ đi theo tháp tùng rồi. Tôi ở trên này đã nhận làm thay chỗ anh Bình, tài chính bắt đầy phong phú nhưng thấy khổ sở hơn hồi trước. Chẳng nói anh cũng hiểu tại sao rồi. Bây giờ tôi chỉ còn cái thú độc nhất là mỗi chiều lên ngồi tựa gốc thông trên đồi, ngắm nhà Phương ở dưới mờ khuất sau những hàng cây. Từ ngày anh Bình chết, nhà vắng hẳn, không khí lúc nào cũng lạnh lẽo buồn tẻ. Hôm đưa đám anh Bình, có đủ mọi người quen. Chỉ có chị Dung là không tới tuy hôm ấy hãy còn ở Đà Lạt. Sai khi anh Bình chết độ một tháng, tôi và chị Lý dọn sách vở có tìm thấy một bức thư anh Bình viết dở dang cho chị Dung. Tụi tôi không dám đọc, cứ gửi nguyên như thế gửi về Sài Gòn. Chẳng biết anh ấy viết gì mà một tuần sau chị Dung lên một mình, bắt tôi và chị Lý đưa ra mộ. Chị vào vườn bán hoa, tự tay ngắt lấy bông hồng bạch, mang để lên mộ rồi ngồi khá lâu bên cạnh, không nói gì nhưng cũng không khóc. Sáng

hôm sau trước khi lên xe trở về ngay Sài Gòn, chị có nói một câu – không hiểu là nói với tôi hay với chị Lý: "Anh Bình dù sao cũng chân thật và dù sao cũng tốt…". Tôi hiểu tại sao chị ấy lại nói thế. Nhưng thôi, việc đó đã qua lâu rồi, chẳng nên nhắc lại làm gì nữa. Chị Lý đang ngồi khâu cạnh tôi. Tôi vừa hỏi chị ấy có muốn viết gì cho anh thì cùng gửi, nhưng chị chỉ nhờ tôi nói hộ là chị cảm ơn anh rất nhiều về những điều anh đã mang lại. Tết này, anh cố gắng lên ăn cưới Phương. Nàng thường nhắc tới anh mỗi khi gặp chị Lý. Cường

Đỗ gập thư bỏ vào ngăn kéo. Chàng rút diêm châm điếu thuốc hút. Khói toả lan dần như sương phủ trên đồi. Chàng mỉm cười: Dung đã nói đúng. Dù sao Bình cũng chân thật và tốt, tuy rằng chỉ tốt và chân thật một lần với một người độc nhất trên đời.

***

Phụ đính :

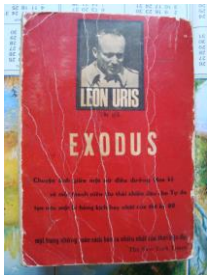

Chống gậy lên mạng

Trong một bài văn viết cách đây chưa lâu, người viết có kể trong bài tạp văn "Người đứng lại " (đã đăng ở tạp chí Thế Kỷ 21) những lý do tại sao đứng lại không lên Mạng (Net, Lưới…), và cũng vì đương ngồi trước vi tính, kể luôn cả những bất tiện bất lợi của việc lên Mạng, do những người quen thuật lại. Kể như tưởng phen này nhà văn già đứng lại ngoài mạng lưới luôn, cho tới ngày cả Chúa, Phật, Lão và Allah gọi về…Nhưng, như những dân bóng tròn thường nói, quả bóng còn lăn còn nhiều truyện bất ngờ, làm người chân thấp chân cao chống gậy chĩa bốn, đi kiểu chấm phẩy, phải tiếp tục đi tới thôi. Dù từng quãng ngắn.

Nguyên nhân trực tiếp thúc đẩy đi tới là do đứa con út, tạm gọi tắt là út D, nhận lời (sẽ) để dành tiền đứng ra lập một nhà xuất bản tài tử, đặt tên là Thái độ Xanh, để xuất bản những bản thảo đã viết nhưng chưa in của chính bố nó.

Những bản thảo đã hoàn tất: Tình dục trong văn chương nữ Việt nam, Hà nội thập niên chót tk 20, Tự truyện một người tai biến máu não…Trong thế kỷ trước, mới qua đây thôi, ít khi có việc ứ đọng bản thảo như thế.

Chính cậu út D đã chọn cái tên này, nó bảo xưa kia bố đặt tên toàn Thái độ đen với xám…xui lắm. Hơn nữa tuổi trẻ làm giám đốc xuất bản, thì mầu sắc phải xanh tươi thôi, còn xanh là xanh da trời , xanh nước biển hay xanh lá cây, đợi cậu Út pha mầu mới biết - nó là đứa duy nhất trong nhà biết vẽ, biết đọc và thích tiếng Việt. Sách in ra sẽ bán trên Mạng là chính, chỉ mong sớm thu được vốn về, in cuốn kế tiếp, cũng của bố già thôi (sau này nếu bà con thân hữu muốn mượn bảng hiệu, cứ việc bỏ vốn ra…). Cậu út D, như ở nhà thường gọi, đang thi lấy bằng kiến trúc sư tiểu bang CA, đang hành nghề kiến trúc và đai đen đệ I đẳng, thường bận ngập đầu, nhưng vẫn nhận lời (sẽ) in sách cho bố, vì những lý do không-văn chương như sau: từ khi cao niên bố thường nói viết văn là hobby chính của mình, và bản

thảo có được in thành sách mới khuyến khích viết tiếp. Và có viết tiếp mới có cơ hội động não tứ tung, một thứ thể dục thể thao cho não bộ đang bị chứng lãng của người già và dám bị mấy con virus của bệnh Az. cắn, gậm nhấm, ăn, nuốt khá nhiều phần trung tâm trí nhớ. Vậy in sách cũng là một thứ therapy, writing therapy…Và sau cùng lý do quan trọng nhất, là cậu ta chưa lấy vợ.

Có hai loại người thường hay ghét bỏ sách vở hải ngoại tiếng Việt: loại thứ nhất là một số không ít các bà vợ nhà văn, cứ thấy chồng viết lách là cằn nhằn cau có. Cho là vô bổ vô ích vô tích sự và tiền không vô. Có một vị tiến sĩ mê sưu khảo văn cổ Việt nam, đã có nhiều bài giá trị được đăng tải, nhưng khi viết phải đợi bà vợ ngủ yên, mới dón dén ra phòng khách viết và lách (lách bà vợ). Một trí thức khoa bảng thông thạo nhiều thứ tiếng Việt Hán Nôm Hoa Pháp Anh Đức…viết nhiều bài sưu tầm giá trị về đông y và văn học (nhờ đọc vị này mới biết kiểm duyệt có từ thời vua nào và "Nước vỏ lựu máu mào gà " là gì, tác động ra sao). Thông thái như vậy và khéo chia xẻ kiến thức cho mọi người, vậy mà sau khi về hưu khi bàn với một bạn văn ở Mỹ về phí tổn in một bản thảo đã viết xong, thì bà vợ xen vào, trách ông bạn là rủ rê chồng bà tiêu phí tiền bạc. Ông bạn ở Mỹ này thuộc loại vui tính, trả lời : thà chị để anh viết sách in sách, còn hơn là để nhàn rỗi anh mê bồ nhí, tốn hơn nhiều (hậu quả câu nói đùa là không thấy sách nào ra đời và ông ở Mỹ mất bạn luôn). Loại thứ hai là Công an VN, nhất là Công an Hải quan, cứ thấy sách tiếng Việt in ở hải ngoại, là mắt trợn lên miệng mím lại, làm như thấy hiện hình lên mấy con trùng cúm gà cúm vịt cúm chim. Phải tịch thu gấp gấp cho vào nồi ninh bột giấy tiệt trùng…kể cả những sách cán bộ đảng viên mang về để nghiên cứu.

Làm nhà xuất bản, in sách, bán sách trên Mạng, quảng cáo tiếp thị…toàn là những công việc cần trao đổi bàn tính, gửi bài qua lại nhiều…chỉ email mới thích hợp trong thời hiện đại. Nhưng muốn có email, phải lên Mạng, vô Lưới ... Vậy thì ta lên Mạng thôi, như mọi người, như bao nhiêu người khác trong mười năm vừa qua. Nhưng với một người còn một tay trái, não bộ sứt mẻ lung tung, máu chảy lạng quạng chỗ tắc chỗ không, lên Mạng là cả một vấn đề, một công trình không nhỏ. Các con trai con dâu (tôi không có con rể) thường xì xèo sau lưng tôi: Đừng ai chỉ cho bố, bố sẽ hỏi suốt ngày đấy… Nhưng thấy bố đã "hạ quyết tâm" lên mạng, thì cũng đành chiều theo thôi.

Và sự thực đã xẩy ra đúng là như vậy. Ai cũng bị tôi động viên, trưng dụng làm thầy, làm mentor, làm cố vấn, kèm từng nấc từng bước, hì hà hì hục. Nhất là tôi bây giờ thuộc loại thông minh nhưng chậm hiểu, chóng nhớ nhưng mau quên, tiến hai bước lùi một bước, sáng nhớ kỹ chiều quên sạch… Bị làm thầy cho tôi nhiều nhất là vợ chồng đứa con cả, chồng là một tiến sĩ chuyên về gene, cuối ngày rời phòng lab lái xe cả tiếng vừa về tới nhà bố đã nhờ điều chỉnh không printer thì monitor. Nàng dâu trưởng xinh xắn, một nha sĩ tốt nghiệp Sài gòn vừa nuôi hai con nhỏ vừa học năm 3 Nha khoa trở lại để lấy bằng Mỹ, bị tôi hỏi nhiều nhất vì nàng tối ngày quanh quẩn trong bếp vì đang kỳ nghỉ hè, bếp lại đối diện với bàn computer của tôi. Nàng kiên nhẫn giảng giải cho học trò già chậm hiểu. Còn vợ tôi đâu, sao không đóng cửa dạy chồng?

Bà vẫn có đó, hiện diện ngày và đêm, nhưng ngay từ ngày đầu đã cười thật tươi tuyên bố: Đừng ai hỏi tui nhé vì tui tốt nghiệp ra trường từ lúc chưa có Net, hay email… Nói xong, bà lấy mũ rủ hai đứa cháu đi chơi, một đứa gái ông nội đặt tên là Misa, còn đứa em trai bốn tuổi hỏi nó tên gì đã có lần trả lời: Minh –đát –com (Minh.com)…vì ba tuổi đã biết chơi computer game. Nghĩa là mọi người chung quanh, già trẻ lớn bé, ai cũng giỏi vi tính hơn tôi hết. Tôi giống như anh chàng sợ vợ trong một cổ tich Mỹ, vác súng vào núi chơi ngủ quên một giấc, tỉnh dậïy thì thời gian đã trôi qua 20 năm.

Nhưng rồi bà vợ tôi cũng không đứng ngoài cuộc được lâu. Kỳ nghỉ dài đã chấm dứt, ông chồng tiến sĩ lái U.Haul to bự chở đồ đi trước, cô con dâu mang theo hai con lái xe nhỏ đi theo, đêm nay vượt đèo xuôi nam, đi học trường mới ở SF…Hai vợ chồng già ra tận vỉa hè tiễn đưa, sau lưng là ngôi nhà rộng rinh và im lặng vì riêng ba mẹ con này chiếm 75% tiếng động trong nhà…Bây giờ là tổ trống, empty nest như người Mỹ thường nói : chim non đã đủ lông cánh thì phải bay đi tứ phương thôi, đứa lập nghiệp ở Los, đứa ở SF , San Jose…Có một đứa ở lại vùng này nhưng ra ở riêng từ lâu, và vì lấy vợ Bắc kỳ công giáo nghe lệnh Giáo hoàng nên bây giờ đã ba con, chủ nhật hay mang các cháu lại thăm ông bà nội, thỉnh thoảng bê một chậu lan tặng ông, nhưng bà lo tưới.

Như các cụ xưa đã nói, “không có chó bắt mèo làm thế” , tôi trưng dụng bà vợ thay thế cô con dâu như thế này: Em cho anh mượn cái đầu em một chút. Em ngồi đây nghe anh ấy chỉ cách gửi văn bản kèm email, rồi lúc nào anh khoẻ, em chỉ lại cho anh…”Lúc nào” là lúc nào?, tôi ì ra không tìm, cứ có bài cần gửi đi, lại dịu dàng tán vợ làm hộ. Không hẳn tại bây giờ lười biếng, mà đầu óc đang tập trung vào việc tập viết văn tiếng Việt có bỏ dấu trở lại.

Xưa kia, nghĩa là trước khi xiêu đổ vì cơn tai biến mạch máu não, tôi viết văn tiếng Việt có dấu thoải mái, bằng máy chữ khi còn ở Việt nam, bằng vi tính sau khi định cư ở Mỹ. Bây giờ phục hồi cho được khả năng ấy, sao mà vất vả, lâu, công trình như vậy. Nhưng không làm được thì bỏ viết văn thôi… Khi phục hồi kha khá sau cơn bệnh, tôi không nỡ ép năm ngón của bàn tay trái bao sân nhiều quá, nên viết không bỏ dấu rồi nhờ hết người này đên người kia, hoặc ban biên tập báo nhận bài, đánh máy lại hộ. Bạn văn như Trần Vũ, cháu gái như Thơ Thơ, con như út D…, người nào nhờ được, nhờ liền, nhưng do hiện tượng tình thương mệt mỏi, đời sống trong xã hội hậu kỹ nghệ kỹ thuật số vất vả như gió lớn cuốn đi, tôi càng ngày càng thấy rõ không tập cho phục hồi lại khả năng ngày xưa, thì nghỉ viết văn thôi. Tôi chưa muốn nghỉ, vậy tôi tập, hì hục, rồi cũng phục hồi đươc khả năng vừa viết vừa bỏ dấu xưa kia. Tốc độ viết đã không nhanh gì, tạm thời lại giảm xuống một nửa.

Có bạn bè khuyên nên đọc vào máy ghi âm rồi thuê thư ký đánh máy lại sau…Giả thử tôi giàu đủ để làm thế, tôi cũng không làm vì kinh nghiệm thất bại của ông Henri Chariere, tức người tù khổ sai Papillon : sau cùng ông này đành cho cô thư ký ngồi dũa móng tay, còn mình ra tiệm tạp hoá mua một lố vở học trò , dùng bút máy cổ điển viết được hai cuốn hồi ký lừng danh một thời, đến nỗi toà án Paris phải xoá án cũ cho ông được trở về Pháp. Truyện như thế sau này chỉ xẩy ra cho nhà văn du đãng Jean Genet. (Cả hai cuốn hồi ký của Papillon đều đã được dịch từ trước 75 tại Sài gòn, còn Jean Genet thì chưa, có lẽ vì nhiều sex quá).

Con người tôi bình thường có thiếu gì tính xấu, khuyết điểm, nhưng may mắn có được tính kiên nhẫn. Và tính lạc quan loại biết điều nên dễ sống.

Lạc quan thì dễ hiểu rồi, còn biết điều là sao? Biết điều nghĩa là không bao giờ đâm đầu vào tường. Gặp bức tường, gõ cóc cóc xem nó làm bằng gì, nếu bằng gỗ rơm rạ thì đạp đổ nó đục nó mà vượt qua, nếu bằng gạch đá, thì ngồi xuống, hút thuốc lá phì phèo, nghĩ xem có cách nào leo qua, đi vòng đầu này đầu kia hoặc đào đường hầm chui qua chăng…Cách nào cũng không được, thì quay đầu đi về, hoặc đi chỗ khác chơi. Chứ không húc đầu vào tường. Nếu có ai chê, cười là đã thối lui thì có hai cách đối phó, một là bắt chước các cụ xưa, lẩm nhẩm câu “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”, hai là nếu co ai rủ rê tử tiết, sau khi hô cái gì đó “muôn năm” rồi húc đầu vào tường đá cho bể cái sọ, thì nói cám ơn, đề nghị quí ông quí cụ làm đi cho bà con coi, sau đó được hưởng vinh danh, truy điệu đều đều. Còn nhà văn là tôi bỏ đi chơi chỗ khác với cỏ hoa sông hồ bởi vì nếu có một bổn phận nhà văn nào chăng,

là tồn tại và sống sót. Có thế mới làm chứng nhân - nhà văn được. Còn nếu chết thì hình như cụ Shakespere bên Anh có nói đại khái, là con chó đã chết, là hết truyện.

Tập mãi cũng làm được dù tốc độ viết giảm xuống nhiều như đã nói. Nhưng điều đó đâu quan trọng chi, tôi viết văn chứ đâu có viết bản tin cho nhật báo hay đài phát thanh, mà cần phải tốc độ.

Lên Mạng thấy những gì ?
Bây giờ đặt câu hỏi như vậy có vẻ xưa, nhàm, quê…nhưng thôi, các cụ ta thời xưa bảo cũ người mới ta, thông cảm. Trước hết đúng như một nhà văn lão thành họ ….ở miền đông Hoa kỳ đã tuyên bố, lên mạng cốt để giao thiệp với bạn bè dễ dàng, mặc dù đã có fax, phone, thư và điện tín trong tầm tay. Nhưng bây giờ lên mạng dùng điện thư, email, vẫn tiện và nhanh nhất. Điện thư nhanh bằng tốc độ của điện, viết xong thư, gõ chữ Send là bạn nhận được liền, dù bạn ở phía bên kia trái đất. Quan trọng hơn là email dễ băng qua "bức tường lửa", bức màn sắt bức màn tre. Nhà văn nữ trẻ nhất VN hiện nay, trẻ đến nỗi chưa kịp nổi tiếng, là Lynh Bacardi, vừa mới viết , tất nhiên qua e.mail, rằng "Lynh mới viết xong một truyện chưa phổ biến đâu hết, để gửi anh đọc", tôi chưa kịp ừ hử một tiếng, một truyện ngắn hung dữ bạo tàn chưa từng thấy, nổi loạn tứ tung, kể cả nổi loạn chống thân phận đàn bà của chính mình, nhan đề "Nghĩa trang Đồng nhi" đã chui tọt vào máy vi tinh của tôi. Qua lọt mọi thứ kiểm duyệt dễ dàng. Do đó với email xuất hiện việc kết mọi tình thân hữu, tình trai gái bây giờ mở rộng ra năm châu bốn biển thoải mái, dễ dàng. Ngay ở Việt nam, nơi không ai cũng có thể có vi tính như Mỹ, đã xuất hiện những quán cà phê vi tính, chỉ phải chi một số tiền không lớn, đã có một chỗ ngồi trước bàn phím. Tha hồ mà "chat", đấu láo, tán tỉnh thâu đêm. Một phóng viên một tờ báo nội địa đã có lần kể một cô gái, không biết câu chuyện nồng nàn, "hot" đến đâu mà cô bỗng nhiên leo lên nằm dài trên bàn. Chắc để trình diễn mẫu hàng với "chàng" ở đâu đó – sở dĩ chữ chàng được viết với dấu "…", vì đó có thể là một cụ ông, nhưng không sao vi cả hai bên thường hay ẩn hình ẩn danh, cho đến khi…

Với sự phổ biến của TV, một người trung bình đã ngộp với luồng tin tức/hình ảnh xa cũng như gần, nội địa cũng như quốc tế. Lên Mạng, như là mở thêm một bộ bách khoa cỡ lớn nhất, không hạn chế số tập. Muốn biết gì, được biết nấy, biết kiểu khoa bảng hay kiểu thực dụng, biết kiểu thanh hay biết kiểu tục, đều có cả và có ngay, có cách xa chăng cũng chỉ cách vài cái click. Trước những giòng thác tin tức hình ảnh như thế, ráng mà tự chế hạn chế, sao cho khỏi bị tẩu hoả nhập ma …

Chỉ có điều người viết bài này, là thứ đến muộn, đèn đỏ với Mạng, hơi ngạc nhiên là những thứ đồ, tranh ảnh quảng cáo về sex nằm ở chỗ nào đây. Như đã có lần viết ở đâu đó, người viết không là Liễu Hạ Huệ bên Tàu hay hậu duệ của cụ Đồ Chiểu bên ta, cũng không có cả một tâm hồn thái giám, lại có một libido khá tốt, do đó thường quan tâm tới "hình như hạ" của con người. Cứ thoáng thấy "một toà thiên nhiên" ở đâu, là mở to mắt liền, không nhắm mắt lại, quay đi như nhiều nhà đạo đức thực/giả. Nhưng những truyện sex trên Net, phải hỏi các bạn trai thôi, các cô các bà có biết cũng không thèm chỉ (có bà còn gọi các thứ đó là đồ yêu đồ quỉ). Và khi đã biết cách tìm biết để vào xem cho biết, thì xem mệt nghỉ hết mệt coi tiếp (tôi vẫn còn óc tò mò của một đứa trẻ). Con trai lớn thấy vậy khuyên bố đừng có bao giờ "say Yes", tiết lộ ID nghe, cần gì hỏi con trước đã. Con dâu thì góp ý bố chẳng nên xem nhiều quảng cáo loại đó, tụi xấu hay thả virus phuc kích ở những nơi đó, cắn hư computer của bố luôn. Người viết vội nghe 1/2 lời khuyên này bằng: thứ nhất, chỉ phiêu lưu vào vùng nguy hiểm khi các con cháu đã rút hết lên lầu đi ngủ, bà vợ tình tang trong phòng coi TV hay ngủ khì, thứ hai dặn con trai mua software chống virus, cậu ta trả lời: con làm từ lâu rồi, bố khỏi lo. Một ông bạn cố vấn rằng: thấy tape hay, giá tiền phải chăng, đừng có mua. Khi

ngừng không mua nữa, họ cho virus cắn máy mình, để phải mua software chống virus mới do chính họ sản xuất. Nguy hiểm thay, một cái coi…

Toàn những lời khuyên tốt cả nhưng chuyên chở các nội dung khô khốc, khô cằn và người viết, cho tới khi libido bỏ đi, thích tiếp tục lang thang vào miền cỏ hoa ướt át , nột thứ bù trừ cho thân thể bắt đầu rệu rạo, dĩ nhiên chỉ lang thang thưởng thức bằng mắt nhìn bằng tai nghe. Và khám phá dần nhiều điều thú vị (xin các vị đạo đức giả và thật ngưng đọc đoạn kế tiếp). Những gì người viết tò mò muốn biết về sex mà trước đến nay chỉ biết qua trang giấy, nay được trình bầy trên Mạng đầy đủ, không những bằng hình ảnh rõ và to chiếm hết màn vi tính (và muốn to hơn nữa không khó, nhưng ít ai dại dột ngắm người đẹp bằng kính loupe), hay bằng những đoạn phim ngắn chào hàng gọi là trailer, sample, clip…

Về truyện sex của súc vật, người trung bình chỉ trông thấy ở loài bò chó, gà vịt… cùng lắm là mèo. Còn đàn bà với súc vật, bestiality, như chó (Âu, Mỹ), ngựa (một nữ hoàng Nga), dê (thần Pan), thiên nga và nàng Leda, bạch tuộc Nhật bản….thường chỉ được biết qua các tranh vẽ nhiều khi cách điệu hơi quá. Còn Việt nam có rồng (thuộc bộ rắn?) lấy bà Âu Cơ đẻ ra trứng nở thành 100 con như loài Aliens trong bộ phim sci-fi của Mỹ , con dái cá hiếp một phụ nữ sinh ra con quí tử, mẹ của Mạc Đĩnh Chi nghe đâu bị khỉ đột hiếp đẻ ra ông con đẹp trai như khỉ… Bên Tầu có một ông đặc sứ Tô Vũ bị một chúa Hung-nô đày ra biên cương đã lấy tạm một bà đười ươi, đẻ con đàng hoàng...Trong văn chương hiện đại Việt nam miền Bắc, Dương Thu Hương đã kể một bộ đội khùng khùng giao hợp với bò cái (“Tiểu thuyết vô đề”), tại hải ngoại nhà văn Lâm Chương ở miền Đông trong một truyện ngắn xuất bản chưa lâu, đã kể một cán bộ đã giao hợp với bò, gọi là “giải quyết cấp thời” ...

Về những truyện đại loại như thế Á châu xử trí và xử lý nhân đạo hơn Tây phương nhiều: khi bị phát hiện, thường tha bổng cả hai bên can phạm, đôi khi bị đánh cho mấy roi là cùng. Ở Âu châu, nghiêm khắc hơn nhiều vì các giáo hội Thiên chúa giáo thời trung cổ hay xử thiêu sống dàn bà nào (đôi khi cả đàn ông) giao hợp với súc vật vì cho là phù thuỷ. Còn bây giờ trên Mạng là đầy đủ hình chụp, phim ngắn. Đủ loại. Kể cả những điều luật pháp Mỹ cấm (đến đây hết phần R restricted).

Việt nam vẫn nổi tiếng là một dân tộc thiện chiến hiếu chiến và chậm tiến, hơi lười suy nghĩ và thiếu sáng tạo. Và đứng đắn về diện nổi, bề ngoài của xã hội, hay nói cho đúng hơn là bị các ông hủ nho Việt dồn nén tối đa, (Khổng tử không cấm “dâm”, chỉ khuyên không nên “tà dâm”, các hủ nho VN thì chính dâm tà dâm đều cấm hết) đến nỗi Thăng Long Hà nội sắp một ngàn tuổi mà không để lại cho chúng ta một tác phẩm nào như Nhục bồ đoàn, Tố nữ kinh (của Trung quốc, đã có bản Việt dịch xb tại Mỹ), Kama Sutra (của Ấn độ, nhiều bản dịch), Hương viên (của Ả rập, bản tiếng Pháp LeJardin parfume thì phải, chưa có bản tiếng Việt)…Các vua chúa quan lại ta xưa ông nào cũng năm thê bảy thiếp, hưởng lạc tối đa, còn nhân dân thì viết, đọc, vẽ hơi có sex một tí là bị cấm, tịch thu đem đốt giữa chợ. Thậm chí các vũ điệu dân gian bá vai vịn cổ nhau một chút, cũng bị cấm luôn. Đến độ không để lại cho con cháu một chút gì cả, làm bây giờ con cháu phải đọc, dich sách ngoại quốc, và múa các điệu vũ không vay mượn của các dân tộc thiểu số thì cũng của các dân tộc Tây phương…

Trong thời hiện đại, khi các tạp chí Playboy, Penthouse…đã có bản Hoa ngữ, Pháp ngữ, Spanish…từ lâu, cộng đồng Việt hải ngoại chỉ ra dược tạp chí Ong Bướm (Mỹ, nặng giải trí), Gia Đình (Uc, trí thức hơn) hình ảnh khoả thân mượn từ các tạp chí Hoa ngữ hay Nhật. Cả hai tờ đều đã đình bản. Từ khi có Net, người Việt hải ngoại (tất nhiên) chỉ làm được hai website về sex, là Vietfun và Tìnhdonphuong (người viết bài vốn lọng cọng về vi tính mới chỉ biết có thế). Vietfun chuyên về quảng cáo các tape xxx do người Việt sản xuất (đã xem thử rồi thôi vì còn non nới, cả về kỹ thuật lẫn diễn xuất, tài tử ngoại hình ít khi khá, khi người ta

chậm tiến, thì chậm tiến cả vụ đó). Chỉ được cái mục chịu khó sưu tầm các cô người mẫu nội địa. mặc áo dài hay áo tắm, đồ lót. Không có mục khoả thân nhưng coi cũng đỡ buồn xa xứ !

Còn Tình Đơn Phương, thoạt nghe cái tên cứ tưởng một website chuyên về thủ dâm hay gay, nhưng thực ra một website khá bình thường về sex với mục tiêu giải trí cho người lớn. Vài điểm đặc biệt: Mục mang tên "ca sĩ Hồng Nhung" nhưng lại là hình một cô gái Việt nao đó xinh xắn và mặc quần áo đàng hoàng, nhưng bù lại có hình của khoả thân của hơn 90 cô gái châu Á xinh đẹp hẳn hoi (tỷ lệ bao nhiêu là gái Việt, người viết không biết, nhưng qua kinh nghiệm bản thân, gái Việt khoả thân đẹp cũng đẹp lắm). Dĩ nhiên không thiếu mục truyện dâm ô ngắn dài, đọc qua thấy viết khá hơn hẳn thời kỳ trước. Thấy nền văn học erotic, porn tien bộ hẳn hoi
Chính các đại học Mỹ đã dạy tôi đừng coi thường các truyện erotic và porn khi nghiên cứu về văn hoá văn học một dân tộc. Ban ngày đi coi đền đài cung điện này nọ, tối lang thang những tiệm sách cũ coi dâm thư dâm hình, kể cả những thứ "by night". Khi học "Lịch sử văn minh Tây phương", có thầy cô khuyên nên đọc cả "My secret life", một dâm thư dầy cộp, để hiểu một xã hội khi kỹ nghệ hoá, hiện đại hoá hay "đổi mới", đàn bà dễ bị mua bằng tiền ra sao (Bây giờ cuốn này được các tiệm sách như Border coi như một tự truyện bình thường).

Bàn về Net chẳng khác bàn về đàn bà, chẳng bao giờ cho hết chuyện, lớn cũng như nhỏ, xa cũng như gần. Riêng người viết bây giờ ngày nào cũng toạ thiền trước vi tính vài ba tiếng bởi vì ngoài những lợi ích ai cũng biết, vi tính còn là một phương tiện giải trí đa dạng và hấp dẫn cho một người bị giới hạn di chuyển, thường xưng đùa với bạn bè là "độc thủ đại hiệp" với 1 chân ½….

Hồi ký / memoir

Lời tác giả: Bài này khi được phổ biến lần đầu trước 1975 ở Việt Nam đã tạo nhiều dư luận, và một bên lâm chiến đã dùng truyền thanh phổ biến, cho rằng có lợi cho bên mình. Bây giờ chiến tranh đã qua, xin mời độc giả thưởng thức nó như là văn chương thôi.

Rời miền Bắc sau 1954, mang lũ chúng tôi vào Nam, bố mẹ tôi đã từ bỏ nhiều thứ trong đó có quê nội và quê ngoại, một quá khứ quá dài những vui buồn, và căn nhà đã tạo dựng bằng công khó của hai người, nhất là bằng dấu vết những bàn chân nhỏ cùng các tiếng khóc tiếng cười của đứa bé đã sinh ra và lớn lên trong đó. Tết năm ấy, Tết tha hương đầu tiên, bố mẹ tôi không hề buồn bởi vì hai người chưa già và trừ người con lớn còn ở trong quân ngũ nơi xa, gia đình tôi sum họp đầy đủ trong căn nhà cũ kỹ tồi tàn không nước không điện của khu Bàn Cờ. Tết năm ấy, năm của hòa bình, hầu hết những người dân hai miền còn đầy hi vọng ở tương lai.

Rồi ngày tháng theo nhau qua. Niềm hi vọng ở tương lai của mọi người có còn nguyên vẹn như thế không, tôi không biết. Tôi chỉ biết vào một ngày cuối năm, thứ hi vọng ở tương lai của gia đình khiêm tốn của tôi đã suy giảm nhiều. Lý do thật giản dị: bố tôi, cột trụ của gia đình, đã thấm mệt, đã chịu thua cuộc đời, đi vào tuổi già. Ông đã cam chịu làm một công chức nhỏ cho một cơ quan thuộc binh chủng lo làm nhà xây cầu cho quân đội. Ông thôi không còn nói tới lo xin ra báo, mở nhà in, tái lập một thời kỳ huy hoàng của ông trong những năm còn trẻ nữa. Trong một đêm khuya đi chơi về bắt gặp ông đang còn thức soạn chồng giấy tờ cũ—những tấm thiếp mời ông dự buổi lễ này tiệc rượu nọ của cả một thời kỳ đã qua—dưới ánh đèn dầu lù mù và trong tiếng xe chạy ào ào trên con lộ lớn trước nhà, tôi

đột nhiên cảm thấy từ thâm tâm một cái gì thúc đẩy tôi ngồi xuống đấy với ông, nói gì chưa biết, nhưng phải ngồi. Hình như đây là lần đầu tiên tôi ý thức được thế nào là cô đơn của một người thất bại về già bó gối chịu thua. Trong căn nhà tồi tàn này, vợ con đầy đủ có, nằm ngủ yên chung quanh, nhưng có những nỗi buồn tự bản chất đã là không sao chia sẻ nổi.

Tôi đã tới ngồi chiếc ghế bên này chiếc bàn mộc, vơ vẩn đọc những tấm thiếp cũ xưa ấy, nghe người già ngồi bên kia nói về cuộc đời, về tuổi trẻ, về những ước vọng vang bóng một thời. Ông nói ông đã làm thất vọng nhiều người, trong đó có mẹ tôi, con gái duy nhất một gia đình nhiều danh tiếng về văn học cũng như về đấu tranh cách mạng. Ông đã quá rong chơi, quá phung phí tuổi trẻ, để rồi tới lúc này không còn gì. Không một danh tiếng, cũng không cả gia sản. Và dù sao cũng là kẻ cuối cùng của một giòng kẻ sĩ lâu đời, ông đã vừa phải khước từ một đề nghị chính trị nhiều bá đạo nhưng cũng nhiều quyền lợi của chính quyền đương thời… Như vậy ông chỉ còn một đời sống khiêm tốn để sống, cuộc đời của một công chức già và một căn nhà nhỏ mới được cơ quan cấp phát trong một cư xá hỗn hợp, căn nhà ông hẹn tôi mai sớm tới sở kiếm ông để cùng sang nhận. Trong khuya, không biết là giờ nào của đêm, ông trầm giọng: "…sau này, bố chỉ ao ước con làm được cho bố một căn nhà tranh ba gian hai chái trên nền đất nện, trước nhà đào một ao nhỏ có cầu ao dẫn xuống mặt nước nuôi bèo không vớt, cho xanh um ở ven đô nào cũng được…"

Tính ông chuyên đoán nên bố con ít khi nói chuyện nhiều, chưa kể có thời kỳ tôi còn ghét ông vì bị bắt phải làm những điều ông muốn và tôi không ưa. Nhưng đêm nay, lần đầu tiên từ khi lớn lên, tôi hiểu bố dược một phần nào. Một thoáng nghẹn ngào lẫn khuất với lòng thương mến. Tôi cất tiếng nói, nói rất nhiều. Bây giờ dến lượt ông ngồi nghe nói về những ước vọng của tôi—những ước vọng dĩ nhiên thật cao xa của một thanh niên mới lớn.

Chẳng biết ông có tin những lời đao to búa lớn ấy của tôi không, nhưng ít nhất buổi nói chuyện trong đêm cũng làm hai bố con dễ chịu với nhau hơn, khi đến nhận căn nhà đầu dãy của một khu dành cho binh sĩ và nhân viên dân chính. Căn nhà nhìn ra bãi cỏ hoang đầy vòng kẽm gai cũ rỉ, sát vách bên là một đống khối bê tông lớn xếp hỗn độn do đạo quân viễn chinh Pháp bỏ lại, căn nhà vào mùa mưa thì nước ngập và mùa nắng thì mái tôn hừng hực chói chang.

Gia đình tôi dọn tới ở căn nhà ấy và ở thật lâu. Mẹ tôi vẫn có tài thích ứng về mọi sự và nhất là về nhà cửa ruộng vườn. Bãi cỏ hoang, mẹ tôi phát cỏ, cuốc đất lên làm thành vườn. Mẹ tôi trồng nhiều cây trứng cá vì chúng vừa chóng có bóng mát vừa chóng có trái cho "chúng mày chọc ăn." Mẹ tôi đục thêm cửa sổ hông và khi bọn tôi kêu lên khôi hài là nhìn qua đó thấy đống đá non bộ (các khối bê tông ấy) đẹp như thế mà thiếu hàng trúc thưa, bà đi trồng hai rặng mía vi: "…đốt mía đẹp kém gì trúc mà lại ăn được." Cứ với quan niệm dung hòa mỹ thuật với thực phẩm ấy, khu vườn của mẹ tôi không thể thiếu vài luống sắn thanh mảnh và lá thật đẹp mỗi khi trời xanh cao và nhiều nắng. Trong căn nhà nhỏ và khu vườn vừa đẹp vừa ngon do mẹ tôi tạo dựng ấy, chúng tôi đã sống những ngày thật vui và hạnh phúc. Anh Lam đã đưa chị dâu tôi về ngồi dưới bóng mát của các cây trứng cá nở đầy hoa trắng, đêm trăng như có sương đọng. Tôi đã từng đưa người yêu của tôi, người sẽ theo gót chị Lam về làm dâu thứ trong căn nhà này, đi giữa hai luống sắn, ven rặng mía dưới vòm hoa ti gôn. Tôi đã từng bắc thang đưa nàng lên mái nhà, nơi đứa em trai đã sửa cây xếp cành thành một vùng nho nhỏ như tổ chim—một chỗ để hôn nhau. Rồi đứa em gái kế đã hôn người yêu ngoài bờ cỏ sau bụi tre, đã khóc đã cười và đi lấy chồng cũng từ căn nhà của bố và khu vườn của mẹ.

Những năm tháng vui tươi rồi cũng qua đi, chiến tranh đã bộc phát dữ dội làm phân tan lũ con trai và gửi những sợi tóc đốm bạc lên mái tóc bố tôi. Từ lâu rồi, ông suy yếu nhanh vì bệnh lao. Đêm Trung Thu chót, khi chúng tôi treo đèn xếp đầy vườn, trên ngọn cây sắn ẻo

lả, trên cành cây, trong lùm cây và bầy cỗ ăn bánh uống trà vui vẻ ngoài vườn, ông chỉ còn đủ sức ngồi thu người trên ghế, vừa hút thuốc vừa nhìn ra. Bởi thế khi bước chân vào quân trường, tôi đã nghĩ không hiểu rằng khi chết, ông liệu có được bao nhiêu đứa con bên giường.

Và tin ông chết trong bệnh viện Cộng hòa, chết một mình, đến với tôi khi vừa tập trận ở một bãi xa về. Trong khi chờ đợi giấy phép bạn bè đang chạy tứ tung lo hộ, tôi ngồi ở một bệ xi măng ven võ đình trường, nhớ tới ông trong những ngày gặp chót—gặp thật ngắn vì thời hạn đi phép đã chẳng dài bao nhiêu, tôi lại dành hầu hết cho Thi và cho tôi. Lần phép chót, khi tôi mặc xong quân phục, cầm mũ đi ra, ông đã gọi giật lại, ngập ngừng hỏi tôi còn tiền hay không. Tôi mở ví ra còn hơn ba trăm, chia cho bố một nửa… Nước mắt tôi rớt trên cát vỡ các hình ngôi sao nâu, nhưng tôi không kìm giữ vì biết rằng tối nay, vì ở gần Sài Gòn nhất, tôi sẽ là đứa con duy nhất về kịp với mẹ. Trong căn nhà, trong khu vườn, tôi cần trấn tĩnh. Còn ở đây, võ đình trường trải dài vắng ngắt trong ráng chiều… Tôi chỉ khóc ông một lần nữa sau khi mộ đã đắp, ông đã yên nghỉ trong một nghĩa trang xa lạ, yên nghỉ vĩnh viễn trước khi tôi thực hiện được giấc mơ nhỏ của ông trong tuổi già, là làm một căn nhà tranh ba gian hai chái trên nền đất nện, trước nhà có một ao nhỏ thả bèo cho xanh…

Ông chết đi, sau khi tiền tử tuất đã trả, cơ quan đòi lại căn nhà đã cấp phát từ bao năm. Mẹ tôi có báo cho tôi biết, nhưng thân làm lính trấn thủ lưu đồn, tôi làm gì được. Chẳng lẽ để các con nhỏ đi ở nhờ bà con họ hàng, mẹ tôi đến cơ quan cầu xin. Chồng chết không gia sản, các con trai đi lính hết, mỗi đứa một sư đoàn xa… Thế rồi mẹ tôi dược cơ quan chấp thuận cho tạm trú ở khoảng đất ngay sát nhà. Còn căn nhà, vẫn phải trả.

Mất căn nhà nhưng còn được khu vườn, mẹ tôi đi vay tiền, xin vật liệu về chất đống, nhưng chưa khởi công vì còn đợi tôi về "cất nóc" hay 'thượng lương" chi đó. Tới kỳ về phép, ngồi giữa đống gỗ ngổn ngang, tôi uống trà với mẹ trong khu vườn mà sốt ruột chỉ muốn đi—vì Thi ngồi ngay bên, trong vòng tay và bây giờ hai đứa tôi không cần "một chỗ để hôn nhau" mà cần tìm một chỗ để làm tình với nhau. Xong tuần trà, mẹ tôi gọi tôi ra khởi công làm nhà. Tôi nhăn nhó vì sợ mất nhiều thì giờ, nhưng thực ra không có gì: tôi nâng một cái xà gỗ đầu tiên cho mẹ tôi đóng. Thế là xong lễ cất nóc cho một ngôi nhà.

Nhưng căn nhà của mẹ tôi hẳn không giống như mọi người. Thiếu gõ mẹ chỉ làm có ba vách, vách thứ tư là tường căn nhà cũ. Dù chỉ ba vách cũng thiếu gỗ nên cả mặt tiền chỉ làm gỗ phân nửa dưới còn nửa trên đóng lưới, trong làm màn ngoài treo mành tre. Căn nhà trống trải đến nỗi mỗi khi có gió lớn thổi, lá khô theo các khe hở rơi lả tả đầy nhà và khi mưa lớn thì đúng là mưa gió bốn bề. Một căn nhà "gần" thiên nhiên đến mức tối đa, chim làm tổ trên đình màn và đêm khuya dế kêu ri rỉ dưới gậm giường. Nhưng quả là một căn nhà liêu trai cho một hàn sĩ trẻ và tôi đã nhiều lần mời bạn văn đến uống rượu nhân dịp xuất bản những tác phẩm đầu tiên tại nơi này, trong căn nhà của mẹ và khu vườn của mẹ.

Rồi thời gian qua nữa. Sau khi phiêu bạc nhiều đơn vị của ba vùng chiến thuật, tôi mới được đổi về Sài Gòn. Khi ấy cấp chỉ huy binh chủng sở hữu khu nhà quyết định dùng khoảng đất trong có khu vườn của mẹ dự trù làm bể bơi hay sân quần vợt chi đó và xe ủi đất đơn vị đã tới san bằng. Khi tôi trở về, cứ như Từ Thức về trần, khu vườn đã biến mất không còn dấu vết. Mẹ tôi chỉ nói là hết sức năn nỉ mấy người lính mới giữ được một cây trứng cá duy nhất bây giờ đã gần như cổ thụ mọc sát vách nhà. Tôi thoáng buồn rầu khi hiểu tại sao mẹ tôi không tới năn nỉ xin cấp chỉ huy khu đó, mà chỉ đi nói với mấy người lính lái xe. Và tôi không đủ can đảm để hỏi mẹ tôi khi năn nỉ, liệu có nói các con bà đều là lính như họ, ủi gì thì ủi, chớ ủi nhà mẹ già em dại của chúng hay không.

Một thời gian sau mẹ tôi theo hai đứa con gái sau chót lên Đà Lạt và tôi cùng gia đình riêng mới tạo dựng, dọn về nhà mẹ ở. Trước khi đi, mẹ dặn coi chừng vì có tin đồn là sắp có lệnh dỡ nhà trả đất, vì cấp chỉ huy binh chủng định biến khu này thành cư xá sĩ quan. Mẹ chẳng dặn thì tôi cũng coi chừng. Làm sao nỡ để mất căn nhà của mẹ, căn nhà của một thời kỳ, căn nhà duy nhất bọn tôi có được kể từ khi xa miền Bắc.

Rồi lệnh dỡ nhà đến thật. Tôi làm đơn xin, viện lẽ thượng cấp đã định cấp phát lại khu này cho sĩ quan thì có là dân bộ binh chân lấm tay bùn tôi cũng là sĩ quan, xin được lưu cư ở khoảng đất nhỏ bé. Đất là đất chung của quân đội và huynh đệ chi binh… Nhưng một buổi sáng đẹp trời, một văn thư gửi tới cho biết phải dỡ nhà đi và "vì tình nhân đạo, cho đương sự một thời hạn ba tháng để thi hành lệnh này." Tôi chưa chịu thua, xin đủ giấy tờ chứng tỏ là nhà có ba lính, thì lính anh lính em và lính tôi đều không có nhà, dù là nhà mình mua hay nhà cấp phát. Tôi đã đến yêu cầu, đập cửa các quan to súng ngắn, "mỏi gối quỳ mòn các sân tướng phủ," viện đủ các lý lẽ, kể cả "chế độ miền Nam nói chung cũng nên có một công bằng tối thiểu: bố chết nghèo, bắt tất cả các con trai đi lính, lính thứ thật và lính phục vụ thanh liêm tiền đâu mà mua nhà cho mẹ, xin hãy cho mẹ già chúng một khoảng đất tá túc."

Nhưng tôi đã thất bại, hoàn toàn thất bại. Lệnh dỡ nhà trục xuất khỏi cư xá và không gia hạn thêm lấy một ngày. Còn kèm thêm khẩu lệnh phụ là tới ngày không đi sẽ cho xe bulldozer tới ủi tất cả và cho an ninh tới bắt. Tôi đành gọi người vào dỡ nhà bán vật liệu—vật liệu chẳng còn bao nhiêu giá trị sau bao mùa mưa nắng và nước ngập. Bán được năm ngàn đồng, gửi lên cho mẹ, mẹ lại cho trở lại để "các con lấy tiền mà dọn nhà." Thế rồi đến ngày chót, lại một ngày đẹp trời nữa, tôi dọn nhà. Khi buổi sáng trở dậy, mặc bộ đồ trận vào, tôi thấy hơi buồn bã và chua xót. Bao nhiêu giọt mồ hôi khổ cực của tôi, của anh em tôi đã đổ ra thấm vào những bộ quần áo như thế này, để rồi rút cục xin một khoảng đất cho mẹ có nhà ở mà còn không xong.

Rút kinh nghiệm, từ giờ bọn tôi lo kiếm đất trước đã, trước khi nghĩ tới truyện làm nhà khác cho mẹ. Do một tình cờ anh Lam tôi quen với thị trưởng vùng Đà Lạt. Anh liền nói với người bạn ấy cấp cho mẹ tôi một khoảng đất—trên vùng ấy, núi đồi thiếu gì. Lời yêu cầu ấy được thỏa mãn, các con của mẹ tôi đã có dịp chế bà là "tân địa chủ" và tôi có cơ hội để ước mơ, là khi chiến tranh chấm dứt, các con trai buông súng trở về cầm cưa vác búa vào rừng lấy gỗ mà làm cho mẹ tôi, lúc đó tóc đã bạc như sương, một căn nhà nhỏ ven một đồi thông nhiều gió lộng.

Trong khi chờ đợi "căn nhà viễn mơ" của mấy ông anh bao năm chỉ biết tranh đấu tới tranh đấu lui nghèo mạt rệp ra không đi đến đâu—lời mấy đứa em gái tôi—thì chúng ra sức làm việc để dành tiền mua nhà, một căn nhà nhỏ thôi, tồi mấy cũng được, miễn là có đất rộng một chút, để rồi "mẹ gõ cho nó mấy cái là thành nhà ở được, cuốc cho nó mấy nhát là thành vườn vừa ăn được vừa ngắm được." Mà chúng làm việc thực. Tôi và Thi lên chơi, coi chúng đi làm mà chóng mặt. Quả thực là đầu tắt mặt tối. Nhưng rồi một đứa em gái cùng chồng đã dành dụm được tiền mua một căn nhà gỗ tồi ở đầu một thung lũng nghèo. Và mẹ tôi đã vác búa vác cuốc ra, các con cháu xúm lại, đến khi tôi lên lần nữa, căn nhà đã sửa xong, xinh xắn, và ngoài vườn theo đúng truyền thống của mẹ tôi, cây su su hiên ngang leo lên cành mận, phong lan treo dưới giàn bí, rau thơm xen kẽ với cúc vàng, riềng và gừng cạnh dẫy thược dược…

Các con trai không có nhà thì nhà con gái con rể cũng là đẹp rồi. Con nào chẳng là con. Tôi tưởng thế là mẹ như có nhà. Nhưng tôi lầm. Trước Tết năm nay một bà mợ trong họ chết. Khi biết rõ tin tức mẹ tôi nói: "Mợ ấy chết sau khi con cái đã thành đạt cả cũng sướng. Nhưng chết ở nhà con rể thì cũng chưa được gọi là hoàn toàn." Mẹ tôi chỉ nói thế thôi,

nhưng tôi và Thi đưa mắt nhìn nhau im lặng. Lại phải tính đến truyện chung sức các con trai làm nhà cho mẹ thôi.

Tôi liền hỏi khoảng đất ngày trước mẹ được cấp phát hiện giờ ra sao… và được mẹ cho biết một vị tỉnh trưởng sau đã nhân danh một công bằng xã hội nào đó thu hồi lại rồi. Tôi và Thi lại im lặng nhìn nhau vì trong mấy ngày rong chơi lang thang thành phố miền núi này, hai đứa đã thấy biết bao nhà cửa chiếm đất công xây cất bừa bãi…

Thế là đến cuối năm nay, khi cả nhà chuẩn bị ồn ào đón xuân cùng thiên hạ, thì mẹ tôi đất cũng không nhà cũng không. Và buổi sáng mồng một Tết, nhìn mẹ tôi đứng dưới tam quan chùa Linh Phong lộng gió từ dưới các thung lũng lên, tôi chợt nhận ra mái tóc mẹ tôi đã gần như bạc trắng hết dưới ánh nắng đầu xuân, bạc đã gần như sương.

Mỗi người cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong đời. Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra một quê hương mới, bằng cách này hay bằng cách khác.

Văn chương màu gì?

Giả thử bây giờ tôi bước lên bục giảng của bất cứ giảng đường nào, ở Mỹ ở Phi hay Á châu, mà mở đầu bài giảng bằng nhận định sau, hẳn sẽ làm nhiều người nghĩ rằng tâm trí tôi có vấn đề, sự cố kỹ thuật đâu đây: “Văn chương của nhân loại chia ra làm hai loại chính, là văn chương da trắng và văn chương da màu. Văn chương da trắng do những người da trắng viết, văn chương da màu do những người viết có da màu vàng, đen, nâu và những màu da không-trắng khác.”

Nhân định như trên còn thua cả ông Hefner, sáng lập viên tạp chí Playboy : Người đẹp thì không có màu da…Như tôi , người viết bài văn này và khá nhiều tác phẩm trước đó, tôi không hề xếp loại tôi là nhà văn da màu, dù rằng da tôi màu vàng trên lý thuyết chủng tộc, màu nâu trên thực tế, nâu như một ông tù trưởng Da đỏ (ai chuyển ngữ Anh văn đoạn văn này nhớ dịch nguyên ngữ là da đỏ, red skin, peau-rouge hẳn hoi, đừng có dịch là indian hay native, và cũng xin chú thích là người Việt bắt chước người Pháp gọi như thế). Tôi là một nhà văn Việt nam, một nước nhỏ ở đông nam châu Á. Kể từ khi nhập tịch Hoa kỳ, đối với quốc gia này tôi (và văn chương tôi) là thiểu số gốc Aù châu, chính xác hơn, là nhà văn Mỹ gốc Việt . Và vì chính quyền Việt áp dụng chế độ “nhất tịch”(không công nhận một quốc tịch thứ hai), khi đặt chân trở lại quê hương cũ, tôi lại vẫn là nhà văn Việt nam như cũ, nhưng một nhà văn có sự nghiệp bị xoá bỏ vì lý do chính trị. Chứ không có lúc nào đặt vấn đề màu mèø chi cả…

Theo cái biết của tôi, trươc thập niên 60 của thế kỷ 20, người Mỹ rất là kỳ thị màu da, nên họ đã chia dân nước họ làm có 2 loại thôi: dân da trắng và dân da màu (bất kể màu gì) và áp dụng triệt để chính sách apartheid đến tận restroom: thời đó dân Việt đi đái mà vào lộn ladies & gentlemen (chỉ người da trắng) là bị ăn đòn hội chợ ngay. Phải nhìn đúng cửa “colored people” (da màu) mà vào. Thậm chí đến cả ông Krisna Menon cao lớn và đẹp trai, ngoại trưởng Aán độ đi họp Liên Hiệp Quốc ở New York , còn bị một tiệm ăn giành cho người da trắng cấm cửa không cho vào chỉ vì da ông không trắng. Và cô ca sĩ da đen nổi danh Josephine Baker khi được mời đến hát ở một khách sạn da trắng, khi ngỏ ý muốn đi tiểu, ông chủ khách sạn chìa ra một cái ly giấy…

Vào cái thời như thế, các ông bà giáo Anh văn có chia văn chương thành hai loại : văn chương da trắng vầ văn chương da màu, không có gì đáng ngạc nhiên nhiều. Còn bây giờ hãy thử tưởng tượng sang Băc Kinh, Tokyo…mà bảo văn chương của Trung Quốc, Nhật bảnï là văn chương da màu, xem họ có cười cái ông cao boy mới lập quốc có hơn hai trăm năm ăn nói lộn xộn hay là không. Còn muốn bàn tới văn chương của những di dân đời thứ nhất và hai, đến từ Jamaica, Cuba, Việt nam, Mehico, Bresil…thi xin hãy gọi đích danh nước gốc của họ. Dù họ viết văn bằng tiếng Anh hay ngôn ngữ gốc Xï.

Câu hỏi về ngôn ngữ

Tôi không được đọc và biết bà giáo Mirta Yanez, nhưng do sự kiện bà được giảng dạy ở đại học thủ đô một nước xã hội chủ nghĩa như Cuba, cho phép tôi được suy diễn không sai, là bà phải là đảng viên đảng Cộng sản Cuba, hay tối thiểu cũng thuộc một “gia đình cách mạng “. Nếu không là thế, nếu bà chỉ là một trí thức khoa bảng không thôi, thì chỗõ của bà là ởø trong một trại cải tạo tập trung, hay đã vượt dòng sông xanh sang Florida. Bà đã được đứng trên bục giảng và viết sách, có nghĩa bà thuộc thành phần trí thức xhcn, những điều bà viết ra đều là những “bài bổn” mà đảng cộng sản muốn công bố và phổ biến. Điều bà nói cũng là điều người viết bài này từng nghe thấy từ Hà nội, từ thủ đô Bắc Hàn và từ các nước XHCN trước đây.

Tôi không có ý định tranh cãi một ý tưởng như thếcủa bà Yanez, chỉ định chú thích là nên, phải hiểu như thế nào thôi. Thứ nhất : Đảng muốn khẳng định một lần nữa là dân Cuba, Việt nam…dù đã định cư nhập tịch các nước ngoài, dù đã đến đời thứ ba hay hơn, vẫn cứ là người Việt nam mang quốc tịch Việt nam như thường, vẫn phải tuân theo, phụ thuộc sứ quán Việt nam Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa. Ban Việt kiều của Trung ương Đảng nay đổi tên là Ban Người Việt Định cư ở Nước ngoài vì Công an nội địa vẫn phủ nhận quốc tịch Mỹ, Pháp, Úc…của Việt kiều, do đó khi về thăm Việt nam, trình hộ chiếu Mỹ, Anh…thì cứ trình, nhưng đừng nói mình là công dân Mỹ, Anh…nếu không muốn bị gây rắc rối. Nhiều công an chỉ biết có một thứ quốc tịch thôi, là Việt nam. Ta đã đánh thắng ba đế quốc sừng sỏ là Nhật, Pháp và Mỹ, cần gì phải công nhận quốc tịch của “chúng nó”… Ai không tin là thế, xin bỏ chút thì giờ coi đạo luật quôc tịch Việt nam hiện hành. Thứ hai: Văn chương hải ngoại của Việt nam, Cuba, Nam Hàn…muốn được nội địa công nhận, phải viết theo đường lối XHCN do Đảng CS qui định, nếu không sẽ “bị bôi xoá và làm câm lặng”õ. Về điểm này đâu có sự khác nhau giữa Cuba và Việt nam, như người đặt câu hỏi đã ngộ nhận.

Viết văn theo đường lối XHCN có hai lối chính. Một là sử dụng phương pháp hiện thực phê phán, nghĩa la cái gì của chế độ cũ hay chế độ tư bản, đều là xấu là đáng chê hết, thậm chí mọi thiên tai như hạn hán, động đất lụt lội cũng chỉ xẩy ra ở phần đất tư bản. Hai là sử dụng hiện thực XHCN, nghĩa là miêu tả cái gì cũng tốt, đẹp trong xã hội đang quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là trong phần đất do Cộng sản kiểm soát. Thứ văn chương nào không theo đúng hai phương pháp đó, đều bị coi là phản động, đồi truỵ…bị nghiêm khắc cấm đoán, tiêu huỷ, như đã xẩy ra cho văn học miền Nam VN trước đây và hải ngoại hiện nay.

Về tiếng Việt chuẩn thì một hội đồng nghiên cứu về ngôn ngữ họp đầu thập niên 70 ở Hà nội, đã quyết định tiếng nói giọng nói của Hà nội “năm xưa’, chưa cao vút lên như hiện nay vì pha giọng Thanh Nghệ Tĩnh, là giọng chuẩn của tiếng Việt nam, mặc dù vài khuyết điểm như không uốn lưỡi các chữ S, Tr, R…Hội đồng không đả động đến sự khác biệt về dụng ngữ giữa hai miền Bắc Nam. Sau 1945 dụng ngữ miền bắc sử dụng đã du nhập thêm một số từ ngữ mới du nhập từ Trung Quốc, dân miền Nam nghe lần đầu hơi khựng lại một chút, rồi cũng hiểu. Làm kẻ thua trận, phải ráng mà hiểu ngôn ngữ của kẻ thắng trận, ở đâu cũng vậy thôi. Trông thấy bảng đề “Cửa hàng chất đốt thanh niên”, phải hiểu không có ai mang thanh niên ra chất đống mà đốt, mà chỉ là chỗ bán củi, than, dầu hôi do đoàn Thanh niên Cộng sản

Hồ Chí Minh phụ trách.

Tôi chưa được đọc một bài nào chủ trương “gạt bỏ mọi thứ tiếng Việt “khác” ra ngoài., nhưng chắc là có vấn đề này vì ông Nguyễn Duy đã nhắc tới (tôi đã nhiều lần đọc thơ của vị này, khi ở trong nước lẫn ngoài nước Việt nam, vẫn phục sự ngay thẳng và can đảm của ông trong bài “Từ xa nhìn về tổ quốc”). Nhưng không quan trọng, vì ở đâu thời nào chẳng có những người cực đoan. Chỉ có vấn đề thực sựï quan trọng, “nổi cộm” đáng bàn tới ở đây, là Đảng CS đã phủ nhận, chối bỏ văn học Miền Nam 1954-1975 rồi văn học Việt nam Hải ngoại . Không chấp thuận û thứ văn học viết “mau lên” thay vì “khẩn trương lên”, “toà Bạch ốc” thay vì “toà Nhà trắng”, “cái lồn” thay vì “âm hộ”, “trục trặc kỹ thuật” thay vì “sự cố kỹ thuật” … vì cho rằng chúng là sản phẩm chiến tranh của CIA ở Việt nam, do đó đương nhiên phải vừa đồi truỵ vừa phản động. Phải cấm. Thế thôi, không vì ngôn ngữ, giọng nói.

Nhà thơ thường thường không sở trường về lý luân văn học nên ông Nguyễn Duy phát ngôn hơi có vẻ cường điệu một nhận định “hơi bị” cũ kỹ... Đã qua rồi cái thời phải cứ phải sống trong các làng xã quê hương, con trâu đi trước cái cày đi sau, mới làm văn học nghệ thuật được. Đã có những nhà văn lưu vong, di dân …được giải Nobel về văn chương trên thế giới. Những người đã có khả năng viết, thì ở đâu cũng có thể viết được… Còn các hoạt động văn học, nghệ thuật, điện ảnh ngoài nước của người ‘gốc” Việt, gốc Hoa, gốc Cuba, …chỉ bị phủ nhận bởi các Đảng Cộng Sản, chứ không phải bởi nhân dân các nước đó. Ngày nào chính quyền các nước XHCN và ex-XHCN thôi cấm nhũng sản phẩm đó, là xong vấn đề, nói kiểu trịnh trọng, là bao giờ tan băng giá, là mùa xuân trở lại.

Câu hỏi về thơ
Tôi xin phép không đồng ý với cái lối áp đặt một “nhiệm vụ, vai trò, vị trí “ cho thơ VN ở nước ngoài. Giòng thơ này có, hiện diện chỉ vì có những cộng đồng VN khá đông đảo và có trình độ văn hoá văn nghệ ở nước ngoài. No cơm ấm cật rồi mà có tâm tình tâm trạng muốn thổ lộ ra, thì ta làm thơ thôi. Nhà thơ hải ngoại, cũng như nhà văn hải ngoại, như tôi được biết, không có ý định làm cầu làm cống chi hết. Chúng hiện diện tự nhiên như những người nước ngoài mà thôi, không lệ thuộc thơ quốc nội, cũng như mọi chỉ thị chính sách của ban Văn hóa Tư tưởng T.Ư. Đảng ban hành từ Hà nội. Giòng thơ này tồn tại, phát triển, và suy thoái …theo qui luật , ảnh hưởng tiếp nhận từ môi trường định cư nước ngoài. Về thăm VN thì có về, nhưng đọc thơ nội địa chỉ thỉnh thoảng và đọc xong là quên liền vì xưa quá cổ điển quá, nhàm chán. Chưa thể nói tới truyện ảnh hưởng tới ai khác ngoài chính tác giả.

Có một sự khác biệt đương nhiên giữa thơ hải ngoại và nội địa. Kể ra chi tiết thì nhiều lắm, nhưng nói cho ngắn gọn và cụ thể, thơ hải ngoại là thơ đô thị, như thơ miền Nam trước tháng 4/1975, (muốn khác cũng không thể được vì thế hệ di dân đời thứ nhất đa số đâu đủûù tiền mà mua ruộng đất trang trại), còn thơ nội địa xét chung hãy còn “chân quê” và cổ xưa lắùm vì xã hội VN còn đang ở chặng đầu của quá trình đô thị hoá.

Tôi có được đọc một số bài thơ song ngữ. Tuy biết tiếng Anh Pháp, nhưng chưa đủ “thấm” nên không thích cho lắm. Nhưng đó là do chủ quan-tôi, còn đối với lũ cháu bi bô song ngữ từ nhỏ, vấn đề lại khác. Cô cháu Misa hiện (2006) bẩy tuổi của tôi hẳn sẽ thưởng thức dễ hơn những bài thơ song ngữ của cô Jenni Trang Lê hay anh Quốc Bảo.

Bothell, tháng 7, 06.

Sống và viết trên đất Mỹ

Có những người bạn ở hải ngoại, và gần đây cũng có cả những người bạn ở nội địa nữa, hỏi tôi một câu thoạt nghe có vẻ giản dị: "Anh sống và viết như thế nào ở hải ngoại?" Cùng gia đình, tôi định cư ở Hoa Kỳ từ lâu và trở thành công dân xứ này, tôi vẫn viết văn nhưng bằng tiếng Việt. Trả lời như thế tuy là đúng nhưng mơ hồ quá, không thoả mãn được bất cứ người hỏi nào, mà trả lời chi tiết hơn thì chắc phải viết một hồi ký quá. Bởi thế tôi xin chọn giải pháp là hồi ức lại, những nét chính thôi, là tôi đã viết văn trong hoàn cảnh như thế nào trước tháng 4. 1975, rồi lấy từ đó làm căn bản mà so sánh và kể tôi đã sống và viết như thế nào ở Hoa Kỳ.

Tôi bắt đầu viết văn từ năm 1960 ở Việt Nam, vào một thời kỳ có thể tạm gọi là hoàng kim của văn học Việt Nam trong hậu bán thế kỷ 20 (chỉ xét riêng tại miền Nam bởi vì vào thời kỳ này miền Bắc đang bị đóng băng, rất tịch mịch.) Với một dân số khoảng 20 triệu thôi, nhưng số người đọc và thưởng thức văn học nghệ thuật khá đông để khuyến khích trăm hoa đua nở, nhất là kể từ 1963.

Điểm thứ nhất cần nêu là nếu anh có tài, dù trong bất cứ địa hạt văn học nghệ thuật nào anh sẽ được biết tới, kể cả địa hạt vũ như trường hợp Hoàng Thư hay tấu hài bằng nhạc như ban AVT, vũ sexy như Thanh Nhung, Thu Thủy... Còn trong những địa hạt văn học chính thống như thơ và văn, mọi sự còn thoải mái hơn: làm thơ mà thở phì phào ngạo nghễ như Nguyễn Đức Sơn, mơ dòng *golden stream* của cô Kim Cương như Bùi Giáng cũng chẳng sao, say bí tỉ trong không khí *erotic* như Tuệ Mai hay nhớ nàng mà hỏi thăm đến cả âm mao cũng được (*Bây giờ em ở nơi đâu / Cỏ trên mình mẩy em sầu ra sao* - Bùi Giáng.) Dĩ nhiên thơ hùng, thơ biên tái như một Tô Thùy Yên, hay thơ thiền của Nhất Hạnh, Trụ Vũ, Phạm Thiên Thư... lại càng dễ được thưởng ngoạn hơn. Các tạp chí văn học nghệ thuật, nhờ một hệ thống phát hành tốt do tư nhân nắm giữ, được phổ biến đến tận những thị trấn khiêm tốn của miền Trung cũng như Nam, do đó nhà văn chỉ cần đăng bài của mình trên một tạp chí là đủ. Chỉ cần đăng trên *Văn Học* của Phan Kim Thịnh, hoặc *Bách Khoa* của Lê Ngộ Châu, hay *Văn* của Nguyễn Đình Vượng/Trần Phong Giao... là xong cho cả nước.

Nhà xuất bản xuất hiện khá nhiều, đủ mọi khuynh hướng kể cả tôn giáo, nên một cuốn sách có giá trị văn chương hay tư tưởng trước hay sau đều được in ra, kể cả những cuốn biên khảo khô khan, nhức đầu cho người đọc. Về số lượng in, riêng về một bộ môn truyện, một nhà văn bình thường như tôi, thì lần in đầu 3.000 cuốn, và hai ba năm sau tái bản với số lượng là 2.000. Với các nhà văn ăn khách, thí dụ như một Tuý Hồng, thì ngay lần đầu đã in 5.000 bản, dĩ nhiên tác quyền được trả đầy đủ từ 7% cho người mới viết, 10% cho các nhà văn đã thành danh và 12% cho những cuốn sách được nhà xuất bản đánh giá từ đầu là 'ăn khách'.

Với số lượng in thấp như mô tả trên, tác quyền chỉ là một nguồn lợi tức phụ cho các nhà văn mà thôi. Hầu hết các nhà văn đều có một nghề nghiệp khác, viết văn chỉ là nghề tay trái thôi và dạy học là nghề được nhiều người chọn lựa, như chính bản thân người viết bài này, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sỹ Tế, Nguyên Sa, Nhật Tiến... Những nhà văn loại 'chuyên nghiệp,' hiểu theo nghĩa hoàn toàn sống bằng ngòi bút, đều phải trông cậy vào báo chí: viết *feuilleton* như Mai Thảo, Tuý Hồng hay tự mình làm báo như Duyên Anh, Trần Dạ Từ... Nếu về tài chính không khá như thế, tác quyền không đủ sức nuôi nhà văn, nhưng bù lại được hưởng cái thú là nhìn thấy tác phẩm của mình được in ra tương đối dễ dàng.

Dĩ nhiên cái gì cũng có mặt trái hoặc khó khăn riêng của nó, đó là chế độ kiểm duyệt sách báo. Cơ quan kiểm duyệt trực thuộc Bộ Thông Tin và mang nhiều tên khác nhau tuỳ từng chính phủ, đôi khi mang cái tên rất văn chương là Sở Phối Hợp Nghệ Thuật. Nhà văn hay nhà xuất bản phải đệ nạp bản thảo đánh máy để cơ quan này duyệt xét. Nếu sách 'không có vấn đề', sau hai tuần sẽ được trả lại với giấy phép cho xuất bản. Nếu có vấn đề, dù là chữ hay câu, đoạn, hay trang... cũng bị nhân viên kiểm duyệt cầm bút lên bôi thẳng tay và công khai. Khi in, nhà xuất bản và tác giả phải bỏ những chỗ bôi

xoá, bỏ một cách im lặng, thay bằng các dấu (.....) hay bỏ cách ngang bướng bằng cách ghi rõ "bỏ" hay "kiểm duyệt bỏ" 10 chữ, 3 câu hay một đoạn, làm trang sách lắm lúc da beo tức cười. Dĩ nhiên không thiếu gì tác phẩm bị cấm luôn không cho xuất bản (tôi đã từng ở trong trường hợp này.) Nói gì thì nói cũng phải ghi nhận là sở kiểm duyệt sách báo miền Nam 1954-1975, ngay cả thời kỳ chiến tranh dữ dội nhất, cũng không áp dụng chuyên chính, không dùng các biện pháp hành chánh hay cảnh sát đối với các nhà văn, cho dù họ chống đối lại đường lối chính sách đương thời, như Ban Văn hoá Tư tưởng và Công an Văn hoá của chế độ Cộng sản Việt Nam đã làm. Các sở kiểm duyệt nói chung theo đường lối đại cương là: a) "Tôi cấm không cho anh in cuốn sách hay bài báo này vì... nhưng tôi không chuyển sang bên Cảnh sát để họ làm khó dễ hay bắt nhốt anh"; b) Nhân viên kiểm duyệt chỉ bôi xoá những gì mình không thích, tuyệt đối không sửa văn đổi ý của tác giả, nghĩa là 'không biên tập lại' cho đúng đường lối chính sách, như chế độ Cộng sản Việt Nam vẫn làm suốt từ 1945 cho tới lúc này; c) Tác giả có quyền khiếu nại, lên gặp trực tiếp nhân viên kiểm duyệt để biện hộ cho văn chương, chữ nghĩa của mình. Bởi thế người viết bài này đã thiếu gì buổi lên Bộ Thông tin để tranh đấu và 'mặc cả' từng chữ từng dòng những đoạn đã bị bôi bỏ.

Là một nhà văn và một trí thức có tư duy và ngòi bút không phóng ra phía trước thì cũng lang thang ngoài vòng cương toả của xã hội đương thời trong nhiều địa hạt, đương nhiên tôi đã gặp nhiều vất vả với đủ các cơ quan kiểm duyệt trước và sau. Nhưng nhìn lại, cũng phải ghi nhận là chế độ đệ nhất Việt Nam Cộng Hoà, nếu có quan tâm đến phát triển văn học nghệ thuật trong những năm đầu thì càng về sau lại khắt khe thanh giáo, dị ứng với những dòng tư tưởng khác biệt với hệ công giáo, trong khi đệ nhị Cộng Hoà, kể từ 1963, rộng rãi trong địa hạt kiểm duyệt hơn nhiều. Có thể cắt nghĩa các tướng lãnh lãnh đạo miền Nam trong thời kỳ này, đa số xuất thân từ quân đội Pháp, thừa hưởng được một phần tinh thần phóng khoáng, nhân bản của nền văn hoá Pháp, nên để khoảng trống khá dễ thở cho địa hạt văn học nghệ thuật.

Nói chung kiểm duyệt sách báo là không hay rồi xét về bất cứ phương diện nào, nhưng để cho công bình hơn với chế độ Việt Nam Cộng Hoà, tôi xin ghi lại lời tán thán gần đây của một cán bộ công tác báo chí khi còn trẻ thuộc loại 'nằm vùng' ở Sài Gòn:

Các anh viết văn dưới chế độ cũ vậy mà sướng vì có sở kiểm duyệt công khai. Họ cấm họ bôi cái gì xong là ta đăng những gì còn lại, sau đó là vô can. Bọn tôi thì không, mỗi người viết phải 'tự kiểm duyệt lấy', dù cẩn thận đến mấy cũng có lúc lỡ bút mà không biết. Vài tháng vài năm sau, bất cứ lúc nào cũng có thể bị trên nắm đầu lôi ra kiểm điểm còn là nhẹ, mất chức, đi tù là thường...

Sau khi rời Việt Nam, sống tám tháng trong trại tị nạn ở Bataan xứ Phi, tôi đã có nhiều thì giờ để đọc và tìm hiểu từ xa cộng đồng Việt, nhất là trong địa hạt văn chương chữ nghĩa. Nếu tôi thú vị là khám phá ra hải ngoại có nhiều báo chí cùng các nhà xuất bản đủ loại, nhưng cũng nhìn ra không ít những điều tiêu cực. Điểm tiêu cực đầu tiên đập mạnh vào những người mới ra hải ngoại là báo chí hải ngoại dữ dằn, hay chụp nón cối và chửi bới nhau dữ dội quá và bằng những lời lẽ nhiều khi thô tục chưa hề thấy trong báo chí thời Việt Nam Cộng Hoà và cũng ít thấy trong báo chí Cộng sản: trong thời kỳ 75-79 bản thân tôi bị mang ra tố trên báo chí Cộng sản Việt Nam nhiều lần, khi thì bởi những chức sắc như Chế Lan Viên, Lữ Phương, khi thì bởi những cán bộ cấp thấp vô danh, nhưng họ không dùng những từ thô lỗ như trong báo chí hải ngoại sử dụng với nhau. Đọc những bài báo chửi ghê rợn ở hải ngoại ấy, qua điển tích và từ ngữ họ sử dụng, tôi phỏng đoán tác giả là những người già. Một người bạn chủ biên một tạp chí văn học ở California xác nhận nghi ngờ của tôi là đúng và còn chú giải thêm là tuổi 60 còn độc vừa, còn những bài âm hàn kịch độc đa số là của các bậc trưởng lão trên 70. Ông bạn chủ biên này còn khuyên tôi đừng vội viết lách gì cả, hãy đọc và quan sát ít nhất một năm - và tôi nghe ngay lời khuyên tốt này. Dĩ nhiên hai đứa cũng móc ngoặc

với nhau là khi về già, sẽ cố gắng làm một trưởng lão dễ thương, bao dung, ăn nói viết lách hoà nhã cho lớp trẻ có chỗ mà nương.
Trong những tháng ngày chờ đợi rời khỏi Việt Nam, tôi thường giảng cho các con trai lớn hiểu rằng cho không có biến cố 30 tháng 4. 1975 thì với khả năng tài chính của tôi, bất quá chỉ gửi được một hay hai con là cùng du học nước ngoài, nay tất cả mấy đứa cùng được xuất ngoại, lại có bố mẹ đi kèm nữa, vậy sang Mỹ rồi rán mà học. Hơn nữa một Mỹ đen là một Mỹ đen, nhưng nếu ông ta có bằng Ph.D. thì vẫn sẽ được gọi là ông tiến sĩ như thường. Đó là phần các con, còn hai vợ chồng tôi, khi khám phá chế độ *Financial Aid* của Hoa Kỳ không phân biệt tuổi, hai vợ chồng vui vẻ theo các con trở lại đại học, chấp nhận một cuộc sống *under the poverty line* trong năm năm liền, cho tới khi cả nhà đều tốt nghiệp BA hay BS. Trường The Evergreen State College bọn tôi theo học cho phép một người thân được đi hộ tống người tốt nghiệp lên khán đài lãnh bằng, và một buổi sáng đầy nắng ấm, tôi đã thật sung sướng khi cầm tay cô vợ cưng dẫn lên bục cao và khi nàng theo tục lệ gạt cái tua trên mũ vuông sang một bên biểu lộ học đã thành tài, thì trong hai kẻ, người hãnh diện nhất chắc là tôi... Rồi mới đến cặp vợ chồng người Mỹ già đã làm *tutor* Anh văn tại nhà cho hai đứa tôi trong năm đầu tại Mỹ.
Tôi đã ngắm nghía, quan sát kỹ cộng đồng Việt, nhất là những là những gì biểu lộ qua báo chí, và thấy gay go hơn thời còn Việt Nam Cộng Hoà. Rất nhiều người vẫn còn tiếp tục theo đường lối chống Cộng, chủ thuyết domino của ngoại trưởng Foster Dulles và vị Giáo hoàng thời đó, diễn giải lại ở Việt Nam bởi những nha cục sở Tâm lý chiến của hai ông Nhu và Diệm - những chính sách đã bị vượt qua và thực hiện bởi những người đã chết lâu rồi. Và bây giờ những môn đệ còn theo trường phái chống Cộng cổ điển đó ở Mỹ đến mời tôi theo họ, chống Cộng vô vọng và lỗi thời như họ, mời tôi lên các diễn đàn có *micro*, có hoa tặng, có đèn *flash* nhấp nhoáng, để làm một chiến sĩ tố cộng, một cán bộ của Bộ Thông tin/ Dân vận/ Công dân vụ/ Chiêu hồi của một chính quyền đã quá cố lâu rồi. Tôi từ chối, và lảng tránh các vị ấy không phải chỉ vì vậy mà còn những lý do thâm sâu và nhân bản hơn. Những con người này xét chung thường sử dụng các phương sách của Cộng sản để chống Cộng sản, nghĩa là Cộng sản làm sao thì ta bào hao làm vậy. 'Nó' chụp mũ nó bịa đặt nó thiếu lòng nhân thì ta cứ y chang, lấy ác trị ác dĩ độc trị độc, lấy độc tài xanh chống độc tài đỏ... Và còn ép buộc cộng đồng hải ngoại phải chấp nhận những tiền đề chính trị xã hội chẳng liên quan gì đến thực tại Việt Nam: ai mà không chịu phát ngôn theo các tiền đề đó, thì trước hay sau cũng bị chụp mũ, đả kích thậm tệ, biểu tình và tẩy chay, và nếu là người cầm bút thì còn có thể bị đánh trọng thương, đốt chết, bắn chết.
Các thân hữu đã định cư lâu nước ngoài thay thế nhau gửi tới tôi những lời báo động: Hãy coi chừng thành phần quân phiệt, họ đông và dữ lắm, không chấp nhận đối thoại hay trao đổi... Hãy coi chừng dư đảng..., họ mạnh và nắm nhiều báo lắm... Nhật Tiến thì than không có đủ tự do cho người cầm bút ở hải ngoại... Một trí thức khoa bảng khác nhỏ nhẹ với tôi: Trình độ dân trí của các cộng đồng Việt kém xa trình độ dân trí của Mỹ, Canada, Pháp, Úc... anh viết gì nên thận trọng... Một giáo sư đang dạy đại học Mỹ thì nhắn tôi: Muốn được tự do tư tưởng và ngôn luận thì hãy nói bằng tiếng Anh và viết bằng tiếng Anh...
Trong tình trạng như thế một ông cậu bên vợ mang đến tặng một cái máy chữ điện: Để cho cháu viết văn nhé! Vậy thì ta viết thôi, viết trong các *weekend* vì ngày thường phải học phải làm bài phải làm thêm kiếm sống. Bài đầu tiên là trả lời một tạp chí địa phương và chưa chi đã bị chỉ trích chỉ vì khi được hỏi tại sao rời bỏ Việt Nam, tôi đã trả lời đại khái: Tôi đi tìm tự do cho tôi và ngòi bút tôi, tôi đi tìm an toàn cho bản thân và cơm no áo ấm cho gia đình, và tương lai cho con cháu mai sau... Một người bạn thân đi từ 75 giải thích đáng lẽ tôi phải trả lời theo đúng bài bổn của nhiều hội đoàn là: Tôi ra đi để làm một chiến sĩ chống cộng, tạm dung xứ Mỹ để mài gươm chùi súng, đêm quên ngủ, ngày quên ăn để tiêu diệt Cộng sản, quang phục quê hương..

Tôi thở dài một cái nhẹ nhàng và tiếp tục viết. Viết do những thúc đẩy của nội tâm hay hoàn cảnh sinh sống mới, viết bằng lương tâm mình, cái đầu của mình, nhìn thấy sao học được gì mới suy nghĩ sao cứ thế viết ra bằng tất cả tấm lòng thành thật của mình. Và loạt bài đầu tiên, sau này do Xuân Thu xuất bản dưới nhan đề *Saigon, sau 12 năm* đã bị hầu hết các báo đang xin bài từ chối, để rồi mãi về sau mới đăng trên một tạp chí của phe hữu của miền Đông Hoa Kỳ, chỉ bị bỏ có một chương. Nhà xuất bản gửi lên tặng tôi một *PC* cũ, tôi dùng tiền *work study* (quét dọn phòng thí nghiệm, quét lá sân trường, mặc áo choàng làm thợ sơn nhà kho trong mưa dầm, nhổ cỏ trong *greenhouse* - trong năm đầu tiếng Anh văn bập bẹ *skill* chưa có, nhà trường đâu biết dùng tôi vào việc gì khác) góp với các con mua một máy in cũ *dot matrix*, và ta vừa viết bài nộp cho thầy cô trong tuần và viết văn cuối tuần thôi. Và tôi viết được khá nhiều: *Con đường qua mùa đông*, *Nghĩ trong mùa xuân*... kế tiếp nhau ra đời.

Tôi học và dạy học tới 6 năm liền trong đại học nên môi trường này tác động đến tôi rất là nhiều, tôi trở thành nhân bản hơn và có tinh thần quốc tế hơn, có tầm nhìn dài hơn xa hơn trong nhiều vấn đề của thời đại. Và cũng trở thành kiên nhẫn và chịu đựng hơn xưa. Tôi được học biết rằng những cộng đồng thiểu số nào khi thành lập trên nước Mỹ, trong thời kỳ đầu tiên đều mang theo những mâu thuẫn chính trị xã hội với những hận thù phe phái, bởi thế trong thế hệ đầu tiên thường có những vụ ẩu đả và sát nhân mà nguyên nhân thật tào lao theo quan điểm của cảnh sát điều tra người địa phương. Tôi cũng được biết những *crisis* về *identity*, những *culture shock* là có thật mà những di dân nào không vượt qua được sẽ dễ lâm vào những khủng hoảng tâm thần nhẹ hay nặng. Những cộng đồng Hoa, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Đại Hàn... đều đã trải qua những thời kỳ nhiều bạo lực nội tại như thế, nhưng rồi với thời gian qua, với lớp trẻ lớn lên ở Mỹ, các cộng đồng ấy mỗi ngày một *mature* hơn, hội nhập hơn rồi gắn liền đời kiếp với vùng đất mới định cư - dù những nơi này là Mỹ, Pháp, Đức hay Úc...

Ngay từ hồi còn trẻ ở Việt Nam tôi đã thường tránh không trả lời, không tranh luận không đôi co với những người đả kích tôi, nhất là khi họ sử dụng những ngôn từ thiếu trình độ văn hoá giáo dục tối thiểu. Hơn nữa, do chịu ảnh hưởng của Phật giáo, tôi đã tập dần được từ lâu thói quen rán không hận thù ai hay cái gì trong cuộc đời này, bực bội thoáng qua thì có, hận thù thì gần như không. Biết ai không ưa mình thì tôi thường chỉ tìm cách tránh xa mỗi khi có thể được, và tiếp tục viết văn viết sách, giản dị như người thợ mộc đóng bàn ghế, thợ nề xây nhà, nhà giáo dạy học...

Tất cả những sách tôi viết đều trao cho nhà xuất bản in và phát hành luôn, tôi chỉ phải làm công việc sửa bản in và tặng sách cho báo chí thân hữu thôi, nên thoát được gánh nặng phát hành trong một cộng đồng Việt ở rải rác khắp các thành phố Bắc Mỹ châu, Âu và Úc. Các bài viết, bất kể loại nào, thường đăng báo trước đã rồi gom lại in thành sách sau, do đó có chút kinh nghiệm để kể.

Như trên đã nói, ở Việt Nam Cộng Hoà, chỉ cần đăng bài ở một tạp chí có uy tín là đủ cho cả nước. Bây giờ ngay những báo bán như *Văn Học*, *Văn*, *Làng Văn*, *Thế Kỷ 21*... trên nguyên tắc bán khắp năm châu bốn biển nơi nào có người Việt, nhưng thực tế không được như vậy và số lượng in ít ỏi (so với Việt Nam nội địa). Làm cho nhiều người viết có cảm tưởng bài văn của mình đã như một mũi tên bắn vào rừng thẳm, mất hút, lắm lúc thật nản. Nhưng cũng có những bài văn có một số phận khác, thí dụ như bài 'Nghĩ trong mùa xuân', khi viết nó tôi thoải mái như viết các bài khác nhưng mức độ phổ biến lại bất ngờ vì có các báo chợ tham gia đăng lại, thành thử đăng tới bốn lần ở Mỹ, chưa kể ở Pháp và Đức... Tiện đây ghi chú luôn là các báo chợ cũng đóng một vai trò nhất định cho việc phổ biến chữ nghĩa hải ngoại. Ông chủ biên kiêm nhiệm nhiều việc nên lắm khi không đánh máy lại, mà lấy kéo cắt bài từ báo khác dán lại thành bài mình, đôi khi có lịch sự văn học xin phép tác giả, nhưng thường thì không và tôi chẳng phàn nàn bao giờ. Văn chương như mây trời như nước chảy, cứ việc phiêu lưu trong cõi người Việt ở bất cứ đâu.

Về nhuận bút các bài đăng báo, làng báo hải ngoại có cái lệ dễ thương là cố gắng trả nhuận bút cho những nhà văn mới tới với hai bàn tay không. Ngân khoản đi từ 20 đến 50 đô la một bài tuỳ khả năng tài chính mỗi báo, nhưng chỉ trả trong vài năm đầu thôi. Sau đó là các ông chủ biên cười xoà mời ông bạn văn chia xẻ nỗi khó khăn trong chữ nghĩa hải ngoại, nghĩa là viết chùa giúp nhau...
Những cuốn sách đầu tiên của tôi (viết ở Hoa Kỳ) được in 1.500 bản rồi số lượng ấn bản đi xuống dần với thời gian. Đến truyện dài *Khu vườn mùa mưa* còn 1.000 và truyện ngắn 'Nhà văn già và cô bé gù' còn in có 700 và cuốn truyện dài mới nhất *Không một vòng hoa cho người chiến bại* cũng chỉ có số in vào khoảng đó. Hiện tượng số sách in ra đi xuống không phải chỉ áp dụng cho tôi mà còn đúng cho đa số các tác giả khác ở hải ngoại cũng như nội địa. Lý do để cắt nghĩa hiện tượng này thì nhiều lắm. Con người ai cũng chỉ có 24 giờ, thời giờ dùng cho đọc sách bị cắt giảm dần cho TV, cho video và gần đây cho Internet nữa. Đó là chưa kể hiện tượng kể từ khi được về Việt Nam thăm thân nhân và du lịch dễ dàng, bà con mua về khá nhiều sách nội địa để đọc dần. Phần tôi thì ít quan tâm đến số lượng sách tụt lui như vậy, một phần vì sách truyện trong nội địa đa số cũng chỉ in mỗi lần 1.000 bản cho một dân số 75 triệu, thì 700 bản hay 1.000 cho dân số khoảng 2 triệu cũng còn là được lắm rồi. Rõ ràng bà con hải ngoại chăm đọc và mua sách hơn nội địa rồi. Và còn viễn cảnh sang thế kỷ 21, đến một lúc nào đó chế độ bế quan toả cảng về văn hoá văn nghệ được bãi bỏ ở Việt nam, sách báo hải ngoại được nhập nội hay in lại hoặc in mới tại nội địa.

⊆

Viết thì đại khái như thế, còn sống thì ra sao?
Vừa rồi trong một bữa cơm với họ hàng và thân hữu tại quán Thành Được ở vùng San Jose (đúng là cái ông Thành Được cải lương nổi danh một thời ấy, nhưng các món nhậu vẫn cứ được lắm,) khi hỏi thăm một bạn văn lâu không gặp là gần đây sống ra sao, ông bạn nổi tiếng yêu đời và viết văn vui này đã trả lời: "Bây giờ tôi mà tuyên bố tôi sống vui vẻ lắm thì cả trăm thằng ở đây nó xúm lại đánh tôi ê càng ngay...Vậy tôi đi một đường kể khổ trước, cho nó đúng bài bổn nghe..." Dĩ nhiên nghe ông bạn này mà kể khổ thì chỉ có cười thôi.
Thí dụ trên cho thấy mọi sự cũng gay trong cõi người Việt hải ngoại. Bài bổn chính là phải than khổ, làm kiếp cu ly trong cõi tạm dung đạo lý mỗi ngày một đổi truỵ, cầy hai ba *job* bá thở, là đêm năm canh ngày sáu khắc khắc khoải gốc dừa gốc bàng gốc me quê hương, căm thù lũ cộng nô... vân vân và vân vân (đến độ tôi tự hỏi văn chương hải ngoại, ngoài tính hoài niệm và tính chống cộng, còn có tính than thở, kể khổ hay không?)
Vậy tôi xin bắt chước ông bạn San Jose mà kể khổ trước đã: Tôi vẫn không có nhà, đang ở nhà của các con, đi cũng bằng xe của các con luôn... Nhưng trong suốt cả cuộc đời đã dài, thì những năm sống ở Hoa Kỳ là những năm nhiều vui sướng nhất của tôi và ngay cả lúc này cũng thế. Phần vui nhiều hơn phần buồn, gặp nhiều người tốt hơn người xấu - mặc dù xứ tôi đang ở mưa nhiều hơn nắng, nhưng mưa nhỏ thì mặc áo mưa cầm dù, mưa to thì ở trong nhà đọc sách viết văn và chơi với cô cháu nội đầu tiên.
Viết đến đây tôi muốn bắt chước nói như ông Thánh Thán: *Không vui vậy sao...*

Ở nhà già

Bọn tôi dọn vào ở một nhà già giữa một mùa đông nên được thưởng thức vẻ đẹp tiêu sơ của những cành trụi lá của một cây phong hoa vàng tươi về mùa xuân và lá xanh ướt nước mật về mùa hạ, ngay trước cửa sổ phòng ngủ. Mỗi sáng uể oải lười biếng thức dậy khá trễ, khi 8 khi 9 giờ, về hưu rồi mà, lại còn là phế nhân, có gì phải vội vã đâu. Bà vợ dậy sớm hơn

nhiều, đắp thêm chăn cho chồng hay bị một cơn lạnh buổi sáng, trước khi mang nệm mỏng ra phòng ngoài tập bài tập "sống còn" riêng của bả, một nửa *Tai-chi* một nửa *Yoga* để chống bệnh cao huyết áp và tiểu đường di truyền. Tôi cà chớn hỏi liệu tôi có bị lây tiểu đường qua bà ấy không... Trong khi bà tập ở phòng ngoài thì tôi tập ở phòng trong, ngay trên giường ngủ, những cử chỉ thể dục thông thường và xưa cũ, để nhắc nhở tứ chi chịu khó thức dậy hoạt động cùng tôi. Vội vã xuống giường ngay, dám té lắm. Lại xe cứu thương hụ còi điếc tai bà con lối xóm đưa đi bệnh viện, phiền phức lắm.

Bao giờ bà vợ cũng căn bài tập sao cho xong trước khi tôi chống gậy lò dò từ phòng tắm bước ra. Hai đứa ăn sáng, bà vợ giúp tôi, kẻ chỉ còn một tay, và bàn những chuyện hàng ngày. Đứa con trai tâm thần bất định đã ăn từ lúc nào không biết, đã áo ấm túi rộng, một bên chứa bao thuốc lá và bật lửa, một bên nhét một bao ni lông thay cho gạt tàn. Mới đầu nó chỉ ra ngoài cổng nhà già là đứng lại hay ngồi hút thuốc trên hè, nhưng rồi, đúng như hai vợ chồng tiên liệu, mấy bà già Mỹ khó tính lắm, khiếu nại sự việc này với bà manager da đen dễ tính, làm đứa con phải đi tới một khoảng vườn còn bỏ hoang mới được hút thuốc thoải mái, mẩu thuốc dư nhét vào bao ni lông bỏ túi mang về vứt vào thùng rác. Thời kỳ mới ban hành luật cấm hút thuốc gắt gao hơn các tiểu bang khác, lớp trẻ tức mấy ông bà già trầu dùng xe tải chở mấy bộ ghế phòng khách ra để ở phần phân đôi con lộ, ngồi phì phèo thuốc lá. Chỉ ở vị trí này mới cách đủ 20 *feet* các lối ra vào, như luật đòi hỏi. Cảnh sát xứ này nhiều kinh nghiệm chống biểu tình, nên mặc kệ mấy cô cậu ngồi giữa lộ hút thuốc. Một vài hôm trôi qua, các cô cậu phải hoặc đi học hoặc đi làm (lấy tiền mua thuốc chứ...), cảnh sát mới tà tà khênh ghế vào hè đường, đợi xem có ai nhận không, trước khi chở vất đi.

Buổi sáng, dù nắng, mưa hay sương mù, tôi có một việc phải làm là tập đi, dù là tập tễnh, cà rịch cà tàng, chống gậy chĩa bốn chắc chắn, mặc quần áo chỉnh tề (là bắt buộc khi ra khỏi nhà), tôi đi từ cửa nhà tới khu thang máy. Trên đường gặp bất cứ ai cũng "*hi"* một tiếng để chào hay để đáp lễ; đến cửa sổ khá lớn, tôi thường dừng lại ngắm cảnh, ngắm hoạt động dưới sân. Khu tiền sảnh của thang máy có bầy một bộ bàn ghế, trên tường treo bản sao các danh họa cổ điển châu Âu. Chiếc bàn vuông thấp để lọ hoa giấy và thực phẩm quà bánh linh tinh – bọn tôi đặt tên là bàn "đã tới xã hội chủ nghĩa", vì cư dân qua lại cần hay ăn được món gì cứ việc lấy về thoải mái. Những kẹo bánh thực phẩm đó nguồn từ các con cháu đến thăm, ông bà không ăn được mấy, mang ra để ở "bàn xã hội chủ nghĩa", tặng bất cứ ai cần. Đôi khi thấy có món ngon lành, thường là kẹo bánh, tôi dự tính lấy rồi lại thôi vì vợ tôi can bằng hai, chứ không phải một lý do: tôi đã mập rồi và các ông bà già thường có trí nhớ tồi, biết kẹo bánh đó quá *date* từ ngày nào.

Ai chưa biết đây là nhà già, cứ dùng thang máy nơi đây, sẽ biết. Thang máy cũ từ thập niên 70 nên vừa hoạt động vừa rên rỉ, và trong lòng thang máy có một ghế dài - đừng vội nghĩ đó là một *canape* hay chi đó mà lầm, đó chỉ là một miếng gỗ dài bắt vít vào vách thang máy. Bọn tôi đến ở cả năm mới có thợ đến sửa cho hết kêu cót két và lắp một điện thoại cấp cứu. Đừng tưởng đồ đó là dư vì ở chưa được hai năm, chuông báo lửa cháy đã réo vang ba lần. Nếu thang máy cũ kỹ thì trái lại chuông báo động lại mới tinh, được kiểm soát luôn, kêu to đến nỗi ai lười muốn ở lì trong phòng sẽ điếc tai chịu không nổi – tôi đã thử lì một lần rồi nên biết rõ. Tiêu lệnh chung: tất cả phải ra khỏi tòa nhà theo những lối đi chỉ định từ trước để tránh chen lấn, dù ngoài trời mưa hay tuyết đang rơi. Bà vợ tôi được thực tập hơi nhiều khi còn là sinh viên, nên loáng một cái bà đã mặc áo ấm ôm cặp giấy tờ biến ra ngoài, để tôi trên xe lăn cho đứa con lo, vì tâm thần có bất định, lúc đó cũng tỉnh, và hắn người to khỏe, giúp cho tôi được, không nhỏ nhắn như bà mẹ. Bà mang được thân ra chỗ bình an là cần thiết cho năm đứa con bẩy đứa cháu... Còn tôi bây giờ cần thiết cho ai đây? Vì thế tôi có lần rao vặt đùa: "Ở đây có dư một ông nội còn một tay và một chân rưỡi, nhưng còn biết xoa đầu các cháu..."

Khi chuông báo cháy đã reo, thang máy bị cấm sử dụng, những người dùng xe lăn chỉ có cách ra ban công đứng cho lính cứu hỏa dễ thấy. Đứa con tôi có thể leo ban công sang thang dài ngoằng của cứu hỏa, còn tôi thì sao, đâu còn leo trèo gì nổi? Chắc họ để tôi đó xịt nước lên trong khi chờ đợi; về mùa hè thì OK, về mùa đông chắc thành người tuyết... Báo động cháy nhà như thế là bất tiện cho người quá già và tàn tật.

Vậy mà dọn tới chưa được hai năm chuông báo động đã réo ba lần, hai lần là do bà Hồi giáo ở xế cửa gây ra. Tuy là dân "trùm mền" nhưng không phải quanh năm một mầu đen từ đầu đến chân như thường thấy, bà này hay mặc mầu trắng hoặc các mầu nhạt, bằng vải vóc đắt tiền, đeo kính phong dáng lắm. Một lần thấy khói mù mịt hành lang, bà vợ tôi phóng sang cứu nguy: chỉ là nấu bếp để quên thôi. Bà vợ kể *apt* của bà Hồi đầy ắp đồ đạc, chắc ai dọn nhà để lại cái gì, bà lấy hết. Riêng xe kéo đồ, bà có tới ba cái ba kiểu khác nhau... Gây đám cháy nghiêm trọng nhất lại không do bà Hồi giáo, mà một bà ở tầng dưới, không biết trắng hay vàng - nhà già này không có da đen. Khói đen bốc lên cuồn cuộn, một xe chữa lửa đến chưa đủ, đến thêm xe thứ hai, có ông cứu hỏa kéo theo một cái quạt to khỏe đen xì để xua bớt khói cho mọi người thở tạm. Dĩ nhiên còi hú kêu ồn cả một khu phố. Bà vợ bảo tôi: Anh phải tập lại lên xuống thang gác thôi... Tôi trả lời: Ừ. Và chưa tập được buổi nào. Theo tử vi phương Đông, tôi mạng sơn đầu hỏa (lửa trên đỉnh núi), khỏi cần để ý những đám cháy nhỏ trong một nhà già nơi trần thế...

Thôi, nói chuyện khác, nhìn hoài những người già, tàn phế, tâm hồn dễ trở thành bi quan. Chính vì lý do này có lẽ làm tôi, và những người già khác, thích ở với con, nhất là các cháu, hơn bất cứ kiểu nhà già nào, dù sang trọng, tiện nghi tới đâu. Nhưng làm thế nào được, con cái, kể cả gốc Việt, Hoa phải đi làm cả hai vợ chồng, hai hay ba job, các cháu phải đi học kể như hai buổi. Lấy ai ở nhà coi sóc cha mẹ già yếu bệnh tật, không như ở Việt Nam nhà cửa sát nhau, nạn nhân mãn và nghèo đói khiến nuôi một đứa cháu nghèo không khó khăn gì... Xã hội và chính quyền Mỹ cố gắng giải quyết vấn đề coi sóc người già tại nhà bằng các *caregiver* do chính quyền trả tiền, nhưng những người này chỉ hiện diện trong một số giờ nhất định. Khi bà mẹ của người viết ở Virginia với gia đình đứa con gái đầu, suy yếu trầm trọng nhưng không chịu nằm bệnh viện hay vào *nursing home*, cô em gái phải mượn một cô gái Việt mới nhập cư nước Mỹ, làm toàn thời. Tiền công dĩ nhiên không rẻ nên chia ra các con đóng góp. Dĩ nhiên dù ở xa bên kia lục địa Mỹ, tôi cũng được cô em gái chia cho một phần chi phí. Nhưng mọi sự chỉ êm đẹp một thời gian vì bà cụ mỗi ngày sức khỏe càng xuống, tính nết càng ngày càng khó khăn, từ một phụ nữ vui tính và chịu dựng dễ dàng mọi khó khăn ở đời, biến thành một bà già khó tính khỏi chê. Đến độ sau cùng đứa em gái chịu hết nổi, bèn chia đồng đều sự chịu đựng mẹ già cho mấy anh em. Mỗi đứa đón mẹ về chăm sóc ba tháng. Hai ông anh lớn ở xa: anh Lam ở Bolsa, còn tôi tít mù Tây Bắc nước Mỹ, không tính tới vì mẹ không còn đủ sức khỏe cho những chuyến bay xuyên lục địa.

Từ tiền sảnh của thang máy, tôi dễ dàng nhìn qua cửa sổ lớn xuống sân chính của chung cư nhà già và như nhiều chung cư khác, nơi đây thiếu chỗ đậu xe trầm trọng. Vợ tôi biết làm nhiều thứ ở đời, trừ lái xe, và tôi bị treo bằng từ lâu vì tật nguyền; giả sử không là thế, cũng không còn chỗ. 70 đơn vị gia cư, mà chỉ có 20 chỗ đậu. Khách đến, thường phải đậu bên lề con lộ, cũng không nhiều chỗ gì. May thay đã có Chúa cứu nguy: nhà thờ Công giáo bên kia lộ đã khá rộng lượng với xe đậu nhờ, không hỏi có đạo hay không. Những xe vãng lai, do nghề của họ phải kiếm chỗ đậu trong sân và thường kiếm ra chỗ đậu tạm, là: xe chở giùm những túi đồ đi chợ *Safeway* hộ các bà già; xe *Book Mobile* mang đến những cuốn sách chẳng ai muốn mượn; xe *Meal on Wheel* do Microsoft tặng mang đến món ăn làm sẵn 3 đồng một ngày; và nhiều thứ xe chuyên dụng khác, kể cả xe chữa lửa, xe cứu thương vừa chạy vừa kêu ầm ĩ, loại xe này không hiểu sao xóc dễ sợ, hú còi to, ngày và đêm không cho

ai ngủ yên lành; xe hút hầm cầu làm ăn sạch sẽ hơn ở Việt Nam; xe thổi lá vàng cuối thu và thổi tuyết mùa đông, mỗi khi đến làm việc là có người thò đầu ra ngó.

Chế độ mấy anh em luân phiên đón mẹ già về ở với mình mỗi người ba tháng, tôi không nhớ kéo dài được bao lâu. Nhưng đương nhiên chấm dứt khi mẹ tôi nằm bệnh viện dài ngày, năm 89 tuổi. Nghe tin em gái báo mẹ hấp hối, tôi đương có mặt ở Seattle nên phóng lên máy bay sang miền Đông thăm mẹ. Vào bệnh viện, nhìn thấy mẹ sắp lìa đời mà bị kê nằm nghiêng một góc 45 độ, tay chân mũi miệng dây rợ chằng chịt như một tội nhân bị hành xác trong một *donjon* thời Trung cổ - đây là hệ thống *life support* nổi danh của y khoa Mỹ hiện đại mà tôi vẫn không ưa. Kéo dài đời sống thảo mộc, như cây cỏ cho cái xác phàm để duy trì ảo tưởng là người thân chưa lìa đời... Biết rằng mẹ không còn, mẹ đã lìa đời rồi, tuy thế khi nắm bàn tay mẹ, tôi bị xúc động toàn thân: đúng là tình mẹ con ruột thịt. Mắt mờ đi vì nước mắt, tôi đứng lên đi ra phòng đợi kiếm một cái ghế nhìn ra ngoài cây cối xanh um một mầu xanh dịu dàng, và tôi khóc, không nhìn một ai. Những người có mặt trong phòng làm như không nhìn thấy gì, tôn trọng nỗi buồn của kẻ khác.

Ăn cơm trưa xong là cô em gái chủ nhà vào đề liền: tất cả các anh em trai gái ở miền Virginia đều không muốn mẹ khổ đau thân xác lâu hơn nữa vì hệ thống *life support*. Anh cả của chúng tôi, từ California gọi sang, cũng đồng ý rút bỏ mọi dây rợ để mẹ lìa đời thoải mái trong cái chết tự nhiên. Chỉ còn đợi ý kiến tôi. Người con cuối cùng. Sau cơn khóc trong bệnh viện, tôi chỉ có thể lên tiếng, là đồng ý thôi. Em gái bảo: Như vậy để chiều nay em thông báo cho bệnh viện là tất cả con cái đều đã đồng ý rút bỏ hệ thống *life support*. Nó vừa dứt lời, cô con gái thứ hai của nó đã có chồng có con, ngồi im lặng ngoan ngoãn từ đầu, bùng lên tiếng. Vừa nói vừa khóc nức nở, nó biện hộ quyền sống tiếp cho bà, bằng tiếng Anh xen tiếng Việt, rằng bà chưa chết đâu, bà còn phấn đấu mà, hãy để, hãy giúp bà phấn đấu... Nó hướng về mẹ nó: Mẹ không được giết bà, con thù mẹ... Tình hình đến đây gay go hẳn lên, sau cùng tôi nói: Mẹ cháu đã đến bệnh viện đâu, phải không? Cô em tôi cũng đầy nước mắt, im lặng gật đầu.

Hội nghị của các bác chú cô dì cùng quyết định chung của họ rút cục tiêu tan vì một cô cháu. Sự kiện này không hiếm xẩy ra trong cộng đồng Việt: bọn tôi có biết một gia đình có mẹ già hơn 90, từ lâu vẫn ở một *nursing home* loại sang vì đứa con lớn là một bác sĩ lợi tức cao, các con khác cũng thành đạt. Gia đình tự nhiên xáo trộn lớn chỉ vì đứa cháu lớn xinh đẹp có chồng Mỹ và hai con, nghe thấy bà thì thào: Bà muốn về nhà. Cô cháu cưng của bà quyết định ngay, bảo ông chồng da trắng lấy chăn quấn bà, bồng ra xe chở về nhà, nhà của nó, chứ không phải của ai khác. Đến khi các cô bác chú dì, kể cả cha mẹ của nó, vào thăm mẹ già, thì mẹ đâu rồi... Sau đó mặc dù đủ loại dỗ dành, áp lực, cô cháu nhất định không chịu "trả" bà cho tập thể gia đình. Sau cùng bà cụ qua đời trong hài lòng: về nhà cháu gái cưng, cũng kể như đã "về nhà"...

Thôi thế cũng được, thôi thế cũng xong, tôi đứng dậy ra *patio* phía sau nhà, ngồi xuống cạnh ông em rể đang trầm ngâm nhìn một tượng Phật cạnh ao súng nhỏ. Mẹ tôi hồi sinh thời cũng thích ngồi hàng giờ cạnh ao nhỏ này. Người em rể hỏi: "Việc hai ông bà làm ở Việt Nam tới đâu rồi?" Tôi trả lời: "Khó khăn hơn..." Bọn tôi cương quyết không chịu vào hệ thống tham nhũng của chế độ cộng sản: Mang sinh viên sang Mỹ du học, hi vọng khi trở về chúng sẽ làm Việt Nam bớt u mê bớt chậm tiến, không lẽ lại mở đầu bằng hối lộ quan chức? Không chịu hối lộ, sẽ tiếp tục bị làm khó dễ. Nếu chịu hối lộ, tiền sẽ bị cán bộ tiêu riêng như xây nhà xây cửa cho vợ con cháu chắt bồ nhí, nhưng nội vụ bị công an ngầm làm biên bản, để đó, khi nào định tống xuất phái đoàn sẽ mang ra làm bằng chứng tội hối lộ quan chức, tòa Đại sứ Mỹ và các nước ngoài sẽ khó bênh vực, can thiệp. Đằng nào cũng kẹt với họ hết.

Tôi nói với ông em rể, người cũng có kinh nghiệm đắng cay với chế độ xã hội chủ nghĩa: "Tôi sẽ đổi vé bay về Sài Gòn gấp, ông và Chi lo cho bà cụ giùm tôi". Tôi nói thế vì biết để nguyên *life support*, mẹ cũng chẳng còn sống lâu. Ở Sài Gòn biết bà vợ còn có một mình trong căn nhà thuê trong cư xá Lữ Gia, công an cho *ban đồ đểu* xuất chiêu (ban này chắc có tên riêng, như P5 hoặc P91, nhưng thôi, theo nhân dân tại chỗ mà gọi là "đồ đểu" vì đã hành động, là chơi trò bá đạo). Thí dụ: Bà người làm không chịu hợp tác với công an, ban đồ đểu ngụy tạo tai nạn cho té xây xước mình mẩy, xe đạp tan nát. Khi bà lết đến nhà, bà vợ tôi băng bó, cho tiền mua xe đạp mới, dặn nghỉ ba hôm cho khỏe rồi trở lại làm việc. Coi như không có gì xẩy ra. Bây giờ ban đồ đểu xuất chiêu khác: cho người đêm khuya giả vờ say rượu đập cửa nhà ầm ĩ, hàng xóm sợ nín khe, công an sắc phục biến hết. Bà vợ gửi fax khẩn cấp báo tòa Đại sứ ở Hà Nội, rồi lên giường cố ngủ... Tôi có lần hỏi thẳng công an: Có phải các anh chống việc tổ chức du học Mỹ của chúng tôi? Thì họ tỉnh bơ nói: Không có chống, ủng hộ mà... Bởi thế mới gọi là "đểu"... (Chữ của nhân dân ngoài Bắc, lấy từ điển tích: nhân dân ta anh hùng đưa nước từ thời đại đồ đá lên thẳng chế độ đồ đểu, không kinh qua bất cứ chế độ nào khác. Đạo diễn Trần Văn Thủy đã khổ công đi kiếm không ra "người tử tế" là vì thế, dù đã đi cho hết đất hết biển Việt Nam.)

Khi tình hình tạm yên, tôi trở về Seattle và lại bay ngang lục địa đến Virginia thăm mộ mẹ. Buổi sáng nắng nhẹ, tôi theo đứa em trai duy nhất đi kiếm mộ mẹ giữa ngổn ngang đâu đó của một nghĩa trang nước ngoài. Đứa em trai bỗng ngồi thụp xuống, lấy tay không quét lá khô cho tôi nhìn rõ tên mẹ. Tôi cũng ngồi xuống lấy tay quét lá, đứa em nói như đùa: Mẹ đã dặn làm bia đứng mà vẫn cứ để nằm như người ta... Thôi, thế cũng xong. Cô bé sinh ngày nào ở phố ga heo hút Cẩm Giàng, đồng bằng buồn thiu miền Bắc Việt Nam đã đến chỗ cuối cùng.

Đường về nhà già

Chữ nghĩa Việt Nam lắm khi thu gọn lại, thật giản dị và dễ hiểu: xưa gọi là nhà dưỡng lão, nay gọi là nhà già; tiền trợ cấp cho những người cao niên lợi tức kém, gọi là tiền già; riêng tiền trợ cấp dành cho những người giả vờ thần kinh rối loạn, được gọi bằng cái tên ngộ nghĩnh là "tiền khờ". Nhà do Liên bang hoặc Tiểu bang tạo dựng rồi cho những người nghèo thuê với giá rẻ, được gọi bằng cái tên nửa Mỹ nửa Việt, là nhà *housing*. Đa số những di dân mới nhập nước Mỹ, đều *kinh qua* (chữ nội địa đó, nghe kinh chưa) một thời gian dài hay ngắn ở nhà *housing*. Vợ chồng tôi, cũng như nhiều người già khác, hồi trẻ còn sức lao động, không để ý đến chuyện mua nhà (mua nhà ở Mỹ cũng chua lắm), về già con cháu không đủ sức nuôi hay một nàng dâu không muốn ở chung với bố mẹ chồng, là chỉ còn con đường thuê một *apt* trong một *senior housing* nào đó, an hưởng tuổi già trời cho còn lại.

"Mua nhà ở Mỹ cũng chua lắm" nghĩa là làm sao? Mỗi người một hoàn cảnh, một trường hợp, nên dưới đây tôi chỉ kể đại lược chuyện mua nhà của đứa con đầu. Không định làm văn chương chữ nghĩa, lập định đề, vô đề, vượt qua hố thẳm của tư tưởng triết học đông tây bắc nam chi hết.

Cách đây năm sáu năm, tình cờ con trai lớn có dịp làm hai *job* một thời gian, *full time* cả hai. Sáng đi làm như mọi người, trưa đi ăn ngoài, tối cũng đi ăn ngoài, khuya mới về, chỉ được nghỉ có ngày chủ nhật. Vậy mà cô vợ Huế xinh đẹp, đã tốt nghiệp nha sĩ Sài Gòn, vẫn sinh cháu cho vợ chồng tôi đều đều: đứa đầu tên Misa, bây giờ mới sắp chanh cốm thôi mà đã "nghiêng nước nghiêng thành" (xin phép bà con cô bác cho tôi chủ quan một chút, vì cưng cháu), đứa thứ hai là cháu đích tôn. Hỏi tên là gì lúc hai tuổi, đã trả lời, không biết có định

khôi hài không, là Minh-Đót-Cơm (Minh.com). Cháu một thời đã là nỗi đe dọa cho những bài văn của tôi: đang chăm chú viết, bỗng có bàn tay xinh nhỏ từ phía sau nhô tới, chưa kịp ngăn cản, bàn tay búp bê đó đã ập xuống bàn phím nhấy ba bốn chữ cái. Chỉ có cách cầu cứu bà hay mẹ của cháu thôi. Không có mục đánh mắng gì vì ông nội này quan niệm cháu là để cưng chiều thôi. Không ai được đánh mắng, kể cả bố mẹ chúng! (Con dâu nào cũng có tí hậm hực với tôi về điểm này, có lẽ trừ con dâu Mỹ, mà các con trai tôi lại chưa có đứa nào lấy con gái bản địa.)

Mấy ông cháu đang sống tình tang như thế trong căn nhà hai tầng mới tinh hảo được bốn năm thì sóng gió nổi lên: đứa con trai đầu chỉ còn có một job và cô con dâu còn phải hai năm học nữa ở một đại học San Francisco mới thành nha sĩ Mỹ. Một lương, chỉ đủ trả tiền nhà. Bán nhà đi thì ở vào đâu... Sau cùng đứa con chọn biện pháp phân ly gia đình: hai con theo mẹ xuôi nam cùng ông bà ngoại mới từ Việt Nam qua để coi cháu cho mẹ chúng đi học. Đương sự sẽ sang nhà đứa em trai gần Northgate Mall, tạm trú trong ga-ra, tối về nhà bố mẹ ăn cơm, trong một *housing* nào đó... *Housing* nào? Phải đi kiếm "nó" thôi...

Công việc tìm nhà mới xưa nay vẫn thường do đàn ông đảm trách, nhưng bây giờ tôi đã là một "độc thủ ẩn sĩ với một chân rưỡi", bà vợ tôi phải đứng ra thay. Cũng chả sao, bà đã tốt nghiệp cùng một đại học với chồng và đã từng về Việt Nam mở con đường "tân Đông du" cho lớp trẻ Việt Nam sang Mỹ tự túc du học thay vì sang Đông Âu và Liên Xô, nhất là Liên Xô mà một giáo sư đại học thứ thật ở Hà Nội đã có lần buồn bã nhận xét: Dẫn một con bò sang Liên Xô, khi về nó cũng có bằng phó tiến sĩ... Sau bốn năm đấu tranh từng ngày với phe bảo thủ để mở được và duy trì con đường tự túc du học Mỹ, tòa đại sứ Mỹ một đêm gọi điện thoại cho vợ tôi báo tin buồn: phe bảo thủ sẽ dẹp đám đại diện đại học Mỹ bằng những biện pháp hành chánh. Biện pháp hành chánh? Một điều luật về hành chánh của Hà Nội đã qui định: "Cố ý làm sai qui định, sẽ bị phạt từ 12 năm tù đến tử hình". Luật và lệ ở Việt Nam như rừng, biết đâu là đâu... Một số không ít Việt kiều đã mất hết tiền của đầu tư và bị nhốt tù vì điều luật này... Như Stalin đã dùng điều luật "phá hoại kinh tế" để lúc nào cũng nhốt trong "quần đảo ngục tù" 11 triệu dân Nga.

Như vậy thì thôi, trao việc lại cho dân bản địa, ta về Mỹ thôi. Nhớ cái Big Mac và cái *tộ* phở vĩ đại của bà con ở Mỹ rồi (cái tộ, dấu nặng, to hơn cái tô nhiều). Dĩ nhiên về với hai bàn tay trắng: làm thiện nguyện là ăn cơm nhà vác ngà voi mà. Một chút quà cho thế hệ trẻ Việt, mong rằng những sinh viên "tân Đông du", khi học thành tài trở về, sẽ làm Việt Nam thay đổi từ từ... từ bên trong và từ giữa lên.

"Thay đổi từ từ" dịch sang chữ Hán - Việt đại khái là "diễn biến hòa bình"... Cái gì mà ghê vậy? Nhưng đúng vậy đó. Một cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản đã than trên nhật báo *Sài Gòn Giải phóng*: Nhóm đại diện EF (bọn tôi) chính là đội tiên phong của diễn biến hòa bình Mỹ... Đến đó mà không về Mỹ, thì còn đợi cái gì? Lệnh tống xuất của Bộ Công an chăng?

Đi tìm một nhà già như thế nào?

Việc đầu tiên bà vợ làm là khệ nệ mang chồng niên giám điện thoại ra bàn, tra cứu xem Seattle Authority Housing nằm ở đâu. Xong, bà bắt đầu cầm điện thoại lên, xí xa xí xộ một hồi, ghi ghi chép chép, tuyên bố: Em đã xin được cái hẹn. Đến ngày giờ hẹn, bà nhờ ông *caregiver* của tôi đưa đi. Bà kể: Cơ quan gì mà ở đầu một dốc, lại trong kẹt, kiếm mãi mới ra. Đầu tóc bay tung vì gió, với bộ mặt *baby face* và thân hình chưa mập, bà vừa bước vào tiền sảnh, mấy bà đại diện một hội *women abused* túa ra hỏi: có bị ai theo không, có cần *shelter* ngay không. Khi biết chỉ là cần một nhà già cho chồng tàn phế và một đứa con thuộc loại *retard,* bà được nhanh chóng đưa vào văn phòng phụ trách. Bà cầm về một đống tài

liệu chỉ dẫn: đọc, mới hiểu Seattle có khá nhiều nhà già rải rác trong thành phố: chỉ là những chung cư ba bốn từng, trông thoáng giống như nhà thường, có tên gọi riêng, địa chỉ đầy đủ với tên *manager* đàng hoàng.

Hai vợ chồng lúi húi chọn, bàn cãi. Không cần nơi gần trường, gần xa lộ, gần nhà thờ... vì các con đã lớn và cả nhà chỉ có vợ đứa thứ ba và hai con theo đạo, còn lại bao nhiêu giống ông nội, là Phật tử không thuần thành, không Ân Quang không Việt Nam Quốc tự, đi lễ chùa ta chùa Tầu gì cũng được. (Mấy năm gần đây hay đi lễ Tết một chùa Tầu, tên Địa Tạng, khá đẹp vì cheo leo trên sườn đồi phía bắc thành phố.) Tiêu chuẩn chính hai đứa tôi sau cùng đồng ý đưa ra, là gần nhà các cháu, nhất là cháu bé nhất. Xong, bọn tôi chọn một nơi có tên gọi là Pine, ở khá gần Northgate Mall, nghĩa là vẫn quanh quẩn trong khu vực quen thuộc từ hồi sang Mỹ. Hồ sơ hơi nhiều văn bản, Mỹ quan liêu bàn giấy không kém gì ai, được gửi đi. Rồi chờ. Một thời gian không nhớ là bao lâu (tôi bây giờ hay quên tên người, ngày tháng năm, mỗi khi cần, phải hỏi: hôm nay thứ mấy, ngày mấy tháng gì...) được gọi lên trình diện ở đâu đó, tương tự như phỏng vấn, và bọn tôi được chấp nhận trên nguyên tắc cho ở nơi đã xin. Nhìn ngắm những người cùng được gọi lên tôi thấy đều là da trắng loại dễ thương (phải nói rõ như vậy vì đâu thiếu gì da trắng không dễ thương, giờ này vẫn còn kỳ thị ít hay nhiều).

Lại về nhà chờ đợi nữa và tham dự một buổi chia tay cùng con cháu. Con trai lớn đã mang về một chiếc U-Haul loại vừa, cùng một người bạn và ông bố vợ xếp đồ lên xe, đồ khá nhiều, làm như dọn nhà xuống San Fran ở luôn. Hai vợ chồng già đứng trước cửa ga-ra rộng mở, im lặng và ngẩn ngơ nhìn. Đứa con trai lái U-Haul với bố vợ ngồi cạnh - một người khá tháo vát, làm vườn khéo, cô con dâu lái xe nhỏ chở hai con: gái Misa và chàng trai bốn tuổi cháu đích tôn của tôi. Đoàn xe dự trù đổ đèo đêm nay, trên lộ trình đáng gọi là thiên lý tôi đã từng đi nhiều lần và nhận lái đỡ từng phiên 2 giờ cho các con. Thôi, lúc chia tay cùng các cháu chẳng nên nhắc đến những chuyện xưa, khi mình còn trẻ. E chỉ buồn thêm thôi.

Việc xin nhà nhích thêm một bước: một bà da trắng xuất hiện tại cửa nhà và yêu cầu vợ tôi dẫn đi thăm nơi ăn chốn ở, kiểm tra kỹ nhất là buồng tắm, chắc để xem ăn ở có đủ vệ sinh không (tôi phân vân không biết nếu xin *housing* nơi đông người da màu, có bị kiểm tra kỹ như thế không). Sau đó mới được mời đi thăm sơ khởi nơi sẽ ở: một tòa nhà thước thợ bốn tầng xây cất từ 1970 với khoảng 80 đơn vị gia cư, sạch sẽ khang trang, nằm cạnh một con lộ lớn, xe cộ lưu thông ồn ào ngày đêm. Bên kia lộ là một nhà thờ Công giáo xinh xắn, luôn luôn có một ông hơi gù loay hoay xén cỏ - truyền thống anh gù Nhà thờ Đức Bà ở Paris chăng... Từ khi có ông bà nội ở nhà già bên kia con lộ, cô con dâu Công giáo gốc di cư hay mang hai con đến dự lễ tại đây, với lý do ngộ nghĩnh là nhà thờ của mẹ chúng giảng bằng tiếng Việt lên bổng xuống trầm, xí xa xí xồ, hai đứa con quen tiếng Mỹ ba la ba lô, nghe không hiểu gì cả.

Một ngày đẹp trời, ở Seattle có nghĩa là không mưa, vào mùa thu, chắc thế vì toàn con đường và sân đậu xe được phủ một lớp lá vàng tươi đẹp, đi lên trên nghe xào xạc êm đềm, bọn tôi được mời tới coi và nhận nhà sơ khởi. *Manager* khu nhà già này là một bà Mỹ đen to lớn, có vẻ xuất phát từ một hải đảo phía nam nước Mỹ, tính tình xởi lởi. Bọn tôi cho là điểm tốt vì vẫn chưa quen bài học hội nhập về màu da, nửa đùa nửa thật, do một ông bạn trẻ sang từ 1975 đã giảng cho lũ con tôi về vấn đề phỏng vấn ở xứ này: Nếu là da trắng, cứ việc hăng hái đi vô, nếu mình thỏa mãn các điều kiện đòi hỏi, mình sẽ được tuyển. Còn không thì đi ra, kiếm chỗ khác, đừng năn nỉ vô ích. Nếu là da đen, có thể ca bài "con cá", họ có thể mủi lòng mà cho *job* vì họ cũng mới ra khỏi cảnh khổ chưa lâu gì. Nếu là da vàng, phải dò hỏi xem người nước nào, nếu là Thái Lan, Nhật Bản..., đừng vào vô ích, họ không

thích nhận thứ *betônamư* (người Việt, nếu tôi viết sai tiếng Nhật, chắc là sai, nhờ ông Đỗ Thông Minh sửa hộ). Còn nếu người phỏng vấn là người Việt, thì nên quay lưng *go home* thật lẹ. Cứ vào, thì đã không được nhận, còn thêm bực mình vì thái độ của ông "ma cũ"... Cũng may bệnh ma cũ bắt nạt ma mới đã giảm dần với thời gian.

Bọn tôi được thuê một *apt* hai phòng ngủ vì gia đình gồm ba người, trên tầng ba, gần đường đến độ về mùa hè mở cửa sổ cho mát, tôi thường bị giật mình vì tiếng động cơ nổ lớn của các ông *biker*, tiếng xe cứu hỏa, cứu thương... Phòng khách có *balcon* khá dễ thương và khó thương (tại sao vậy, xin kể sau). Tiền thuê lấy theo tỷ lệ 1/3 tổng số lợi tức, rẻ được chừng 1/3 so với bên ngoài (phần chênh lệch chắc do Liên bang trả vì có một lá cờ sao sọc ở sân), nước miễn phí nhưng điện tính riêng (đến mùa đông, vợ tôi sẽ làm đơn gửi thị trưởng xin vào qui chế miễn phí, điều đó cũng tốt thôi!). Nhà già lại tiện đường xe *bus* cho vợ tôi lui tới những nơi ưa tới như chợ Pike, Northgate Mall, QFC, Fred Meyer... Riêng Safeway thì gần tới độ tôi dùng xe lăn chạy điện theo vợ đi chợ được – nói cho oai vậy thôi, chứ thật ra đến chợ tôi loanh quanh ngắm hàng họ một chút, nhất là trái cây... sau đó là pha một ly cafe của chợ, khi uống được khi không.

Ra cửa chợ nhâm nhi cà phê nóng bỏng, sưởi nắng, ngắm nhìn người qua lại, đặc biệt là giới mặc váy ngắn hay quần jean chật, bây giờ thêm giới con nít xinh xắn, tôi thường cười với chúng, đôi khi vẫy tay. Vậy thôi, chưa bao giờ dám sờ đến chúng vì vẫn chưa quên bài hướng dẫn hội nhập năm xưa: Đừng bao giờ chạm đến con nít Mỹ, nếu không muốn bị cha mẹ chúng kiện ra tòa, tù năm mười năm như không. Nước Mỹ đang ở *mốt* phạt nặng những tội tình dục, đến độ con gái trẻ phải mượn ID của chị nếu muốn *date* cùng chàng. Lỡ tán phải gái dưới 18, phải lo đậy lại mang trả về nhà, như trong phim khá nổi tiếng gần đây *American Pie.*

Như trên đã nói, tới đây mới là *nhận nhà sơ khởi*: coi một vòng các phòng trống trơn, thợ đang làm lại vách, bóc sàn trải thảm mới. Bà vợ nói OK với *manage*r... Bà da đen này cười, cũng bảo OK, yêu cầu đi về nhà đợi nữa, khi nhà tân trang xong, sẽ gọi đến ký hợp đồng và thực sự đến ở. Rồi ngày đó cũng đến, tính từ lúc bà vợ "hạ quyết tâm" ra *ở riêng,* tới lúc đó khoảng sáu tháng, bạn bè cố cựu xứ này cho biết thế là nhanh, thường thường phải một đến hai năm. Ngày đến ký hợp đồng thuê nhà, trời mưa dầm dề lướt thướt, cả nhà phải hiện diện, ký tên vào rất nhiều văn bản. Cả hai vợ chồng cùng chăm chú đọc bản điều lệ thuê nhà: cứ tin tôi đi, nhiều như bản Hiến pháp nước Mỹ với đủ 27 tu chánh án. Cơ quan nhà đất nhà nước chơi trò nắm đằng chuôi: hơi vi phạm điều lệ một chút, thí dụ chậu hoa để ngoài ban công không được quá 12 inch đường kính, lỡ là 13 thì chỉ được 10 ngày báo trước, không chịu dọn đi, sẽ có cảnh sát đến trục xuất, cho gia nhập thành phần *homeless* đông khoảng 5000 người tại Seattle, thành phố quê hương và cư ngụ của ông tỷ tỷ phú Bill Gates. (Đọc đến đây chắc có người thắc mắc: giầu nhất thế giới, sao để thành phố quê hương mình nhiều *homeless* vất vưởng gầm cầu, trong các *tentvillage, tentcity* như thế? Xin hỏi chính đương sự, người viết bài này chỉ biết trả lời lơ mơ "Mỹ nó là như thế, hoặc ở Mỹ cái gì cũng có thể xẩy ra, kể cả những cái chưa xẩy ra bao giờ"...)

***

Ngày bọn tôi định dọn nhà, con cháu qui tụ đủ để khênh đồ, xe U-Haul đã thuê để trước nhà, vẫn phải hoãn lại một tuần vì xe hơi vẫn chưa đủ sức leo cái dốc băng giá trước nhà. Tuyết tan bớt, mặc kệ con cháu dọn nhà dưới sự điều động của bà vợ và đứa con, tôi ngồi như thiền gia thiền giả tại bàn ăn, nhìn qua cửa kính lớn, quang cảnh tiêu sơ băng tuyết bên ngoài, một thung lũng nhỏ dẫn tới một đồng cỏ phía xa. Khi mọi sự xong xuôi, con lớn mang xe về đón tôi như đã dặn. Thấy bố già ngồi một mình không nói năng nhìn cảnh bên ngoài,

đương sự nói với giọng hơi buồn: “Chắc còn lâu bố mới được thấy lại cảnh này...” Tôi không trả lời, quay xe lăn cho con đẩy ra cửa để lên đường.

Lên đường về nhà già. Hay tuổi già thì cũng thế.

Cuối năm 1986

Sau 6 năm nạp đơn xin đi Mỹ đoàn tụ gia đình, với hồ sơ do cô em ruột của vợ tôi ở Seattle gửi về, vợ tôi được phép mang chồng và năm con ra phi trường Tân Sơn Nhất để chuẩn bị lên phi cơ. Nếu kể những gì, những chặng đường vợ chồng tôi đã phải trải qua trước ngày có chiếc xe đò thuê vừa đậu trước cửa nhà để chở bọn tôi ra phi trường, chắc phải viết một bài khác. Bây giờ thì gia đình tôi lên xe cùng hai bạn “cải tạo về”, cùng bạn bè của năm đứa con trai đi tiễn, cũng đủ cũng đầy một xe. Ngồi cùng vợ phía trên, cạnh tài xế, tôi nhìn khung cảnh cư xá Chí Hoà đã từng ở hai mươi năm, nay ra đi không một luyến tiếc nào vì chưa bao giờ trong đời, tôi bị đói, khổ, bị áp bức đủ đường, hạ nhục nhiều kiểu, như 12 năm vừa qua trong chế độ có cái tên dài thoòng là xã hội xã-hội-chủ-nghĩa.
Tâm trạng những người rời bỏ Việt Nam nhiều năm sau 30 tháng 4/75, dù ra đi bằng máy bay theo diện ODP như gia đình tôi hay vượt biển đầy bất trắc, tử vong và cưỡng hiếp, hay vượt biên đường bộ qua Miên qua Thái dài dằng dặc, khác hẳn tâm trạng của lớp người “di tản 75”. Lớp người di tản này ra đi trong hốt hoảng trước khi Cộng quân tới vì e ngại “Sài Gòn là biển máu”. Họ không sống tới một ngày dưới chế độ mới, không hề nhìn thấy tận mắt nón cối dép râu, chiếc mũ và bộ đồng phục mầu vàng kinh dị của Công an và...
Lớp đi sau như bọn tôi đã ê càng mỗi người một cách bởi Công an các ngành, Uỷ ban nhân dân các cấp và nhiều ban ngành đoàn thể khác, do đó trên người, trong tâm hồn còn mang nhiều vết sẹo không thể nào xoá, quên trong cuộc đời này. Bỏ qua cho nhau thì được vì chiến tranh, cuộc nội chiến ấy, đã qua hơn 30 năm, nhưng bảo rằng quên đi, thì không được đâu. Những vết sẹo lúc bình thường không sao, nhưng những khi trái gió trở trời, như khi trông thấy cờ đỏ sao vàng, hình “bác Hồ”... vẫn cứ đau nhức như thường. Đôi khi ngồi nghĩ vẩn vơ, tôi tự hỏi ông già Hồ Chí Minh có dạy các cán bộ đảng viên khi thắng trận thì chà đạp hạ nhục dân thua trận miền Nam như thế chăng? Dám là có lắm, vì “dẫy núi Trường sơn” ông còn muốn chẻ dọc, đốt luôn nữa là...
Ngay trong thời Cải cách Ruộng Đất trước 1954, khi các bá cáo gửi về nói là đẫm máu vô ích, oan uổng nhiều, tưởng ông già ra lệnh đình chỉ hay sửa đổi, ông già chỉ nói: “Không muốn dội một gáo nước lạnh lên lưng cán bộ...” rồi để mặc mọi sự diễn tiến đến chót. Chỉ sợ cán bộ bị cảm lạnh, không một lời thương xót nhân dân, oan hay không oan mặc kệ. Chẳng trách khi chết bị đàn em đem phơi thây ướp lạnh giữa thành phố đông người, không được chôn cất đàng hoàng ở núi Tam Đảo như lời di chúc. Theo truyền thống Đông phương, chỉ những người phạm tội nặng, về chính trị cũng như hình sự, khi chết mới phải phơi thây giữa chợ, nơi công cộng. Ông già ấy ác ngầm... nhưng thế chưa đủ là tội để không được “mồ yên mả đẹp”. Vậy cứ nói, ca tụng ông là một chính trị gia có tài, đừng nói ông là một người nhân từ, và thương dân Việt Nam không điều kiện. Như vậy, lấy công trừ tội, hãy chấm dứt cảnh bắt ông phơi thây cho người đời tò mò nhìn ngắm, đưa ông về an nghỉ vĩnh viễn nơi mong muốn là núi Tam Đảo. Còn nguyện ước của ông mong mỗi người đến thăm viếng sẽ mang một cây nhỏ trồng lên núi cho núi xanh um lên, là một ý kiến hay, hợp với mọi phong trào ‘xanh’ trên thế giới.
Đến phi cảng, vào trình diện các chức sắc nội địa và đại diện HCR (Cao uỷ Tị nạn của Liên Hiệp quốc), lãnh thẻ nhận diện để cài lên ngực, bọn tôi được ra ngoài lần chót để

đưa thân nhân những gì bị cấm đem theo cùng tiền Việt Nam không dùng tới nữa. Danh sách những gì cấm đem theo ra nước ngoài được lập theo nguyên tắc xoá bỏ chế độ cũ, kỹ đến mức độ những hình ảnh mặc đồ lính của tôi trong các album, đều bị bóc ra vứt lại. Những thư từ hai vợ chồng viết cho nhau trong biết bao năm bị coi là "bản thảo", cấm đem theo, cấm gửi ra nước ngoài, Anh chàng trung uý bộ binh là tôi, trong 12 năm, bị biến mất. Chỉ còn Nguyễn Kim Dũng, chồng của "chị Nguyễn Thuý Sơn", được khoan hồng cho phép đi theo vợ.

Chỉ tôi và đứa con trai lớn đi ra. Con trai ra đưa tiền Việt Nam còn lại cho các bạn và dặn họ, sau khi phi cơ đã cất cánh hẳn hoi và phóng lên trời cao rộng, họ mới được rời phi trường để rồi tối họ sẽ gặp nhau nhậu hậu-tiễn-hành. Phải dặn cẩn thận như thế vì Đảng Cộng Sản nhiều khi đùa giật gân huỷ bỏ chuyến bay, hay khách đã tập họp sắp lên xe chở ra phi cơ, còn bị phóng thanh gọi trở lại trình diện Công an sân bay với "lý do sẽ cho biết sau". Một người bạn Không quân của tôi đã bị gọi lại kiểu này, vài tháng sau mới được ra đi lại. Lý do là anh và gia đình trước kia ở một cư xá không quân trong phi trường. Thấy miền Nam lâm nguy, anh tống hết vợ con lên phi cơ Mỹ bay sang Guam, anh ở lại một mình chiến đấu tiếp (một thái độ đẹp, xứng đáng với tư cách sĩ quan, chứ không cậy "chuồn chuồn có cánh thì bay"). Không quân ngoài Bắc vào tiếp thu toàn thể phi trường, anh bị mời ra ngoài cư xá quân đội, về nhà cha mẹ ở, vì thế hồ sơ xuất ngoại của anh thiếu giấy hiến nhà cho nhà nước. Anh bị gọi trở lại là vì thế. Và khỏi nói anh đã vất vả ghê lắm, mới thuyết phục được ban Nhà Đất là không có nhà để cúng cho Nhà nước cũng... được phép xuất ngoại. Sĩ quan quân đội miền Nam không phải ai cũng sở hữu một căn nhà, và tệ hơn, như trường hợp Thế Uyên, được mẹ cho một căn nhà gỗ mà sau này lại nằm trên phần đất do Công binh chiếm, đã bị binh chủng này tống xuất một cách tàn bạo nhất, nghĩa là phải tự dỡ nhà ra đi, nếu không họ sẽ cho xe ủi đất đến ủi — cái gì chứ bulldozer thì binh chủng này có nhiều nhất... Vì thế, nên nhà văn "có lắm vấn đề" này đã cẩn thận dặn vợ rằng nếu sắp lên thang máy bay mà chồng còn bị gọi lại để làm việc thêm với Công an, thì vợ vẫn phải dẫn đàn con đi Mỹ như thường, chứ đừng ì ra kỳ kèo ăn vạ Đảng. Đi thoát được kẻ nào, hay kẻ đó, và nhớ gửi tiền về ngay, năm đầu mỗi tháng $100 đủ rồi, sang năm thứ hai tăng gấp đôi để tôi có tiền bao "bồ nhí"... Bà vợ tôi cái gì cũng vâng cả, ngoan như một hiền thê bên Tầu thời phong kiến, nhưng cái khoản tăng gấp đôi ấy, bả nhất định không chịu...

Khi ra đến phi đạo, xếp hàng lên thang máy bay Air France, hai đứa con út của bọn tôi, gọn ghẽ trong áo gió mới tinh và giày Bala (tôi viết Bala là đúng, Bata bị diệt rồi), vui quá, la lên: "Thế là sau cùng mình cũng được chui vào nó đấy nhé..." Hai đứa nhỏ bỏ xếp hàng lao lên thang, tiếng chân bịch bịch nghe thật êm đềm như một lời khen tôi đã chu toàn bổn phận làm cha làm chồng, nghĩa là mang được vợ con ra khỏi được chế độ xã hội chủ nghĩa. Còn thân tôi thế nào cũng được. Ai bảo chiến đấu dở ẹc, làm thân chiến bại... kêu ca nhiều thì hơi "quê độ". Vèo một cái hai đứa đã lên tới đầu thang có hai cô hotesse de l'air xinh xắn trong đồng phục Air France đẹp 'như một giấc mơ xưa' giơ tay đón, hai đứa nhẩy thẳng vào phi cơ và biến mất, cho tới khi phi cơ bình phi trực chỉ Bangkok, tôi lang thang phần đuôi phi cơ mới kiếm ra chúng. Khi bước vào lòng tàu, một cô tiếp viên ra hiệu cho vợ tôi đi về bên phải, và tôi đi về phía trái. Tôi muốn nói tôi là chồng muốn ngồi cạnh và cầm tay vợ khi phi cơ ra khỏi quê hương, nhưng tiếng Pháp tiếng Anh đâu mất rồi, đành ú ớ kiếm một ghế trống dẫy phải, cạnh một cô gái xa lạ. Tôi giơ tay trái cầm tay phải của mình, không lẽ cầm tay cô hàng xóm! Khi phi công trưởng loan báo vừa rời không phận Việt Nam, tôi thở ra đến 'phào' một cái, nghĩ: Thế là thoát! Kể từ nay tôi có thể bắt đầu sống lại, sống thực cuộc đời mình... Khỏi sợ một ông Công an áo vàng đeo sa-cốt nào, khỏi phải cười với mọi cán bộ đến méo miệng để cầu an.

Khi đến phi trường Bangkok, trời đã về chiều, bọn tôi bây giờ chính thức được gọi là refugee, được đưa đến cuối phi đạo làm thủ tục tạm trú lâu ơi là lâu, nhưng cũng may

được xứ Thái chiêu đãi một hộp cơm Thái, dĩ nhiên ngon lành rồi. Và được hướng dẫn bởi một cô gái Thái gốc Việt nói giọng Bắc kỳ cũ, nghe dễ chịu cho tai. Rồi sau cùng bọn tôi cũng được lên xe về Trung tâm Tạm trú Suan Flu khi trời đã tối. Vợ chồng tôi nhìn ra ngoài, xa lộ ở đây để đèn vàng khó chịu và xe cộ chạy kiểu Anh bên trái. Về đến Trung tâm Tạm trú được ngồi nghe nội qui, phân phối phòng và chiếu để nằm. Tôi mệt đến độ chỉ nhận được sơ qua nơi đây là một toà nhà bốn tầng và gia đình tôi chung phòng với một gia đình người Hoa gồm một ông già và hai cô gái lớn. Trải chiếu xong là tôi nằm lăn ra ngủ, loáng thoáng nghe tiếng bà vợ tôi bảo một đứa con tắt đèn và tiếng một cô gái Hoa: Ấy đừng tắt. Tôi đi vào giấc ngủ dưới ánh đèn sáng vì đêm cuối cùng ở Sài Gòn tôi đã thức suốt đến sáng.
Sáng hôm sau, tôi thức dậy trong ánh nắng vàng Thái Lan và một cảm tưởng khinh khoáng nhẹ nhàng. Tôi đã xuất ngoại nhiều lần, nhưng đây là lần đầu tiên tôi có cảm tưởng đó. Và xứ Thái Lan tôi đã từng ghé, đã phơi đầu trần dưới thứ nắng này, sao lần này thấy khác. Hai vợ chồng cùng các con xuống quán ăn dã chiến dưới chân cầu thang, gọi mỗi người một tô mì. Quán do vợ một nhân viên phục vụ tại trung tâm mở và bà này chỉ biết có tiếng Thái, dù phải giao dịch nhiều với người Việt. Ngoài bán hàng ăn bà còn giữ việc đổi những nhẫn vàng người tị nạn mang theo lấy tiền Thái theo một hối suất không giống ai, để lấy tiền ăn sáng và tiêu vặt. Bà vợ tôi cũng đổi nhẫn vàng hai chỉ mang theo như mọi người (tôi sẽ cắt nghĩa tại sao đã sống 12 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, bà vợ tôi còn vàng đem theo), cũng giao dịch với bà chủ quán bằng ngôn ngữ quốc tế, nghĩa là bằng tay. Bọn tôi đặt tên cho bà là Mế Mê, vì trong tràng ngôn ngữ bà tuôn ra hàng ngày, bọn tôi chỉ nghe rõ hai từ “mế mê” (bạn nào giỏi tiếng Thái xin cho biết hai chữ ấy nghĩa là gì).
Ăn sáng xong tôi gọi một ly cà-phê và một bao thuốc lá Sammit, vừa uống vừa nhìn làn khói thuốc cầm ở tay cuồn cuộn bay lên, mầu xanh xám trong nắng vàng tươi, cảm thấy sung sướng, vô cùng sung sướng.

Trung tâm Tạm trú Suan Flu

“Suan Flu chốn đó vui thay
Sáng thì canh cải, tối thì cải canh.”

Suan Flu là tên gọi trung tâm tạm trú dành cho người tị nạn Việt Nam ở Bangkok, đi chính thức từ Sài Gòn bay qua, hay đi chui thuỷ bộ nhưng đã được Mỹ sơ khởi chấp nhận. Building này có bốn tầng, tầng trên cùng dành cho những người đã được thanh lọc từ các trại tị nạn khắp nước Thái Lan. Họ được đưa về đây để đợi phái đoàn Mỹ lo việc định cư đến phỏng vấn lần nữa trước khi cho sang trại Bataan học. Học Anh văn và được hướng dẫn văn hoá xã hội, cùng phỏng vấn nghề nghiệp... trong 6 tháng, để khi tới Mỹ, đỡ bỡ ngỡ, lúng túng, va chạm vô ích. (thí dụ: tôi đã thấy một ông refugee quẳng ly cà phê uống dở vào thùng đề rõ “Donation”; hay một nhóm người mới tới Mỹ *được* hướng dẫn cách đi chợ, nhưng lúc ra, người nào cũng lén bỏ túi một hai món đồ mình thích). Không biết tại sao những người đã được thanh lọc lại bị nhốt như tù trên tầng bốn, ngay việc đi đổ rác cũng phải đi hai người, có một lính gác cầm gậy đi theo. Được về tới đây là có phước, ai trốn làm gì, mà trốn đi đâu nữa bây giờ? Vậy mà cảnh sát Thái cứ hầm hè như nhiều vệ binh trại cải tạo ở Việt Nam. Thái độ ác cảm thường trực của người Thái đối với người Việt có lẽ bắt nguồn từ nhiều cuộc thất trận trước quân Việt những thế kỷ trước.
Tôi ngẫm nghĩ về sự béo mập của những cảnh sát Thái đang canh giữ Trung tâm, mập như đa số cảnh sát Mỹ hiện nay, và tôi tự hỏi với một nụ cười mỉa mai trong im lặng:

nếu quân lực Thái thời xưa cũng mập phì như vậy (vì ăn nhiều cơm quá, xứ Thái sản xuất gạo vào hàng đầu thế giới), thì đương đầu gì nổi với quân lực Việt ngàn đời ăn đói ốm nhom ốm nhách, cử động lanh lẹ. Thua là phải quá rồi, mà không chịu trách mình, lại dồn căm thù vào những người Việt thất thế miền Nam hậu sinh. (Gần đây tôi có nhiều dịp phải coi nhiều hình chụp những người lính Việt Nam Cộng Hoà đang chiến đấu trước 75, tôi chợt nhận ra sao họ gầy như vậy, và bản thân tôi khi còn đứng trong hàng ngũ họ, tôi thường gầy hơn nữa. Đến độ khi bạn bè Sài Gòn hỏi tại sao đánh nhau ban ngày chưa đủ còn đánh đêm tưng bừng, lính bị chết bị thương lả tả... như lá mùa thu, mà tại sao tôi không hề hấn gì, tôi thường trả lời đùa bỡn rằng tôi ngực siêu-omega, khi tiến lại đi nghiêng, đạn véo đằng trước vèo đằng sau... Không trúng dài dài...
Phía nữ Thái xuất hiện tại Suan Flu, ngoại hình nói chung không hơn gì bà "Mế Mê" bán quán dưới chân cầu thang. Dĩ nhiên cũng có ngoại lệ, ngoại lệ duy nhất, là cô gái ngồi sau guichet khu ngoài, phải khi nào được dẫn ra khỏi cổng toà nhà chính, dân tị nạn mới có dịp thưởng thức nhan sắc cô. Thường thì lúc nào cũng có một thùng nước lèo hết phiên trực lởn vởn tán gẫu trước guichet người đẹp. Chắc về sau cô cũng đi lấy chồng, chồng bên ngoài, không có thùng nước lèo chán phèo về nhiều phương diện, mỹ thuật cũng như tình dục.
Phòng ăn là một sân lớn ở giữa, trên lợp lều bạt, đám người tị nạn ngồi trên ghế hai bên bàn dài, cứ việc ngồi đủ một mâm là có người mang cơm lại. Cơm trắng dư ăn. Ở Việt Nam vào lúc đó, 1986, ít khi được ăn cơm trắng, thường chỉ được ăn cơm nâu trộn bột sắn khô, hoặc cơm độn 72% các thứ khoai có tên như bo bo, khoai sọ, mì, và vài thứ không có tên. Cán bộ ngoài Bắc vào, thấy các cụ già miền Nam nhàn nhã quá, cứ lê la gặp nhau tán dóc chê bai Đảng, liền chỉ thị cho ban lương thực trộn một tỉ lệ đá sạn vào gạo khẩu phần của nhân dân. Có một thời kỳ, các gia đình Sài Gòn phải huy động người già còm cõi lên kính ngồi nhặt sạn trước khi nấu cơm sáng cũng như chiều, trong đó có cả tôi. Dân kêu ghê quá thì cán bộ bảo tại nông dân trộn sạn vào thóc nạp thuế cho nặng ký thêm. Nạn trộn sạn vào gạo rồi cũng sớm chấm dứt, không phải vì tiếng dân kêu, mà vì Đảng khám phá những cái đầu bạc miền Nam chúi vào nhau nhặt sạn, lại nói xấu "Đảng quang vinh" nhiều hơn.
Không phải Việt Nam không sản xuất đủ gạo ăn mà tại chính sách của các đảng Cộng Sản là khéo léo điều khiển nông nghiệp làm sao bao giờ cũng *không đủ* gạo ăn, nếu giả thử có nơi nào thặng dư thì phải tìm cách huỷ đi, thí dụ bằng cách giả vờ bỏ quên ngoài mưa cả số thóc dân mới nộp cho huyện, hay chở thóc gạo bằng xà-lan lộ thiên ra Bắc nhưng không cấp bạt cho thuyền trưởng. Mưa và mưa cứ thế thấm vào gạo, xà-lan nặng chìm dần. Thuỷ thủ đoàn, thuyền trưởng đã chuẩn bị sẵn phao thuyền để bì bõm bơi vào bờ an toàn, và chờ đợi cấp trên khen thưởng một cách kín đáo. Theo tiêu chuẩn công bố công khai trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*, một đảng viên giỏi là kẻ đã thi hành đạt chỉ tiêu Đảng trao, chứ không phải là kẻ thương dân, làm được những điều ích quốc lợi dân – quan niệm này được coi như... xưa rồi, tàn dư của tiểu tư sản. Chúng ta nên nhớ những cố vấn ngoại quốc đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam không hẳn chỉ là Trung quốc mà còn là những sĩ quan Nhật không muốn đầu hàng, nộp kiếm truyền thống samourai cho "Đồng minh" lúc đó là quân của tướng Lư Hán miền nam Trung Hoa, nổi tiếng như trong lời nhại quốc ca Việt Nam lúc đó, như sau: *Đoàn quân tàu ô đi, sao mà ốm thế, bước chân phù lang thang trên đường Việt Nam*. Chính các sĩ quan Nhật này đã chỉ cho Đảng cẩm nang trị nông dân của dòng chúa Đức Xuyên ở Nhật Bản: "Đừng để họ no quá, nhiều đòi hỏi. Đừng để họ đói quá, không còn sức sản xuất..."
Ở Suan Flu, cơm thì dư ăn như thế nhưng về thức ăn thì sáng, chiều chỉ có một thứ là canh rau cải. Bà con đi trước đã tức cảnh làm ra hai câu thơ, trịnh trọng biên lên vách tường phòng tôi: *Suan Flu chốn đó vui thay, Sáng thì canh cải, chiều thì cải canh...* Bình thường canh rau cải có bột ngọt đầy đủ, là ăn được rồi, nhưng ngày nào cũng thế, dễ chán. Và đây là lúc bà con mang những nhẫn vàng được phép đem theo, đổi cho bà Mế

Mê lấy tiền Thái gửi mua thêm thức ăn kèm với canh cải. Vợ tôi cũng mang chiếc nhẫn vàng còn lại ra đổi... Nàng lấy đâu ra vàng vậy? Trong khi tài chính gia đình đã cạn kiệt từ lâu, đã có những hôm tôi đi mượn (hay xin khéo) một vài ký gạo của bạn bè (khỏi nói cũng biết chuyện này không vui gì, và tôi giận những kẻ miền bắc đã đưa tôi đến cảnh này). Có lần cô cháu bên hàng xóm thấy quá bữa rồi mà bếp núc lạnh tanh, lén bố mẹ mang gao củi sang cho... Không thì cả nhà nhà văn Thế Uyên nhịn đói. Đúng như ước muốn của Phạm Văn Đồng là "san bằng cách biệt giữa hai miền" (trích diễn văn ngay sau tháng 4, 1975), nhà văn trí thức miền Nam cũng phải ăn đói ăn độn, như nhà văn của quần chúng miền Bắc (chỉ những nhà văn "công huân" là được, thỉnh thoảng, no hơn chút đỉnh). Trong hoàn cảnh như thế tôi lại bị sưng môt cái ung trong hàm, phải mổ thôi. Nha sĩ và bệnh viện không thiếu, chỉ thiếu trụ sinh thôi. Xin ai bây giờ trong khi cả miền Nam bị phe chiến thắng hành xác, hành hạ... Các cụ xưa bảo "bất bình tắc minh", tôi bèn than thở tứ tung cho... đỡ đau. Tôi viết thư cho con gái đầu lòng của Doãn Quốc Sĩ mới vượt biển thành công sang Úc, than thở chuyện đau (đau thật) không thuốc trụ sinh để giải phẫu này. Than để mà than thôi, chứ cô cháu xinh xắn dễ thương này bận lấy chồng đẻ con, giúp gì nổi ông chú già ở tit miền biển gần xích đạo. Nhưng vụ than thở này có những hậu quả bất ngờ. Nhà văn Nguyễn Văn Trung nghe tin, đi xin trụ sinh hộ tôi, nhưng trong hoàn cảnh bế quan toả cảng ngăn sông cấm chợ lúc đó, việc đó gần như không thể được. Nhưng cũng có "giải an ủi" là một lô trụ sinh quá date. Vợ tôi đưa cho nha sĩ hỏi còn dùng được không, câu trả lời là không, hoạ chăng là cho trâu bò heo "lục súc tranh công"... Lối trả lời như đùa này gợi ý cho vợ tôi, bảo cứ xin anh Trung số thuốc quá hạn đó, để nàng mang đi hỏi mấy ông lang heo, lang trâu... xem sao. Mấy ông trả giá rẻ mạt, vợ tôi vẫn bán liền lấy tiền mua gạo nấu cơm cho mấy bố con — tôi vừa đau hàm, vừa đói bụng. Đỡ được phần nào hay phần đó.

Nhưng đói thì còn "khắc phục" được, chứ bệnh do nhiễm trùng thì... chịu khó uống xuyên tâm liên, một cây dại hay cây thuốc được cán bộ y dược miền bắc quảng bá là có giá trị ngang với trụ sinh. Tôi không uống dù biết chắc là vô hại. Cán bộ y tế trong quân đội chính qui miền Bắc cũng biết thế nhưng vẫn đề cao xuyên tâm liên, chẳng qua là để có một vị thuốc vô hại để nâng cao tinh thần bệnh nhân. Đôi khi bệnh nhân tinh thấn cao, có thể động viên cơ thể chống lại bệnh và khỏi. Lấy thí dụ ngay như tôi hồi trẻ bị bệnh lao, nhưng bị ném vào trường bộ binh Thủ Đức, cơ thể vùng lên một cách bí mật, tôi khỏi mà không biết. Bác sĩ Quân Y về sau chụp X-ray, mới phát hiện vết calci khá lớn, bèn tuyên bố tôi không đủ sức khoẻ cầm lái xe jeep,... (tôi sẽ kể thêm chuyện này ở đoạn sau).

Nói về Đông y, tôi có nhiều kinh nghiệm tốt. Một lần khi còn ở cạnh hồ Tây, đầu gối tôi bỗng dưng sưng to dần. Chẳng biết nghe ai cố vấn, bố tôi không mang con tới bệnh viện, mà khăn gói ba ngày đường, băng qua sông Hồng đón một ông lang nổi tiếng về loại bệnh này. Ông lang chẩn mạch và nói lung tung tôi không nhớ được, nhưng về bốc thuốc thì tôi nhớ được một vị độc đáo: một con quạ đen còn sống. Quạ, thì dễ thôi vì trên đê có một cây gạo cổ thụ hoa đỏ rực quyến rũ loài quạ, bố tôi chỉ chi ra một khoản nhỏ là trẻ con ven đê bẫy ngay cho một con sống nhăn. Ông lang xắn tay bào chế thuốc ngay tại nhà, tôi lánh mặt không coi: theo quan điểm trẻ con loại nhạy cảm, là tôi, thì hay ho gì cảnh giã nát một con quạ trộn lung tung với các vị thuốc Nam thuốc Băc, thành một thứ bột đen đem bó chung quanh đầu gối tôi. Ông thầy tuyên bố độ ba ngày thì khỏi. Và ông sẽ ở lại thêm ba ngày đó. Không biết ông có nghiện không nhưng suốt ngày nằm cạnh bàn đèn, chuyện gẫu cùng bố tôi. Và hết ba ngày thì chân tôi khỏi, đầu gối tôi trở lại bình thường. Ông lang khăn gói trở về một nơi nào đó bên kia sông Hồng. Bây giờ thì tôi đau hàm, nhưng bố tôi đâu còn. Nhưng cái tin tôi đau không thuốc chữa đã loan ra bằng hữu xa gần, một ông bạn cũ bao nhiêu năm không gặp, kiếm tôi bảo: "Anh lại vợ tôi châm cứu cho là xong." Từ sau 75, bà này đã bỏ nghề cũ (có cử nhân kinh tế ngân hàng), chỉ nghiên cứu về châm cứu và bây giờ đã nổi tiếng là một bà thầy

chuyên cứu nhân độ thế trong vùng. Tôi cũng đọc khá nhiêu, vì tò mò là chính, về bộ môn châm cứu, và biết trường Đại học Bắc kinh đã chính thức giảng dạy bộ môn này. Một tạp chí ỏ Pháp đã chụp được hệ thống kinh mạch của con người cùng các huyệt đạo chính. Vậy thì ta đi chữa bệnh bắng châm cứu thôi...
Bà thầy bạn cũ này thuộc trường phái mộc châm, trông đỡ ghê rợn hơn châm cứu kim loại (bệnh viện đông y hiện nay ở Hà Nội thuộc loại này). Bà chỉ dùng một tăm gỗ để xỉa răng thông thường, còn dò tìm huyệt đạo bằng ngón tay, thời gian ấn kim trên huyệt, dùng hoả để "tả" thêm, cũng như châm cứu bình thường. Bà có chỉ dẫn tôi cách dò huyệt đạo, "nghe" thấy huyệt đạo, nhưng da đầu ngón tay của tôi như điếc luôn. Bà giao hẹn với tôi vài điều trong thời gian điều trị, như ăn nhiều canh bí đỏ và quan trọng nhất là không được xuất tinh. Phải "bế tinh", như đòi hỏi của Hải Thượng Lãn Ông, ông lang hay đông y sĩ nổi tiếng bậc nhất của Việt Nam thời xưa vậy. Khoản này thì tôi chê, nhưng làm thế nào được. Cuộc đời tôi sau khi đi cải tạo về còn gì nữa đâu, chế độ xã hội chủ nghĩa tước đoạt đến cả quyền gia trưởng của người đàn ông: tôi với vợ là đồng-gia-trưởng, thôi cũng được đi, vì đôi khi tôi còn theo đạo "thờ bà"! ("*nhất vợ nhì trời thứ ba mới đến tổng thống Việt Nam Cộng Hoà"*), nhưng tên vợ tôi là Thuý Sơn, không phải là lý do bà con cô bác địa phương gọi tôi là "anh Sơn" luôn cho tiện...
Trong mọi hoàn cảnh cùng cực, libido của đàn ông vẫn tồn tại, đôi khi làm "thằng nhỏ" ngóc đầu dậy, nhắc nhở "đòi quyền sống" (nhà văn Võ Phiến không đồng ý với nhận xét này, cho rằng thằng lớn buồn thì thằng nhỏ xuội lơ luôn). Nay phải ngủ chung với vợ như ngủ với em gái, thì buồn quá đi, nhưng cũng đành thôi. Mới được hai đêm thì có tiếng thủ thỉ (không phải tiếng vợ tôi): chỉ phải bế tinh thôi, còn các mục khác tự do. Hai bàn tay tôi phiêu du trên thân thể vợ hơi lâu, làm nàng không thể ngủ được, và đương nhiên tôi cũng vậy. Sau cùng, tôi quyết định làm tình nhưng không xuất tinh. Bà vợ cưng có vẻ thích kiểu này vì sau vài lần rút ra để tránh xuất tinh, rồi tái nhập đúng lúc, không cần cử động, cũng đủ đưa bà đến orgasm. Chỉ phiền lúc đó là tôi phải gồng tối đa, nghĩ đủ các thứ chuyện khác, như tưởng tượng mình là Trần Bình Trọng đang tử thủ giữ thành Thăng Long hay Đề Thám đang nằm cạnh đống lửa trong rừng già, để khỏi xuất tinh. Sau đó hai vợ chồng nói chuyện vẩn vơ, chờ đợi cơn ngủ tới dễ dàng (cho vợ tôi). Còn tôi thấy từ từ thân thể thư giãn, dễ chịu hơn là kiêng khem tuyệt đối.
Nếu nhớ không sai, kiểu làm tình bế tinh này, với đều đặn 99 cái vào sâu xen kẽ 99 vào nông, theo một ông ngự y hoàng gia khá nổi tiếng thời xưa, là không mất sức mình, lại còn hấp thụ được sinh khí của người nữ để tăng tuổi thọ... Nhưng sức người có hạn, khi bình tinh khí đã quá đầy (khi ngủ có thể mộng tinh) thì có lần tôi định rút ra đúng lúc cơn sướng của nàng bắt đầu, hai đứa lâm vào tình trạng như hai câu thơ cổ đã miêu tả: *Thuỷ hoả tương giao sôi sùng sục, Âm dương nhị khí sướng làm sao...* Tôi sướng cứng đơ người ôm nàng và nàng ôm tôi thật chặt cho đến khi tôi xuất hết tinh. Sáng hôm sau, như thường lệ, tôi đến bà thầy lo châm cứu. Vừa bắt mạch, bà đã lộ vẻ sững sờ, như vừa biết tin kẻ trộm mới lấy hết tiền bạc: "Đêm qua anh mới xuất tinh phải không?", tôi gật đầu, bà than thở là đang dùng châm cứu dồn nội lực của tôi vào huyệt (tên khó nhớ)... để sử dụng vào sáng hôm nay tấn công dứt điểm vết ung ở hàm, tôi lại phung phí vào chỗ không đâu!. Bà giảng cho tôi hiểu (dĩ nhiên tôi không hiểu nổi, trừ phi mang cuốn *Đạo đức kinh* ra đọc lại!) bằng nhiều từ chuyên môn y-triết Trung Hoa. Tôi chỉ gật gật cái đầu và bỗng dưng có một câu làm tôi chú ý: "Chị ở nhà đang không khoẻ đâu. Hôm nào anh đưa chị lại đây tôi coi." Khi kể lại lời mời, bà vợ tôi lè lưỡi phản đối: "Em chẳng dại. Nhỡ bà ấy châm vào huyệt nào đó làm em lãnh cảm luôn... thì sao!"
Dĩ nhiên rồi tôi khỏi bệnh hoàn toàn nhờ mộc châm, không một tí trụ sinh nào. Và bà vợ tôi cũng chỉ tới nhà " bà thầy" hôm ăn cưới một đứa con gài bà (mặc dù hai người đã từng là bạn, bạn không thân, từ trước 1975).

Trở lại Suan Flu

Dù mọi chi phí di chuyển và ẩm thực tại đây là do quĩ của UNHCR (Cao uỷ Tị nạn Liên Hiệp quốc) không dồi dào (vì phải lo cho những người tị nạn khác khắp thế giới), nhưng đến những ngày đặc biệt như Christmas, ngoài canh cải cải canh, cũng thêm cho mỗi người một phần thịt gà khá hậu hĩnh. Ngoài những người Thái phục vụ thường xuyên ở nhà ăn, hôm nay xuất hiện các cô cậu thiện nguyện nhiều quốc tịch, nhiều nhất là Mỹ và Mỹ gốc Việt, đi đi lại lại kiểm xem mỗi tị nạn đều có phần thịt gà đầy đủ chưa. Đề phòng dân nấu bép Thái cho tị nạn Việt thưởng thức món gà cổ dài ba tấc cánh dài ba tấc luôn của nhà bếp trường Võ bị Thủ Đức năm xưa (nước nào nghèo đêu ăn bớt ăn xén). Chính các cô cậu thiện nguyện ấy phụ trách vấn đề giải trí của Trung Tâm, như đàn hát, chiếu phim... (sau 12 năm, tôi mới được coi phim Tây phương, như *Star Wars*).
Mỗi người tị nạn trên nguyên tắc chỉ tạm trú ở đây ba đến năm hôm để Toà Đại sứ Mỹ lập hồ sơ cho đi Mỹ, sang đến phi trường là trao cho người bảo lãnh lo tiếp mọi chuyện và dĩ nhiên phải chi tiền từ vé máy bay đến khám sức khoẻ ở Mỹ, khá tốn kém. Gia đình tôi được toà Đại sứ cho xếp diện tị nạn chính trị vì trước kia tôi là một trung uý bộ binh, sau tháng 4/75 bị đi cải tạo tập trung trên rừng núi, nên bây giờ được xếp loại tị nạn (refugee). Chúng tôi sẽ được gửi sang trại Bataan ở Phi-luật-tân 6 tháng, để học Anh văn thực dụng, hội nhập sơ khởi và hướng nghiệp. Nghĩa là mới tới ngưỡng cửa "thiên đường" mong chờ. Sáu tháng đâu có là bao, nhưng với lũ chúng tôi, những kẻ trốn tránh "thiên đường mù", phải chờ đợi thêm sáu tháng cũng sốt ruột lắm lắm. Sang trại ở Phi ở chung với số đông tị nạn boat people và một số ít foot people (đi bộ qua Cao Mên tới Thái Lan), bọn tôi rời khỏi Việt Nam với tư cách ODP đoàn tụ gia đình, nhưng rồi sẽ rời đất Thái với tư cách mới: tị nạn (refugee), đến Mỹ phải lo trả dần tiền vé máy bay, nhưng được hưởng trợ cấp tị nan, học bổng đại học... nhiều đến nỗi các bạn Mỹ học cùng lớp thường bảo: "Tụi tao không hiểu sao chúng mày có thể sống và theo học với số tiền ít ỏi như vậy!" Bọn tôi, người trong cuộc, hiểu được chứ: khoảng 1 giờ trưa, sinh viên được về, thì bọn tôi phải ở lại làm workstudy trong trường, đủ mọi việc tuỳ khả năng. Nhưng đâu đã đủ, các con phải chia nhau đi làm thêm bên ngoài: cậu tư đi làm cho Jack in the Box đến 1 giờ đêm mới về, trao cái xe tàng cho ông anh đi làm UPS đến sáng... Đại khái như vậy trong 5 năm, cho tới khi cả nhà (trừ cậu hai bị đau dài hạn) tốt nghiệp với BA, hay BS (bà vợ tôi tốt nghiệp BA cùng đứa con thứ ba)... Cả nhà có thể gọi là sĩ tử khoa bảng, nhưng chỉ cậu cả về sau lấy được Ph.D., cậu út lấy bằng kiến trúc sư.
Bốn chữ "có thể gọi là" ở câu chót đoạn trên là do tôi thêm vào khi edit bài văn, vì nhớ lại giai thoại có thật khi mới sang Mỹ: "*Anh không phải là sĩ*...". Lúc đó tôi mới viết đoản văn nhan đề "Kẻ sĩ và thiền sư" để bênh vực thượng toạ Thích Đức Nhuận, chánh thư ký Viện Tăng Thống ở Sài Gòn, vừa bị chính quyền Cộng Sản Việt Nam xử 15 tù vì một tội bá vơ nào đó. Một ông chủ tịch hội đoàn hay đảng phái nào đó ở Houston gọi điện thoại đàn hặc tôi vì dám nhận mình là "kẻ sĩ". Đang khi vui tính, tôi cãi chầy cãi cối, như sau:
— Tôi là văn sĩ đã có nhiều tác phẩm được xuất bản, vậy tôi là kẻ sĩ được chứ ?
— Không được.
— Tôi đã cắp sách đi học Đại học Văn khoa Sài gỏn, và hiện nay học đại học Mỹ, vậy tôi là sĩ, sĩ tử được chứ? Nghe nói hồi đó Doãn Quốc Sĩ đã đề trên danh thiếp là Văn khoa Đại học sĩ...
— Không được. Hồi đó khác.
— Tôi đã là một *sĩ* quan, trước đó là sinh viên sĩ quan, vậy là sĩ phải thôi.
— Không được.
— Hồi ở trong nước, tôi được coi như thành phần "sĩ phu Nam hà" mà!
— Cái đó xưa rồi.

Tôi tò mò hỏi người đối thoại: “Vậy thế nào mới được là “kẻ sĩ” ở Mỹ? “ Câu trả lời thật dứt khoát, chắc như đinh đóng cột: “Phải được các hội đoàn chúng tôi công nhận...”. Tôi bật cười, và khi nói được, thì bên kia đã cúp điện thoại.

*

Về nhà ở, người bảo trợ sẽ thuê giùm rồi người tị nạn trả sau, ăn uống tự túc và tuỳ hỉ (tiền trợ cấp cho phép muốn ăn bao nhiêu tuỳ ý — một yếu tố của thiên đường). Về y phục chăn mền, cứ áo nhà thờ, quần chùa, áo lạnh bạn bè, mặc vài năm chưa hết, ra đường khó kiếm dược người mặc quần áo rách vá, ngay những ông bà homeless chỉ ăn mặc lôi thôi dơ dáy chứ không rách vá (không phải lo chuyện áo quần — thêm một yếu tố hơn thiên đường thiên chúa giáo nơi các thiên thần toàn đồng phục áo trắng cánh trắng)... Về đồ đạc, người bảo trợ và bạn bè cho những thứ căn bản không đồng bộ, thí dụ nhà 7 người thì 4 kiểu ghế, 8 kiểu ly tách thìa muỗng... Nhưng những điều đó không ảnh hưởng gì đến niềm vui được sống ở Mỹ, ra đường không phải chào, không phải cười cầu tài với các chức sắc cộng sản đến méo cả miệng, đêm nằm ngủ yên giấc không lo công an đến đấm cửa vào xét hộ khẩu, đi từ nhà trên nhà dưới tới buồng tắm cầu tiêu. Thời đó ở Việt Nam, nhà vắng một người thì “giấy tạm vắng đâu, cho coi”, dư một người còn rắc rối hơn: chủ hộ và người đó phải theo Công An lên trụ sở, nếu cắt nghĩa suôn sẻ cũng phải ngồi ghế dài đợi sáng. (Những người ở Việt Nam, nhất là lớp trẻ, sẽ cãi những điều tôi kể “xưa rồi Diễm, bây giờ đã *đổi mới* rồi”. Tôi đồng ý trên nguyên tắc kể từ khi có Đổi Mới, Công An mỗi ngày một tử tế hơn với dân, nhưng cái khoản “kiểm tra hộ khẩu”, vẫn giữ nguyên thê thức cũ. Tôi cam đoan là vậy vì trong lần về chót, thuê nhà — giá Việt kiều không-yêu-nước — ở cư xá Lữ Gia, một giờ đêm chúng tôi bị công an đập cửa vào kiểm tra hộ khẩu, y hệt “ngày xưa Hoàng thị”...)

Đêm Noel Suan Flu

Chính vì được đổi diện từ “ODP đoàn tụ gia đình” sang diện tị nạn nên gia đình tôi chưa có tên trên danh sách bay đi Mỹ mấy ngày liền. Đến khi có, thì đụng kỳ nghỉ Christmas thường niên, nhân viên hữu trách tạm nghỉ, nên gia đình tôi phải ở lại Suan Flu bấy giờ khá vắng vẻ. Gia đình ba bố con Việt gốc Hoa thì đã bay đi Boston. Trước khi đi, cô út trịnh trọng tặng cậu Ba nhà tôi chiếc đèn pin mới tinh, chưa có dịp dùng tới, vì toà nhà lúc nào cũng có điện sáng choang. Cậu Ba không phải là đứa đẹp trai nhất, nhưng mấy ông thầy tử vi đều bảo nó có số đào hoa chiếu ngay đỉnh đầu, nên thường được con gái chiếu cố ở bất cứ đâu. Có khi dưới hình thức bất ngờ, như mới cắp sách đến trường thì đã được ăn đùi gà! (Tôi lại dùng chữ theo thói quen, chứ đúng ra đi học ở Mỹ không thể “cắp sách” như ở Việt Nam vì phải mang tất cả sách giáo khoa các môn học hôm đó theo, toàn sách in to tướng nên phải dùng một túi đeo lưng.) Cậu Ba nhà tôi mang túi đeo lưng, tiện thể, nhét luôn hộp đồ ăn trưa vào trong đó, cho nên mới có chuyện cô bạn học người Nhật xinh đẹp một hôm, tưởng cậu Ba nhịn đói, mới gọi cậu Ba lại gần, giúi cho một cái gì, trước khi biến mất. Cậu Ba mang lại đưa tôi coi: một đùi gà chiên thơm lừng, và hỏi: “Làm gì bây giờ hở bố?” Tôi phì cười nói:”Ăn chứ còn gì nữa. Đồ gái đẹp cho quí lắm...” Nếu cô gái này là người Việt hay Mỹ, có thể đoán được động lực tặng vật “đùi gà”, nhưng là gái Nhật, khó đoán lắm.

Tôi đã được gọi ra ngoài toà nhà chính để khám phổi lần thứ hai và lần này chụp phim từ sau lưng ra phía trước. Thế là có chuyện rồi. Bác sĩ chỉ cho vết calci của bệnh lao thời kỳ đi lính trước đây để lại, di tích bệnh lao không có khả năng lây bệnh, nhưng sẽ không ổn với nền y khoa Mỹ sau này. Sau này có độc giả nêu thắc mắc: Chắc trong quá khứ có xẩy ra một sự kiện nào đó nên Thế Uyên hay chua chát mỗi khi nhắc tới Quân đội.... “Sự kiện nào đó” thì hơi nhiều: đầu tiên hiển nhiên là bị lao như tôi, hội đồng y khoa Nha Trang phải cho miễn dịch, cho nhập một viện bài lao nào đó, mới hợp lý.

Đằng này lại thảy tôi vào trường Võ bị Thủ Đức, mệt lắc lư mới qua được giai đoạn 1, rồi qua ngành bộ binh giai đoạn 2, lắm khi mệt tì nòng súng ngủ đứng, đủ 10 tháng ra trường, thành chuẩn uý bộ binh. Từ đó, trong hai năm, được/bị trao đủ các nhiệm vụ: trưởng phòng vệ kho đạn, kho xăng tiền tuyến ở vùng đồi cỏ Pleiku, bảo tiêu các đoàn xe có hơi nhiều lần mang xác lính quấn trong poncho về (tương đương với "sa trường da ngựa bọc thây"), đi mở đường, đào mìn... làm bộ binh tùng thiết, phục kich và tổ báo động (khi bị mìn, có binh sĩ bị văng mất đầu và mất... vân vân). Không hề được may mắn 8 năm ở lính không phải bắn một phát súng, như một nhà thơ của nhóm văn nghệ viễn mơ Sáng Tạo chịu ảnh hưởng Pháp, đã kể.
Sau này, khi đi khám sức khoẻ lấy bằng lái xe, không phải xe tăng M.41 hay GMC mà là xe jeep, thứ xe nhẹ nhàng nhất của quân đội, ở Pleiku, tôi đã bị từ chối vì phổi có một vết calci hơi to. Vị bác sĩ khám tôi cho biết theo luật lệ quân y hiện hành, thứ sức khoẻ như tôi, thì chỉ "apt" chân xua gà cho vợ, thay tã cho con... Tôi hơi cáu, chỉ qua cửa sổ chi đoàn thiết giáp đang đóng bảo vệ Quân đoàn, nói: "Ngoài việc đương nhiên là bộ binh, tôi còn được phép chọn binh chủng thiết giáp, lái M.113, M.21 còn được, nữa là xe jeep.. Nay đột nhiên cho rằng tôi không đủ sức khoẻ lái xe jeep, nếu thế bắt tôi nhập ngũ làm gì?" Viên trung uý y sĩ cũng khẳng định lập trường của quân y thời chiến: "Nếu cho những người sức khoẻ như anh được lái jeep thì cấp trên cho rằng tôi không đáng làm y sĩ quân y!" Mỗi bên giữ vững lập trường, coi bộ không ổn. Nhất là cấp bậc hai bên chênh lệch, viên trung uý quân y dịu giọng hơn, vì tôi đang là một thứ nạn nhân bị kẹt cứng ở Pleiku. Khi tôi hỏi: "Lái jeep không nổi, tôi xin giải ngũ được không?", viên trung uý lắc đầu: "Không được vì có lệnh tổng động viên. Hay là tôi làm hồ sơ cho anh ra Hội đồng Y khoa, chắc chắn anh được mẫu số 8!"
Mẫu số 8? Vào các đơn vị hậu cứ hay tham mưu, hay thấy có một thượng sĩ trung sĩ, đôi khi một cấp uý lù khù lờ khờ đi ra đi vào lo các việc vặt văn phòng, hỏi họ là ai, họ trả lời toàn là thuộc diện "mẫu số 8". Tôi, người như thặng dư chất adrenaline, hiếu động như thế mà đổi về văn phòng làm việc vặt, đi ra đi vô sao? Buồn chịu gì nổi. Tôi nói những ý nghĩ này với y sĩ trung uý và cám ơn thiện ý của ông ta. Chẳng lái xe jeep được, thì để tài xế lái, có sao đâu... Viên trung uý thấy tôi thu gọn hồ sơ chuẩn bị rút lui, hỏi thêm một câu: "Anh khám súc khoẻ nhập ngũ ở đâu?" Khi biết ở Quân y viện Nha Trang, nơi nổi tiếng một thời vì một ổ tham nhũng, anh buông ra một câu: "Chẳng trách! Có lẽ họ đã tráo phim phổi của anh cho con một ông nhà giàu hay con ông cháu cha nào đó..." Tôi gật đầu đồng ý trước khi đứng thật nghiêm theo quân kỷ, chào và ra về (tôi thường chào kiểu này, gõ gót giầy rõ nét, khi gặp sự không vui). Khi cho xe jeep đổ dốc quân đoàn ra quốc lộ, nhìn những quân nhân đồ trận như tôi đi lại bận bịu, tôi nảy sinh một ý kiến: Hay là mình xin đổi về sư đoàn 5... Cầm quân ra trận chắc hẳn vui hơn là làm lính phòng vệ đội mưa, lội bùn cao nguyên đất đỏ này mãi, chán rồi. Hơn nữa, trung bình trong đời một người chứa đựng không hơn một cuộc chiến tranh, hoặc đệ I Thế chiến, hoặc đệ II Thế chiến, hay chiến tranh Cao-ly... Còn cuộc nội chiến này, cuộc chiến tranh đang diễn ra trước mũi tôi, tôi muốn tham dự sâu đậm hơn... Đêm đêm nghe súng đại bác, ngắm hoả châu chiếu sáng nơi xa thì hợp với phụ nữ, hay hợp với đàn ông loại bạn thân của gà chết hay gà nuốt giây thun... hơn là với tôi.

tháng 9/2009

Cuối năm 1986

Sau 6 năm nạp đơn xin đi Mỹ đoàn tụ gia đình, với hồ sơ do cô em ruột của vợ tôi ở Seattle gửi về, vợ tôi được phép mang chồng và năm con ra phi trường Tân Sơn Nhất

để chuẩn bị lên phi cơ. Nếu kể những gì, những chặng đường vợ chồng tôi đã phải trải qua trước ngày có chiếc xe đò thuê vừa đậu trước cửa nhà để chở bọn tôi ra phi trường, chắc phải viết một bài khác. Bây giờ thì gia đình tôi lên xe cùng hai bạn "cải tạo về", cùng bạn bè của năm đứa con trai đi tiễn, cũng đủ cũng đầy một xe. Ngồi cùng vợ phía trên, cạnh tài xế, tôi nhìn khung cảnh cư xá Chí Hoà đã từng ở hai mươi năm, nay ra đi không một luyến tiếc nào vì chưa bao giờ trong đời, tôi bị đói, khổ, bị áp bức đủ đường, hạ nhục nhiều kiểu, như 12 năm vừa qua trong chế độ có cái tên dài thoòng là xã hội xã-hội-chủ-nghĩa.

Tâm trạng những người rời bỏ Việt Nam nhiều năm sau 30 tháng 4/75, dù ra đi bằng máy bay theo diện ODP như gia đình tôi hay vượt biển đầy bất trắc, tử vong và cưỡng hiếp, hay vượt biên đường bộ qua Miên qua Thái dài dằng dặc, khác hẳn tâm trạng của lớp người "di tản 75". Lớp người di tản này ra đi trong hốt hoảng trước khi Cộng quân tới vì e ngại "Sài Gòn là biển máu". Họ không sống tới một ngày dưới chế độ mới, không hề nhìn thấy tận mắt nón cối dép râu, chiếc mũ và bộ đồng phục mầu vàng kinh dị của Công an và...

Lớp đi sau như bọn tôi đã ê càng mỗi người một cách bởi Công an các ngành, Uỷ ban nhân dân các cấp và nhiều ban ngành đoàn thể khác, do đó trên người, trong tâm hồn còn mang nhiều vết sẹo không thể nào xoá, quên trong cuộc đời này. Bỏ qua cho nhau thì được vì chiến tranh, cuộc nội chiến ấy, đã qua hơn 30 năm, nhưng bảo rằng quên đi, thì không được đâu. Những vết sẹo lúc bình thường không sao, nhưng những khi trái gió trở trời, như khi trông thấy cờ đỏ sao vàng, hình "bác Hồ"... vẫn cứ đau nhức như thường. Đôi khi ngồi nghĩ vẩn vơ, tôi tự hỏi ông già Hồ Chí Minh có dạy các cán bộ đảng viên khi thắng trận thì chà đạp hạ nhục dân thua trận miền Nam như thế chăng? Dám là có lắm, vì "dẫy núi Trường sơn" ông còn muốn chẻ dọc, đốt luôn nữa là...

Ngay trong thời Cải cách Ruộng Đất trước 1954, khi các bá cáo gửi về nói là đẫm máu vô ích, oan uổng nhiều, tưởng ông già ra lệnh đình chỉ hay sửa đổi, ông già chỉ nói: "Không muốn dội một gáo nước lạnh lên lưng cán bộ..." rồi để mặc mọi sự diễn tiến đến chót. Chỉ sợ cán bộ bị cảm lạnh, không một lời thương xót nhân dân, oan hay không oan mặc kệ. Chẳng trách khi chết bị đàn em đem phơi thây ướp lạnh giữa thành phố đông người, không được chôn cất đàng hoàng ở núi Tam Đảo như lời di chúc. Theo truyền thống Đông phương, chỉ những người phạm tội nặng, về chính trị cũng như hình sự, khi chết mới phải phơi thây giữa chợ, nơi công cộng. Ông già ấy ác ngầm... nhưng thế chưa đủ là tội để không được "mồ yên mả đẹp". Vậy cứ nói, ca tụng ông là một chính trị gia có tài, đừng nói ông là một người nhân từ, và thương dân Việt Nam không điều kiện. Như vậy, lấy công trừ tội, hãy chấm dứt cảnh bắt ông phơi thây cho người đời tò mò nhìn ngắm, đưa ông về an nghỉ vĩnh viễn nơi mong muốn là núi Tam Đảo. Còn nguyện ước của ông mong mỗi người đến thăm viếng sẽ mang một cây nhỏ trồng lên núi cho núi xanh um lên, là một ý kiến hay, hợp với mọi phong trào 'xanh' trên thế giới.

Đến phi cảng, vào trình diện các chức sắc nội địa và đại diện HCR (Cao uỷ Tị nạn của Liên Hiệp quốc), lãnh thẻ nhận diện để cài lên ngực, bọn tôi được ra ngoài lần chót để đưa thân nhân những gì bị cấm đem theo cùng tiền Việt Nam không dùng tới nữa. Danh sách những gì cấm đem theo ra nước ngoài được lập theo nguyên tắc xoá bỏ chế độ cũ, kỹ đến mức độ những hình ảnh mặc đồ lính của tôi trong các album, đều bị bóc ra vứt lại. Những thư từ hai vợ chồng viết cho nhau trong biết bao năm bị coi là "bản thảo", cấm đem theo, cấm gửi ra nước ngoài, Anh chàng trung uý bộ binh là tôi, trong 12 năm, bị biến mất. Chỉ còn Nguyễn Kim Dũng, chồng của "chị Nguyễn Thuý Sơn", được khoan hồng cho phép đi theo vợ.

Chỉ tôi và đứa con trai lớn đi ra. Con trai ra đưa tiền Việt Nam còn lại cho các bạn và dặn họ, sau khi phi cơ đã cất cánh hẳn hoi và phóng lên trời cao rộng, họ mới được rời phi trường để rồi tối họ sẽ gặp nhau nhậu hậu-tiễn-hành. Phải dặn cẩn thận như thế vì Đảng Cộng Sản nhiều khi đùa giật gân huỷ bỏ chuyến bay, hay khách đã tập họp sắp

lên xe chở ra phi cơ, còn bị phóng thanh gọi trở lại trình diện Công an sân bay với "lý do sẽ cho biết sau". Một người bạn Không quân của tôi đã bị gọi lại kiểu này, vài tháng sau mới được ra đi lại. Lý do là anh và gia đình trước kia ở một cư xá không quân trong phi trường. Thấy miền Nam lâm nguy, anh tống hết vợ con lên phi cơ Mỹ bay sang Guam, anh ở lại một mình chiến đấu tiếp (một thái độ đẹp, xứng đáng với tư cách sĩ quan, chứ không cậy "chuồn chuồn có cánh thì bay"). Không quân ngoài Bắc vào tiếp thu toàn thể phi trường, anh bị mời ra ngoài cư xá quân đội, về nhà cha mẹ ở, vì thế hồ sơ xuất ngoại của anh thiếu giấy hiến nhà cho nhà nước. Anh bị gọi trở lại là vì thế. Và khỏi nói anh đã vất vả ghê lắm, mới thuyết phục được ban Nhà Đất là không có nhà để cúng cho Nhà nước cũng... được phép xuất ngoại. Sĩ quan quân đội miền Nam không phải ai cũng sở hữu một căn nhà, và tệ hơn, như trường hợp Thế Uyên, được mẹ cho một căn nhà gỗ mà sau này lại nằm trên phần đất do Công binh chiếm, đã bị binh chủng này tống xuất một cách tàn bạo nhất, nghĩa là phải tự dỡ nhà ra đi, nếu không họ sẽ cho xe ủi đất đến ủi — cái gì chứ bulldozer thì binh chủng này có nhiều nhất... Vì thế, nên nhà văn "có lắm vấn đề" này đã cẩn thận dặn vợ rằng nếu sắp lên thang máy bay mà chồng còn bị gọi lại để làm việc thêm với Công an, thì vợ vẫn phải dẫn đàn con đi Mỹ như thường, chứ đừng ì ra kỳ kèo ăn vạ Đảng. Đi thoát được kẻ nào, hay kẻ đó, và nhớ gửi tiền về ngay, năm đầu mỗi tháng $100 đủ rồi, sang năm thứ hai tăng gấp đôi để tôi có tiền bao "bồ nhí"... Bà vợ tôi cái gì cũng vâng cả, ngoan như một hiền thê bên Tầu thời phong kiến, nhưng cái khoản tăng gấp đôi ấy, bả nhất định không chịu...

Khi ra đến phi đạo, xếp hàng lên thang máy bay Air France, hai đứa con út của bọn tôi, gọn ghẽ trong áo gió mới tinh và giày Bala (tôi viết Bala là đúng, Bata bị diệt rồi), vui quá, la lên: "Thế là sau cùng mình cũng được chui vào nó đấy nhé..." Hai đứa nhỏ bỏ xếp hàng lao lên thang, tiếng chân bịch bịch nghe thật êm đềm như một lời khen tôi đã chu toàn bổn phận làm cha làm chồng, nghĩa là mang được vợ con ra khỏi được chế độ xã hội chủ nghĩa. Còn thân tôi thế nào cũng được. Ai bảo chiến đấu dở ẹc, làm thân chiến bại... kêu ca nhiều thì hơi "quê độ". Vèo một cái hai đứa đã lên tới đầu thang có hai cô hotesse de l'air xinh xắn trong đồng phục Air France đẹp 'như một giấc mơ xưa' giơ tay đón, hai đứa nhẩy thẳng vào phi cơ và biến mất, cho tới khi phi cơ bình phi trực chỉ Bangkok, tôi lang thang phần đuôi phi cơ mới kiếm ra chúng. Khi bước vào lòng tàu, một cô tiếp viên ra hiệu cho vợ tôi đi về bên phải, và tôi đi về phía trái. Tôi muốn nói tôi là chồng muốn ngồi cạnh và cầm tay vợ khi phi cơ ra khỏi quê hương, nhưng tiếng Pháp tiếng Anh đâu mất rồi, đành ú ớ kiếm một ghế trống dẫy phải, cạnh một cô gái xa lạ. Tôi giơ tay trái cầm tay phải của mình, không lẽ cầm tay cô hàng xóm! Khi phi công trưởng loan báo vừa rời không phận Việt Nam, tôi thở ra đến 'phào' một cái, nghĩ: Thế là thoát! Kể từ nay tôi có thể bắt đầu sống lại, sống thực cuộc đời mình... Khỏi sợ một ông Công an áo vàng đeo sa-cốt nào, khỏi phải cười với mọi cán bộ đến méo miệng để cầu an.

Khi đến phi trường Bangkok, trời đã về chiều, bọn tôi bây giờ chính thức được gọi là refugee, được đưa đến cuối phi đạo làm thủ tục tạm trú lâu ơi là lâu, nhưng cũng may được xứ Thái chiêu đãi một hộp cơm Thái, dĩ nhiên ngon lành rồi. Và được hướng dẫn bởi một cô gái Thái gốc Việt nói giọng Bắc kỳ cũ, nghe dễ chịu cho tai. Rồi sau cùng bọn tôi cũng được lên xe về Trung tâm Tạm trú Suan Flu khi trời đã tối. Vợ chồng tôi nhìn ra ngoài, xa lộ ở đây để đèn vàng khó chịu và xe cộ chạy kiểu Anh bên trái. Về đến Trung tâm Tạm trú được ngồi nghe nội qui, phân phối phòng và chiếu để nằm. Tôi mệt đến độ chỉ nhận được sơ qua nơi đây là một toà nhà bốn tầng và gia đình tôi chung phòng với một gia đình người Hoa gồm một ông già và hai cô gái lớn. Trải chiếu xong là tôi nằm lăn ra ngủ, loáng thoáng nghe tiếng bà vợ tôi bảo một đứa con tắt đèn và tiếng một cô gái Hoa: Ấy đừng tắt. Tôi đi vào giấc ngủ dưới ánh đèn sáng vì đêm cuối cùng ở Sài Gòn tôi đã thức suốt đến sáng.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy trong ánh nắng vàng Thái Lan và một cảm tưởng khinh khoáng nhẹ nhàng. Tôi đã xuất ngoại nhiều lần, nhưng đây là lần đầu tiên tôi có cảm tưởng đó. Và xứ Thái Lan tôi đã từng ghé, đã phơi đầu trần dưới thứ nắng này, sao lần này thấy khác. Hai vợ chồng cùng các con xuống quán ăn dã chiến dưới chân cầu thang, gọi mỗi người một tô mì. Quán do vợ một nhân viên phục vụ tại trung tâm mở và bà này chỉ biết có tiếng Thái, dù phải giao dịch nhiều với người Việt. Ngoài bán hàng ăn bà còn giữ việc đổi những nhẫn vàng người tị nạn mang theo lấy tiền Thái theo một hối suất không giống ai, để lấy tiền ăn sáng và tiêu vặt. Bà vợ tôi cũng đổi nhẫn vàng hai chỉ mang theo như mọi người (tôi sẽ cắt nghĩa tại sao đã sống 12 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, bà vợ tôi còn vàng đem theo), cũng giao dịch với bà chủ quán bằng ngôn ngữ quốc tế, nghĩa là bằng tay. Bọn tôi đặt tên cho bà là Mế Mê, vì trong tràng ngôn ngữ bà tuôn ra hàng ngày, bọn tôi chỉ nghe rõ hai từ “mế mê” (bạn nào giỏi tiếng Thái xin cho biết hai chữ ấy nghĩa là gì).
Ăn sáng xong tôi gọi một ly cà-phê và một bao thuốc lá Sammit, vừa uống vừa nhìn làn khói thuốc cầm ở tay cuồn cuộn bay lên, mầu xanh xám trong nắng vàng tươi, cảm thấy sung sướng, vô cùng sung sướng.

Trung tâm Tạm trú Suan Flu

“Suan Flu chốn đó vui thay
Sáng thì canh cải, tối thì cải canh.”

Suan Flu là tên gọi trung tâm tạm trú dành cho người tị nạn Việt Nam ở Bangkok, đi chính thức từ Sài Gòn bay qua, hay đi chui thuỷ bộ nhưng đã được Mỹ sơ khởi chấp nhận. Building này có bốn tầng, tầng trên cùng dành cho những người đã được thanh lọc từ các trại tị nạn khắp nước Thái Lan. Họ được đưa về đây để đợi phái đoàn Mỹ lo việc định cư đến phỏng vấn lần nữa trước khi cho sang trại Bataan học. Học Anh văn và được hướng dẫn văn hoá xã hội, cùng phỏng vấn nghề nghiệp... trong 6 tháng, để khi tới Mỹ, đỡ bỡ ngỡ, lúng túng, va chạm vô ích. (thí dụ: tôi đã thấy một ông refugee quẳng ly cà phê uống dở vào thùng đề rõ “Donation”; hay một nhóm người mới tới Mỹ *được* hướng dẫn cách đi chợ, nhưng lúc ra, người nào cũng lén bỏ túi một hai món đồ mình thích). Không biết tại sao những người đã được thanh lọc lại bị nhốt như tù trên tầng bốn, ngay việc đi đổ rác cũng phải đi hai người, có một lính gác cầm gậy đi theo. Được về tới đây là có phước, ai trốn làm gì, mà trốn đi đâu nữa bây giờ? Vậy mà cảnh sát Thái cứ hầm hè như nhiều vệ binh trại cải tạo ở Việt Nam. Thái độ ác cảm thường trực của người Thái đối với người Việt có lẽ bắt nguồn từ nhiều cuộc thất trận trước quân Việt những thế kỷ trước.
Tôi ngẫm nghĩ về sự béo mập của những cảnh sát Thái đang canh giữ Trung tâm, mập như đa số cảnh sát Mỹ hiện nay, và tôi tự hỏi với một nụ cười mỉa mai trong im lặng: nếu quân lực Thái thời xưa cũng mập phì như vậy (vì ăn nhiều cơm quá, xứ Thái sản xuất gạo vào hàng đầu thế giới), thì đương đầu gì nổi với quân lực Việt ngàn đời ăn đói ốm nhom ốm nhách, cử động lanh lẹ. Thua là phải quá rồi, mà không chịu trách mình, lại dồn căm thù vào những người Việt thất thế miền Nam hậu sinh. (Gần đây tôi có nhiều dịp phải coi nhiều hình chụp những người lính Việt Nam Cộng Hoà đang chiến đấu trước 75, tôi chợt nhận ra sao họ gầy như vậy, và bản thân tôi khi còn đứng trong hàng ngũ họ, tôi thường gầy hơn nữa. Đến độ khi bạn bè Sài Gòn hỏi tại sao đánh nhau ban ngày chưa đủ còn đánh đêm tưng bừng, lính bị chết bị thương lả tả... như lá mùa thu, mà tại sao tôi không hề hấn gì, tôi thường trả lời đùa bỡn rằng tôi ngực siêu-omega, khi tiến lại đi nghiêng, đạn véo đằng trước vèo đằng sau... Không trúng dài dài...

Phía nữ Thái xuất hiện tại Suan Flu, ngoại hình nói chung không hơn gì bà "Mế Mê" bán quán dưới chân cầu thang. Dĩ nhiên cũng có ngoại lệ, ngoại lệ duy nhất, là cô gái ngồi sau guichet khu ngoài, phải khi nào được dẫn ra khỏi cổng toà nhà chính, dân tị nạn mới có dịp thưởng thức nhan sắc cô. Thường thì lúc nào cũng có một thùng nước lèo hết phiên trực lởn vởn tán gẫu trước guichet người đẹp. Chắc về sau cô cũng đi lấy chồng, chồng bên ngoài, không có thùng nước lèo chán phèo về nhiều phương diện, mỹ thuật cũng như tình dục.

Phòng ăn là một sân lớn ở giữa, trên lợp lều bạt, đám người tị nạn ngồi trên ghế hai bên bàn dài, cứ việc ngồi đủ một mâm là có người mang cơm lại. Cơm trắng dư ăn. Ở Việt Nam vào lúc đó, 1986, ít khi được ăn cơm trắng, thường chỉ được ăn cơm nâu trộn bột sắn khô, hoặc cơm độn 72% các thứ khoai có tên như bo bo, khoai sọ, mì, và vài thứ không có tên. Cán bộ ngoài Bắc vào, thấy các cụ già miền Nam nhàn nhã quá, cứ lê la gặp nhau tán dóc chê bai Đảng, liền chỉ thị cho ban lương thực trộn một tỉ lệ đá sạn vào gạo khẩu phần của nhân dân. Có một thời kỳ, các gia đình Sài Gòn phải huy động người già còm cõi lên kính ngồi nhặt sạn trước khi nấu cơm sáng cũng như chiều, trong đó có cả tôi. Dân kêu ghê quá thì cán bộ bảo tại nông dân trộn sạn vào thóc nạp thuế cho nặng ký thêm. Nạn trộn sạn vào gạo rồi cũng sớm chấm dứt, không phải vì tiếng dân kêu, mà vì Đảng khám phá những cái đầu bạc miền Nam chúi vào nhau nhặt sạn, lại nói xấu "Đảng quang vinh" nhiều hơn.

Không phải Việt Nam không sản xuất đủ gạo ăn mà tại chính sách của các đảng Cộng Sản là khéo léo điều khiển nông nghiệp làm sao bao giờ cũng *không đủ* gạo ăn, nếu giả thử có nơi nào thặng dư thì phải tìm cách huỷ đi, thí dụ bằng cách giả vờ bỏ quên ngoài mưa cả số thóc dân mới nộp cho huyện, hay chở thóc gạo bằng xà-lan lộ thiên ra Bắc nhưng không cấp bạt cho thuyền trưởng. Mưa và mưa cứ thế thấm vào gạo, xà-lan nặng chìm dần. Thuỷ thủ đoàn, thuyền trưởng đã chuẩn bị sẵn phao thuyền để bì bõm bơi vào bờ an toàn, và chờ đợi cấp trên khen thưởng một cách kín đáo. Theo tiêu chuẩn công bố công khai trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*, một đảng viên giỏi là kẻ đã thi hành đạt chỉ tiêu Đảng trao, chứ không phải là kẻ thương dân, làm được những điều ích quốc lợi dân – quan niệm này được coi như... xưa rồi, tàn dư của tiểu tư sản. Chúng ta nên nhớ những cố vấn ngoại quốc đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam không hẳn chỉ là Trung quốc mà còn là những sĩ quan Nhật không muốn đầu hàng, nộp kiếm truyền thống samourai cho "Đồng minh" lúc đó là quân của tướng Lư Hán miền nam Trung Hoa, nổi tiếng như trong lời nhại quốc ca Việt Nam lúc đó, như sau: *Đoàn quân tàu ô đi, sao mà ốm thế, bước chân phù lang thang trên đường Việt Nam*. Chính các sĩ quan Nhật này đã chỉ cho Đảng cẩm nang trị nông dân của dòng chúa Đức Xuyên ở Nhật Bản: "Đừng để họ no quá, nhiều đòi hỏi. Đừng để họ đói quá, không còn sức sản xuất..."

Ở Suan Flu, cơm thì dư ăn như thế nhưng về thức ăn thì sáng, chiều chỉ có một thứ là canh rau cải. Bà con đi trước đã tức cảnh làm ra hai câu thơ, trịnh trọng biên lên vách tường phòng tôi: *Suan Flu chốn đó vui thay, Sáng thì canh cải, chiều thì cải canh...* Bình thường canh rau cải có bột ngọt đầy đủ, là ăn được rồi, nhưng ngày nào cũng thế, dễ chán. Và đây là lúc bà con mang những nhẫn vàng được phép đem theo, đổi cho bà Mế Mê lấy tiền Thái gửi mua thêm thức ăn kèm với canh cải. Vợ tôi cũng mang chiếc nhẫn vàng còn lại ra đổi... Nàng lấy đâu ra vàng vậy? Trong khi tài chính gia đình đã cạn kiệt từ lâu, đã có những hôm tôi đi mượn (hay xin khéo) một vài ký gạo của bạn bè (khỏi nói cũng biết chuyện này không vui gì, và tôi giận những kẻ miền bắc đã đưa tôi đến cảnh này). Có lần cô cháu bên hàng xóm thấy quá bữa rồi mà bếp núc lạnh tanh, lén bố mẹ mang gao củi sang cho... Không thì cả nhà nhà văn Thế Uyên nhịn đói. Đúng như ước muốn của Phạm Văn Đồng là "san bằng cách biệt giữa hai miền" (trích diễn văn ngay sau tháng 4, 1975), nhà văn trí thức miền Nam cũng phải ăn đói ăn độn, như nhà văn của quần chúng miền Bắc (chỉ những nhà văn "công huân" là được, thỉnh thoảng, no hơn chút đỉnh). Trong hoàn cảnh như thế tôi lại bị sưng môt cái ung trong hàm, phải mổ

thôi. Nha sĩ và bệnh viện không thiếu, chỉ thiếu trụ sinh thôi. Xin ai bây giờ trong khi cả miền Nam bị phe chiến thắng hành xác, hành hạ... Các cụ xưa bảo "bất bình tắc minh", tôi bèn than thở tứ tung cho... đỡ đau. Tôi viết thư cho con gái đầu lòng của Doãn Quốc Sĩ mới vượt biển thành công sang Úc, than thở chuyện đau (đau thật) không thuốc trụ sinh để giải phẫu này. Than để mà than thôi, chứ cô cháu xinh xắn dễ thương này bận lấy chồng đẻ con, giúp gì nổi ông chú già ở tit miền biển gần xích đạo. Nhưng vụ than thở này có những hậu quả bất ngờ. Nhà văn Nguyễn Văn Trung nghe tin, đi xin trụ sinh hộ tôi, nhưng trong hoàn cảnh bế quan toả cảng ngăn sông cấm chợ lúc đó, việc đó gần như không thể được. Nhưng cũng có "giải an ủi" là một lô trụ sinh quá date. Vợ tôi đưa cho nha sĩ hỏi còn dùng được không, câu trả lời là không, hoạ chăng là cho trâu bò heo "lục súc tranh công"... Lối trả lời như đùa này gợi ý cho vợ tôi, bảo cứ xin anh Trung số thuốc quá hạn đó, để nàng mang đi hỏi mấy ông lang heo, lang trâu... xem sao. Mấy ông trả giá rẻ mạt, vợ tôi vẫn bán liền lấy tiền mua gạo nấu cơm cho mấy bố con — tôi vừa đau hàm, vừa đói bụng. Đỡ được phần nào hay phần đó.

Nhưng đói thì còn "khắc phục" được, chứ bệnh do nhiễm trùng thì... chịu khó uống xuyên tâm liên, một cây dại hay cây thuốc được cán bộ y dược miền bắc quảng bá là có giá trị ngang với trụ sinh. Tôi không uống dù biết chắc là vô hại. Cán bộ y tế trong quân đội chính qui miền Bắc cũng biết thế nhưng vẫn đề cao xuyên tâm liên, chẳng qua là để có một vị thuốc vô hại để nâng cao tinh thần bệnh nhân. Đôi khi bệnh nhân tinh thần cao, có thể động viên cơ thể chống lại bệnh và khỏi. Lấy thí dụ ngay như tôi hồi trẻ bị bệnh lao, nhưng bị ném vào trường bộ binh Thủ Đức, cơ thể vùng lên một cách bí mật, tôi khỏi mà không biết. Bác sĩ Quân Y về sau chụp X-ray, mới phát hiện vết calci khá lớn, bèn tuyên bố tôi không đủ sức khoẻ cầm lái xe jeep,... (tôi sẽ kể thêm chuyện này ở đoạn sau).

Nói về Đông y, tôi có nhiều kinh nghiệm tốt. Một lần khi còn ở cạnh hồ Tây, đầu gối tôi bỗng dưng sưng to dần. Chẳng biết nghe ai cố vấn, bố tôi không mang con tới bệnh viện, mà khăn gói ba ngày đường, băng qua sông Hồng đón một ông lang nổi tiếng về loại bệnh này. Ông lang chẩn mạch và nói lung tung tôi không nhớ được, nhưng về bốc thuốc thì tôi nhớ được một vị độc đáo: một con quạ đen còn sống. Quạ, thì dễ thôi vì trên đê có một cây gạo cổ thụ hoa đỏ rực quyến rũ loài quạ, bố tôi chỉ chi ra một khoản nhỏ là trẻ con ven đê bẫy ngay cho một con sống nhăn. Ông lang xắn tay bào chế thuốc ngay tại nhà, tôi lánh mặt không coi: theo quan điểm trẻ con loại nhạy cảm, là tôi, thì hay ho gì cảnh giã nát một con quạ trộn lung tung với các vị thuốc Nam thuốc Băc, thành một thứ bột đen đem bó chung quanh đầu gối tôi. Ông thầy tuyên bố độ ba ngày thì khỏi. Và ông sẽ ở lại thêm ba ngày đó. Không biết ông có nghiện không nhưng suốt ngày nằm cạnh bàn đèn, chuyện gẫu cùng bố tôi. Và hết ba ngày thì chân tôi khỏi, đầu gối tôi trở lại bình thường. Ông lang khăn gói trở về một nơi nào đó bên kia sông Hồng. Bây giờ thì tôi đau hàm, nhưng bố tôi đâu còn. Nhưng cái tin tôi đau không thuốc chữa đã loan ra bằng hữu xa gần, một ông bạn cũ bao nhiêu năm không gặp, kiếm tôi bảo: "Anh lại vợ tôi châm cứu cho là xong." Từ sau 75, bà này đã bỏ nghề cũ (có cử nhân kinh tế ngân hàng), chỉ nghiên cứu về châm cứu và bây giờ đã nổi tiếng là một bà thầy chuyên cứu nhân độ thế trong vùng. Tôi cũng đọc khá nhiêu, vì tò mò là chính, về bộ môn châm cứu, và biết trường Đại học Bắc kinh đã chính thức giảng dạy bộ môn này. Một tạp chí ở Pháp đã chụp được hệ thống kinh mạch của con người cùng các huyệt đạo chính. Vậy thì ta đi chữa bệnh bắng châm cứu thôi...

Bà thầy bạn cũ này thuộc trường phái mộc châm, trông đỡ ghê rợn hơn châm cứu kim loại (bệnh viện đông y hiện nay ở Hà Nội thuộc loại này). Bà chỉ dùng một tăm gỗ để xỉa răng thông thường, còn dò tìm huyệt đạo bằng ngón tay, thời gian ấn kim trên huyệt, dùng hoả để "tả" thêm, cũng như châm cứu bình thường. Bà có chỉ dẫn tôi cách dò huyệt đạo, "nghe" thấy huyệt đạo, nhưng da đầu ngón tay của tôi như điếc luôn. Bà giao hẹn với tôi vài điều trong thời gian điều trị, như ăn nhiều canh bí đỏ và quan trọng nhất

là không được xuất tinh. Phải "bế tinh", như đòi hỏi của Hải Thượng Lãn Ông, ông lang hay đông y sĩ nổi tiếng bậc nhất của Việt Nam thời xưa vậy. Khoản này thì tôi chê, nhưng làm thế nào được. Cuộc đời tôi sau khi đi cải tạo về còn gì nữa đâu, chế độ xã hội chủ nghĩa tước đoạt đến cả quyền gia trưởng của người đàn ông: tôi với vợ là đồng-gia-trưởng, thôi cũng được đi, vì đôi khi tôi còn theo đạo "thờ bà"! ("*nhất vợ nhì trời thứ ba mới đến tổng thống Việt Nam Cộng Hoà*"), nhưng tên vợ tôi là Thuý Sơn, không phải là lý do bà con cô bác địa phương gọi tôi là "anh Sơn" luôn cho tiện...
Trong mọi hoàn cảnh cùng cực, libido của đàn ông vẫn tồn tại, đôi khi làm "thằng nhỏ" ngóc đầu dậy, nhắc nhở "đòi quyền sống" (nhà văn Võ Phiến không đồng ý với nhận xét này, cho rằng thằng lớn buồn thì thằng nhỏ xuội lơ luôn). Nay phải ngủ chung với vợ như ngủ với em gái, thì buồn quá đi, nhưng cũng đành thôi. Mới được hai đêm thì có tiếng thủ thỉ (không phải tiếng vợ tôi): chỉ phải bế tinh thôi, còn các mục khác tự do. Hai bàn tay tôi phiêu du trên thân thể vợ hơi lâu, làm nàng không thể ngủ được, và đương nhiên tôi cũng vậy. Sau cùng, tôi quyết định làm tình nhưng không xuất tinh. Bà vợ cưng có vẻ thích kiểu này vì sau vài lần rút ra để tránh xuất tinh, rồi tái nhập đúng lúc, không cần cử động, cũng đủ đưa bà đến orgasm. Chỉ phiền lúc đó là tôi phải gồng tối đa, nghĩ đủ các thứ chuyện khác, như tưởng tượng mình là Trần Bình Trọng đang tử thủ giữ thành Thăng Long hay Đề Thám đang nằm cạnh đống lửa trong rừng già, để khỏi xuất tinh. Sau đó hai vợ chồng nói chuyện vẩn vơ, chờ đợi cơn ngủ tới dễ dàng (cho vợ tôi). Còn tôi thấy từ từ thân thể thư giãn, dễ chịu hơn là kiêng khem tuyệt đối.
Nếu nhớ không sai, kiểu làm tình bế tinh này, với đều đặn 99 cái vào sâu xen kẽ 99 vào nông, theo một ông ngự y hoàng gia khá nổi tiếng thời xưa, là không mất sức mình, lại còn hấp thụ được sinh khí của người nữ để tăng tuổi thọ... Nhưng sức người có hạn, khi bình tinh khí đã quá đầy (khi ngủ có thể mộng tinh) thì có lần tôi định rút ra đúng lúc cơn sướng của nàng bắt đầu, hai đứa lâm vào tình trạng như hai câu thơ cổ đã miêu tả: *Thuỷ hoả tương giao sôi sùng sục, Âm dương nhị khí sướng làm sao...* Tôi sướng cứng đơ người ôm nàng và nàng ôm tôi thật chặt cho đến khi tôi xuất hết tinh. Sáng hôm sau, như thường lệ, tôi đến bà thầy lo châm cứu. Vừa bắt mạch, bà đã lộ vẻ sững sờ, như vừa biết tin kẻ trộm mới lấy hết tiền bạc: "Đêm qua anh mới xuất tinh phải không?", tôi gật đầu, bà than thở là đang dùng châm cứu dồn nội lực của tôi vào huyệt (tên khó nhớ)... để sử dụng vào sáng hôm nay tấn công dứt điểm vết ung ở hàm, tôi lại phung phí vào chỗ không đâu!. Bà giảng cho tôi hiểu (dĩ nhiên tôi không hiểu nổi, trừ phi mang cuốn *Đạo đức kinh* ra đọc lại!) bằng nhiều từ chuyên môn y-triết Trung Hoa. Tôi chỉ gật gật cái đầu và bỗng dưng có một câu làm tôi chú ý: "Chị ở nhà đang không khoẻ đâu. Hôm nào anh đưa chị lại đây tôi coi." Khi kể lại lời mời, bà vợ tôi lè lưỡi phản đối: "Em chẳng dại. Nhỡ bà ấy châm vào huyệt nào đó làm em lãnh cảm luôn... thì sao!"
Dĩ nhiên rồi tôi khỏi bệnh hoàn toàn nhờ mộc châm, không một tí trụ sinh nào. Và bà vợ tôi cũng chỉ tới nhà " bà thầy" hôm ăn cưới một đứa con gài bà (mặc dù hai người đã từng là bạn, bạn không thân, từ trước 1975).

Trở lại Suan Flu

Dù mọi chi phí di chuyển và ẩm thực tại đây là do quĩ của UNHCR (Cao uỷ Tị nạn Liên Hiệp quốc) không dồi dào (vì phải lo cho những người tị nạn khác khắp thế giới), nhưng đến những ngày đặc biệt như Christmas, ngoài canh cải cải canh, cũng thêm cho mỗi người một phần thịt gà khá hậu hĩnh. Ngoài những người Thái phục vụ thường xuyên ở nhà ăn, hôm nay xuất hiện các cô cậu thiện nguyện nhiều quốc tịch, nhiều nhất là Mỹ và Mỹ gốc Việt, đi đi lại lại kiểm xem mỗi tị nạn đều có phần thịt gà đầy đủ chưa. Đề phòng dân nấu bép Thái cho tị nạn Việt thưởng thức món gà cổ dài ba tấc cánh dài ba tấc luôn của nhà bếp trường Võ bị Thủ Đức năm xưa (nước nào nghèo đêu ăn bớt ăn xén). Chính các cô cậu thiện nguyện ấy phụ trách vấn đề giải trí của Trung Tâm, như đàn hát, chiếu phim... (sau 12 năm, tôi mới được coi phim Tây phương, như *Star Wars*).

Mỗi người tị nạn trên nguyên tắc chỉ tạm trú ở đây ba đến năm hôm để Toà Đại sứ Mỹ lập hồ sơ cho đi Mỹ, sang đến phi trường là trao cho người bảo lãnh lo tiếp mọi chuyện và dĩ nhiên phải chi tiền từ vé máy bay đến khám sức khoẻ ở Mỹ, khá tốn kém. Gia đình tôi được toà Đại sứ cho xếp diện tị nạn chính trị vì trước kia tôi là một trung uý bộ binh, sau tháng 4/75 bị đi cải tạo tập trung trên rừng núi, nên bây giờ được xếp loại tị nạn (refugee). Chúng tôi sẽ được gửi sang trại Bataan ở Phi-luật-tân 6 tháng, để học Anh văn thực dụng, hội nhập sơ khởi và hướng nghiệp. Nghĩa là mới tới ngưỡng cửa "thiên đường" mong chờ. Sáu tháng đâu có là bao, nhưng với lũ chúng tôi, những kẻ trốn tránh "thiên đường mù", phải chờ đợi thêm sáu tháng cũng sốt ruột lắm lắm. Sang trại ở Phi ở chung với số đông tị nạn boat people và một số ít foot people (đi bộ qua Cao Mên tới Thái Lan), bọn tôi rời khỏi Việt Nam với tư cách ODP đoàn tụ gia đình, nhưng rồi sẽ rời đất Thái với tư cách mới: tị nạn (refugee), đến Mỹ phải lo trả dần tiền vé máy bay, nhưng được hưởng trợ cấp tị nan, học bổng đại học... nhiều đến nỗi các bạn Mỹ học cùng lớp thường bảo: "Tụi tao không hiểu sao chúng mày có thể sống và theo học với số tiền ít ỏi như vậy!" Bọn tôi, người trong cuộc, hiểu được chứ: khoảng 1 giờ trưa, sinh viên được về, thì bọn tôi phải ở lại làm workstudy trong trường, đủ mọi việc tuỳ khả năng. Nhưng đâu đã đủ, các con phải chia nhau đi làm thêm bên ngoài: cậu tư đi làm cho Jack in the Box đến 1 giờ đêm mới về, trao cái xe tàng cho ông anh đi làm UPS đến sáng... Đại khái như vậy trong 5 năm, cho tới khi cả nhà (trừ cậu hai bị đau dài hạn) tốt nghiệp với BA, hay BS (bà vợ tôi tốt nghiệp BA cùng đứa con thứ ba)... Cả nhà có thể gọi là sĩ tử khoa bảng, nhưng chỉ cậu cả về sau lấy được Ph.D., cậu út lấy bằng kiến trúc sư.
Bốn chữ "có thể gọi là" ở câu chót đoạn trên là do tôi thêm vào khi edit bài văn, vì nhớ lại giai thoại có thật khi mới sang Mỹ: "*Anh không phải là sĩ*...". Lúc đó tôi mới viết đoản văn nhan đề "Kẻ sĩ và thiền sư" để bênh vực thượng toạ Thích Đức Nhuận, chánh thư ký Viện Tăng Thống ở Sài Gòn, vừa bị chính quyền Cộng Sản Việt Nam xử 15 tù vì một tội bá vơ nào đó. Một ông chủ tịch hội đoàn hay đảng phái nào đó ở Houston gọi điện thoại đàn hặc tôi vì dám nhận mình là "kẻ sĩ". Đang khi vui tính, tôi cãi chầy cãi cối, như sau:
— Tôi là văn sĩ đã có nhiều tác phẩm được xuất bản, vậy tôi là kẻ sĩ được chứ ?
— Không được.
— Tôi đã cắp sách đi học Đại học Văn khoa Sài gỏn, và hiện nay học đại học Mỹ, vậy tôi là sĩ, sĩ tử được chứ? Nghe nói hồi đó Doãn Quốc Sĩ đã đề trên danh thiếp là Văn khoa Đại học sĩ...
— Không được. Hồi đó khác.
— Tôi đã là một *sĩ* quan, trước đó là sinh viên sĩ quan, vậy là sĩ phải thôi.
— Không được.
— Hồi ở trong nước, tôi được coi như thành phần "sĩ phu Nam hà" mà!
— Cái đó xưa rồi.
Tôi tò mò hỏi người đối thoại: "Vậy thế nào mới được là "kẻ sĩ" ở Mỹ? " Câu trả lời thật dứt khoát, chắc như đinh đóng cột: "Phải được các hội đoàn chúng tôi công nhận...". Tôi bật cười, và khi nói được, thì bên kia đã cúp điện thoại.

*

Về nhà ở, người bảo trợ sẽ thuê giùm rồi người tị nạn trả sau, ăn uống tự túc và tuỳ hỉ (tiền trợ cấp cho phép muốn ăn bao nhiêu tuỳ ý — một yếu tố của thiên đường). Về y phục chăn mền, cứ áo nhà thờ, quần chùa, áo lạnh bạn bè, mặc vài năm chưa hết, ra đường khó kiếm dược người mặc quần áo rách vá, ngay những ông bà homeless chỉ ăn mặc lôi thôi dơ dáy chứ không rách vá (không phải lo chuyện áo quần — thêm một yếu tố hơn thiên đường thiên chúa giáo nơi các thiên thần toàn đồng phục áo trắng cánh

trắng)... Về đồ đạc, người bảo trợ và bạn bè cho những thứ căn bản không đồng bộ, thí dụ nhà 7 người thì 4 kiểu ghế, 8 kiểu ly tách thìa muỗng... Nhưng những điều đó không ảnh hưởng gì đến niềm vui được sống ở Mỹ, ra đường không phải chào, không phải cười cầu tài với các chức sắc cộng sản đến méo cả miệng, đêm nằm ngủ yên giấc không lo công an đến đấm cửa vào xét hộ khẩu, đi từ nhà trên nhà dưới tới buồng tắm cầu tiêu. Thời đó ở Việt Nam, nhà vắng một người thì "giấy tạm vắng đâu, cho coi", dư một người còn rắc rối hơn: chủ hộ và người đó phải theo Công An lên trụ sở, nếu cắt nghĩa suôn sẻ cũng phải ngồi ghế dài đợi sáng. (Những người ở Việt Nam, nhất là lớp trẻ, sẽ cãi những điều tôi kể "xưa rồi Diễm, bây giờ đã *đổi mới* rồi". Tôi đồng ý trên nguyên tắc kể từ khi có Đổi Mới, Công An mỗi ngày một tử tế hơn với dân, nhưng cái khoản "kiểm tra hộ khẩu", vẫn giữ nguyên thê thức cũ. Tôi cam đoan là vậy vì trong lần về chót, thuê nhà — giá Việt kiều không-yêu-nước — ở cư xá Lữ Gia, một giờ đêm chúng tôi bị công an đập cửa vào kiểm tra hộ khẩu, y hệt "ngày xưa Hoàng thị"...)

Đêm Noel Suan Flu

Chính vì được đổi diện từ "ODP đoàn tụ gia đình" sang diện tị nạn nên gia đình tôi chưa có tên trên danh sách bay đi Mỹ mấy ngày liền. Đến khi có, thì đụng kỳ nghỉ Christmas thường niên, nhân viên hữu trách tạm nghỉ, nên gia đình tôi phải ở lại Suan Flu bấy giờ khá vắng vẻ. Gia đình ba bố con Việt gốc Hoa thì đã bay đi Boston. Trước khi đi, cô út trịnh trọng tặng cậu Ba nhà tôi chiếc đèn pin mới tinh, chưa có dịp dùng tới, vì toà nhà lúc nào cũng có điện sáng choang. Cậu Ba không phải là đứa đẹp trai nhất, nhưng mấy ông thầy tử vi đều bảo nó có số đào hoa chiếu ngay đỉnh đầu, nên thường được con gái chiếu cố ở bất cứ đâu. Có khi dưới hình thức bất ngờ, như mới cắp sách đến trường thì đã được ăn đùi gà! (Tôi lại dùng chữ theo thói quen, chứ đúng ra đi học ở Mỹ không thể "cắp sách" như ở Việt Nam vì phải mang tất cả sách giáo khoa các môn học hôm đó theo, toàn sách in to tướng nên phải dùng một túi đeo lưng.) Cậu Ba nhà tôi mang túi đeo lưng, tiện thể, nhét luôn hộp đồ ăn trưa vào trong đó, cho nên mới có chuyện cô bạn học người Nhật xinh đẹp một hôm, tưởng cậu Ba nhịn đói, mới gọi cậu Ba lại gần, giúi cho một cái gì, trước khi biến mất. Cậu Ba mang lại đưa tôi coi: một đùi gà chiên thơm lừng, và hỏi: "Làm gì bây giờ hở bố?" Tôi phì cười nói:"Ăn chứ còn gì nữa. Đồ gái đẹp cho quí lắm..." Nếu cô gái này là người Việt hay Mỹ, có thể đoán được động lực tặng vật "đùi gà", nhưng là gái Nhật, khó đoán lắm.

Tôi đã được gọi ra ngoài toà nhà chính để khám phổi lần thứ hai và lần này chụp phim từ sau lưng ra phía trước. Thế là có chuyện rồi. Bác sĩ chỉ cho vết calci của bệnh lao thời kỳ đi lính trước đây để lại, di tích bệnh lao không có khả năng lây bệnh, nhưng sẽ không ổn với nền y khoa Mỹ sau này. Sau này có độc giả nêu thắc mắc: Chắc trong quá khứ có xẩy ra một sự kiện nào đó nên Thế Uyên hay chua chát mỗi khi nhắc tới Quân đội.... "Sự kiện nào đó" thì hơi nhiều: đầu tiên hiển nhiên là bị lao như tôi, hội đồng y khoa Nha Trang phải cho miễn dịch, cho nhập một viện bài lao nào đó, mới hợp lý. Đằng này lại thảy tôi vào trường Võ bị Thủ Đức, mệt lắc lư mới qua được giai đoạn 1, rồi qua ngành bộ binh giai đoạn 2, lắm khi mệt tì nòng súng ngủ đứng, đủ 10 tháng ra trường, thành chuẩn uý bộ binh. Từ đó, trong hai năm, được/bị trao đủ các nhiệm vụ: trưởng phòng vệ kho đạn, kho xăng tiền tuyến ở vùng đồi cỏ Pleiku, bảo tiêu các đoàn xe có hơi nhiều lần mang xác lính quấn trong poncho về (tương đương với "sa trường da ngựa bọc thây"), đi mở đường, đào mìn... làm bộ binh tùng thiết, phục kich và tổ báo động (khi bị mìn, có binh sĩ bị văng mất đầu và mất... vân vân). Không hề được may mắn 8 năm ở lính không phải bắn một phát súng, như một nhà thơ của nhóm văn nghệ viễn mơ Sáng Tạo chịu ảnh hưởng Pháp, đã kể.

Sau này, khi đi khám sức khoẻ lấy bằng lái xe, không phải xe tăng M.41 hay GMC mà là xe jeep, thứ xe nhẹ nhàng nhất của quân đội, ở Pleiku, tôi đã bị từ chối vì phổi có một vết calci hơi to. Vị bác sĩ khám tôi cho biết theo luật lệ quân y hiện hành, thứ sức khoẻ

như tôi, thì chỉ “apt” chân xua gà cho vợ, thay tã cho con... Tôi hơi cáu, chỉ qua cửa sổ chi đoàn thiết giáp đang đóng bảo vệ Quân đoàn, nói: “Ngoài việc đương nhiên là bộ binh, tôi còn được phép chọn binh chủng thiết giáp, lái M.113, M.21 còn được, nữa là xe jeep.. Nay đột nhiên cho rằng tôi không đủ sức khoẻ lái xe jeep, nếu thế bắt tôi nhập ngũ làm gì?” Viên trung uý y sĩ cũng khẳng định lập trường của quân y thời chiến: “Nếu cho những người sức khoẻ như anh được lái jeep thì cấp trên cho rằng tôi không đáng làm y sĩ quân y!” Mỗi bên giữ vững lập trường, coi bộ không ổn. Nhất là cấp bậc hai bên chênh lệch, viên trung uý quân y dịu giọng hơn, vì tôi đang là một thứ nạn nhân bị kẹt cứng ở Pleiku. Khi tôi hỏi: “Lái jeep không nổi, tôi xin giải ngũ được không?”, viên trung uý lắc đầu: “Không được vì có lệnh tổng động viên. Hay là tôi làm hồ sơ cho anh ra Hội đồng Y khoa, chắc chắn anh được mẫu số 8!”
Mẫu số 8? Vào các đơn vị hậu cứ hay tham mưu, hay thấy có một thượng sĩ trung sĩ, đôi khi một cấp uý lù khù lờ khờ đi ra đi vào lo các việc vặt văn phòng, hỏi họ là ai, họ trả lời toàn là thuộc diện “mẫu số 8”. Tôi, người như thặng dư chất adrenaline, hiếu động như thế mà đổi về văn phòng làm việc vặt, đi ra đi vô sao? Buồn chịu gì nổi. Tôi nói những ý nghĩ này với y sĩ trung uý và cám ơn thiện ý của ông ta. Chẳng lái xe jeep được, thì để tài xế lái, có sao đâu... Viên trung uý thấy tôi thu gọn hồ sơ chuẩn bị rút lui, hỏi thêm một câu: “Anh khám súc khoẻ nhập ngũ ở đâu?” Khi biết ở Quân y viện Nha Trang, nơi nổi tiếng một thời vì một ổ tham nhũng, anh buông ra một câu: “Chẳng trách! Có lẽ họ đã tráo phim phổi của anh cho con một ông nhà giàu hay con ông cháu cha nào đó...” Tôi gật đầu đồng ý trước khi đứng thật nghiêm theo quân kỷ, chào và ra về (tôi thường chào kiểu này, gõ gót giầy rõ nét, khi gặp sự không vui). Khi cho xe jeep đổ dốc quân đoàn ra quốc lộ, nhìn những quân nhân đồ trận như tôi đi lại bận bịu, tôi nảy sinh một ý kiến: Hay là mình xin đổi về sư đoàn 5... Cầm quân ra trận chắc hẳn vui hơn là làm lính phòng vệ đội mưa, lội bùn cao nguyên đất đỏ này mãi, chán rồi. Hơn nữa, trung bình trong đời một người chứa đựng không hơn một cuộc chiến tranh, hoặc đệ I Thế chiến, hoặc đệ II Thế chiến, hay chiến tranh Cao-ly... Còn cuộc nội chiến này, cuộc chiến tranh đang diễn ra trước mũi tôi, tôi muốn tham dự sâu đậm hơn... Đêm đêm nghe súng đại bác, ngắm hoả châu chiếu sáng nơi xa thì hợp với phụ nữ, hay hợp với đàn ông loại bạn thân của gà chết hay gà nuốt giây thun... hơn là với tôi.

tháng 9/2009

Ông thầy tội nghiệp…

Tôi vào nghề dạy học cách đây đã lâu lắm, đến mười ba năm, và nhập nghề một cách rất giản dị, đúng “truyền thống” ngày xưa: nhà nghèo, thi rớt một năm, vậy thì đi làm thầy đồ trẻ lấy nghề gõ đầu trẻ làm kế sinh nhai học tiếp khoa sau. Không hề có vấn đề chọn hay chí hướng mô phạm dứt khoát cho cuộc đời của mình…

Bằng cấp ít, tuổi cũng quá ít, không thể có chuyện xin dạy ở Sài Gòn. Vậy một buổi sáng trong một mùa khai trường, tôi nhét vài cuốn truyện vào cặp, chân đi đôi giầy vải bà ngoại cho tiền mua, mặc cái quần kaki xanh mẹ mua xôn ở chợ trời, áo sơ mi trắng mượn của bố, tôi nhảy lên xe lửa đi xuống miền Nam kiếm nơi bán chữ sinh nhai. Không hiểu vì lý do gì nữa, tôi không nam tiến xa, dừng ngay ở bên này sông Cửu Long. Có lẽ một phần vì hiệu trưởng trường trung học mang tên vị danh sĩ mù nổi danh trong lịch sử miền Nam sẵn sàng thâu nhận, một phần có lẽ vì thành phố ven sông này tôi đã từng xuống nhiều lần vì những đôi mắt đẹp không dẫn tới đâu cả.

Hiệu trưởng, một người đã đứng tuổi, trịnh trọng gọi tôi bằng "ông", rất nghiêm khắc nhưng cũng rất tử tế, đã hướng dẫn những bước đầu cho tôi trong nghề. Học trò đứng xếp hàng thật ngay ngắn, im lặng chờ thầy đến, cúi chào mà đầu cứ thấp xuống như kiểu chào của người Nhật. Đó là thời đại hoàng kim cuối cùng của nền giáo dục Việt Nam – nhưng vào năm ấy, tôi đâu có ý thức được, cứ tưởng như thế là tự nhiên và mọi sự sẽ mãi mãi là như thế. Đó cũng là thời kỳ hiệu trưởng yêu cầu giáo sư không được chấm bài trên xe lửa, không được mặc áo dài tay mà lại sắn lên, và dĩ nhiên áo phải mầu trắng, những phiên họp hội đồng giáo sư hàng tháng tổ chức trịnh trọng và trang nghiêm. Đó là thời kỳ những ông thầy đồ trẻ đi dạo chơi trong thành phố mắt cứ phải nhìn lên ngọn cây để bớt phải chào đáp lễ các học trò ở rải rác lúc nào cũng sẵn lòng kính cẩn cúi chào. Nhưng dù còn ít tuổi, tôi lúc đó cũng cảm thấy nghề dạy học có một cái gì trục trặc, giả trá, bất bình thường đâu đây. Chỉ cảm thấy như thế thôi, chưa tìm hiểu, ý thức rõ được.

Sau hai niên học, tôi xin thôi để trở về Sài Gòn học tiếp rồi một lần nữa, vì sinh kế, tôi lại xin đi dạy học – lần này phải đi thật xa, một phần vì các trường gần đã hết chỗ, một phần vì trong khi mài đũng quần mấy năm ở Văn khoa, tôi đã là một sinh viên có những hoạt động mà chính quyền đương thời tha cho không bắt cũng đã là khoan hồng. Tôi phải lên tít cao nguyên xa, một xứ nổi danh bùn muôn thuở về mùa mưa và bụi mù trời về mùa nắng. Nhưng rất nhanh, lệnh nhập ngũ đã tới và tôi rời lũ học trò nửa thượng nửa kinh, rời phấn rời bảng để đi vào cuộc chiến tranh mà từ trước tới giờ tôi chỉ là kẻ đứng bên lề.

Rời quân trường với tư cách bộ binh, trong có bốn năm quân vụ, tôi bảy lần đổi KBC, thay mười hai lần đơn vị. Vào thời kỳ đó, chưa có lệnh ấn định bốn năm cho về, ai đi lính đều tin chắc phen này sẽ đi như lời thơ của một người xưa: "Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về". Bởi thế, tôi đã sống như một người lính đích thực, nghĩa là đổ mồ hôi, là lội bùn, băng rừng, khóc bạn, chôn bạn và dĩ nhiên là có cả giết người nữa – điều đó tất nhiên nếu không lính để làm gì… Những lúc rảnh rang, tôi đi nhậu nhẹt với đồng đội. Nhẹ ra thì ba giờ sáng rét cóng sờ vào nòng thép như muốn bỏng tay, đi tuần tiễu trở về, ông hạ sĩ già đã ngả một con gà không biết rõ xuất xứ cạnh mấy chai đế màu hổ phách. Và lúc đó thì thôi rũ sạch sương gió bùn lầy ở ngoài lều vải, cả bọn ngả nghiêng trong chén rượu cay, nói những thứ truyện lính tráng rất muôn thuở, nghĩa là rất tiếu lâm và trần truồng trắng trợn, để rồi tám giờ sáng ra chào cờ, đứng trước hàng quân nhìn ngọn cờ chưa lên quá nửa cột đã biến mất mà tự hỏi không hiểu sương mù sáng nay quá dày đặc hay mình quá say… Còn nặng ra thì như trường hợp có đồng đội nằm xuống hay đang tự hỏi mình chiến đấu cho ai, thì dăm ba thằng bạn cùng kéo ra thị trấn, quần áo còn dính máu và bụi hoặc tâm hồn nặng trĩu chán nản bơ vơ, vào một quán nào đó có gái hầu rượu và bia chảy như suối. Đóng cửa quán lại để tránh quân cảnh, uống cho tới tờ mờ sáng, chồng chất trên xe jeep, hát nghêu ngao như lũ cuồng mà về.

Còn gái. Tất nhiên phải có và có nhiều. Dù gái điếm hay gái nhà lành thì đều là một thứ repos du guerrier. So với nhiều bạn trong quân ngũ, tôi không hề là lính ba gai ba búa, nhưng ngả chiêu đãi viên ra bàn mà hôn trong quán rượu ồn ào và nhận chìm tất cả thân mình trong vòng tay những con gái cho thuê thân xác – có gì đáng nói về chuyện ấy nữa một khi lắm lúc lũ chúng tôi thấy phận mình nào có hơn gì, chẳng qua một thứ lê dương da vàng…

Thế rồi đến một ngày kia thời thế thay đổi, thiên hạ đếm đủ bốn năm quân vụ rồi cho tôi trở về. Về thì về. Do sự lười biếng của lính sau khi giải ngũ – phải vài ba tháng trở lên mới hoàn hồn… dân sự – guồng máy hành chính cứ quay nên một buổi sáng đẹp trời, tôi ngủ dậy chợt thấy mình lại là nhà giáo, ông thầy, nhà mô phạm ngay tại Sài Gòn. Vậy thì tôi lại lên bục cầm phấn mà chi hồ giả dã phen nữa.

Nhưng lần này rất nhanh, tôi thấy ngay là mọi sự không còn là như xưa, mọi sự đều trục trặc, hỗn loạn và giả trá. Tôi đứng trên bục mà cảm thấy đó không phải là vị trí của mình – tất cả chỉ còn là kịch, một thảm kịch.

Trước hết là về phía ông thầy, kẻ đứng trên bục gỗ mà rao giảng những điều hay lẽ phải cho lớp hậu sinh. Cuộc chiến tranh đã quá khủng khiếp, xã hội đang đi tới mức phân hoá tột cùng, tất cả với tôi là người trong cuộc. Tôi đã nhìn thấy nhiều sự thực, tôi đã ý thức được nhiều điều và đã lao mình vào cuộc tranh đấu nhằm xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn. Vậy làm sao bây giờ đứng trên bục này, tôi có thể giảng cho đàn em những điều hay điều thiện mà chính tôi biết là không có và lỡ mà chúng lại tin theo thì lớn lên chúng sẽ nguyền rủa tôi là tên nói láo hay nặng hơn nữa, đồ xui trẻ ăn cứt gà. Tôi nói về dân chủ ư? Dân chủ nào. Tôi nói về tiết nghĩa ư? Tiết nghĩa nào. Tôi giảng đạo đức: các em không được rượu chè trai gái nghiện hút chăng? Tôi nói dối mất: tôi đã hút thuốc như điên, uống bia như hũ chìm và… chơi gái chín phương chỉ còn để mỗi một phương lấy vợ. Giá tôi cho tôi đã làm những điều đó là sai là xấu thì còn được, đằng này tôi không hề thấy những việc đó là xấu xa – tôi đâu có định xuống tóc vào chùa hay phát nguyện vào đại chủng viện để phải tiết dục.

Suy nghĩ nhiều hơn, tôi tìm thấy một trục trặc khác nữa. Đó là vấn đề quan niệm về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của ông thầy. Ngày xưa, trên là *quân* dưới là đến *sư*, còn *phụ* đứng mãi hàng thứ ba. Ông thầy được ủy nhiệm quyền dạy dỗ cho đứa trẻ *thành người*. Nghĩa là ông thầy chịu trách nhiệm về cả trí dục lẫn đức dục của hậu sinh, và được uỷ đủ quyền hạn cần thiết để hoàn tất trách nhiệm của mình: học trò ghẹo gái vô lễ cách trường 30 dặm, ông thầy mà biết, mười ngày sau cũng còn gọi ra xỉ vả hay đánh đòn. Đỗ có đến tiến sĩ, làm quan có đến nhất phẩm triều đình, về thăm thầy ở làng xưa nếu cần vẫn cứ phải xuống ngựa từ đầu làng và đứng mà hầu chuyện thầy đồ trong lều tranh xơ xác. Hơn nữa, chương trình giáo dục cổ xưa cũng nhằm theo chiều hướng như thế. Được trao quyền hạn và trách nhiệm lớn như vậy, và được đãi ngộ về cả tinh thần lẫn vật chất tương xứng, nếu ông thầy ngày xưa có phải tiết dục, phải tu thân tối đa để làm mô phạm, điều đó là hợp lý. Còn bây giờ, trên bục gỗ, ông thầy hiện đại được trao quyền hạn ra rao? Tôi dạy Quốc văn đệ tứ chẳng hạn, sáu giờ một tuần với một chương trình rõ rệt phải dạy cho đủ. Học trò kém Quốc văn, lỗi tại tôi. Còn nếu chúng kém về đạo đức, điều đó làm sao tôi lãnh trách nhiệm cho được. Ai trao cho tôi việc rèn luyện đạo lý cho học trò đâu. Không cần giàu tưởng tượng cho lắm cũng biết điều gì sẽ xảy ra cho tôi nếu trước là hiệu trưởng sau là cấp Bộ biết rằng giáo sư… đã bỏ bê chương trình Quốc văn để chỉ giảng đạo đức cho học trò. Tôi đã từng dạy Công dân giáo dục để biết rằng đây chỉ là môn giảng về bổn phận và quyền hạn của người công dân – nghĩa là nhằm đào tạo một người công dân thôi và một công dân tốt là người biết tôn trọng luật đi đường (chương trình lớp đệ lục), biết đóng thuế đầy đủ, biết thi hành nghĩa vụ quân dịch, biết mình có quyền ra ứng cử và bầu cử, biết vài kiến thức về kinh tế học… Và một công dân *tốt*, nghĩa là làm hết những trách vụ công dân đó, không hề đương nhiên là một người tốt, có đạo lý. Một kẻ lưu manh, khốn nạn nhất xét theo phương diện luân lý, vẫn có thể là một công dân *tốt* như thường – nhất là trong xã hội hiện đại.

Đó là về quyền hạn và trách nhiệm. Còn về đãi ngộ? Có thể nói ngay là tội nghiệp ông thầy. Trước hết là về phương diện tinh thần đã. Không những ông thầy không được xã hội dành cho một kính nể nào đáng kể so với các nghề khác *hiện tại*, ông thầy còn bị ngáng trở trong việc giảng huấn bởi chính các phụ huynh học sinh. Trong một bài giảng nào đó, ông thầy mở rộng nói về đạo đức lễ nghĩa cho học trò nghe, thì thường thường là chương trình của mình dám sẽ bị quạt bay theo gió hết khi học trò trở về nhà, mang lời giảng ở lớp ra nói, và phụ huynh phê bình rằng: Ối dào! Nghe mấy thằng thầy của mày thì có mà đói rã họng ra! Và tôi đám đánh cá rằng ngày mai đây, nếu có học trò nào hư, hỗn láo, tôi nóng tát tai cho một cái

thì ba bảy hai mốt ngày là trễ nhất tôi sẽ gặp đủ rắc rối: phụ huynh sẽ nhẹ ra thì khiếu nại với hiệu trưởng, nặng ra thì kiện tới Bộ hoặc viết bài "tố cáo hành động dã man của con chiên ghẻ trong ngành giáo dục". Xa lắm rồi cái thời học trò hư bị thầy đánh cho mấy roi đuổi về, ngày hôm sau đương sự, sau khi bị lãnh thêm một trận ở nhà, bị bố lôi đến trường bắt xin lỗi thầy.

Còn đãi ngộ về vật chất? Giáo chức lãnh lương như mọi công chức khác – phụ cấp sư phạm có năm trăm và tám trăm không nghĩa lý gì. Nghĩa là đói rách tối đa – một giáo sư trung học bây giờ nếu có lương tâm, chỉ dạy đúng số giờ ấn định thôi không dạy tư, thì người đó và vợ con chỉ có quyền ăn cơm ngày một bữa thôi, còn quần áo thì lấy lá chuối mà che thân – vị nào không tin là tôi nói nghiêm chỉnh, tôi sẵn lòng cung cấp bản chiết tính. Còn về phía xã hội, tôi xin trình bày lần đi coi thi Tú tài năm vừa qua, tại một tỉnh nổi tiếng trong văn học của miền Nam. Chẳng gì cũng là một giám khảo, bước chân vào trường, mỗi sư giáo được cấp phát cho một chiếc chiếu ly lông nhỏ (có sự tiến bộ vì trước kia là chiếu cói) và một cái chỉ tay về phía một hành lang. Các vị giáo sư cứ việc ra tay mà quét bụi, kê các bàn ghế lại lấy chỗ mà nằm. Kỳ thi thì dài mà trường không có nước tắm – có nước rửa mặt đánh răng đã là may lắm. Chăn chiếu mùng mền phải mang theo mà dùng. Ăn cơm thì tự túc, và suốt trong kỳ thi tôi nhận thấy chín phần mười đều chỉ dám ăn cơm đĩa, những đĩa cơm rất bé bỏng. Coi thi rất dễ khát nước và tôi cùng các bạn không biết làm sao hơn là chung nhau tiền thuê lao công nấu nước cho uống. Một tỉnh văn hoá của miền Nam mà không đãi nổi các giáo sư đến tỉnh mình coi thi một ly nước trà và không cấp gì hơn một chiếc chiếu ny lông… Có thể nói trong thời gian thi cử này, chỉ có các người lính đang đi hành quân của sư đoàn 7 và các giáo sư đi coi thi Tú tài mới phải nằm đất hít bụi mà thôi… Các ông thầy tội nghiệp, bởi vì mọi sự không phải chỉ có thế: coi thi nghiêm chỉnh quá, rất dễ được học trò địa phương tiễn đưa bằng vài trái đấm hay nhẹ ra, cũng vài lời chửi tục ngay trước mặt.

***

Mọi sự đến đây quả thực tôi không còn lý do gì để tiếp tục đeo đuổi nghề giáo. Chỉ riêng cái vị trí giả tạo, nguỵ trá mà xã hội tạo ra cho ông thầy, cũng đủ làm cho tôi mất thanh thản trong tâm hồn khi đứng trên bục gỗ rồi. Đơn xin thôi việc đã được chuẩn bị nhưng với Tết Mậu Thân, chiến tranh lại lôi tôi vào cuộc lần thứ hai và lần này, với tư cách giáo chức tái ngũ, tôi được sử dụng như một thứ huấn luyện viên quân sự lưu động trong đô thị, hết Sinh viên, Thanh niên trừ gian, lại đến Nhân dân tự vệ. Để rồi một buổi sáng nọ, thượng cấp chỉ thị cho các giáo chức tái ngũ được biết sẽ được biệt phái về nhiệm sở cũ "nếu có đơn xin".

Tôi không làm cái "đơn xin" ấy. Tôi muốn thà ở lại các đơn vị huấn luyện quân sự học đường còn hơn. Ở đây tôi thoải mái, vị trí và trách nhiệm của tôi rõ ràng. Nếu làm huấn luyện viên, tôi chỉ trách nhiệm về môn tôi phụ trách, học viên khá về môn đó càng tốt, tôi lo cho đơn vị có kỷ luật, y phục chỉnh tề, so hàng đều, trình diện tốt. Ai bất tuân thì phạt. Còn các học viên của tôi có tham nhũng ngoài đời, có làm trò ma giáo, việc đó không liên quan gì đến tôi cả. Tôi có nhậu nhẹt, chơi bời vung vít, thì đó là việc riêng của tôi, các học viên không có lý do gì thắc mắc… Hoàn toàn là những điều, những tương quan, những vị trí, trách nhiệm mà chính thực ra phải là của ngành giáo dục bây giờ mới hợp lý.

Nhưng chẳng có đơn xin thì đừng, lệnh trên vẫn cứ truyền xuống và tôi đành cởi quân phục trở về trường cũ. Làm nhà binh, không có cãi, thi hành trước khiếu nại sau. Buổi sáng ngày khai trường năm đó, trong những giáo sư đang đứng trên hành lang nhìn xuống học trò dưới sân tấp nập, tôi hẳn là ông thầy rầu rĩ nhất. Và lời giảng đầu tiên của tôi ở những lớp học sinh đã lớn dĩ nhiên là rất bất thường. Trước hết tôi tự giới thiệu như khi đi huấn luyện quân sự, nghĩa là nói tên họ, cấp bậc và môn phụ trách giảng dạy. Rồi kế đó tôi trình bày cho học

sinh hiểu tôi quan niệm ra sao về tương quan giữa người đứng trên bục và những kẻ ngồi dưới. Tôi nói cho họ hiểu nhà trường chỉ giữ họ có bốn tiếng một ngày và chỉ giảng dạy về phương diện trí dục, và cũng chỉ chịu trách nhiệm chính yếu có thế. Nếu có chút nào về rèn luyện đạo lý cho con người, thì đó chỉ là kỷ luật học đường: y phục đồng phục, bảng tên, không nói chuyện trong giờ học, không hỗn láo, không làm hư hại vách tường, học cụ… Một thứ kỷ luật không nghĩa lý gì so với kỷ luật quân đội và còn thật xa mới có thể gọi những thứ kỷ luật ấy là rèn luyện đạo lý con người. Sau khi xác định rõ tôi đứng trên bục chỉ là một huấn luyện viên phụ trách môn… và chỉ chịu trách nhiệm về môn ấy (… "các em sau này hư hỏng hay thành người, có chí khí liêm khiết hay tham nhũng, lường thầy phản bạn, thì đó là do thầy mẹ các em nhiều hơn là do nhà trường – nhà trường, qua tôi và tôi qua những bài văn chương trích giảng, chỉ mang lại cho các em những hướng dẫn gián tiếp và tuỳ nghi mà thôi"…), tôi xác định về vấn đề xưng hô thầy trò (… "tôi không phải là ông thầy hiểu theo nghĩa ngày xưa bởi vì thứ ông thầy đó không còn tồn tại trong xã hội này, và giả thử có còn ông thầy đó thì tôi cũng không đủ xứng đáng để nhận…"). Tôi nói rằng *tục lệ* dưới cái mái trường ấn định người đứng trên bục phải gọi là *thầy* và các người ngồi dưới là *các em* thì chúng ta tuân theo tục lệ ấy… Thế thôi. Tôi không phải là ông thầy thực sự hiểu theo nghĩa cổ xưa (nghĩa là một thứ người đã bị diệt chủng từ lâu lắm rồi trong nền văn hoá Việt Nam), bởi thế một khi rời khỏi cổng trường này, mỗi người cứ việc đi mỗi ngả, hết thầy hết trò. Ai làm gì cứ việc làm, không ai có trách nhiệm gì với ai ngoài đường phố rộng lớn kia hết. Và sau cùng, để kết luận cho phần mở đầu đầu năm ấy, đã có lần tôi chua chát nói: "Ra khỏi trường, do đó, tôi cấm các em không được chào tôi bằng thầy. Tôi đâu có được xã hội này trao quyền làm thầy. Nhận là nguỵ tín, là tiếm quyền. Và giả thử ngày nào vì cớ gì tôi được phép làm thầy thực sự, thì lúc đó tôi e rằng có hơi nhiều học trò sẽ bất xứng không đáng làm học trò *của* tôi".

Nói giản dị, tôi đã khước từ danh vị "thầy" bởi vì nó không có và tôi là quá ngay thẳng để nhận xằng. Tôi lui về vai trò đúng của tôi trong ngành giáo dục hiện đại: một huấn luyện viên phụ trách giảng dạy về một môn học nào đó. Tôi đành phải làm như vậy vì nếu có một nguyên tắc nào cần tôn trọng nhất trong ngành giáo huấn, thì đó là sự "chính danh" như người xưa đã nói. Tôi đành phải lui về cho rõ rệt như thế mới có thể mà mỗi ngày đứng lên bục gỗ cao, mà cất bình tâm tiếng nói lên điều gì cho lớp hậu sinh.
Dĩ nhiên sẽ có rất nhiều người sẽ không đồng ý với thái độ đó, nhưng làm thế nào được – tôi đâu có hề muốn như vậy.

Những tháng ngày qua…

Mỗi một người đều cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong đời. Các con người quốc tế hay những kẻ bốn biển là nhà, thực ra cũng vẫn có một quê hương – dù một quê hương quan niệm khác thường. Giả thử trong vài thế kỷ nữa, con người ngao du dễ dàng trong vũ trụ, thì vẫn sẽ còn còn trái đất làm nơi muốn trở về sau cùng… Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra quê hương mới bằng cách này hay thế khác.

Rời miền Bắc sau 1954, tôi mất tới hai quê một lúc: quê nội và quê ngoại. Và cũng như nhiều người khác, tôi vô tình tạo ra một phần và mẹ tôi tạo ra một phần khác một quê hương tạm thời là Đà Lạt. Mỗi lần mỏi mệt, buồn rầu hay chán nản vì làm việc quá nhiều, vì thất tình hay vì một lần nữa lý tưởng lùi xa vời tầm sức nhỏ bé của mình, tôi đều trở về nơi này. Những đồi thông thanh tao bất tận, những lũng nhỏ im vắng, những làn sương mù mùa mưa đã từng làm say mê tâm hồn thiếu thời, bao giờ cũng mang lại cho tôi cảm giác yên ổn và

được vỗ về. Cuối năm Âm lịch năm nay, tôi mong muốn trở về thành phố đó hơn bao giờ hết, cần đồi thông ngàn đời cũng như cần những di tích những kỷ niệm của gần mười năm đầy tháng ngày qua trở lại bao phủ, êm đềm và buông thả. Bởi vì những năm đi lính và những năm thất bại mới đây trên con đường đã chọn lựa đã làm thấm mệt, và nhất là bởi vì mẹ tôi đã chọn lựa đã làm thấm mệt, và nhất là bởi vì mẹ tôi đã dứt khoát chọn nơi cư ngụ là thành phố miền núi ấy từ mấy năm nay. Mẹ tôi đã già – như vậy kể như tôi đã tạm có một quê hương mới: không cần đợi tới các cháu chắt, ngay các con tôi trong tương lai chúng có thể tuyên bố với bạn bè là: "Tết năm nay tụi tôi về quê ăn Tết với bà…". Vậy dĩ nhiên Thi và tôi năm nay hai đứa chuẩn bị chuyến về quê ăn Tết Mậu Thân rất cẩn thận, đan trước từng chiếc áo len, mua sẵn vé máy bay từ đầu tháng Chạp, viết thư cho người anh còn tại ngũ nơi xa và đứa em trai mới giải ngũ nhưng lập nghiệp cũng một nơi xa, hẹn cùng về ăn Tết với mẹ. Cẩn thận hơn, tôi còn biên thư dặn mẹ tôi hoãn ngày gói bánh chưng lại đợi ngày các con cháu về.

Vào cuối năm các đường bay, cũng như các chuyến xe đò, dầy đặc những người đi một mình, hai mình hay bồng bế con cháu về quê. Dậy sớm từ lúc mới hết giới nghiêm mà xế chiều phi cơ mới đáp xuống phi trường Liên Khương, tôi không hề bực bội bởi vì những khung cảnh quen thuộc đã hiện ra. Con đường lên đèo dài dặc mà không hề sốt ruột như nhiều lần bao năm trước, tôi từ nơi dạy trẻ về thăm Thi khi nàng còn là sinh viên ngày ngày đi học ở một viện đại học nhiều hoa nhất. Lý do thật giản dị: lần này tôi không còn đi một mình. Chiến tranh vẫn có đấy, đang tiếp diễn khủng khiếp, nhưng ốc đảo vẫn còn đó ít nhất cho những kẻ đang dắt nhau về quê mẹ cuối năm.

Mỗi người thường thiết tha với một góc cạnh, một người hay hình bóng một người ở quê nhà. Đối với người này là một bờ tre phủ cành lá xuống mối tình đầu hay ao bèo xanh ngắt, đối với người khác là một góc thềm gạch cũ có một viên gạch long che giấu một hố nhỏ nơi chứa đựng kho tàng báu vật của trẻ thơ… Đà Lạt, quê hương mới của hai đứa tôi còn mới quá, không có những thứ di tích ấy. Chỉ có những tục lệ, ước lệ xây dựng trên quá khứ tình yêu, nhưng bấy nhiêu cũng là tạm đủ. Hai đứa đến uống cà phê Tùng vào tối đầu tiên như bao lần đã làm, nhấm nháp chất lỏng đắng, vơ vẩn nhìn khung cảnh gần như không đổi từ những ngày xưa khi hai kẻ mới là hai tình nhân thường ngồi thật khuya, đến giờ quán đóng cửa mới ôm nhau ra về, leo qua sườn một quả đồi cỏ thấp để rồi lên cao giữa sương mù dầy đặc, đặt môi lên nhau chờ đợi cho nóng dần lên trong chiếc hôn như muốn kéo dài cho tới sáng. Ngày hôm sau, ăn phở điểm tâm, vẫn theo tục lệ hai đứa đến uống cà phê tại quán Domino tồi tàn sau lưng một dãy nhà, ngồi lẫn lộn trên ghế dài với những người lái xe, những người lính và nhiều loại khác nữa… Thú vị và thoải mái, có lúc đưa ly lên từng hớp nhỏ cà phê nóng, tôi nghĩ hơi tiếu lâm và rất tiểu tư sản rằng ít nhất chống Cộng cũng có lý do: để bảo vệ cái cuộc sống có thể hôn người yêu trong sương mù, nghe thổi sáo trong lũng thông, ăn sáng vào lúc mặt trời ngang con sào và nằm lơ đãng ven hồ chẳng làm gì cả hay chỉ để mân mê một cọng cỏ… Đã có đôi chút kinh nghiệm sống với những-người-bên-kia, tôi biết chắc chắn rằng những điều trên không thể có và không được phép có trong bất cứ một chế độ cộng sản nào.

Từ những năm đã lâu vào tận quá khứ miền Bắc, mẹ tôi vẫn có lệ bắt đầu nấu bánh vào lúc xế trưa và thời khắc được tính toán như thế nào để vào nửa đêm những chiếc bánh nhỏ đầu tiên đã chín, bóc ra ăn khói bốc nghi ngút. Năm nay cũng thế. Căn nhà tôn mẹ tôi thuê ở đầu một lũng nghèo có tên chẳng thơ mộng chút nào là Hố Bò, đồ đạc chẳng có gì ngoài những chiếc nệm nhỏ nhiều màu vải bọc khá đẹp lấy từ những quần áo chăn nệm nước-bạn-Hoa-Kỳ bán xôn ngoài chợ. Một chiếc lọ sứt khá đẹp chẳng biết mẹ tội "sưu tầm" ở đâu cắm một cành đào đầy hoa đang nở. Mẹ tôi quả vẫn có tài biến chế và lần này vượt bực bằng cách tạo vẻ Tết thực sự thanh bình bằng những phương tiện thanh bạch cho các con cháu từ các

nơi xa về. Đêm đến và sương xuống, lửa chụm thật to không phải mong bánh chóng chín mà để đỡ lạnh, mọi người cùng nhau nói chuyện không cần đề tài, cắn hạt dưa tí tách như than nổ. Vào lúc nào đó tôi thoáng buồn khi nghĩ vào một năm nào đen tối trong tương lai, mẹ tôi về lòng đất và tục lệ nấu bánh chưng sẽ chẳng còn. Các em gái tôi cũng như Thi, không người nào học được nghệ thuật ấy và dù sau này tôi có mua được cả tạ bánh mứt, Tết cũng chẳng còn hương vị cũ. Không phải chỉ vì lúc ấy mẹ tôi đã qua đời mà vì sẽ biết nấu bánh vào đâu trong thành phố mỗi ngày một theo nếp sinh hoạt của bên kia đại dương… Lấy chiếc gậy dài cời than hồng, tôi thoáng thấy rằng có lẽ ở cao ốc chọc trời, ăn bánh kẹo thật ngon của Tây phương, ở phòng có máy lạnh cũng chẳng thú vị gì so với hương vị xưa cũ của xã hội Việt Nam với dưa chua, thịt đông, pháo và bánh chưng đang sôi sùng sục trong nồi. Nghĩ xa thêm tôi tự hỏi về sau con cháu chúng ta sẽ sống như thế nào đây? Nếu chỉ như một anh chàng Mỹ-thuộc-địa hay con kiến lao-động-anh-hùng-vô-sản thì thật đáng buồn và vô nghĩa cho những nỗ lực cách mạng hay cải tạo xã hội bây giờ. Thật chưa bao giờ tôi thấy tương quan mật thiết giữa sự sinh tạo văn hoá mới và cách mạng xã hội bằng lúc này, trước nồi bánh chưng nước bên trong sôi ầm ì trên bếp lửa giữa sườn đồi. Và tôi tự nhủ trong cuốn sách đang viết về những vấn đề căn bản của cách mạng, trong phần dự phóng cho xã hội mới, sẽ không được quên vấn đề tạo dựng một khung cảnh nhân bản cho cuộc sống bằng cách tân tạo hay phục hồi một số tục lệ cổ truyền. Nếu một danh nhân nào đó đã nói con người ta không phải chỉ sống bằng bánh mì thì tôi, một anh chàng da vàng mũi tẹt nhược tiểu ngồi canh nồi bánh cho mẹ vào một đêm cuối năm Âm lịch muốn bổ túc thêm vào: con người không phải chỉ sống bằng bánh mì mà còn bằng cách thế, hình dáng và nơi chốn tạo dựng của các bánh mì nữa. Người Nhật quả thật đã phạm một lầm lỗi trọng đại trên đường canh tân và kỹ nghệ hoá của họ khi họ bỏ không ăn Tết theo cổ truyền.

Những ngày trước Tết, trung tâm Đà Lạt đông đảo khác thường, ngày cũng như đêm. Đến sáng, hàng hoá, bánh mứt, hoa lá tràn đầy… Và tôi được chứng kiến cảnh chắc chưa bao giờ có ở Đà Lạt từ khi thành lập thành phố: cảnh binh phải chỉ đường cho từng đợt người và xe đi như ở một ngã tư Sài Gòn. Nhưng tại nơi đây hơn cái đô thành lúc nhúc đầy bụi ở điểm không hề có du đãng cao bồi phá phách hay làm truyện gai mắt. Những hành động quá trớn nhất vẫn chỉ là đốt pháo ném tung nổ trên đầu mọi người – tôi không làm bởi vì đã quá già cho trò đó, đốt pháo bông cây sáng lòe tứ phía – tôi có làm bởi vì yêu cái khoảnh khắc hư ảo và ngắn ngủi của thứ hoa ánh sáng ấy, hay mua chùm bóng cột dây pháo vào dưới rồi thả lên cao, pháo nổ dần lên tới bóng và bóng nổ đốp trên không gian – tôi muốn làm nhưng không làm bởi vì quá tốn tiền. Nhưng không sao bởi vì đứng nhìn người khác thả cũng được, vào những đêm thế này chia sẻ nỗi vui với kẻ khác không khó khăn gì… Nhưng đêm khuya trên con đường dốc ngoằn ngoèo với chiếc xe scooter cũ nổ vang và lọc xọc như một thiết vận xa về già, tôi ý thức rõ rệt sự mong manh của các nỗi vui ấy – một sự đe doạ mơ hồ bay lượn đâu đây trên đầu tất cả những người dân đang vui Tết, những kẻ bình an trong các ốc đảo thành phố. Tôi nhớ lại những lời quảng cáo cho *Thái độ* số trước về chủ đề kinh tế: *Hãy tìm đọc… để hiểu tại sao dân Việt năm nay ăn Tết phong phú như vậy… để hiểu đó là bữa tiệc thịnh soạn của kẻ chịu tử hình trước khi lên đoạn đầu đài*. Dĩ nhiên đó là truyện quảng cáo nhưng chúng đủ phản chiến, nguỵ hoà, chủ bại, thiếu chiến tranh chính trị để người bạn chủ bút một báo của quân đội phải đăng nhỏ xíu lẫn vào các mục linh tinh rao vặt… Nguyên nhân của những lời quảng cáo đó thật không có gì bí hiểm hay tiên tri: với tình trạng như hiện tại diễn biến mỗi ngày một tồi tệ hơn, thật không khó gì mà không tiên đoán được rằng Tết sang năm sẽ khó còn được như năm nay… Hay nói một cách khác bi thảm hơn, sự sụp đổ hay tan rã của một xã hội sắp bước vào thời kỳ sau cùng.

Có những sụp đổ tan vỡ rất chậm chạp kéo dài trong thời gian tương tự sự mục nát dần của một căn nhà cổ, những người sống bên trong khó ý thức được. Chỉ nhìn thấy rêu xanh gạch vỡ nhiều hơn một chút, nghe tiếng cánh cửa cót két hơn một chút… Có những sụp đổ khác

ồn ào ngoạn mục hơn, người ở trong cũng như người ở ngoài đều nhìn thấy rõ để có thể tìm cách chống đỡ hay xô cho chóng sập hơn. Sự sụp đổ của xã hội miền Nam mang cả hai cách thế ấy.

Dĩ nhiên tôi không tiếc thương gì cái xã hội mục nát thối tha ấy và đã góp nỗ lực nhỏ bé của mình đẩy cho nó chóng sập hơn để xây dựng lại cho tốt đẹp hơn. Có những người khác cũng đang làm điều đó nhưng với sức mạnh vô kể và trên một kích thước lớn lao hơn nhiều. Trước hết là những người cộng sản đang vung tay bạo động đập nát tất cả – tôi không chống sự đập nát này nhưng tôi chống cách thế họ đập: họ đốt luôn tất cả, và tôi hoàn toàn không đồng ý với họ về cái mô hình xã hội mới họ dự trù. Nhìn trở lại chế độ Bắc Việt, thấy công bình xã hội hơn, đường sá sạch sẽ hơn, hiện năng sản xuất cao hơn… nhưng tất cả ở trong một bầu khí lạnh lùng, không hương hoa không trăng sao, không có chất ẩm quyến rũ của cuộc đời… Tất cả dựa trên một căn bản, kiểu mẫu nhập cảng từ Tây phương tới: máy móc, chính xác, hiệu năng. Con người có vẻ trở nên giống như một con mối hay một con kiến. Tổ mối tổ kiến quả có sạch sẽ, xã hội mối và kiến quả có tổ chức có công bình có sự làm việc theo khả năng hưởng thụ theo nhu cầu, nhưng quả thật tôi không ham thứ đời sống ấy.

Nhưng tôi không tiếc thương gì cái xã hội mục nát thối tha hiện nay và đã góp nỗ lực nhỏ bé của mình đẩy cho nó chóng sập để xây dựng lại cho tốt đẹp hơn. Những người cộng sản cũng đã làm, như đã trình bày – nhưng không phải chỉ có những người cộng sản mới làm công việc ấy. Còn có người Hoa Kỳ cũng đang góp phần đáng kể trong việc tiếp tay làm chóng đổ căn nhà… và góp bằng cách thế ồn ào hơn, sặc sỡ hơn, lộ liễu hơn… Nếu tôi không chấp nhận sự đập nát của người cộng sản, tôi cũng không chống sự tiếp tay của người Hoa Kỳ – nhưng tôi tự hỏi mô hình xã hội mới nước-bạn-đồng-minh-vĩ-đại này định mang lại cho chúng ta là như thế nào đây.

Đã nhiều khi thật hết sức khách quan, tôi xét lại các đóng góp của người Hoa Kỳ cho Việt Nam hiện tại và tương lai, thấy chẳng có gì. Chẳng có gì ngoài võ khí đủ loại, ngoài snack-bar, cao ốc, mini jupe áo montagut, quần jean… Nếu không phải là người có đọc sách báo và hiểu phần nào nước Mỹ, nếu tôi chỉ là người nông dân hay tiều phu ở đồng ruộng xa hay sườn núi khuất nẻo trở về đây, chắc tôi dám có thể kết luận rằng dân tộc Hoa Kỳ chẳng có văn hoá nghệ thuật, văn hoá văn minh gì cả – trừ phi gọi các vũ khí tràn ngập lãnh thổ Việt, các snack-bar cùng điếm, quần áo khiêu dâm… là văn hoá hay văn minh Hoa Kỳ.

Sau khi cố đô Huế bị tàn phá, tổng thống Hoa Kỳ tuyên bố sẽ xây dựng lại hộ. Nước Mỹ thừa tiền làm được, nhưng xây dựng lại như thế nào đây? Đường sá thẳng thước thợ đèn xanh đèn đỏ chạy dọc các cao ốc, ăng ten tua tủa? Nếu quả dự án là như thế thì chỉ còn việc đặt một tên Mỹ cho cố đô nữa là xong việc xây cất một thành phố trong… một tiểu bang Mỹ. Hay sẽ căn cứ vào các đồ bản còn lưu trữ mà xây là từng bức tường thành, từng cửa thành nội bằng bê tông cốt sắt như người Nhật đã làm với các kiến trúc cổ bị phá hủy hay quá hư nát vì chiến tranh? Như thế có vẻ được hơn một bực nhưng có ai làm lại được thực sự quá khứ bao giờ – dù quá khứ đây chỉ là một cố đô tan nát. Xây dựng lại như thế chỉ là một thứ giả trá nguỵ tạo chỉ có thể làm hài lòng du khách ngoại quốc mà thôi. Nếu tôi ở vị trí nguyên thủ Hoa Kỳ, tôi sẽ im lặng trước biến cố đau buồn này, im lặng để chia sẻ nỗi buồn của một dân tộc bạn, hay ít nhất cũng để tôn kính nỗi bi thảm của một dân tộc đang suy tư về cái giá đã phải trả cho cuộc chiến tranh này.

Các cuộc tấn công vào tiểu khu Tuyên Đức đã xảy ra nhưng mẹ tôi không tản cư dù nhà ở gần vị trí quân sự ấy. Một phần vì tính trầm tĩnh của bà, một phần vì lũ lính cựu đông đảo trong nhà là bọn chúng tôi và các con rể đều cả quyết rằng vị trí căn nhà ở một chỗ trũng

khoét vào sườn đồi như thế, tên bay đạn lạc khó tới. Ở cùng Thi tại một chỗ khác, khi nghe tin các trận đánh xảy ra, nỗi lo ngại lớn nhất về căn nhà đó là e các người-bên-kia vào ăn hết bánh chưng mà thôi… Đêm cuối cùng ở Đà Lạt, tôi và Thi sang ở với bà để tiện đường tới Air Việt Nam. Thung lũng Hố Bò chưa trở lại bình thường, lính nằm phục rải rác, chó cắn liên tục. Đêm khuya tất cả đã ngủ, mẹ tôi pha trà uống và hỏi tôi về những chuyện đã làm và sẽ làm. Vào một lúc nào đó, mẹ tội đặt câu hỏi: Đã không đồng ý với cả cộng sản và Hoa Kỳ như thế, vậy cái xã hội mới ấy sẽ như thế nào?

Câu hỏi làm tôi khá lúng túng vì chưa định hình được cho rõ rệt các dự phóng của mình. Nhưng rồi cũng trả lời được, miêu tả được – một cách khá rườm rà. Bà mẹ tôi nghe, gật đầu, thế thôi… Làm tôi có cảm tưởng mình bé hẳn lại: đã bao lần trong ấu thời và thiếu thời, tôi đã trình bày những dự định to lớn (đối với tuổi tác lúc đó): đi xa vào vùng núi thẳm danh lam thắng cảnh, lẻn vào vùng kháng chiến để coi cho biết chế độ bên kia hay gia nhập đảng phái…, lần nào bà cũng có thái độ như thế. Một bộc lộ lo ngại và tin cậy, một chấp nhận bao dung dù hiểu hay không điều các con định làm.

Sau cùng, để chấm dứt vấn đề, tôi hứa sẽ trình bày rõ hơn qua cuốn biên khảo đang viết dở dang chương đầu. Nhưng lời hứa này làm nhớ tới một câu nói tránh của tôi khi bà hỏi về chuyện tái ngũ: tôi đã nói là chưa chắc… Thực ra, nghe giọng điệu đài phát thanh, tôi đã biết chắc lần này hai anh em rời căn nhà của mẹ, chỉ là để mặc lại những bộ quần áo trận cũ kỹ bạc mầu cất trong một hộc tủ. Và trong vài tháng nữa tất cả con trai con rể, trừ một kẻ đã là thương phế binh, sẽ mỗi đứa một phương – cho tới ngày nào chưa ai biết. Căn nhà tôn nhỏ nằm trong góc sườn đồi của lũng nghèo này của mẹ, sẽ còn lâu lắm mới có lũ con cháu vừa chạy vừa la vừa tuột dốc chạy vào. Và Tết sang năm, chắc chắn vào một ngày nào cuối tháng Chạp, người mẹ già sẽ tiếp tục bắc bếp nấu bánh chưng như thường để gửi cho các đứa con rải rác khắp nước – đã có năm đứa con Tết ở xa tận cùng cao nguyên, vẫn nhận được bánh mẹ gửi như thường. Nghĩ tới hình ảnh đó, tôi thật buồn khi từ giữa bà sáng sớm hôm sau và đột nhiên tôi nói thật lần này về cầm chắc đi lính lại – và bao nhiêu lần từ hồi nhỏ, tôi khuyên bà cứ yên tâm vì tử vi tôi rất tốt! Chẳng biết mẹ có tin bao giờ ở thứ lời bảo đảm đó không, nhưng chưa bao giờ bà khóc vào những lúc như sáng nay, trong một thời gian ngắn tiễn hai con một rể trở lại guồng máy chiến tranh đang ầm ì dữ tợn hơn bao giờ hết.

Lên tới mặt lộ cao, nhìn xuống căn nhà người mẹ khiêm tốn sau vài cây thông già, tôi thấy đã để lại nơi này nhiều dở dang. Mấy ngày hôm trước đây, tôi còn cùng các em đứng ngoài sân chỉ trỏ từ phía mà trù tính mua một miếng đất nhỏ, chung nhau làm một căn nhà gỗ cho mẹ. Một căn nhà chưa làm đã bị chiến tranh tiêu hủy rồi! Như tập sách tôi đang viết dở về vấn đề cách mạng, như một vài nỗ lực nhỏ bé đang xúc tiến thuận lợi…

Trong những ngày kế đó ở Sài Gòn, tôi cố gắng chống lại những hậu quả của những chiến trận vừa qua bằng cách duy trì vài nỗ lực nhỏ bé đã hình thành. Nhưng một sự kiện hiển nhiên xuất hiện: tôi cần phải được ở lại một đơn vị thuộc Sài Gòn mới hy vọng tiếp tục… Kinh nghiệm bản thân cho biết nếu phải túi quân trang vác vai ra đi một đường cung kiếm điêu linh nơi xa thì đừng hy vọng làm được gì khác hơn là viết thư tán vợ và thư tình cho bồ. Lo tới việc này, tôi mới chợt nhận rõ nếu trong xã hội, tôi là đứa con nổi loạn đáng nghi cần phải coi chừng và kiềm chế, thì đối với quân đội tôi chỉ là kẻ cùng đinh lạ mặt. Tôi kiếm điểm lại xa gần, chỉ thấy có một người bạn đang giữ một chức vụ cao trong binh chủng. Tới thăm, người bạn cho biết với quy tắc của thứ binh chủng ưu tú này và cấp bậc tôi có khi tái ngũ, thì chỉ có thể vác AR 15 ra đường mòn Hồ Chí Minh… Tôi cám ơn và trở về bởi vì hai năm thành phố chiến đấu bằng ngòi bút, thể xác đã già nua đi nhiều, võ nghệ binh thư xao xác, không còn đủ sức đủ tài mà đi tiếu ngạo giang hồ như thế. Như vậy chỉ còn một việc là

chuẩn bị vào guồng máy với tư cách cùng đinh lạ mặt như xưa, như bao đồng đội khác để guồng máy chiến tranh tuỳ nghi định đoạt.

Trong khi chờ đợi tới ngày giầy cỏ gươm cùn ra đi, tôi yên tâm trở lại với bè bạn tiếp tục làm việc – dù chiến trận vừa qua đã phá hủy nhiều thứ, chẳng còn gì hơn là việc duy trì tờ đặc san. Và nhiều lúc ngồi trong quán uống cà phê nhìn khói thuốc bay trên đầu bè bạn, tôi thấy rằng mình chưa phải là người quốc gia đã lâm vào tình trạng tuyệt vọng như nhiều người đã lầm tưởng… Tôi còn có thể tiếp tục mơ ước tới một xã hội mới, một nước Việt Nam mới trong đó không có những loài mối kiến hay những con lang sói, một quốc gia sau này cho phép khi chiến tranh kết liễu, lũ con trai của mẹ tôi có thể trở về, bỏ súng bỏ bút xúm nhau lại cưa gỗ rừng mà đóng cho mẹ tôi tóc bạc như sương mù một căn nhà gỗ nằm ở sườn đồi vắng hay đầu một lũng nghèo – tất cả như thế nào để các con cháu sau này có được thực sự một quê hương để trở về.

Người đứng lại

Trong những nhà văn Việt Nam, có lẽ tôi và nhà văn nữ Nhã Ca thì phải, là những người đầu tiên dùng máy chữ để viết văn. Ở Tây phương, việc sử dụng máy chữ để viết, là việc quá thường. Ở nơi tôi, việc sử dụng máy chữ phát xuất từ luật lệ Sở kiểm duyệt (mang nhiều tên khác nhau, tên chót rất hoa mỹ: Sở Phối hợp Nghệ thuật) thường đòi hỏi nhà xuất bản nhà văn phải đánh máy bản thảo làm ba bản, một bản sẽ được trả lại để in. Lợi tức như tôi hồi trẻ, máy chữ kể như ngoài tầm tay, do đó máy chữ đầu tiên sỡ hữu do một kỹ sư Pháp về, tin chắc tôi sẽ trở thành một nhà văn khá, mua tặng để khuyến khích. Máy này không trụ lâu: mẹ tôi đem bán lấy tiền đi chợ cho các em, trong một thời gian tôi vắng nhà khá lâu. Máy chữ thứ hai do một dược sĩ thích tiểu luận "*Nghĩ trong một xã hội tan rã*" của tôi, mua tặng. Kể từ máy chữ thứ ba trở đi, lợi tức tôi đã cao đủ để mua lấy máy chữ mỗi khi cần, và lúc đó tuổi đã lớn, không ai thấy cần phải giúp đỡ như hồi trẻ nữa.

Tôi thường đánh máy lấy những bản thảo của mình (ở Việt Nam cũng như ở Mỹ sau này, tiền thuê đánh máy là một khoản khá tốn), và cũng nhân dịp này sửa bản thảo lần chót. Một ngày kia tôi chợt khám phá ra bản đánh máy giống y chang bản thảo, không cần sửa, vậy tại sao không viết văn thẳng bằng máy chữ? Tôi thí nghiệm vài lần và thành công, từ đó viết thẳng bằng máy chữ, trừ thư từ cho bạn bè họ hàng. Thư viết tay thân mật hơn và cũng là dịp cho mười ngón tay nghĩ ngơi đỡ nhức vì đánh máy quá nhiều. Viết tay, như mọi thứ trò truyện với người ở xa... Và dĩ nhiên có những loại thư không thể đánh máy được, như thư tán gái hay tỏ tình với nữ nhân.

Chính vì quen sử dụng máy chữ như thế, sau này làm tạp san Thái Độ không đưa Bộ Thông tin kiểm duyệt, gọi là "báo chui," tôi mới có khả năng đánh stencil để quay ronéo tất cả, mỗi số trung bình 120 trang (trước sau ấn hành được sáu số Thái Độ và hai tập thơ), trước khi chuyển sang công khai. Nghĩa là nạp sở kiểm duyệt Bộ Thông tin như mọi đặc san khác, in typo, nhưng đang in Thái Độ công khai số 2, bộ Thông tin đã ra lệnh tịch thu tất cả. Do đó trong 21 năm tuổi thọ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam, sự nghiệp tự mình làm báo của tôi chỉ có vậy. Chưa một chính phủ nào chịu cấp cho tôi và bằng hữu một giấp phép ra báo bình thường.

Sang thập niên đầu thế kỷ 21, nhà văn nữ Thơ Thơ ở Cali đã viết một truyện tình, trong đó chàng tán nàng và tỏ tình toàn bằng email, vậy mà nàng cũng cảm động, yêu chàng, thành một truyện tình hay hẳn hoi. Hiện nay không cứ ở Mỹ, khắp thế giới, kể cả ở Việt Nam, những mối tình cyberspace là "truyện thường ngày ở huyện", không có gì đáng nói.

Sau 30 tháng 4, 1975, máy chữ bị chính quyền Cộng sản, một thứ chính quyền thô sơ, chậm tiến vào hạng nhất nhì thế giới, coi mọi máy móc thông dụng ở miền Nam, như máy ảnh, xe hơi, radio, máy quay ronéo... như dụng cụ tối tân, chỉ bè lũ tay sai của CIA mới có dùng, nên tìm mọi cách không cho tư nhân được tư hữu nữa. Cái máy chữ Olivetti xách tay của tôi được vợ cất kỹ, cho đến khi chồng được tha khỏi trại cải tại, mới lấy ra để trên bàn. Tôi không có dịp dùng quá một tuần công an khu vực đã nhòm ngó, nhưng tôi được một bạn quen trong Thành Ủy cho biết máy chữ không nằm trong danh mục chính thức cấm, nên cứ dùng tiếp, thoải mái và công khai. Nhưng, cũng như một câu nói đùa nổi tiếng thời còn Chiến tranh Lạnh: Ở Pháp người dân được phép làm mọi sự, kể cả cái bị cấm. Ở Liên Xô, cái gì cũng bị cấm, kể cả những cái cho phép...

Công an khu vực: có vai trò tương tự như cha xứ xóm đạo, cũng có phần xưng tội (thành khẩn khai báo được khoan hồng) nhưng phần giải tội thường quá mạnh: cho đi cải tạo), nghĩa là kiểm soát dân cả về phần xác cũng như phần hồn. Yêu nhau, lấy vợ lấy chồng, ngoại tình, học hành thi cử, có người đến ở tạm hay chính mình đi xa, đi lính, cải tạo hay được phục viên, tha về... cái gì cũng phải trình với công an khu vực, hay có chữ ký duyệt của chức sắc này. Cúng giỗ lớn, tiệc cưới, đám tang... đều phải mời công an khu vực ngồi vào bàn danh dự. Chức sắc này được Đảng cho toàn quyền vào nhà dân bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm. Kể từ khi có Đổi Mới, Công an được lệnh nới lỏng bớt sự kiểm soát, khống chế, nhưng không hề bỏ chế độ Công an Khu vực. Việt kiều về du lịch và thăm thân nhân ít thấy rõ mạng lưới Công an này vì thân nhân trong nước đã chạy lo trình báo, và lo lót, cúng sổ vàng thay cho ông bà Việt kiều lớ ngớ...

Cái máy chữ của tôi cũng vậy, khi tôi thông báo cho Công an Khu vực, một anh "quê Bác," là tôi có quyền có máy chữ: ra khỏi trại cải tạo một thời gian, được trả quyền công dân, đi học sư phạm bồi dưỡng, được bổ nhiệm làm giáo viên cấp 2 ở Sài Gòn, dạy cả con cán bộ, Công an cũng như "con ngụy", tính bướng bỉnh của tôi từ từ trở lại, sau những năm phải nén nó bẹp dí trong trại cải tạo. Bắt nạt không xong, anh công an đề nghị mượn tạm máy cho Phường Công an. Tôi giao hẹn cho mượn ba ngày thôi. Anh tìm cách khác, đợi lúc tôi đi vắng, đến mượn máy đánh giấy tờ gấp. Bà vợ tôi láu lỉnh bê máy chữ để ra bàn ngoài hiên, mời anh Công an cứ việc mang giấy tờ đến đánh, bao giờ xong cũng được. Công an thời đó có mấy ai biết đánh máy, anh lầm lì bỏ đi. Rồi gây áp lực bằng cách lượn qua lượn lại cả ngày lẫn đêm, thấy tôi gõ lách cách, là vào ngay hỏi: Anh đánh cái gì vậy? Mệt quá, tôi chịu thua, đưa máy chữ cho vợ mang ra chợ trời bán lấy tiền đong gạo cho các con (mua chợ đen). Y như số phận chiếc xe gắn máy Yamaha, chiếc tủ lạnh cùng các vật dụng điện khác của gia đình... Để rồi sau cùng trong nhà không còn cái gì gọi là máy móc, kể cả bút máy... Bếp nấu bằng củi, bằng mạt cưa, đèn điện khi có khi không, tôi viết bài chấm bài dưới ánh sáng ngọn đèn dầu nhỏ.

"Dân quê Bác": những cán bộ quê miền "Tam phủ", nghĩa là Thanh Nghệ Tĩnh, được gọi chung là dân quê Bác (bác Hồ). Những cán bộ loại này dân nể sợ nhất vì thường bảo thủ và khắc khe nhất. Về sau, vì không phân biệt được các giọng nói miền Trung, người viết bài này cũng như nhiều dân miền Nam cũ thấy ai "trọ trẹ" là tấn phong là dân quê Bác hết. Ai không phải, phải lên tiếng đính chính.

“Truyện thường ngày ở huyện”: tên một sách dịch từ Nga ngữ, tả đời sống thường nhật ở một huyện nào đó Liên xô, với tất cả mọi thứ trì trệ quan liêu chòng chéo phi lý và lãng phí, và dĩ nhiên cả nghèo khó và tham nhũng nữa, trong xã hội các nước xhcn. Sách được hoan nghênh và đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp Đổi Mới của Gorbachev sau này. (Rất tiếc người viết không nhớ được tên tác giả và dịch giả).

Miền Nam nói chung bị đẩy lùi lại mức văn minh Đông dương thuộc Pháp thập niên 30, thời Hồ Chí Minh về nước thành lập đảng CS, và giơ tay bắt quyết một cái, giống như một bà tiên ác gõ cái đũa thần một cái, là mọi sự bị freezed, đóng băng, không biến đổi nữa, nên khi được đến Mỹ năm 1987, khi được trở lại Đại học, tôi vội vàng ghi danh học đánh máy chữ điện rồi chuyển sang computer nhập môn. Chẳng vội cũng không được vì khoảng một năm sau, dù chỉ là một trường đại học cộng đồng, các giáo sư bắt đầu thôi không nhận bài viết tay nữa. Ai chưa có máy chữ, vi tính, xin mời vào trường làm bài. Và tôi cũng vội, một cách thích thú, coi phim, sách báo... để cập nhật hóa kiến thức phổ thông vì sống sau bức màn tre, giống như sống trong một cái hũ bị đút nút kín, không còn biết thế giới bên ngoài ra sao. Thậm chí sau một cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, tôi hỏi hoài không ai biết người trúng cử là ai. Mãi về sau nghe đài phát thanh chửi “thằng Ri-gân” ầm lên, mới hay...

Nhờ đi học như thế, vài năm trước khi bị stroke, khi viết xong bài văn, tôi biết save thêm vào floppy disk, cùng với một bản in sẵn, gửi cho chủ biên các báo chí. Đúng lúc và kịp thời vì tòa soạn các báo cũng tiến bộ cùng nhịp với hiện tượng hiện đại hóa của ngành computer và in ấn. Không chơi trò thủ công, manual nữa. Ai không chịu học vi tính, hay quá tuổi để học, đều phải nhờ người khác đánh hộ bài vào máy vi tính.

Khi đang học một đại học 4 năm, một ông thầy thấy cô sinh viên châu Á vợ tôi mặt mũi hiền lành dễ thương, liền nhờ dạy và kèm computer cho ông. Vợ tôi nể thầy đang dậy mình, bèn nhận lời dạy... thày! Sau hối hận vì ông thày này nhờ Học vụ, biết rõ thời khóa biểu của vợ tôi. Bất cứ khi nào tắc, và mới học ách tắc xẩy ra thường xuyên, lại thấy ông thày tóc tiêu muối thò đầu vào lớp mình đang học, ra dấu cầu cứu. Đành phải đeo túi sách lên vai ra đi cứu nguy cho thầy. Nàng thề với tôi là không bao giờ nhận dạy hay kèm thầy nữa.

Nghe nói tổng thống Bush (cha) khi còn tại chức, phải nhờ người dạy vi tính nhập môn. Chắc vì ông đã già và người dậy không phải là một cô sinh viên tập sự xinh và sexy như cô Monica, nên không có ồn ào sex scandal như thời tổng thống Clinton trẻ tuổi và đẹp trai, để những truyện riêng tư giữa nam nữ như nàng... cho tổng tư lệnh quân đội Mỹ... được mang ra lưỡng viện thảo luận, cân nhắc công khai từng giọt tinh khí, để cả thế giới cùng nghe và coi ké. Thế mới gọi là công khai dâm ô, chứ làm tình ngoài công lộ công viên, như dân thường làm ở khắp thế giới, thấm vào đâu...

Rồi chẳng mấy lúc đã đến thời internet và email. Thắc mắc bất cứ điều gì, người ta vào Net trước đi một một đường search, trước khi mở bất cứ tự điển bách khoa nào. Người ta ít viết thư tay đi, thay bằng gửi email, vừa nhanh lại vừa tránh được mục tem, bưu điện. Và còn hơn thế nữa.

Vào thời kỳ mới tới Mỹ định cư, tôi được đọc một giai thoại như sau: Chàng đi công tác xa bên kia lục địa Mỹ, nhớ nàng ở nhà, điện thoại bảo anh nhớ cái đó của em lắm, giá được coi lại một phút xem “*cỏ trên mình mẩy em sầu ra sao*” (Bùi Giáng)... Nàng ngưng làm việc, đóng cửa phòng lại, cởi quần lót ngồi gác hai chân lên bàn làm việc, lấy máy ảnh polaroid chụp vài tấm, bỏ vào máy fax gửi cho chàng dễ dàng, nhanh chóng. Bây

giờ, thời đại của vi tính và kỹ thuật số, nàng không phải lỉnh kỉnh vất vả như thế nữa, chỉ việc căn bộ phận thâu hình hướng về hạ bộ rồi vén váy lên, thế là xong. Chàng được coi live hẳn hoi và muốn có chút âm thanh phụ đề, cũng có ngay (dùng cell phone cũng được nhưng hình ảnh không được rõ vì nhỏ quá).

Không phải chỉ ở Mỹ mới thế: ở Bắc Kinh, Hà Nội, Sài Gòn, Tokyo, Seoul... bây giờ cũng vậy. Người ở Việt Nam có thể gửi cả bản văn đấu tranh, văn chương "chui" ra nước ngoài (chiều ngoài vào hay gặp "bức tường lửa" của Công an). Tất cả thế giới xôn xao xì xào đủ truyện và nói chuyện liên lục địa xuyên đại dương, trừ tôi. Vâng, đúng thế, trừ tôi.

Tôi khựng lại, đứng lại tại chỗ vì nhiều lý do. Trước hết đời sống ở xã hội Mỹ chuyển vận với tốc độ cao trong một guồng máy tân tiến, sự kiện ấy không xa lạ gì với nhiều người. Hậu quả đầu tiên là hầu như ai cũng bận rộn, thiếu thì giờ cho mọi sự. Thậm chí hẹn với bồ buổi trưa, cũng phải timing từng năm phút một. Đến được thềm bắn, là lo khai hỏa ngay, mặc vội lại quần áo, rồi nam hay nữ đi như chạy tiếp vào guồng máy... Đến Mỹ được mười mấy năm, tôi đã lạng lách để tìm một sự quân bình giữa tất cả và cho tất cả. Trong thời gian làm giáo dục và dư học ở Việt Nam, tôi chỉ đọc sách và báo VN, coi TV Việt... Nhất định không coi sách báo Mỹ hay nghe đài CNN hay BBC. Khi ở Mỹ, tôi làm ngược hẳn lại. Đỡ phần tâm phân trí mệt mỏi. Tôi có thời gian để làm điều phải làm (tất nhiên), thời gian thư giãn để coi TV, coi movie (thuê ở tiệm hay cable), đọc báo Mỹ hàng ngày buổi sáng, đọc Playboy, Penthouse, đọc các tạp chí văn nghệ văn học Việt hải ngoại, nhất là đọc sách truyện cả Anh Pháp lẫn Việt (tôi vẫn thích đọc sách Việt nhất, của hải ngoại cũng như nội địa). Rồi còn thì giờ nghe nhạc Việt và quốc tế, nói chuyện với vợ con, nựng các cháu và nhìn chúng chơi đùa, đứa nào cũng xinh và dễ thương (xin phép được chủ quan một chút vì nói tới các cháu mình, khó ông bà nào khách quan...) Còn làm vườn trồng hoa, đi chơi đi ăn du lịch xa gần, kể cả Reno, Las Vegas, Paris, Việt Nam... chưa kể những chỗ lặt vặt như thăm hội hoa, sòng bạc Da Đỏ (bao giờ cũng bỏ cái cell phone ở nhà... vì may quá, tôi không phải là tổng thống Mỹ...)

Đời sống quân bình và nhiều tiếng cười, những lúc vui nhiều hơn là buồn phiền (chứ không phải là không có buồn phiền, vì buồn phiền là mặt bên kia của vui). Trong cả cuộc đời đã dài, chưa bao giờ tôi có thời gian nào nhiều sung sướng như kể từ khi đến Mỹ định cư. Bây giờ có anh Net cô email ở đâu đòi nhảy vào, đòi hỏi một số thời giờ hơi nhiều mỗi ngày. Tôi bớt đi những mục nào đây để dọn giờ cho hai vị mới tới này? Tôi đang thấy đời mình đầy đủ, đâu cần thêm cái chi mới đâu? Bớt thì giờ chơi với vợ? không có tôi. Bớt thì giờ chơi với các cháu, coi các cháu chơi thì đúng hơn, cũng không có tôi. Bớt thì giờ nói truyện tầm phào với các con khi gặp, không có tôi nốt. Bớt thì giờ tụ họp vài bạn thân uống bia, cà phê, bàn truyện thời xưa (như Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm có phải là người bất lực như ông Liễu Hạ Huệ bên Tầu không), truyện thời nay như quân Mỹ rượt theo Bin Laden bao giờ mới bắt được, cô Madonna hôn môi cô Britney Spear trước công chúng để bàn giao sứ mệnh văn học nào đây... Hay bớt thì giờ ngồi viết văn đi, càng không ổn nữa vì viết văn là một thứ hobby khó bỏ, ai đã dính vào, dám là xuốt đời luôn. Viết văn, là nghề tự mình chọn nhưng cũng là nghiệp, là karma...

Đang ngần ngừ cân nhắc về email thì một bà bạn tới than phiền. Bà này không phải nữ nhân tầm thường, bà là kỹ sư điện tử, chuyên viên điều chỉnh những thứ tối tân hiện đại của quân lực Mỹ. Có đêm đang ngủ với chồng, bà bị MP đến gõ cửa mời đi gấp, bay thẳng đến một mẫu hạm vùng biển San Diego để sửa, điều chỉnh nhiều thứ. Mẫu hạm này đang tiến về Seattle, nhưng đợi đến nơi mới sửa, không kịp giờ xuất quân sang

vùng Vịnh. Bà đã ở luôn trên mẫu hạm đang chạy mà làm việc. Và buổi tối ở nhà, nếu trời trong mây tạnh, bà không ngồi uống trà với chồng, mà ra một phòng riêng trống trải, dùng viễn vọng kính quan sát các vì sao chổi, đổi ngôi... Một nữ nhân như vậy mà phải than khổ vì email, mỗi sáng phải lúi húi vứt vào thùng rác biết bao junk mail điện tử, dĩ nhiên không thiếu porn mail. Rồi những cãi vã, tranh luận đủ loại đủ kiểu (người Việt không phải chỉ dân Quảng Nam mới hay cãi). Tôi có ông bạn làm chủ biên chuyên môn về stroke, nghĩa là bị hết cơn lớn đến cơn nhỏ, vẫn còn vẽ được và đi trên hai chân đàng hoàng, cũng phải lên tiếng năn nỉ các ông hội đoàn đấu tranh đủ loại, làm ơn làm phúc bỏ địa chỉ email tờ báo ra ngoài danh sách những nơi nhận...

Cứ nghe thế là đủ ớn rồi. Còn internet, các lời than phiền được nghe còn ghê hơn: Net như một thứ ma túy, mắc vào là mê, khó mà rời được computer. Đi làm về, là chúi đầu vào computer, ngồi thiền trước máy, không phải một tiếng mà bốn năm tiếng một ngày là thường. Tôi được đọc trên một tạp chí một truyện như Liễu Trai: một ông khoe có lần thức tới 2 giờ sáng với tri kỷ, quên cả bà vợ nằm trên giường. Và không thiếu những bà vợ ăn nem, cũng có partner trên cyberspace. Lành mạnh như cô tài tử Meg Ryan, vậy mà cũng có lần yêu say sưa qua computer, trong phim *You got mail*. Tự xét mình đã hai thứ tóc mà vẫn còn giữ óc tò mò của một đứa trẻ, tôi đã vào Net, cái gì cũng muốn coi một chút, biết ngày nào ra... Và nhất lại là không phải là cái thứ Liễu Hạ Huệ, tôi không ngại nghé mắt nhòm những cô con gái nhà nghèo (mặc ít vải vì ít tiền mua), và nếu có gái vô sản (nghèo quá không tiền mua vải), càng tốt, (chắc tôi không tắt máy đi ngủ như những ông bà đạo đức thật/giả mong muốn, để "giữ cho mình đậm đà bản sắc dân tộc," như trong nước hô hào.)

Liễu Hạ Huệ: điển tích Trung Hoa: Một buổi tối ông Liễu Hạ Huệ đang ngồi đọc sách một mình, có một nàng quần áo toàn màu đỏ xin vào ngủ nhờ. Nhưng nàng không chịu nằm trên giường, cứ ngồi lên lòng LH Huệ. Ông này tỉnh bơ đọc sách tiếp. Đêm đó khu phố bị cháy, Huệ nằm mơ thấy nàng áo đỏ hiện ra, bảo: Ta là bà Hỏa đây, đêm nay có nhiệm vụ đốt khu người. Nhưng thấy ngươi đứng đắn, ta tha cho. Sáng ra thấy toàn khu bị cháy tiêu, trừ nhà Liễu Hạ Huệ.

Những nhà nho thiển cận thường dùng điển tích này để đề cao những kẻ sĩ đứng đắn, không để ý tới ý nghĩa thứ hai là: bà Hỏa thấy còn trẻ như LHH mà đã bị liệt dương, tội nghiệp quá (mất bao nhiêu lúc vui và còn vô hậu vi đại), nên thương hại không đốt nhà. Kể ra "đứng đắn" được như Liễu Hạ Huệ, Việt Nam chắc chỉ có được hai người là Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm...! Nhưng hai ông này không có nhà riêng, khỏi lo cháy...

Tôi còn đang phân vân như thế, lên Net hay không, email hay không email, cho hiện đại hóa cập nhật hóa "kịp tầm thời đại," một cơn tai biến máu não đã ập tới, nhận chìm tất cả trong một biển rong rêu quấn chân quấn tay, mê muội và sáng suốt lẫn lộn, vùng vẫy để sống còn trước đã. Đến khi tỉnh ra được một chút, vèo một cái thời gian đã đi qua vài ba năm.

Bức tường

Thời gian vài ba năm đã qua ấy, tôi điểm bước đi của thời gian ít bằng những tấm lịch, mà bằng các mùa hoa nở khác nhau. Khi thấy hoa crocus lủn xủn hai màu tím vàng tươi trên mặt đất thẫm màu trong vườn, là biết mùa đông sắp qua. Khi hoa đào nở hồng tinh khôi, là mùa xuân đến. Miền tôi ở các thành phố trồng hơi nhiều đào, dân trồng trong vườn một vài cây, thành phố trồng hàng dãy dài ven lộ. Ngồi trong xe hơi vẫn còn phải để máy sưởi, tôi nhìn thấy hoa đào nở tại những chỗ bất ngờ: ngày thường bị thông tùng đủ loại che khuất, đến mùa xuân mới có áo hồng nổi bật trên nền lá xanh đen. Sau

màu hồng hoa đào, đến màu vàng tươi của daffodil, một thứ hoa được lòng cả nhà nên nhà ở đâu cũng trồng ít nhiều cùng tulip. Hồi trẻ, trước 1975, xem phim *Bác sĩ Zhivago*quay theo truyện cùng tên của nhà văn Liên Xô, tôi cùng mấy đứa em gái say sưa cảnh nàng Sonia bụng bầu đi giữa cả ngàn hoa vàng đu đưa trong mùa xuân. Sau này sang được Mỹ coi lại phim này mới hiểu nhiều điều xưa không hiểu: trước hết thảm hoa vàng ấy là hoa daffodil và thời đó gia đình Zhivago phải xin hồi hương quê vợ lập nghiệp nông tang, ở lại thành phố Moscow, Zhivago bị đưa đi trại tập trung cải tạo là chắc chắn, theo diện vừa là trí thức vừa là thi sĩ, chưa kể cái gốc địa chủ rõ ràng.

Hoa hồng nở vườn trước vườn sau là mùa xuân đã đến thật sự, nghênh ngang với mầm lá chồi mới nõn nà. Còn hoa hồng đẹp, biết rồi, nhưng có vài thứ hoa hồng khi chưa mãn khai, nhìn chăm chú vào lòng hoa, như mường tượng được nhìn vào đường vô thiên thai một người nữ trẻ. Công ty quần áo lót phụ nữ Victoria Secret có lần trưng cuối gian hàng một bức hình chụp thật lớn phía bên trong một bông hồng, trông gợi tình gợi dục một cách tài hoa. Còn khi nào thứ hoa biểu tượng của tiểu bang WA xuất hiện, là hoa có tên dài lắm, thường được gọi tắt rhodo nhiều màu xuất hiện một cách tưng bừng, phô trương không biết ngượng, là thời tiết đã ấm lên của tháng Tư rồi tháng Năm.

Chính vào khoảng thời gian đó, lần đầu tiên từ khi gục xuống vì tai biến máu não, tôi ngồi trở lại trước computer quen thuộc, định viết một đoản văn. Tôi ngồi trước computer. Im lặng. Không nhúc nhích. Một phút năm phút mười phút... trôi qua, tôi vẫn không nhúc nhích một ngón tay. Tôi còn năm ngón của bàn tay trái cử động bình thường, nhưng chúng vẫn lặng lẽ trên bàn phím. Lý do thật giản dị: chủ chúng, tôi, không biết cách bật computer chỗ nào, chứ đừng nói sử dụng. Toàn bộ hệ thống trơ ra im lìm. Tôi cố ráng nhớ, nhưng não bộ lặng thinh, để tôi ngồi trơ ra đó trước một bức tường bí mật không nói năng.

Tôi cầu cứu đứa con, nó đến gần đọc từng bước cho tôi làm. Nhưng còn đóng, tắt máy... là làm sao? Nó bảo bố cứ làm ngược thứ tự lại là xong. Ngược lại hả, ngược lại là thế nào, óc tôi ì ra ngẩn ngơ không hiểu. Con lại kèm từng bước. Nhưng khi nó đi, tôi thử mở máy một mình: không được. Bức tường lại hiện ra, câm nín trở lại. Sau cùng các con phải viết cho bố già một handout chữ lớn, để thường trực bên cạnh bàn phím. Nhưng mọi sự không ổn, là không ổn đâu đây. Thí dụ năm ngón của bàn tay trái bây giờ phải bao sân cả bàn phím, như thế nào đây? Vấn đề phải giải quyết cách khác thôi, nếu không thì cuộc đời viết văn chấm dứt từ đây. Tôi có thể viết tay trái nhưng là những thư ngăn ngắn cho bạn bè, viết quá một trang chữ, là mệt rồi.

Tôi nhớ lại trong thời gian nằm bệnh viện, có lần được đưa tới một computer đặc biệt có bàn phím dài phía tay trái để tôi tập lại, trong chương trình phục hồi chức năng. Tôi từ chối không tập, viện lẽ bây giờ nhập tâm thêm một keyboard mới, dễ làm cho óc rối loạn vì vướng bàn phím cũ quen thuộc bao năm -- lúc ấy tôi còn tin tưởng chỉ một hai năm tập luyện, là khôi phục được tay phải. Thấy tôi không chịu học, bà huấn luyện viên chua chát và dịu dàng nói: Có thể phục hồi tay phải như ông ước mong, nhưng cũng có thể liệt luôn xuốt đời...

Bây giờ thì tôi biết bà huấn luyện viên nói đúng, nói thật. Tôi quyết định trở lại bệnh viện để học thứ keyboard một tay năm xưa, nhưng sau khi khảo sát sơ bộ, bà chuyên viên của Rehab phán ngay: Theo trị liệu mới nhất, kể từ nay chỉ dạy keyboard một tay cho những người trẻ tuổi cụt tay vì tai nạn. Còn những người trên 60 bị tai biến mạch máu não, chỉ ôn tập cho họ thứ keyboard cũ, cho tới khi nào họ nhớ lại. Tránh làm cho não

confused rối loạn thêm. Sau đó bà chỉ cho... vợ tôi cách setting ra sao để cho tôi đỡ vất vả một chút. Bà bảo: chị nhấn năm lần chỗ này, bốn lần chỗ kia rồi cạch cạch hai cái... là xong. Vợ tôi gật đầu, ghi ra giấy để về nhà thực hiện, còn tôi trước sau như một, trước không hiểu gì, sau thì ù ù cạc cạc.

Cá nhân tôi thiếu gì khuyết điểm lớn cũng như nhỏ, nhưng bù lại có được chút lòng kiên nhẫn, biết học chịu đựng điều không thể chịu đựng được (hình như câu này của Nhật hoàng thời chiến tranh thứ II). Trong khá nhiều ngày, tôi vừa tập đánh máy một tay vừa tập động não trở lại, mỗi ngày được nửa trang rồi một trang. Dần dần não bộ ra khỏi tình trạng bảo tử, cocoon, năm ngón trái tập dần bao sân cho mười ngón năm xưa. Thấy năm ngón, lại của bàn tay trái, bao sân kiểu một làm việc bằng hai, quá vất vả nên tôi không nỡ ép chúng viết tiếng Việt có dấu. Tôi dần dần sản xuất được những bài văn vụng về hời hợt, như không phải của anh chàng T.U. năm xưa. Đã thế lại còn bỏ dấu tay nữa, làm các chủ biên phải kiếm người đánh máy lại mới có thể in ra. Tuy thế mấy vị này thường tỏ ra thông cảm, chịu khó đăng đều đều để khuyến khích... mầm già văn nghệ. Và cũng để hi vọng sự phục hồi sẽ khá hơn nữa, với thời gian qua thêm.

Con cọp và con báo

Dần dần mọi sự khá dần lên thật, nhưng khá tới đâu tôi không tìm hiểu, so sánh trước/sau before/after làm chi. Còn viết ra văn, bài còn được đăng trên những báo văn học đứng đắn, thế là đủ vui rồi và đáng viết tiếp. Còn tương lai, như một lời ca phổ thông của châu Mỹ: *Que sera sera... Whatever will be will be*... Biết ra sao ngày sau... Tôi vẫn còn nhớ một câu chuyện anh huynh trưởng kể hồi còn là sói con: Có con cọp về già, nó đâu có biết thế, cho đến khi vồ hụt con mồi đầu tiên. Nó buồn, buồn hơn năm phút nhiều, rồi lại đi săn mồi tiếp vì có ai kiếm đồ ăn cho cọp đâu, trừ phi vào sống trong một Sở Thú của loài người. Nhưng kể từ nay cọp tránh vồ chụp những con thú chạy nhanh và kiên nhẫn rình mò những con nhỏ, chậm chạp.

Khi nào cọp già quá thì tà tà đi vào nghĩa địa cọp, nằm chờ cái chết. Đừng ai hỏi nghĩa địa cọp ở đâu vì người viết chỉ được biết nó không cách xa nghĩa địa voi là mấy. Còn nghĩa địa voi ở đâu, xin hỏi nơi mấy huyền thoại Phi châu da đen.

Nhà văn Mỹ Ernest Hemmingway kể rằng có lần leo núi Kilimanjaro cao nhất Phi châu, thấy một chú báo đen nằm chết ở độ cao 3000m, ông tự hỏi chết đâu chẳng được, tại sao báo đen lại cầu kỳ dùng hết sức tàn leo lên tới tận độ cao như thế, để chết. Đây là một thứ công án thiền kiểu Mỹ, ai muốn giải ra sao, tùy ý. Phần tôi, tôi biết hiện nay có hơi nhiều Việt kiều già và có tiền đang đi rà rà khắp nước Việt Nam, để kiếm một nghĩa địa voi cho chính mình. Chẳng biết có vị nào lên sườn Ba Vì, Lang Biang hay Hoàng Liên Sơn cho mát mẻ hay không đây... Phần tôi, người đang đứng lại, nghỉ ngơi nhìn ngắm giòng chảy ào ào của mọi tối tân hóa hiện đại, chắc tôi sẽ chọn như mẹ tôi, nghĩa là chết đâu chôn đó, gần gũi nơi con cháu định cư nơi miền đất mới. Chọn chỗ nào cảnh đẹp cây cao bóng mát để cho con cháu sau này có thể tổ chức đi thăm mộ ông nội như một chuyến picnic. Tôi khoái mấy đứa cháu, chút và chít nữa, chạy nhảy trên mộ tôi vui vẻ, như bây giờ vẫn leo lên cổ lên vai ông...

Tháng 5, 05 Bothell.